

Số: /BC-UBTVQH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo xin ý kiến các Đoàn ĐBQH,
HDDT, các Ủy ban của Quốc hội

BÁO CÁO
**Giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Trật tự,
an toàn giao thông đường bộ**

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội

Tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH) đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (đã có 133 lượt ý kiến phát biểu: 105 ý kiến tại tổ, 28 ý kiến tại Hội trường và 01 ĐBQH gửi ý kiến). Trên cơ sở ý kiến của các vị ĐBQH, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh (UBQPAN) phối hợp với Cơ quan soạn thảo, các cơ quan của Quốc hội và các cơ quan hữu quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và xây dựng dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý. Chính phủ đã chỉ đạo, Bộ Công an, Bộ Y tế đã nghiêm túc thực hiện các yêu cầu trên, tổ chức nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, tổ chức điều tra xã hội học, khoa học về “**Tác hại của rượu, bia đối với người tham gia GTĐB**”. Thường trực UBQPAN đã gửi Công văn lấy ý kiến các cơ quan của Quốc hội và Viện Nghiên cứu lập pháp về dự thảo Luật sau khi tiếp thu, chỉnh lý; báo cáo Phó Chủ tịch Quốc hội về công tác tiếp thu, giải trình, chỉnh lý và một số nội dung lớn của dự thảo Luật.

Thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo Quốc hội, ngày 09/01/2024, Thường trực UBQPAN có văn bản số 1612/UBQPAN15 đề nghị Chính phủ có văn bản báo cáo UBTVQH về các nội dung: (1) Báo cáo kết quả thực hiện quy định về hành vi cấm “**Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn**” tại khoản 6 Điều 5 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019; (2) báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 73/2022/QH15 về thí điểm đầu giá biển số xe ô tô; (3) báo cáo, đề xuất về quy định điểm, điểm trừ của giấy phép lái xe; (4) báo cáo, đề xuất phân hạng Giấy phép lái xe cho phù hợp với Công ước Viên về giao thông đường bộ năm 1968 và thực tiễn của Việt Nam; (5) Báo cáo, đề xuất về Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ. Đồng thời, có báo cáo đánh giá tác động đối với các nội dung đề xuất nêu trên. Chính phủ đã gửi Báo cáo số 104/BC-CP ngày 14/3/2024 báo cáo tiếp thu, chỉnh lý một số nội dung lớn trong dự án Luật TTATGTĐB, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách mới trong dự án Luật TTATGTĐB.

Dự thảo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (TTATGTĐB) sau khi tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý đã được báo cáo UBTVQH tại Phiên họp thứ 31 (tháng 3/2024), trình Hội nghị ĐBQH hoạt động chuyên trách (tháng 3/2024) và gửi xin ý kiến các Đoàn ĐBQH,

Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan hữu quan liên quan theo quy định.

So với dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6, dự thảo Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý có 9 chương, 88 điều, số chương giữ nguyên và tăng 07 điều do bổ sung 04 điều mới¹; gộp 04 điều thành 02 điều²; tách nội dung của một số điều thành 05 điều khác³. Dự thảo Luật sau khi được tiếp thu, chỉnh lý đạt được sự đồng thuận cao giữa cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo.

UBTVQH xin báo cáo Quốc hội kết quả giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự cần thiết ban hành Luật

Hầu hết ý kiến nhất trí sự cần thiết ban hành Luật TTATGTĐB. Một số ý kiến băn khoăn về việc tách Luật Giao thông đường bộ (GTĐB) năm 2008 để ban hành Luật Đường bộ và Luật TTATGTĐB.

UBTVQH nhất trí ban hành Luật TTATGTĐB như ý kiến của hầu hết ĐBQH và cho rằng: Việc xây dựng Luật TTATGTĐB và Luật Đường bộ phù hợp với chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Đảng⁴, đáp ứng yêu cầu thực tiễn khách quan với mục tiêu quan trọng nhất là bảo đảm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân khi tham gia giao thông, xác định cụ thể cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm chính về TTATGTĐB; phát triển, quản lý hạ tầng giao thông và vận tải đường bộ để thích ứng với sự phát triển của kinh tế, xã hội, khoa học, kỹ thuật, hướng tới phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, vận tải đường bộ hiện đại, đồng bộ, an toàn, chất lượng; qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong việc bảo đảm an ninh, TTATGTĐB và quản lý hạ tầng giao thông, vận tải đường bộ.

2. Về tính thống nhất với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính khả thi của dự thảo Luật

Một số ý kiến đề nghị rà soát các luật liên quan và không quy định lại

¹ Gồm: Điều 36 - Biển số xe, Điều 37 - Đấu giá biển số xe, Điều 57 - Điểm của giấy phép lái xe, Điều 84 - Quy giảm thiểu thiệt hại tai nạn GTĐB.

² Gộp Điều 57 - Bảo đảm TTATGTĐB trong vận chuyển hành khách bằng xe ô tô và Điều 58 - Trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển hành khách thành Điều 44 - Bảo đảm TTATGTĐB đối với xe ô tô vận chuyển hành khách; gộp Điều 39 - Bảo đảm TTATGTĐB trong vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô và Điều 59 - Trách nhiệm của người lái xe vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô thành Điều 48 - Bảo đảm TTATGTĐB đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa.

³ Điều 7 - Giáo dục kiến thức pháp luật về TTATGTĐB (tách ra từ Điều 6); Điều 34 - Phân loại phương tiện (tách ra từ Điều 3); Điều 68 - Di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông (tách ra từ Điều 63); Điều 70 - Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh trật tự, xử lý vi phạm TTATGTĐB, hệ thống kiểm soát tải trọng, khổ giới hạn xe trên đường bộ (tách ra từ Điều 64); Điều 74 - Trung tâm chỉ huy giao thông (tách ra từ Điều 67).

⁴ Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGTĐB trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ: “Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về giao thông theo hướng quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông gắn với bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng, ban hành Luật TTATGTĐB và Luật Đường bộ để cụ thể hóa một bước định hướng trên”.

những nội dung đã được quy định trong luật khác như Luật Công an nhân dân, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Phòng, chống cháy, chữa cháy và Luật Dân sự, Luật tố tụng Hình sự, Luật Kinh doanh bảo hiểm...; đề nghị rà soát, đối chiếu các điều 68, 75 và 76 với các quy định của pháp luật về cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác của pháp luật; đề nghị rà soát các quy định cho phù hợp Công ước viên, nhất là quy định quy tắc tín hiệu đèn giao thông. Một số ý kiến đề nghị cân nhắc một số quy định để bảo đảm tính khả thi (được nêu tại các mục cụ thể).

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, đối chiếu với quy định của các luật liên quan, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để đảm bảo tính thống nhất, tính phù hợp của các quy định trong dự thảo Luật.

3. Về tên gọi và bố cục của dự thảo Luật

3.1. Về tên gọi của Luật

Có ý kiến đề nghị đổi tên luật thành “Luật Trật tự, an toàn đường bộ” hoặc “Luật Giao thông đường bộ” để thể hiện tính bao quát hơn; ý kiến khác đề nghị đổi tên luật thành “Luật tham gia giao thông đường bộ”.

UBTVQH xin báo cáo như sau: Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội khóa XV đã thống nhất tên gọi của dự án Luật là “Luật TTATGTĐB”. Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGTĐB trong tình hình mới đã yêu cầu xây dựng, ban hành Luật TTATGTĐB và Luật Đường bộ. Tên gọi Luật TTATGTĐB phù hợp với phạm vi, nội dung điều chỉnh của Luật, cụ thể điều chỉnh về: Quy tắc GTĐB; phương tiện GTĐB; người điều khiển phương tiện tham gia GTĐB; chỉ huy, điều khiển GTĐB; tuần tra, kiểm soát về TTATGTĐB; giải quyết tai nạn GTĐB; quản lý nhà nước về TTATGTĐB. Do đó, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên tên gọi của Luật theo dự thảo Chính phủ trình.

3.2. Về bố cục của dự thảo Luật

- Có ý kiến đề nghị sắp xếp lại Chương V và Chương VI cho phù hợp hoặc gộp Chương V và Chương VI thành một chương.

UBTVQH xin báo cáo như sau: Các quy định về tuần tra, kiểm soát về TTATGTĐB nhằm phòng ngừa, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về TTATGTĐB và vi phạm pháp luật khác (Chương V) và chỉ huy, điều khiển giao thông nhằm chỉ huy, hướng dẫn điều khiển giao thông trật tự, an toàn (Chương VI) là 2 chính sách lớn, độc lập trong bảo đảm TTATGTĐB. Các quy định về tuần tra, kiểm soát GTĐB và chỉ huy, điều khiển giao thông tuy có cùng chủ thể tiến hành, mục đích nhưng biện pháp, địa bàn, nội dung quản lý có tính chất, đặc thù riêng. Hai chính sách trên là hai lĩnh vực chuyên sâu, độc lập do lực lượng Cảnh sát giao thông (CSGT) tiến hành đã có tác dụng tích cực, hiệu quả rõ rệt, góp phần làm tốt công tác quản lý nhà nước về TTATGTĐB hàng chục năm qua. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại hai chương này; đồng thời, có điều chỉnh bố cục, nội dung của từng chương như trong dự thảo Luật đã tiếp

thu, chỉnh lý.

- *Có ý kiến cho rằng, các Điều 27, 28, 30 và 31 (nay là Điều 28, 29, 31, 32 dự thảo đã chỉnh lý) là những quy định liên quan đến bảo đảm TTATGTĐB, không phải quy tắc GTĐB đề nghị sắp xếp cho phù hợp.*

UBTVQH xin báo cáo như sau: Các quy định của dự thảo luật tại Điều 27 (trường hợp chở người trên xe ô tô chở hàng) và Điều 28 (xe kéo xe và xe kéo rơ moóc) là những quy định về quy tắc giao thông để bảo đảm an toàn trong tình huống khẩn cấp (phòng chống thiên tai, dịch bệnh, khẩn cấp,...); Điều 29 (người đi bộ, người khuyết tật...), Điều 30 (người điều khiển, người ngồi... trên xe đạp) là quy định cụ thể về quy tắc cho người tham gia giao thông đảm bảo an toàn. Mặc dù các quy định này đều nhằm mục đích bảo đảm TTATGTĐB, nhưng để quy định trong chương về quy tắc giao thông (Chương II) là phù hợp. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại các điều trên trong dự thảo Luật.

- *Có ý kiến đề nghị chuyển toàn bộ các điều từ Điều 39 đến Điều 48 (nay là Điều 43 đến Điều 53 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý) sang một chương mới về bảo đảm TTATGTĐB đối với hoạt động vận tải.*

UBTVQH xin báo cáo như sau: Các quy định từ Điều 39 đến Điều 48 trong dự thảo Luật do Chính phủ trình đều quy định về bảo đảm TTATGTĐB đối với hoạt động vận tải, chủ yếu gắn với điều kiện của phương tiện vận tải, nên quy định trong cùng một chương về phương tiện GTĐB (Chương III) là phù hợp. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát các điều luật nêu trên và các điều luật khác có liên quan đến hoạt động vận tải ở chương khác để quy định tập trung trong Chương III bảo đảm tính thống nhất về bố cục; chỉnh sửa tên điều và nội dung các điều cho phù hợp theo thứ tự từ Điều 43 đến Điều 53 trong dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý⁵.

- *Có ý kiến đề nghị Chương V chỉ quy định nội dung, hình thức, phương tiện, lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát, còn các nội dung liên quan đến người điều khiển phương tiện tham gia GTĐB chuyển sang Chương IV và chuyển Điều 65 sang Chương IV, đồng thời rà soát Điều 58, Điều 59 để bổ sung điều chỉnh cho phù hợp*

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát quy định tại Chương IV và Chương V để quy định cho phù hợp với nội dung điều chỉnh của từng chương, bảo đảm rõ ràng, minh bạch. Còn đối với nội dung tại Điều 65 (nay là Điều 71) quy định quyền và trách nhiệm của người điều khiển phương tiện tham gia GTĐB trong trường hợp khi dừng phương tiện theo yêu cầu của lực lượng tuần tra, kiểm soát để bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp và quy định ở Chương V để thuận lợi cho người dân, cho người thi hành công vụ nghiên cứu và áp dụng, triển khai trong thực tiễn. Còn tại Điều 58 (nay là Điều 44), Điều 59 (nay là Điều 48) thể hiện trách nhiệm

⁵ Theo đó, chỉnh lý tên điều, số điều như sau: Điều 39 thành Điều 48, Điều 40 thành Điều 52, Điều 41 thành Điều 49, Điều 42 thành Điều 50, Điều 43 thành Điều 43, Điều 46 thành Điều 45, Điều 47 thành Điều 51 và Điều 48 thành Điều 53.

của người lái xe khi vận tải hành khách, hàng hóa phải thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động vận tải. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị đưa khoản 13 Điều 78 về Chương I và quy định thành một điều riêng về hợp tác quốc tế

UBTVQH xin báo cáo như sau: Hợp tác quốc tế về TTATGTĐB là một nội dung của công tác quản lý nhà nước về TTATGTĐB. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên nội dung như dự thảo Luật và điều chỉnh thứ tự từ Điều 78 thành Điều 85.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào Chương VI các quy định về thẩm quyền tổ chức giao thông tại các tuyến đường nhằm đảm bảo phù hợp với sự phân cấp quản lý hiện nay.

UBTVQH xin báo cáo như sau: Công tác tổ chức giao thông thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật Đường bộ, cho phép không bổ sung trong dự thảo Luật này để tránh chồng chéo về phạm vi điều chỉnh. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định điều chỉnh về quy tắc GTĐB đối với người đi bộ; bổ sung quy định về trách nhiệm của các ngành, các cơ quan liên quan trong đảm bảo an toàn giao thông đối với học sinh; bổ sung quy định ưu tiên nguồn lực đầu tư hiện đại hóa các lực lượng bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nói chung và lực lượng CSGT nói riêng để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho yêu cầu thực hiện nhiệm vụ này; bổ sung các quy định tăng khả năng phòng vệ chính đáng để bảo đảm tính mạng, hình ảnh cho các lực lượng kiểm soát giao thông nói chung và CSGT nói riêng

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý các nội dung trên vào các điều luật cụ thể trong dự thảo Luật cho phù hợp, bảo đảm tính khả thi.

II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về những quy định chung (Chương I)

1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

- Nhiều ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát các nội dung trong dự thảo Luật TTATGTĐB và dự thảo Luật Đường bộ như về giải thích từ ngữ, hành vi bị nghiêm cấm, cơ sở dữ liệu đường bộ, nguyên tắc hoạt động đường bộ, phương tiện GTĐB, phương tiện và hệ thống giao thông thông minh, vận tải đường bộ, cơ quan quản lý nhà nước... để tránh trùng lặp, chồng chéo và nếu quy định dẫn chiếu phải bảo đảm chính xác.... Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “trật tự, an toàn giao thông đường bộ” cho phù hợp giải thích từ ngữ tại Điều 3.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát nội dung của dự thảo Luật TTATGTĐB và dự thảo Luật Đường bộ để bảo đảm sự thống nhất, đúng phạm vi điều chỉnh, tránh quy định chồng chéo, trùng lặp, nhất là các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước; rà soát, bổ

sung, chỉnh lý Điều 1 và các điều có liên quan trong dự thảo Luật TTATGTĐB.

- Có ý kiến đề nghị chuyển toàn bộ các quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong dự thảo Luật Đường bộ sang quy định trong dự thảo Luật này.

UBTVQH thấy rằng, nội dung về hoạt động vận tải đường bộ gồm (1) các quy định mang tính kinh tế - kỹ thuật như vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, vận tải đa phương thức, các dịch vụ hỗ trợ vận tải (bên xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, đại lý bán vé, dịch vụ kho bãi...) cần được quy định trong dự thảo Luật Đường bộ; (2) các quy định về bảo đảm TTATGTĐB trong hoạt động vận tải cần được quy định trong dự thảo Luật TTATGTĐB. Do đó, trân trọng báo cáo UBTVQH và đề nghị quy định tách bạch 02 loại nội dung trên trong 02 dự thảo Luật là phù hợp.

- Có ý kiến đề nghị chuyển các quy định về phương tiện GTĐB sang dự thảo Luật Đường bộ; đề nghị chuyển các Chương III, IV và V của dự thảo Luật này sang Luật Đường bộ; đề nghị quy định về giao thông thông minh thống nhất trong một luật và quy định cụ thể hơn.

UBTVQH cho rằng rằng, phương tiện GTĐB (Chương III), người điều khiển phương tiện GTĐB (Chương IV) và tuần tra, kiểm soát về TTATGTĐB (Chương V) là các nội dung quan trọng, xuyên suốt trong dự thảo Luật TTATGTĐB. Các nội dung này là yếu tố động, có liên quan chặt chẽ với nhau và trực tiếp tác động đến TTATGTĐB. Do đó, UBTVQH đề nghị giữ lại các nội dung này để điều chỉnh trong dự thảo Luật TTATGTĐB.

Đối với ý kiến về giao thông thông minh, UBTVQH cho rằng, các nội dung về hạ tầng giao thông thông minh (các công trình hạ tầng kỹ thuật và trung tâm quản lý hệ thống giao thông thông minh) là các yếu tố tĩnh cần được điều chỉnh trong dự thảo Luật Đường bộ; còn các nội dung về phương tiện giao thông thông minh, bảo đảm TTATGTĐB đối với phương tiện giao thông thông minh là các yếu tố động, cần được điều chỉnh trong dự thảo Luật TTATGTĐB. Tuy nhiên, do phương tiện giao thông thông minh là nội dung mới, chưa được kiểm nghiệm trong thực tiễn nên chưa thể quy định cụ thể trong dự thảo Luật, nên chỉ quy định mang tính nguyên tắc và ủy quyền quy định cụ thể cho phù hợp, bảo đảm tính linh hoạt như tại khoản 5 và khoản 7 Điều 34, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 55 của dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung giấy phép lái xe, giấy đăng kiểm, giấy chứng nhận đăng ký vào phạm vi điều chỉnh; bổ sung nội dung: “áp dụng công nghệ hiện đại trong công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông” vào phạm vi điều chỉnh; bổ sung các quy định cụ thể, đầy đủ về phương tiện giao thông thông minh để bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc quản lý trong thực tiễn, đặc biệt là các quy định về phân loại cấp độ vận hành.

UBTVQH cho rằng, phạm vi điều chỉnh của Luật chỉ khái quát các vấn đề lớn, trọng tâm của Luật, không liệt kê hoặc quy định các nội dung cụ thể. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

Về ý kiến bổ sung các quy định cụ thể, đầy đủ về phương tiện giao thông

thông minh để bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc quản lý trong thực tiễn, đặc biệt là các quy định về phân loại cấp độ vận hành, UBND tỉnh thấy rằng đây là vấn đề mới, chưa được kiểm nghiệm trong thực tiễn nên chưa thể xây dựng các quy định điều chỉnh cụ thể, đề nghị giao Chính phủ căn cứ tình hình thực tế để quy định chi tiết đối với loại phương tiện này.

1.2. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

- Khoản 1, có ý kiến đề nghị rà soát, điều chỉnh cho phù hợp giữa nội hàm khái niệm và phạm vi điều chỉnh của luật; đề nghị bổ sung cụm từ “giao thông thông suốt” sau cụm từ “bảo đảm”. Một số ý kiến đề nghị tại khoản 2, bỏ nội dung “Lực lượng CSGT chủ trì tuần tra, kiểm soát trên các tuyến đường GTĐB”, vì cho rằng không nên quy định trách nhiệm thực hiện trong giải thích từ ngữ; đề nghị phân biệt nội dung của giải thích từ ngữ “Tuần tra, kiểm soát về TTATGTĐB” (khoản 2) và “Kiểm soát về TTATGTĐB” (khoản 3), phân biệt “tuần tra” và “kiểm soát” cho phù hợp. Có ý kiến đề nghị gộp khoản 2 và khoản 3 thành một khoản; đề nghị bổ sung hoạt động “hướng dẫn, nhắc nhở” khi tuần tra kiểm soát. Khoản 8, có ý kiến đề nghị hợp nhất với khoản 9. Khoản 9, có ý kiến đề nghị làm rõ người lái xe chuyên dùng có phải người lái xe không. Khoản 10, về người điều khiển giao thông, có ý kiến đề nghị quy định cụ thể về kí hiệu, trang phục của “người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông trên đường bộ” để người tham gia giao thông biết và chấp hành; quy định rõ đối tượng được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông; đề nghị bổ sung cụm từ “đường bộ” sau cụm từ “người điều khiển giao thông” để bảo đảm thống nhất với phạm vi điều chỉnh. Khoản 37, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về kết cấu vật lý của biển số. Khoản 39, có ý kiến đề nghị sửa như sau “ùn tắc GTĐB là tình trạng phương tiện tham gia GTĐB bị dôn ứ, di chuyển với tốc độ rất chậm hoặc không thể di chuyển được”. Khoản 40, có ý kiến cho rằng việc giải thích cụm từ “tai nạn giao thông” như dự thảo là chưa phù hợp; một số ý kiến đề nghị rà soát, làm rõ các nội dung “địa bàn giao thông khác”, “gây thiệt hại nhất định”. Khoản 41, có ý kiến đề nghị làm rõ “cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về GTĐB” là cơ sở nào. Khoản 44, có ý kiến đề nghị rà soát các quy định có liên quan về quy chuẩn an toàn và các quy định khác trong dự thảo Luật để bảo đảm an toàn cho trẻ em khi tham gia giao thông. Có ý kiến đề nghị bổ sung, làm rõ nội hàm của các khái niệm sau: “giao thông đường bộ”, “hoạt động giao thông đường bộ”; “đường bộ”; “xe taxi, xe buýt”; “xe điện, mô tô điện”; “cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo”; “vạch kẻ đường”; “đường nội bộ khu công nghiệp, khu dân cư, doanh nghiệp quản lý”; “người được ưu tiên trợ giúp khi xảy ra tai nạn giao thông gồm người cao tuổi, phụ nữ mang thai, trẻ em và người khuyết tật”; “làn đường ưu tiên”, “làn đường dành riêng”; đề nghị rà soát khái niệm về các loại xe chở khách để quy định cho thống nhất; rà soát sử dụng thuật ngữ cơ sở khám chữa bệnh hoặc cơ sở y tế cho phù hợp.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, bổ sung, chỉnh lý cụ thể tại dự thảo Luật.

- Khoản 11, có ý kiến đề nghị rà soát để bao quát hết các phương tiện

được nêu trong dự thảo và phương tiện đang lưu hành. Khoản 12, có ý kiến đề nghị đưa lên trước khoản 8 để giải thích cho “xe cơ giới” được sử dụng tại các định nghĩa sau đó. Khoản 15, có ý kiến đề nghị quy định khái quát hơn như sau: “Phương tiện giao thông thông minh là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có tính năng hỗ trợ cho phép tự động hóa nhiệm vụ, tự xử lý các tình huống thông qua khả năng nhận biết sự thay đổi của môi trường, tự di chuyển trong ranh giới địa lý cụ thể, đồng thời tự xác định lộ trình khi tham gia giao thông”. Khoản 13, có ý kiến đề nghị làm rõ “các loại xe tương tự”; đề nghị quy định phân biệt rõ xe gắn máy, xe đạp máy, xe đạp điện (01 ý kiến. Khoản 4, có ý kiến đề nghị quy định đường ưu tiên là đường mà trên đó “phương tiện ưu tiên” được các phương tiện khác nhường đường khi qua đường giao nhau. Khoản 16, có ý kiến đề nghị bổ sung xe dùng động cơ điện. Khoản 18, có ý kiến đề nghị bổ sung “xe bán tải”, “xe ô tô con kéo rơ- moóc”. Khoản 20, có ý kiến đề nghị sửa cụm từ “xe ô tô khách thành phố” thành “xe ô tô khách đô thị”; đề nghị làm rõ xe ô tô khách thành phố và xe buýt; đề nghị bỏ cụm từ “vùng lân cận”; rà soát quy định các loại xe buýt, xe khách thành phố cho thống nhất với Điều 43. Khoản 32, có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định trọng lượng xe ba bánh dưới 400kg.

UBTVQH thấy rằng, việc phân loại phương tiện cần căn cứ theo thông lệ quốc tế, cụ thể: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6211:2003 được xây dựng trên cơ sở ISO 3833:1977 phương tiện GTĐB - kiểu - thuật ngữ và định nghĩa. Tiếp thu ý kiến các vị ĐBQH, UBTVQH đã thu hút các nội dung giải thích từ ngữ liên quan đến phương tiện GTĐB thành một điều quy định các loại phương tiện giao thông đường bộ (Điều 34 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý) và giao Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về phân loại phương tiện GTĐB cho phù hợp.

- Khoản 6 (làn đường), có ý kiến đề nghị bỏ từ “an toàn”. Khoản 7 (người tham gia giao thông đường bộ), có ý kiến đề nghị quy định khái quát hơn.

UBTVQH cho rằng, tại khoản 6, việc quy làn xe có đủ bề rộng cho xe chạy an toàn để bảo đảm cho việc ban hành quy chuẩn thiết kế, xây dựng làn đường; giải thích từ ngữ “người tham gia giao thông đường bộ” tại khoản 7 được kế thừa Luật GTĐB năm 2008, nội dung quy định này đã có tính ổn định, nên đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên các giải thích trên như dự thảo Luật do Chính phủ trình.

- Khoản 36, nhiều ý kiến đề nghị bổ sung xe của Viện kiểm sát nhân dân thực hiện các nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định của pháp luật là xe ưu tiên; đề nghị cân nhắc ưu tiên với xe đưa đón học sinh.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, bổ sung, chỉnh lý tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 và Điều 45 dự thảo Luật.

- Khoản 39, đề nghị quy định riêng ùn và tắc; đề nghị làm rõ tốc độ rất chậm là bao nhiêu.

UBTVQH thấy rằng, việc giải thích ùn tắc giao thông là tình trạng phương tiện tham gia giao thông bị dồn ứ, di chuyển với tốc độ rất chậm hoặc không thể di chuyển được bảo đảm được tính khái quát, phù hợp với thực tiễn giao thông tại Việt Nam hiện nay, cũng như công tác bảo đảm TTATGTĐB của lực lượng chức năng. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại quy định này và chỉnh sửa nội dung như tại khoản 9 Điều 3 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý.

1.3. Nguyên tắc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 4)

Có ý kiến cho rằng quy định mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý tại khoản 4 là khó khả thi.

UBTVQH thấy rằng, đây vừa là nguyên tắc chung phải tuân thủ đối với tất cả các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành, vừa là mục tiêu đề ra cần phải đạt được, là phương châm thượng tôn pháp luật mà mọi công dân nói chung, cơ quan, lực lượng chức năng thực thi pháp luật phải thực hiện và tôn trọng, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Quy định về nguyên tắc tương tự cũng được quy định trong nhiều luật. Do đó, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại nguyên tắc này trong dự thảo Luật: “*Mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật*” (khoản 5 Điều 4).

1.4. Chính sách của Nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 5)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung các chính sách sau đây: (1) Bảo đảm điều kiện an toàn, dễ tiếp cận các công trình và các phương tiện giao thông đối với nhóm người dễ bị tổn thương, người cao tuổi, người khuyết tật; (2) Công tác bảo đảm TTATGTĐB phải bảo đảm đặt tính mạng, sức khỏe, tài sản của nhân dân lên hàng đầu, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng và ưu tiên những đối tượng dễ bị tổn thương. Có ý kiến đề nghị quy định rõ việc ưu tiên nguồn lực đầu tư, hiện đại hóa lực lượng bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nói chung và đặc biệt là lực lượng CSGT nói riêng.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung nội dung trên bảo đảm tính khả thi, phù hợp trong Điều 5 dự thảo Luật. Về ưu tiên nguồn lực đầu tư, hiện đại hóa lực lượng bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nói chung và đặc biệt là lực lượng CSGT nói riêng đã được quy định tại Điều 5, Điều 69 và Điều 86 của dự thảo Luật.

- Tại phiên họp thứ 31 (tháng 3/2024), một số thành viên UBTVQH đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết việc bổ sung quy định trích lại không ít hơn 70% khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính về TTATGTĐB và không ít hơn 30% khoản tiền thu được từ đấu giá biển số xe tại khoản 1 Điều 5 để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Tiếp thu các ý kiến trên, UBTVQH đã chỉ đạo không bổ sung nội dung này tại khoản 1 Điều 5 để bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống pháp luật.

1.5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 6)

- Khoản 2, có ý kiến đề nghị rà soát bổ sung các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp như tổ chức nghề nghiệp, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Luật.

- Khoản 5, một số ý kiến đề nghị giao Bộ Giáo dục đào tạo chủ trì, phối hợp Bộ Công an đưa vào chương trình giảng dạy chính khóa; đề nghị bổ sung cơ quan chủ trì là Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGTĐB, đặc biệt cho đối tượng học sinh, sinh viên, người lao động để nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các đối tượng này; đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của công dân trong việc học tập, quán triệt để hiểu biết Luật Trật tự, an toàn giao thông; đề nghị đưa nội dung giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông vào chương trình giảng dạy tại bậc mầm non, tiểu học.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, bổ sung, chỉnh lý nội dung này và thiết kế thành một điều riêng (Điều 7 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý) quy định về giáo dục kiến thức pháp luật về TTATGTĐB.

- Có ý kiến đề nghị nên tách thành một điều cho Mặt trận Tổ quốc và các thành viên; đề nghị gộp khoản 1 và khoản 6; đề nghị quy định, đưa ra các giải pháp cụ thể hơn vì các nội dung này đã được quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

Về những ý kiến nêu trên, UBTVQH thấy rằng, quy định về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGTĐB chỉ mang tính nguyên tắc, phân định cơ bản trách nhiệm của cơ quan chủ trì và những cơ quan có trách nhiệm chính trong tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông mà không quy định cụ thể về nội dung, phương pháp tiến hành và nhiệm vụ cụ thể của các bộ, ngành và UBND các cấp (thực hiện theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật). Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ quy định này như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc bỏ Điều này vì cho rằng Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 đã quy định đầy đủ trách nhiệm cụ thể của các bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trong nội bộ và ngoài xã hội bằng nhiều hình thức phù hợp.

Về ý kiến này, UBTVQH cho rằng, mọi cá nhân từ trẻ đến già đều phải tham gia giao thông hàng ngày và việc hình thành ý thức chấp hành pháp luật về TTATGTĐB có vai trò đặc biệt quan trọng. Thực tế cho thấy, nguyên nhân chủ

yếu của các vụ tai nạn giao thông do ý thức của người tham gia giao thông. Do đó, việc có các điều riêng quy định về điều tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGTĐB để quy định mang tính nguyên tắc về hình thức, nội dung, biện pháp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó quy định Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGTĐB. Quá trình triển khai thực hiện luật sẽ có những quy định cụ thể về nội dung, phương pháp tiến hành và phân công trách nhiệm của các bộ, ngành và UBND các cấp đối với công tác này. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ lại Điều này.

1.6. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 7, nay là Điều 8)

- Có ý kiến đề nghị rà soát các cơ sở dữ liệu tại khoản 1 để quy định cho đầy đủ, khả thi; đề nghị quy định cơ sở dữ liệu sức khỏe, bảo hiểm của chủ xe cho phù hợp hoặc lược bỏ các quy định này tại điểm d và điểm đ.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa các loại cơ sở dữ liệu cho đầy đủ, sát thực, khả thi tại khoản 1 bao gồm: Cơ sở dữ liệu về đăng ký, quản lý xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; Cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về GTĐB; Cơ sở dữ liệu về người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; Cơ sở dữ liệu về bảo hiểm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn GTĐB; Cơ sở dữ liệu về tai nạn GTĐB; Cơ sở dữ liệu về hành trình của phương tiện GTĐB, hình ảnh người lái xe theo quy định; Cơ sở dữ liệu về quản lý thời gian điều khiển phương tiện của người lái xe theo quy định; Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công tác bảo đảm TTATGTĐB. Các nội dung trên là căn cứ để cho các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong Luật này thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu theo quy định.

- Có ý kiến đề nghị tại điểm e, nghiên cứu theo hướng quy định cơ sở dữ liệu về an toàn GTĐB kết nối với cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính đã triển khai theo quy định Luật Xử lý vi phạm hành chính.

UBTVQH thấy rằng, tại khoản 2 Điều 8 đã quy định: Cơ sở dữ liệu về TTATGTĐB là cơ sở dữ liệu dùng chung; được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu đường bộ và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan. Khoản 3 Điều 8 giao: Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này; quy định việc thu thập, quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu về TTATGTĐB. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại quy định tại điểm e khoản 1 Điều 8.

1.7. Về các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8, nay là Điều 9)

1.7.1. Về cấm hành vi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn (khoản 1 Điều 8, nay là khoản 1 Điều 9)

** Đa số ý kiến nhất trí với dự thảo Luật là cấm hành vi điều khiển phương tiện tham gia GTĐB mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.*

- Về ưu điểm:

+ Quy định trên không phải là nội dung mới, mà được kế thừa của quy định của Luật GTĐB năm 2008 và thống nhất với quy định tại khoản 6 Điều 5 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 và quy định cụ thể cho lĩnh vực GTĐB. Trước đó, Luật GTĐB năm 2008 cũng đã quy định cấm “*Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn. Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở*”; Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định cấm “*Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn*” (áp dụng đối với tất cả các loại phương tiện giao thông đường bộ). Theo các quy định hiện hành, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông gây tai nạn khi đã uống rượu, bia thì tùy mức độ có thể bị truy cứu hình sự, xử phạt vi phạm hành chính ở mức cao và bị tước giấy phép lái xe. Thực tế cho thấy chế tài xử phạt đã khá đầy đủ và nghiêm khắc, hoạt động truyền thông đã được triển khai đồng bộ và sâu rộng. Thời gian qua, lực lượng Cảnh sát giao thông trên cả nước đã tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo tinh thần nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ đã góp phần quan trọng làm giảm tai nạn giao thông, giảm gây rối trật tự công cộng, góp phần giúp người dân giảm bớt nỗi lo khi tham gia giao thông.

+ Sau khi sử dụng rượu, bia mà điều khiển phương tiện giao thông thì mức độ nguy hiểm đặc biệt lớn, nguy cơ cao gây tai nạn giao thông làm thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của chính người điều khiển, người tham gia giao thông, ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình và toàn xã hội. Thực tiễn cho thấy, người sử dụng rượu, bia mà điều khiển phương tiện giao thông đa số đang trong tuổi lao động, là trụ cột của gia đình, nếu bị tai nạn sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của họ, để lại những hệ lụy cho gia đình và xã hội. Cấm hành vi trên với mục đích phòng ngừa, làm giảm những rủi ro, thiệt hại tiềm tàng do việc sử dụng rượu, bia mà điều khiển phương tiện giao thông gây ra.

+ Quy định trên đã được thực tiễn kiểm nghiệm phát huy kết quả tốt. Tuy nhiên, tình trạng sử dụng rượu, bia mà điều khiển phương tiện giao thông vẫn đang diễn biến phức tạp. Theo báo cáo của Chính phủ, từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2023 số người chết và bị thương vì tai nạn GTĐB liên quan đến rượu, bia chiếm 20% tổng số người chết và bị thương do tai nạn GTĐB gây ra, trong số đó 80% thuộc trường hợp do người điều khiển phương tiện đã sử dụng rượu, bia gây ra; từ năm 2018 đến năm 2023, tổng số có 2.742.395 lượt người đến cấp cứu, điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do tai nạn GTĐB gây ra, số bị chấn thương sọ não là 381.269 lượt người (chiếm 13,9%), trong đó số người đến

cấp cứu, điều trị có liên quan đến rượu, bia là 425.619 lượt người, số bị chấn thương sọ não có liên quan đến rượu, bia là 70.522 lượt người (chiếm 16,6%) - chiếm tỉ lệ cao hơn so với tỉ lệ chấn thương sọ não nói chung. Trong năm 2023, sau khi lực lượng chức năng tăng cường xử lý đối với người điều khiển phương tiện vi phạm nồng độ cồn, số vụ tai nạn giao thông liên quan đến sử dụng rượu, bia giảm 25% số vụ, 50% số người chết, 22% số người bị thương so với cùng kỳ năm 2022.

+ Việc tiếp tục quy định cấm trên được các nhà khoa học ủng hộ. Tại hội thảo khoa học về **“Tác hại của rượu, bia đối với người tham gia giao thông đường bộ”**⁶, các nhà khoa học đã nghiên cứu, khẳng định rượu, bia ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe tâm thần và hành vi của con người, đặc biệt là ảnh hưởng đến hành vi điều khiển phương tiện tham gia GTĐB. Bên cạnh đó, các nhà khoa học đã chỉ ra việc sử dụng rượu, bia là nguyên nhân trực tiếp gây ra khoảng 30 căn bệnh nguy hiểm, là nguyên nhân gián tiếp tác động gây ra hơn 100 căn bệnh khác đối với người sử dụng.

+ Quy định cấm tuyệt đối nồng độ cồn đối với người điều khiển phương tiện giao thông là kết quả xây dựng Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia được Quốc hội khóa XIV thảo luận kỹ lưỡng và quyết định. Quy định này đã đi vào cuộc sống, được đông đảo người dân đồng tình thực hiện và đang từng bước hình thành văn hóa “đã uống rượu bia, không lái xe”. Trong thời gian qua, toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị đã vào cuộc để tuyên truyền, vận động người dân thực hiện quy định này đã góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về mức độ rủi ro và hậu quả của việc sử dụng rượu, bia mà tham gia giao thông. Tuy nhiên, thực tế còn có nhiều người vẫn uống rượu, bia rồi lái xe mà chưa thực sự quan tâm đến các chế tài nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm. Việc tiếp tục quy định cấm này là một trong những giải pháp căn cơ góp phần thay đổi văn hóa, thói quen uống rượu, bia, đặc biệt là uống rượu, bia rồi thì không được lái xe. Việc hình thành văn hóa “đã uống rượu bia, không lái xe” có thể là một quá trình lâu dài, nhưng phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, tình hình giao thông của Việt Nam. Do đó, cần phải tiếp tục thúc đẩy sự hình thành văn hóa đó, kết hợp tổng thể các biện pháp khác để xây dựng môi trường sống lành mạnh, lối sống không phụ thuộc vào việc tiêu thụ đồ uống có cồn...

+ Về kinh tế, mặc dù quy định hiện hành cấm tuyệt đối nồng độ cồn đối với người điều khiển phương tiện tham gia giao thông, nhưng mức độ tiêu thụ đồ uống có cồn của Việt Nam vẫn đang ở mức cao. Theo tổng quan ngành bia Việt Nam những tháng đầu năm 2023 cho thấy mức tiêu thụ bia tính đến năm 2022 của Việt Nam đang ở 3,8 triệu lít/năm, chiếm 2,2% thị trường thế giới, đứng đầu toàn khu vực ASEAN, đứng thứ ba châu Á (sau Trung Quốc và Nhật Bản). Theo tổng quan ngành rượu Việt Nam nửa đầu năm 2023 cho thấy ngành rượu cũng đang phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy các ngành hàng như du lịch, dịch vụ, thương mại phát triển, tạo công ăn việc làm trực tiếp và cả gián

⁶ Hội thảo do Cục Cảnh sát giao thông, Bộ Công an phối hợp với Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế tổ chức vào ngày 29/01/2024 tại Hà Nội (Báo cáo kết quả hội thảo số 589/C08-P3, ngày 05/02/2024).

tiếp cho nhiều người lao động trong chuỗi sản xuất, kinh doanh.

+ Việc quy định cấm tuyệt đối nồng độ cồn bảo đảm tính khả thi hơn so với quy định cho phép nồng độ cồn ở ngưỡng nhất định. Với quy định cấm tuyệt đối nồng độ cồn thì người dân không uống rượu, bia trước khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Còn nếu quy định có ngưỡng nhất định thì chính người dân khó xác định uống bao nhiêu, uống thế nào cho thấp hơn ngưỡng đó, cơ quan chức năng cũng khó khăn trong việc xử lý. Hơn nữa, khi có ngưỡng rất dễ xảy ra trường hợp bị ép uống và khi đã uống dễ bị kích thích, khó làm chủ bản thân và khó dừng lại.

+ Về nồng độ cồn nội sinh phát hiện qua hơi thở, đến thời điểm hiện nay chưa có căn cứ rõ ràng; thực tiễn phát hiện rất hiếm và một số trường hợp sau khi phát hiện đã kịp thời trao đổi với lực lượng chức năng, có thể kiểm tra lại qua xét nghiệm máu để không làm sai lệch kết quả xử lý.

+ Quy định cấm nêu trên cũng phù hợp với quy định của một số nước trên thế giới. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới tại thời điểm năm 2016 có 36 quốc gia và vùng lãnh thổ cấm tuyệt đối nồng độ cồn đối với lái xe mới, 35 quốc gia cấm tuyệt đối nồng độ cồn đối với lái xe chuyên nghiệp và lái xe thương mại⁷.

- *Về hạn chế:*

+ Việc quy định cấm tuyệt đối nồng độ cồn như vậy tác động, ảnh hưởng nhất định đến một số hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống của một số địa phương và thói quen sử dụng rượu, bia của một bộ phận người dân Việt Nam.

+ Việc quy định cấm tuyệt đối nồng độ cồn sẽ làm giảm sức tiêu thụ đồ uống có cồn, từ đó làm ảnh hưởng nhất định các hoạt động sản xuất, nhập khẩu, phân phối, cung ứng, tiêu thụ rượu, bia, nguồn thu ngân sách của Nhà nước ta; ảnh hưởng nhất định đến lao động, thu nhập của những người làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đồ uống có cồn.

** Một số ý kiến đề nghị đưa ra mức giới hạn thấp nhất về nồng độ cồn trong máu và hơi thở đối với người điều khiển phương tiện tham gia giao thông.*

- *Về ưu điểm:*

+ Việc quy định ngưỡng giới hạn nồng độ cồn cho phép trong máu và hơi thở đối với người điều khiển phương tiện tham gia GTĐB sẽ đáp ứng được nhu cầu của một bộ phận người dân, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người đã sử

⁷ Theo thống kê do Tổ chức Y tế Thế giới thực hiện trên 194 quốc gia và vùng lãnh thổ thì tại thời điểm năm 2016 có:

- **Đối với lái xe mới:** Có 07 quốc gia và vùng lãnh thổ cấm tuyệt đối việc mua bán, sử dụng; 29 quốc gia và vùng lãnh thổ có nồng độ cồn bằng không; 119 quốc gia và vùng lãnh thổ nồng độ cồn có giới hạn; 3 quốc gia quy định theo từng địa phương (bang); 36 quốc gia không quy định.

- **Đối với lái xe chuyên nghiệp và lái xe thương mại:** Có 07 quốc gia và vùng lãnh thổ cấm tuyệt đối việc mua bán, sử dụng; 28 quốc gia và vùng lãnh thổ có nồng độ cồn bằng không; 121 quốc gia và vùng lãnh thổ nồng độ cồn có giới hạn; 2 quốc gia quy định theo từng địa phương (bang); 36 quốc gia không quy định.

dụng rượu, bia được điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Một số ý kiến cho rằng, mức độ ảnh hưởng của rượu, bia đối với hành vi của con người, đặc biệt là người điều khiển phương tiện tham gia GTĐB phụ thuộc vào nồng độ cồn nhiều hay ít. Với nồng độ cồn thấp vẫn có khả năng làm chủ hành vi và có thể điều khiển phương tiện tham gia GTĐB. Hơn nữa, trong thực tế có nhiều trường hợp mặc dù đã uống rượu, bia sau một thời gian dài (12-24 giờ) hoặc qua đêm mà vẫn còn nồng độ cồn.

+ Việc quy định ngưỡng giới hạn nồng độ cồn cho phép đối với người điều khiển phương tiện tham gia GTĐB sẽ không làm giảm sức tiêu thụ đồ uống có cồn, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, nhập khẩu, phân phối, cung ứng, tiêu thụ rượu, bia, nguồn thu ngân sách của Nhà nước ta; không tác động lớn đến lao động, thu nhập của những người làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đồ uống có cồn; tạo điều kiện phát triển ngành kinh doanh dịch vụ ẩm thực, ăn uống.

+ Một số ý kiến cho rằng quy định cấm tuyệt đối nồng độ cồn đối với người điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và quy định có ngưỡng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy như Luật GTĐB năm 2008 đã được thực hiện trong thời gian dài (từ năm 2009 đến 2019), không phát sinh vướng mắc lớn, cần được lấy lại để quy định trong dự thảo Luật này để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.

+ Quy định ngưỡng giới hạn nồng độ cồn cho phép đối với người điều khiển phương tiện tham gia GTĐB cũng tương đồng với quy định của nhiều nước trên thế giới.

- Về hạn chế:

+ Làm tăng số vụ tai nạn giao thông, kéo theo làm tăng hậu quả, thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra như các thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người điều khiển phương tiện, người tham gia giao thông khác, ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, nguồn lực của đất nước, gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội.

+ Lãng phí công sức, tiền bạc của nhà nước và Nhân dân khi đã dày công tuyên truyền, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm, từng bước hình thành văn hóa “đã uống rượu bia, không lái xe”.

+ Khó bảo đảm tính khả thi khi người uống rượu, bia không thể biết lúc nào đến ngưỡng để dừng lại.

UBTVQH nhất trí với đề xuất của Chính phủ là cấm tuyệt đối nồng độ cồn đối với người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Tuy nhiên, theo ý kiến đề xuất của một số ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo thiết kế 02 phương án như sau:

- **Phương án 1:** Quy định cấm hành vi điều khiển phương tiện tham gia GTĐB mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn (kế thừa theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, áp dụng đối với tất cả các loại phương tiện giao thông đường bộ).

- **Phương án 2:** Quy định như Luật GTĐB năm 2008 là cấm: “Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn. Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở”. Đồng thời, phải sửa đổi quy định liên quan tại khoản 6 Điều 5 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.

UBTVQH nhất trí với đề xuất của Chính phủ và đề nghị các vị ĐBQH lựa chọn Phương án 1 cho phép tiếp tục kế thừa quy định hiện hành về việc cấm hành vi điều khiển phương tiện tham gia GTĐB mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn để bảo vệ được nhiều tính mạng, sức khỏe, tài sản cho người dân, bảo vệ nguồn lực cho xã hội, bảo vệ tuổi thọ của giống nòi. Sau quá trình thực hiện, khi đã hình thành ý thức, văn hóa “đã uống rượu bia, không lái xe” sẽ tiến hành tổng kết quy định này để có đề xuất cho phù hợp.

1.7.2. Về các hành vi bị nghiêm cấm khác

- Có ý kiến đề nghị gộp khoản 1 và khoản 2 vì nội dung quy định giống nhau.

UBTVQH thấy rằng khoản 1 quy định cấm “Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà **trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn**” và khoản 2 quy định cấm: “Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà **trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng**”. Nếu gộp khoản 1 và khoản 2 cũng một cách thiết kế, nhưng nếu tách ra thành 02 khoản như dự thảo Luật sẽ bảo đảm tính rõ ràng, tách bạch các loại hành vi vi phạm đang được cử tri và dư luận nhân dân đặc biệt quan tâm. Do đó, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại 02 khoản như dự thảo Luật.

- Khoản 2, có ý kiến đề nghị làm rõ các chất kích thích khác.

UBTVQH thấy rằng, dự thảo Luật quy định nghiêm cấm sử dụng “**chất kích thích mạnh khác**” là phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự.

- Khoản 5, có ý kiến đề nghị quy định khái quát cấm sử dụng mọi thiết bị, dụng cụ, đồ vật khác khi điều khiển phương tiện tham gia GTĐB.

UBTVQH thấy rằng, khi điều khiển phương tiện, tay của người điều khiển phương tiện phải luôn cầm vô lăng ở tư thế chuẩn như chương trình đào tạo lái xe đã học, do đó nếu buông một tay hoặc cả hai tay sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị điện tử khác thì rất nguy hiểm về an toàn giao thông so với việc dùng các thiết bị kết nối không dây khác như bluetooth (người lái xe không buông tay khỏi vô lăng), do đó chỉ cấm hành vi dùng tay sử dụng các thiết bị trên khi lái xe, còn chỉ khuyến cáo không nên sử dụng thiết bị, dụng cụ điện tử khác khi lái xe mà không nên cấm.

- Khoản 11, có ý kiến đề nghị bổ sung chế tài với trường hợp khôi phục nguyên trạng xe để đối phó khi đang kiểm; cân nhắc bổ sung quy định quản lý đối với việc thay đổi kết cấu xe mô tô; bỏ từ “tự ý”; đề nghị bỏ từ “tự ý” tại khoản 11 và khoản 12. Khoản 13, có ý kiến đề nghị làm rõ “toàn bộ khối lượng

cho phép”; đề nghị chỉnh sửa như sau: “Chở hàng vượt quá khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông, quá tải trọng cho phép của cầu đường quá kích thước, giới hạn cho phép của xe; quá kích thước, giới hạn cho phép của cầu, đường; chở quá số người quy định; chở hàng hóa trên xe có quy định phải chằng buộc nhưng không chằng buộc hoặc chằng buộc không đúng quy định”. Khoản 14, có ý kiến đề nghị bỏ từ “lưu thông”. Khoản 23, có ý kiến đề nghị thay cụm từ “rải đinh, vật sắc nhọn khác” thành “rải vật sắc nhọn”. Khoản 24, một số ý kiến bổ sung đối tượng bị tác động là người tham gia giao thông. Có ý kiến đề nghị hợp nhất khoản 25 với khoản 26, vì cùng nội dung điều chỉnh; đề nghị tại khoản 26, bỏ từ “hành chính”.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBND đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung các hành vi bị nghiêm cấm sau: Điều khiển xe ô tô, xe mô tô bằng chân; dán giấy tờ, ký hiệu để tránh kiểm soát trên xe tải khi lưu thông đường quốc lộ hoặc tuyến đường đến những khu công nghiệp; can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển xe cơ giới; lái xe không có giấy phép lái xe; thả rông vật nuôi, gia súc, gia cầm trên đường; sử dụng phương tiện giao thông quá hạn đăng kiểm tham gia giao thông; sử dụng tai nghe khi điều khiển mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy; bỏ trốn sau khi gây tai nạn giao thông để trốn tránh trách nhiệm; khi có điều kiện mà cố ý không cấp cứu, giúp đỡ người bị tai nạn giao thông; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn giao thông; lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông; phá hoại, hủy hoại những thiết bị thông minh dùng để điều khiển giao thông dùng để kiểm soát giao thông; đe dọa, cản trở việc dừng xe, đỗ xe bảo đảm theo quy định của pháp luật về TTATGTĐB; sử dụng thiết bị bay không người lái hoạt động trên các tuyến GTĐB khi chưa được cơ quan có thẩm quyền bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đồng ý; cấm gọi điện, nhờ người thân can thiệp trong xử lý vi phạm; bổ sung các hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến người thực thi công vụ và hành vi bị nghiêm cấm đối với trung tâm đăng kiểm, đăng kiểm viên; cấm đỗ xe không đúng nơi quy định; không đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy, vượt đèn đỏ, chạy xe hàng đôi hàng ba, không tránh cho xe ưu tiên, chạy quá tốc độ hoặc dưới tốc độ cho phép, cản trở không cho xe phía sau vượt qua, không thắt dây an toàn, không cứu trợ do chính mình gây ra tai nạn; cấm đe dọa, cản trở việc dừng xe, đỗ xe bảo đảm theo quy định của pháp luật về TTATGTĐB; dụng đèn, còi ưu tiên khi không làm nhiệm vụ; cấm đỗ xe trên vỉa hè; đề nghị rà soát, phân loại các nhóm các hành vi bị nghiêm cấm và bổ sung các hành vi cấm cho đầy đủ; đề nghị quy định các hành vi cấm mang tính khái quát, tránh liệt kê cụ thể; đề nghị rà soát, lược bỏ các điều cấm đã được quy định trong các luật chuyên ngành khác để tránh trùng lặp.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBND đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật bảo đảm tính khả thi, phù hợp.

- *Tại phiên họp thứ 31 của UBTVQH (tháng 3/2024), có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cấm hành vi điều khiển scooter, vali điện tham gia giao thông.*

Tiếp thu ý kiến trên, UBTVQH đã chỉ đạo bổ sung vào khoản 8 Điều 9 theo hướng quy định khái quát như sau: *Cấm hành vi “Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phương tiện tự chế và phương tiện khác chưa được giới, xe tham gia giao thông đường bộ”.*

2. Về quy tắc giao thông đường bộ (Chương II)

2.1. Về quy tắc chung (Điều 9, nay là Điều 10)

- *Khoản 1, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định “người lái xe phải luôn quan sát tình trạng mặt đường và làm chủ tốc độ”; đề nghị bổ sung cụm từ “chú ý quan sát”, bổ sung nội dung “quy tắc GTĐB và các quy định khác về trật tự, an toàn giao thông, kịp thời phát hiện, xử lý các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình tham gia giao thông” vào cuối khoản; ý kiến khác đề nghị luật hóa quy định tại điểm b Điều 32 Nghị định 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ về bảo đảm an toàn GTĐB và trật tự đô thị.*

UBTVQH thấy rằng, các ý kiến nêu trên, dự thảo Luật đã quy định cụ thể các quy định của Nghị định 36 ngày 29/5/1995 của Chính phủ “khi điều khiển xe, người lái xe phải chấp hành nghiêm các quy định sau: Phải luôn luôn chú ý đến tình trạng mặt đường, các biển báo giao thông, tình trạng mật độ giao thông và các chướng ngại vật trên đường để điều khiển tốc độ xe của mình như phanh hãm, trọng lượng xe, người hoặc hàng hóa trên xe để đề phòng mọi nguy hiểm có thể xảy ra” như sau: Chấp hành báo hiệu đường bộ (khoản 1 Điều 11 dự thảo Luật đã tiếp thu chỉnh lý); bảo đảm tốc độ phù hợp điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố ảnh hưởng khác để bảo đảm an toàn (khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật đã tiếp thu chỉnh lý); giảm tốc độ bảo đảm an toàn trong các trường hợp có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường,... (khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật đã tiếp thu chỉnh lý) và các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông về vận chuyển hàng hoá (khoản 13 Điều 9, Điều 31, Điều 42 dự thảo Luật đã tiếp thu chỉnh lý).

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không cho bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- *Khoản 2, có ý kiến đề nghị thay từ “chỗ” thành cụm từ “vị trí ghé ngồi, giường nằm”.*

UBTVQH thấy rằng, thuật ngữ “chỗ” của dự thảo Luật được kế thừa các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay về lĩnh vực GTĐB, thuật ngữ “chỗ” bao gồm: Ghé ngồi, giường nằm.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

- *Khoản 2, có ý kiến đề nghị quy định mọi vị trí trên xe phải có dây an toàn và người tham gia giao thông phải thắt dây an toàn.*

UBTVQH thấy rằng, dự thảo Luật quy định “*người lái xe và người được chở trên xe ô tô phải thắt dây đai an toàn tại những chỗ có trang bị dây đai an toàn khi tham gia GTĐB*” là khả thi, phù hợp với thực tiễn hiện nay các phương tiện đã qua sử dụng không được trang bị dây đai an toàn nhằm tránh phát sinh chi phí cho cá nhân, tổ chức việc cải tạo, lắp đặt bổ sung dây đai an toàn trên phương tiện; đồng thời tiếp thu ý kiến tham gia, chỉnh lý, bổ sung vào tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật phương tiện (văn bản dưới luật) phải có dây đai an toàn đối với phương tiện mới được nhập khẩu hoặc lắp ráp.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

- *Khoản 3, một số ý kiến đề nghị nghiên cứu kinh nghiệm các nước để quy định cho phù hợp; có ý kiến cho rằng quy định trẻ em dưới 10 tuổi không ngồi cùng hàng ghế lái là không khả thi; đề nghị nâng độ tuổi lên 12 tuổi; cần quy định phù hợp với thông lệ quốc tế là trẻ cao dưới 150 cm hoặc dưới 10 tuổi; đề nghị bổ sung quy định trẻ em dưới 04 tuổi chở trên xe ô tô phải có người lớn trông giữ hoặc phải chở trên thiết bị an toàn cho trẻ em; đề nghị có lộ trình thực hiện việc sử dụng thiết bị an toàn cho trẻ em dưới 4 tuổi; bản khoản vì có một số xe ô tô chỉ có 2 cửa 1 hàng ghế không có hàng ghế sau; đề nghị bổ sung quy định về trang bị và điều kiện của dây đai an toàn riêng cho trẻ em.*

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, bổ sung, chỉnh lý cụ thể tại dự thảo Luật theo hướng: (1) Ưu tiên tốt nhất cho việc bảo vệ trẻ em khi tham gia giao thông (khi ngồi trên xe, khi qua đường...); (2) Tham khảo kinh nghiệm quốc tế và quy định về việc sử dụng thiết bị an toàn cho trẻ em bảo đảm phù hợp với thể trạng, nhận thức của trẻ em Việt Nam hiện nay tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Luật đã chỉnh lý: “*Khi chở trẻ em dưới 10 tuổi và chiều cao dưới 1,35 mét trên xe ô tô mà không có người lớn ngồi cùng, người lái xe phải sử dụng, hướng dẫn sử dụng thiết bị an toàn cho trẻ em phù hợp*”; đồng thời, nội dung quy định này thực hiện theo lộ trình sau 01 năm khi Luật có hiệu lực; (3) Việc sử dụng thiết bị an toàn cho trẻ em khi ngồi trên xe ô tô (ghế trẻ em sơ sinh, ghế trẻ em nhỏ, đệm nâng) cần phải căn cứ vào độ tuổi, thể trạng thực tế của mỗi trẻ em và nội dung này giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chuẩn kỹ thuật về thiết bị an toàn cho trẻ em trên xe ô tô.

Đối với quy định “*trẻ em dưới 10 tuổi không được ngồi cùng hàng ghế với người lái xe*”. UBTVQH thấy rằng, quy định trên là khó khả thi vì trong trường hợp không có người lớn đi cùng mà chỉ có người lái xe, nếu để trẻ em ngồi hàng ghế sau sẽ khó quan sát, theo dõi trẻ. Mặt khác, một số loại xe chỉ có một hàng ghế. Do đó, đề nghị không quy định nội dung này trong dự thảo Luật để đảm bảo tính khả thi.

- *Khoản 5, có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định tại khoản này, vì người đi bộ đi qua nơi không có vạch kẻ đường là vi phạm, không thể yêu cầu xe nhường đường.*

UBTVQH thấy rằng, hiện nay hạ tầng giao thông đường và phân bố dân cư dọc theo đường bộ, đặc biệt, đối với đường bộ ngoài đô thị không phải tất cả

các vị trí đều được bố trí vạch cho người đi bộ qua đường, quy định tại khoản 5 để bảo đảm nguyên tắc bảo vệ đối tượng dễ bị tổn thương (người đi bộ).

2.2. Chấp hành báo hiệu đường bộ (Điều 10, nay là Điều 11)

- *Có ý kiến đề nghị đổi tên điều này thành “Hệ thống biển báo đường bộ Việt Nam”.*

UBTVQH thấy rằng, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật này đã quy định rất rõ, do vậy việc bổ sung từ Việt Nam là không cần thiết.

- *Khoản 2, có ý kiến đề nghị làm rõ “âm thanh báo hiệu đường bộ”.*

UBTVQH thấy rằng, để trợ giúp người đi bộ sang đường nhất là người khiếm thị, khiếm thính hoặc khuyết tật, bên cạnh việc sử dụng tín hiệu về biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông, người điều khiển giao thông... còn sử dụng thiết bị cảm biến thụ động hoặc nút ấn, đèn nhấp nháy dành cho người đi bộ sang đường; thiết bị nút ấn còn trang bị bộ phận phát âm thanh để báo vị trí đặt thiết bị cho dễ nhận biết. Việc quy định cụ thể các loại âm thanh báo hiệu đường bộ sẽ không liệt kê hết các thiết bị trong thực tiễn, cũng như khi phát sinh loại thiết bị mới. Do vậy, để bảo đảm tính khái quát, ổn định, vấn đề này sẽ tiếp thu, quy định cụ thể trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- *Khoản 4:*

+ *Tại điểm a, có ý kiến đề nghị tách riêng các đối tượng là người đi bộ với người già, người khuyết tật, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai và trẻ em để quy định xe phải dừng hẳn khi nhường đường cho các đối tượng này.*

UBTVQH thấy rằng, việc quy định người điều khiển phương tiện giao thông nhường đường cho các đối tượng yếu thế, trong đó có xe lăn của người khuyết tật, người đi bộ (đã bao gồm người già) khi tham gia giao thông là rất cần thiết; bên cạnh quy định tại điểm a khoản 4 Điều 11, nội dung trên đã được quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 10 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý. Vì vậy, việc quy định như dự thảo Luật là đầy đủ và bảo đảm tính khả thi.

+ *Tại điểm c, có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định đèn vàng phải dừng vì không phù hợp với thực tiễn, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn; đề nghị rà soát, quy định quy tắc tín hiệu đèn giao thông cho phù hợp Công ước Viên và luật hiện hành, bảo đảm tính khả thi và hạn chế tai nạn; đề nghị quy định linh hoạt hơn đối với trường hợp dừng lại trước vạch dừng mà quan sát thấy có thể gây mất an toàn giao thông thì vẫn có thể tiếp tục đi để đảm bảo an toàn.*

UBTVQH thấy rằng, tại điểm c khoản 3 Điều 10 Luật GTĐB năm 2008 quy định: “Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp...”. Việc quy định không rõ ràng, không minh bạch, cùng với ý thức không tốt của một bộ phận người tham gia giao thông lợi dụng quy định trên dẫn đến làm gia tăng tai nạn giao thông, gây khó khăn trong giải quyết, xử lý hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông. Xuất phát từ thực tiễn công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và quy định người điều

khuyến phương tiện giao thông phải giảm tốc độ đảm bảo an toàn trong trường hợp nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ, đường sắt (Điều 12 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý). Vì vậy, việc quy định như dự thảo Luật là phù hợp và bảo đảm tính khả thi.

+ *Đề nghị quy định bỏ số đếm ngược trên đèn giao thông vì tiềm ẩn nguy cơ tai nạn hoặc đếm ngược đến 10 giây thì tắt số đếm.*

UBTVQH thấy rằng, việc lắp đặt bộ đếm thời gian lùi (đếm ngược) hiện nay có tác dụng giúp người tham gia giao thông chủ động duy trì tốc độ phù hợp, giảm ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông. Để nâng cao hiệu quả, cần tập trung làm tốt tuyên truyền cho người tham gia giao thông chấp hành pháp luật về TTATGT, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về TTATGT, trong đó có hành vi không chấp hành hiệu lệnh CSGT, vượt đèn đỏ.

+ *Đề nghị bổ sung trường hợp khi tín hiệu giao thông trực trực mà không có người điều khiển giao thông.*

UBTVQH thấy rằng, trong nội dung Chương II dự thảo Luật đã quy định các quy tắc GTĐB như quy tắc qua đường giao nhau, chấp hành báo hiệu đường bộ, tránh vượt xe, dừng đỗ xe, v.v. Do vậy, trường hợp khi tín hiệu giao thông bị trực trực mà không có người điều khiển giao thông thì đã được điều chỉnh bởi các quy tắc nêu trên. Vì vậy, việc quy định như dự thảo Luật là đầy đủ và bảo đảm tính khả thi.

+ *Đề nghị quy định rõ các tín hiệu đèn như: tín hiệu đèn vàng, tín hiệu đèn xanh nhấp nháy, tín hiệu đèn vàng nhấp nháy, tín hiệu đèn đỏ nhấp nháy, tín hiệu mũi tên xanh, mũi tên đỏ, mũi tên vàng và mũi tên vàng nhấp nháy thì chúng ta mới giải quyết được giao thông ở Việt Nam. Đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung để bảo đảm tính linh hoạt như quy tắc về báo hiệu đèn giao thông, rẽ trái 02 giai đoạn khi qua giao lộ. Bổ sung quy định trường hợp phía trước ùn tắc thì không được tiến vào giao lộ, nếu không thể thoát ra khỏi giao lộ khi đèn đổi sang pha màu khác, nếu cản trở phương tiện được đi từ hướng khác tại nơi có vạch kẻ mắt võng.*

UBTVQH thấy rằng, tại khoản 4 Điều 11 dự thảo Luật đã quy định rõ màu của tín hiệu đèn giao thông thuộc hệ thống báo hiệu đường bộ; các tín hiệu khác thuyết minh, nhắc lại và bảo đảm tính linh hoạt khi người tham gia giao thông chấp hành tín hiệu đèn giao thông, tại khoản 10 Điều 11 dự thảo Luật đã giao Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ. Vì vậy, việc quy định như dự thảo Luật là đầy đủ và bảo đảm tính khả thi.

- *Khoản 6, có ý kiến đề nghị chuẩn hóa quy định về kẻ đường cho phù hợp với quốc tế đặc biệt là đường BRT.*

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBQPAN đã chỉ đạo tiếp thu, quy định cụ thể trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo khoản 10 Điều 11 dự thảo Luật.

2.3. Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe (Điều 11, nay là Điều 12)

- Có ý kiến đề nghị gộp khoản 1 và khoản 2 vì quy định cùng một nội dung.

UBTVQH thấy rằng, khoản 1 quy định nguyên tắc chấp hành tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước, khoản 2 quy định việc người điều khiển phương tiện căn cứ vào tình hình thực tế (điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, tình trạng kỹ thuật của phương tiện) để điều chỉnh tốc độ phù hợp bảo đảm an toàn. Vì vậy, việc quy định thành 02 khoản là khoa học, rõ ràng về nguyên tắc chấp hành tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể về tốc độ, khoảng cách giữa các xe.

UBTVQH thấy rằng, để bảo đảm tính ổn định của Luật, việc quy định cụ thể tốc độ và khoảng cách giữa các xe căn cứ vào tốc độ thiết kế của đường bộ, tình trạng thực tế của đường bộ, lưu lượng phương tiện tham gia GTĐB,... nên việc Luật giao Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tốc độ và khoảng cách giữa các xe là phù hợp.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

- Khoản 3, có ý kiến đề nghị bổ sung khu vực “chợ” vào điểm đ;

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý khu vực “chợ” vào điểm đ khoản 3 dự thảo Luật.

- Khoản 3, cần nhắc cấm chăn thả gia súc, gia cầm trên đường tại điểm e.

UBTVQH thấy rằng, tại Điều 32 của dự thảo Luật đã quy định không chăn thả gia súc, gia cầm trên đường; tại điểm e khoản 3 Điều 12 quy định tình huống giao thông thực tế mà người điều khiển phương tiện cần chú ý quan sát, giảm tốc độ để bảo đảm an toàn giao thông.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại như dự thảo Luật.

2.4. Sử dụng làn đường (Điều 12, nay là Điều 13)

- Khoản 2, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định mỗi lần chuyển làn chỉ được chuyển một làn xe.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật.

- Khoản 4, có ý kiến đề nghị sửa lại như sau: “Trên làn đường dành riêng cho một loại hoặc một nhóm phương tiện, người điều khiển phương tiện khác không được đi vào phạm vi giới hạn làn đường đó”.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật theo hướng bổ sung thêm một nhóm loại phương tiện.

- *Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định nguyên tắc nhập làn xe để tránh ùn tắc;*

UBTVQH thấy rằng, nguyên tắc nhập làn chỉ được thực hiện trên đường cao tốc, tại Điều 25 (dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý) về quy tắc giao thông trên đường cao tốc đã quy định nguyên tắc nhập làn; đồng thời, khi tham gia giao thông ở loại đường bộ khác (không phải đường cao tốc) thực hiện nguyên tắc nhường đường đã quy định tại Điều 22 (dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý) về nhường đường nơi đường bộ giao nhau.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- *Đề nghị bổ sung quy định về các loại làn đường như làn đường để tăng tốc, làn đường để nhập làn riêng, làn đường được ưu tiên, làn đường khẩn cấp; trong đó phải có một làn chuyên dùng để vượt, làn đường chuyên dùng để vượt này là làn đường có tốc độ cao nhất và chỉ được sử dụng khi vượt và vượt xong thì phải chạy lại làn đường bên phải.*

UBTVQH thấy rằng, các loại làn đường như làn đường để tăng tốc, làn đường để nhập làn riêng, làn đường khẩn cấp chỉ có trên đường cao tốc, tại Điều 25 (dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý) quy tắc giao thông trên đường cao tốc đã quy định về nguyên tắc sử dụng các loại làn đường này; đối với đề nghị bổ sung quy định làn đường chuyên dùng để vượt này là làn đường có tốc độ cao nhất và chỉ được sử dụng khi vượt và vượt xong thì phải chạy lại làn đường bên phải, hiện nay hạ tầng GTĐB ở nước ta, đường cao tốc chủ yếu mỗi chiều đường có 2 - 3 làn xe, thậm chí có tuyến cao tốc chỉ gồm 01 làn xe, trong khi đó lưu lượng phương tiện trên các tuyến đường cao tốc đã vượt khả năng thông xe của đường, nếu quy định bố trí một làn đường chỉ dành riêng cho việc sử dụng để vượt xe là chưa phù hợp. Khi điều kiện hạ tầng giao thông cho phép thì có thể tổ chức làn đường vượt xe bằng biển báo hiệu sẽ bảo đảm khả thi và phù hợp.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- *Có ý kiến đề nghị cho xe buýt, phương tiện có từ 3 người trở lên được đi vào làn BRT.*

UBTVQH thấy rằng, việc cho xe buýt, phương tiện có từ 3 người trở lên được đi vào làn BRT là công tác tổ chức giao thông thực tế trên một đoạn, tuyến đường và được tổ chức thực hiện bằng hệ thống báo hiệu đường bộ.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

2.5. Vượt xe và nhường đường cho xe xin vượt (Điều 13, nay là Điều 14)

- *Khoản 1, có ý kiến đề nghị chỉnh sửa như sau: “Vượt xe là tình huống giao thông mà xe chạy phía trước di chuyển sang làn đường bên cạnh ở trên đường có từ hai làn đường cùng chiều trở lên hoặc phần đường bên trái, trên đường có hai chiều chỉ có một làn đường mỗi chiều và vượt lên trước xe chạy phía trước”. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định vượt xe trong trường hợp có*

hai làn xe cùng chiều.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý rõ hơn vượt xe chỉ là tình huống giao thông trên đường mà mỗi chiều đường xe chạy chỉ có một làn đường dành cho xe cơ giới để phù hợp với các quy định về nguyên tắc bảo đảm an toàn khi vượt xe; đối với đường có từ hai làn đường dành cho xe cơ giới trở lên thì áp dụng quy tắc sử dụng làn đường. Cụ thể chỉnh lý khoản 1 như sau: “Vượt xe là tình huống giao thông trên đường mà mỗi chiều đường xe chạy chỉ có một làn đường dành cho xe cơ giới, xe đi phía sau di chuyển sang bên trái để lên trước xe phía trước. Trên đường có từ hai làn đường dành cho xe cơ giới trở lên mỗi chiều được phân biệt bằng vạch kẻ đường, xe đi phía sau di lên trước xe phía trước thì áp dụng quy tắc sử dụng làn đường”.

- Khoản 4, có ý kiến đề nghị quy định rõ người lái xe phải đảm bảo tín hiệu đèn trong suốt đoạn đường khi vượt xe hoặc khi chuyển làn.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào khoản 4: “khi vượt xe phải có tín hiệu báo hướng chuyển, tín hiệu báo hướng chuyển được sử dụng, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước và phía sau trong suốt quá trình vượt xe”.

- Khoản 5, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định không được vượt xe trong đường hầm.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý và dự thảo Luật.

2.6. Chuyển hướng xe (Điều 14, nay là Điều 15)

Khoản 4, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cấm quay đầu xe trong khung giờ cao điểm tại các đoạn đường ùn tắc

UBTVQH thấy rằng, việc quy định không quay đầu xe vào giờ cao điểm, phải căn cứ vào tình hình giao thông thực tế của từng vị trí, tuyến đường, khung giờ của từng địa phương là khác nhau. Quy định này được thể chế hóa bằng biển báo hiệu tại từng vị trí, tuyến đường sẽ phù hợp.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

2.7. Lùi xe (Điều 15, nay là Điều 16)

Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “trong trường hợp đặc biệt hoặc là bất khả kháng”.

UBTVQH thấy rằng, qua rà soát cụm từ “trong trường hợp đặc biệt hoặc là bất khả kháng” không liên quan quy định nào thuộc Điều 16.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

2.8. Dừng xe, đỗ xe (Điều 17, nay là Điều 18)

- Khoản 1, khoản 2, một số ý kiến đề nghị kế thừa quy định của Luật GTĐB năm 2008 về dừng xe, đỗ xe; đề nghị đưa về giải thích từ ngữ ở Điều 3; đề nghị quy định cụ thể thời gian dừng xe.

- Khoản 3, tại điểm a, một số ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “biển cảnh báo” để thống nhất quy định tại Điều 17; đề nghị kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật GTĐB năm 2008; đề nghị hợp nhất điểm a và điểm b vì cùng nội dung.

- Khoản 4, khoản 5, có ý kiến đề nghị quy định cụ thể khoảng cách, bỏ từ “cố gắng”; đề nghị bổ sung quy định về biển cảnh báo, kích thước, quy cách và nhất là phải quy định các biển cảnh báo có phản quang và chế tài xử phạt nghiêm khắc.

UBTVQH thấy rằng, việc không định lượng thời gian dừng mà quy định “dừng xe trong một khoảng thời gian cần thiết”, để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với mục đích dừng xe. Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH đối với nội dung khác, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý lại Điều 18 theo hướng kế thừa Luật GTĐB năm 2008 và có chỉnh lý để bảo đảm phù hợp, tránh tác động việc phải tổ chức lại giao thông làm tăng chi phí, nguồn lực trong việc tổ chức, triển khai luật, nhất là đối với các đô thị lớn.

2.9. Mở cửa xe (Điều 18, nay là Điều 19)

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định an toàn khi mở cửa xe, đóng cửa xe, xuống xe.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật:

2.10. Sử dụng đèn (Điều 19, nay là Điều 20)

Khoản 1, một số ý kiến đề nghị quy định cho phù hợp với vùng miền vì nhiều nơi vào mùa đông trời tối sớm hơn; đề nghị quy định thời gian bật đèn từ 18h00 ngày hôm trước đến 6h00 ngày hôm sau.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật để bảo đảm tính khả thi việc quy định thống nhất thời gian sử dụng đèn, phù hợp với thời tiết theo mùa, theo vùng. Chỉnh lý “từ 19 giờ ngày hôm trước đến 5 giờ ngày hôm sau” thành “từ 18 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ ngày hôm sau” phải bật đèn chiếu sáng.

2.11. Sử dụng tín hiệu còi (Điều 20, nay là Điều 21)

- Khoản 2, có ý kiến đề nghị bổ sung “trường học”; đề nghị bỏ khoản 2 vì khi xuất hiện tình huống đột xuất có thể xảy ra tai nạn giao thông người điều khiển phương tiện phải dùng còi để cảnh báo; đề nghị bổ sung từ “trường học”.

UBTVQH thấy rằng, quy định không sử dụng còi trong thời gian từ 22h00 ngày hôm trước đến 5h00 ngày hôm sau tại khu vực trường học, thời gian trên các trường học không thực hiện việc giảng dạy, học tập, nên không bổ sung cụm từ “trường học” vào khoản 2; đối với đề nghị bỏ khoản 2, nhằm tiến tới một xã hội có giao thông văn minh “không tiếng còi”, hạn chế tác hại, ô

nhằm tiếng ồn, việc quy định không sử dụng tín hiệu còi trong khoảng thời gian nhất định trong ngày hoặc tại một số khu vực như bệnh viện, khu đông dân cư... là cần thiết, khi xuất hiện tình huống đột xuất có thể xảy ra tai nạn giao thông vào thời gian này người điều khiển phương tiện có thể sử dụng tín hiệu khác như đèn để cảnh báo.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không cho bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- Một số ý kiến đề nghị quy định cụ thể về công suất còi tối đa để tránh gây mất trật tự.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung, quy định về công suất còi tối đa của còi thuộc tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật phương tiện của văn bản dưới Luật.

- Có ý kiến đề nghị cấm sử dụng còi từ 21h00 ngày hôm trước đến 5h00 ngày hôm sau.

UBTVQH thấy rằng, việc dự thảo Luật quy định cấm sử dụng còi trong một khung giờ nhất định và tại một số vị trí như trong khu đông dân cư và khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là bảo đảm khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế giao thông Việt Nam hiện nay.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

2.12. Nhường đường tại nơi đường giao nhau (Điều 21, nay là Điều 22)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định rõ về các quy tắc nhường đường.

UBTVQH thấy rằng, quy tắc giao thông về nhường đường tại nơi đường giao nhau là quy tắc có tính ổn định và phù hợp với Công ước Viên về GTĐB. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho chỉnh lý quy định này kế thừa Luật GTĐB năm 2008.

- Có ý kiến đề nghị quy định mở rộng loại xe đi đường ưu tiên với những xe chở 3 người trở lên.

UBTVQH thấy rằng, Điều 22 quy định quy tắc nhường đường tại nơi đường giao nhau, không quy định chi tiết trên xe chở bao nhiêu người. Do đó, nội dung đề nghị không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều này.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

- Khoản 1, có ý kiến đề nghị quy định tại nơi đường giao nhau, các phương tiện giao thông phải quan sát, giảm tốc độ.

UBTVQH thấy rằng, khoản 1 quy định nguyên tắc nhường đường giữa đường ưu tiên và đường không ưu tiên khi tham gia giao thông, việc tất cả các phương tiện đến đường giao nhau phải giảm tốc độ đã được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ và chỉnh lý như dự thảo Luật.

2.13. Giao thông tại đường ngang, cầu chung đường sắt (Điều 23, nay là Điều 24)

Khoản 3, có ý kiến đề nghị quy định rõ về báo hiệu dừng tàu, thực hiện các biện pháp an toàn.

UBTVQH thấy rằng, việc dự thảo Luật không quy định cụ thể về báo hiệu để dừng tàu, thực hiện các biện pháp an toàn, mà căn cứ điều kiện thực tế để người điều khiển phương tiện và người có mặt sử dụng các hình thức khác nhau thực hiện báo hiệu để dừng tàu, thực hiện các biện pháp an toàn bảo đảm tính khả thi.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

2.14. Giao thông trên đường cao tốc (Điều 24, nay là Điều 25)

- Có ý kiến đề nghị bỏ từ “cố gắng”; đề nghị quy định cụ thể về dừng đỗ xe trên cao tốc phải dừng vào làn khẩn cấp.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý bỏ cụm từ “cố gắng” và quy định cụ thể hơn về dừng đỗ trên đường cao tốc như sau: “Chỉ được dừng xe, đỗ xe ở nơi quy định; trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe thì được dừng xe, đỗ xe ở làn dừng khẩn cấp cùng chiều xe chạy và phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp”.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy tắc giao thông phù hợp với đường cao tốc.

UBTVQH thấy rằng, các nội dung của dự thảo Luật quy định quy tắc giao thông đường cao tốc (quy tắc nhập vào làn đường của đường cao tốc, quy tắc ra khỏi đường cao tốc, quy tắc sử dụng làn dừng xe khẩn cấp, quy tắc dừng, đỗ xe trên đường cao tốc và đối tượng không được tham gia giao thông trên đường cao tốc) đã bảo đảm đầy đủ, phù hợp.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

2.15. Quyền của xe ưu tiên (Điều 26, nay là Điều 27)

- Nhiều ý kiến đề nghị bổ sung xe của Viện kiểm sát nhân dân thực hiện các nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định của pháp luật là xe ưu tiên.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, bổ sung, chỉnh lý vào dự thảo Luật.

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung chế tài xử lý đối với những xe không thuộc diện ưu tiên nhưng lắp các thiết bị còi, đèn như xe ưu tiên; đề nghị chuẩn hóa quy định về xe ưu tiên, quy định các trường hợp được sử dụng còi, đèn hiệu để tránh lạm dụng, gây cản trở giao thông.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể trong Nghị định của Chính phủ quy định về tín hiệu của xe ưu tiên; quản lý, sử dụng thiết bị của xe ưu tiên theo quy định tại khoản 5 Điều này.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cụ thể về nhường đường cho xe ưu tiên.

UBTVQH thấy rằng, tại khoản 4 đã quy định về nhường đường cho xe ưu tiên; các hành vi vi phạm và chế tài xử phạt đã được điều chỉnh bởi pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TTATGTĐB. Việc quy định như dự thảo Luật là đầy đủ và bảo đảm tính khả thi.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không cho bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

2.16. Người đi bộ, người khuyết tật, người già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai, trẻ em tham gia giao thông (Điều 29, nay là Điều 30)

- Khoản 1, điểm a, có ý kiến cho rằng quy định “đi sát” mang tính cảm tính, đề nghị quy định khoảng cách tối thiểu; đồng thời, đề nghị cân nhắc tính khả thi vì nhiều trường hợp người đi bộ phải đi xuống lòng đường do vỉa hè bị lấn chiếm.

UBTVQH thấy rằng, việc quy định người bộ phải đi “sát mép” đường bên phải theo chiều đi của mình mà không quy định khoảng cách tối thiểu bao nhiêu để bảo đảm tính khả thi, phù hợp; đối với đề nghị tính khả thi của trường hợp người đi bộ phải đi xuống lòng đường do vỉa hè bị lấn chiếm, dự thảo Luật đã quy định cụ thể hơn về sử dụng vỉa hè và trách nhiệm của bảo đảm an toàn giao thông khi sử dụng vỉa hè vào mục đích khác, cụ thể tại khoản 1 Điều 76 (dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý) quy định: “Lòng đường được sử dụng cho mục đích giao thông; vỉa hè được sử dụng cho người đi bộ. Trường hợp cần thiết sử dụng lòng đường, vỉa hè phục vụ các sự kiện chính trị, hoạt động văn hoá, thể thao và mục đích khác phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng lòng đường, hè phố theo quy định và thông báo ngay cho cơ quan CSGT làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGTĐB trước khi thực hiện”.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

- Khoản 2, điểm d, có ý kiến đề nghị làm rõ quy định độ tuổi trẻ em khi qua đường phải có người lớn dẫn dắt qua đường là 07 tuổi, ý kiến khác đề nghị nâng lên thành 11 tuổi.

UBTVQH thấy rằng, quy định độ tuổi trẻ em 07 tuổi khi qua đường phải có người lớn dẫn dắt qua đường tại khoản 2 Điều 30 được kế thừa từ Luật GTĐB năm 2008, đã thực hiện ổn định, không có vướng mắc trong thực tế. Vì vậy, đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật để đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thể trạng của trẻ em hiện nay.

- Có ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung các quy định hỗ trợ khác đối với người khuyết tật, phụ nữ mang thai, trẻ em khi tham gia giao thông. Trẻ em dưới 6 tuổi ngồi sau xe đạp, xe mô tô phải có thiết bị an toàn, ghế dành riêng cho trẻ em; tốc độ tối đa khi chở trẻ em. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định trẻ em đi xe đạp tham gia giao thông phải đội mũ bảo hiểm.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, bảo đảm khả thi, phù hợp với thực tiễn hiện nay, đó là “*Khi chở trẻ em dưới 06 tuổi bằng xe gắn máy, xe mô tô mà không có người lớn ngồi cùng phải có dây đai an toàn hoặc ghế dành riêng cho trẻ em*” (tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý); người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện khi chở trẻ em dưới 07 tuổi được chở tối đa hai người để bảo vệ trẻ em (tại khoản 1 Điều 31 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý); người lái xe mô tô hai bánh, xe gắn máy khi chở trẻ em dưới 12 tuổi thì được chở tối đa hai người (tại khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý); người được chở trên xe đạp máy, xe đạp điện phải đội mũ bảo hiểm bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và cài quai đúng quy cách (tại khoản 3 Điều 31 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý). Về tốc độ tối đa được thiết kế phù hợp với kết cấu của đường bộ và phù hợp với từng loại phương tiện. Quy định như trên được kế thừa quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2.17. Người điều khiển, người ngồi, hàng hóa xếp trên xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện và xe thô sơ khác (Điều 30, nay là Điều 31)

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định đội mũ bảo hiểm và đèn cảnh báo cho xe đạp để bảo đảm an toàn giao thông.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật.

2.18. Người lái xe, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy (Điều 31, nay là Điều 32)

- Khoản 1, điểm c, có ý kiến cho rằng quy định 14 tuổi là không phù hợp thể trạng trẻ em hiện nay.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật theo hướng: Điều chỉnh “trẻ em dưới 14 tuổi được chở quá 02 người trên xe mô tô” thành “trẻ em dưới 12 tuổi được chở quá 02 người trên xe mô tô” để thống nhất với độ tuổi của trẻ em được bảo vệ trong các quy định của dự thảo Luật.

- Khoản 3, có ý kiến đề nghị bổ sung cấm sử dụng điện thoại.

UBTVQH thấy rằng, tại khoản 6 Điều 10 (dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý) nghiêm cấm dùng tay sử dụng điện thoại hoặc thiết bị điện tử khi điều khiển phương tiện, như vậy đã gồm cả người lái xe mô tô.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không cho bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- Tại điểm d khoản 3, có ý kiến đề nghị quy định phải sử dụng cả hai tay.

UBTVQH thấy rằng, tại điểm d khoản 3, dự thảo Luật quy định người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không được thực hiện hành vi “*Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh*” là đầy đủ và phù hợp với kỹ thuật điều khiển phương tiện an toàn.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không cho bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- *Tại điểm g khoản 3, có ý kiến đề nghị làm rõ hành vi khác là hành vi nào.*

UBTVQH thấy rằng, nội dung quy định này có tính chất “phủ quét”, không tạo khoảng trống pháp luật mà có thể phát sinh trong thực tiễn các hành vi điều khiển phương tiện gây nguy hiểm, mất TTATGTĐB.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.

2.19. Nội dung khác

- *Tại khoản 5 Điều 19, quy định: “...người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ, dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường...”. Với thực trạng hạ tầng GTĐB chưa đồng bộ, chưa có đầy đủ nơi qua đường cho người đi bộ, đồng thời lưu lượng phương tiện tham gia giao thông lớn thì việc quy định phương tiện phải dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường có bảo đảm tính khả thi và liên quan trách nhiệm pháp lý khi xảy ra tai nạn giao thông như thế nào.*

Nội dung này, đề nghị chỉnh lý khoản 5 Điều 10 dự thảo Luật theo hướng: “Người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại tại nơi có vạch kẻ đường hoặc báo hiệu khác dành cho người đi bộ hoặc tại nơi mà người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường”.

3. Phương tiện giao thông đường bộ (Chương III)

3.1. Điều kiện phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Điều 33, nay là Điều 35)

- *Khoản 1, điểm c, một số ý kiến nhất trí với quy định tại dự thảo, vì cho rằng việc lắp camera giám sát hành trình cho xe cơ giới sẽ hỗ trợ cho việc lái xe an toàn cũng như tránh được những rủi ro đáng tiếc có thể xảy ra, hỗ trợ giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh khi xảy ra va chạm, tai nạn giao thông; nhiều ý kiến đề nghị cân nhắc quy định lắp thiết bị giám sát với mọi xe, chỉ bắt buộc với xe kinh doanh vận tải, còn các xe khác thì khuyến khích lắp; đề nghị chỉ quy định bắt buộc lắp camera lùi với xe kinh doanh vận tải để bảo đảm an toàn.*

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh theo hướng cơ bản kế thừa các quy định hiện hành để tránh phát sinh chi phí tuân thủ pháp luật, gây khó khăn, phiền hà, tốn kém cho chủ phương tiện. Theo đó, quy định tất cả các loại xe ô tô kinh doanh vận tải đều phải lắp thiết bị giám sát hành trình; đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ trở lên (kể cả chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương phải lắp cả thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe.

- *Khoản 5, có ý kiến đề nghị cân nhắc, đánh giá tác động và quy định chặt*

chế để bảo đảm tính khả thi khi người dân đi từ tỉnh này qua tỉnh khác; đề nghị quy định cụ thể hoặc giao chính phủ quy định về điều kiện hoạt động, tiêu chuẩn kỹ thuật, địa phương chỉ quy định về phạm vi hoạt động của xe thô sơ cho phù hợp điều kiện địa phương.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật theo hướng giao Chính phủ về điều kiện tham gia GTĐB (khoản 5 Điều 35) và UBND cấp tỉnh quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ (khoản 6 Điều 35).

3.2. Cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký và biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (Điều 34, nay là Điều 38)

- Khoản 1:

+ Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định “giấy chứng nhận đã hoàn thành nghĩa vụ thuế” có phát sinh thủ tục mới hay không; đề nghị chỉ áp dụng với xe mới để tránh gây phiền hà cho người dân; có ý kiến đề nghị rà soát để thống nhất với Nghị định 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử;

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật.

+ Có ý kiến đề nghị làm rõ về quyền sở hữu cá nhân trong trường hợp xe hết niên hạn sử dụng, hư hỏng hoặc chuyển quyền sở hữu thì biển số định danh của chủ xe được giữ lại trong thời hạn 5 năm để đăng ký xe khác thuộc sở hữu của mình, đặc biệt là đối với các biển số xe trúng đấu giá với số tiền lớn vì lý do bất khả kháng mà chủ xe chưa mua được xe.

UBTVQH thấy rằng, trường hợp này cơ quan đăng ký xe đã cấp giấy chứng nhận thu hồi (chủ xe đã nộp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe) và sau 5 năm nếu chủ xe không đăng ký thì số biển số đó mới bị thu hồi và đưa vào kho biển số để cấp ngẫu nhiên. Quy định trên nhằm tránh lãng phí tài nguyên số (tài sản công); trường hợp 05 năm không đăng ký hầu hết là khả năng tài chính của chủ xe hoặc chủ xe già yếu, chết hoặc không có nhu cầu hoặc tổ chức, doanh nghiệp giải thể... Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ nguyên như dự thảo Luật.

3.3. Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp (Điều 35, nay là Điều 40)

- Một số ý kiến đề nghị cân nhắc tính khả thi đối với xe mô tô, phụ tùng xe cơ giới, tránh phát sinh thủ tục hành chính, tăng chi phí với doanh nghiệp trong thực hiện những việc liên quan trong sản xuất kinh doanh; đề nghị không kiểm định với phụ tùng xe cơ giới vì thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học công nghệ.

UBTVQH thấy rằng, quy định về chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phụ tùng xe cơ giới không phát sinh thêm thủ tục hành chính và chi phí cho doanh nghiệp do đang được thực hiện theo quy định của Chính phủ⁸. Việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện, phụ tùng xe cơ giới là phần không thể tách rời trong việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tuy nhiên, để làm rõ hơn nội dung này UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phụ tùng xe cơ giới được thực hiện theo quy định của pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Khoản 1, có ý kiến đề nghị thay cụm từ “được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật” bằng cụm từ “có chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật”.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật.

3.4. Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (Điều 36, nay là Điều 41)

- Khoản 6, có ý kiến đề nghị bổ sung Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các quy định liên quan đến kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đề nghị bổ sung thêm cụm từ “kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường”. Có ý kiến đề nghị quy định thời gian đăng kiểm lần đầu đối với xe mới sản xuất;

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật cho phù hợp.

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc tính khả thi đối với xe mô tô;

UBTVQH thấy rằng, quy định thực hiện kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy (không kiểm định an toàn kỹ thuật) tại dự thảo Luật là thực hiện Luật Môi trường, lộ trình thực hiện do Chính phủ quy định; do đặc thù chỉ kiểm tra khí thải nên các trạm kiểm tra khí thải quy định tại khoản 5 Điều 41 của Dự thảo Luật có thể bao gồm: các trạm kiểm tra khí thải độc lập; các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới, mô tô, xe gắn máy; các trung tâm đăng kiểm xe cơ giới. Vì vậy, sẽ có rất nhiều trạm kiểm tra khí thải thực hiện việc kiểm tra khí thải thay vì chỉ phải đến các Trung tâm đăng kiểm để thực hiện.

⁸ Khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 60/2023/NĐ-CP ngày 16/08/2023 của Chính phủ quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu và linh kiện nhập khẩu theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đề nghị tách nội dung đăng kiểm viên, trình tự, thủ tục đăng kiểm thành một điều riêng vì không phù hợp tên Điều.

UBTVQH thấy rằng, về đề nghị tách nội dung trình tự, thủ tục đăng kiểm thành một điều riêng vì không phù hợp tên điều: Đối với trình tự, thủ tục đăng kiểm thuộc nội hàm quy định về bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nên cấu trúc tại Điều này là phù hợp. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ nguyên như dự thảo Luật.

3.5. Niên hạn sử dụng của xe cơ giới (Điều 37, nay là Điều 39)

- Khoản 1, có ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết đối xe ô tô chuyên dùng, xe rơ moóc, xe sơ mi rơ moóc và phương tiện của Công an, Quân đội phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng.

UBTVQH thấy rằng, đề nghị bổ sung quy định về niên hạn đối với các phương tiện phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng. Do tính chất đặc thù trong khai thác sử dụng của nhóm phương tiện này (sử dụng ít và được bảo quản, bảo dưỡng luôn ở trạng thái sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ công vụ) và chủ yếu là các phương tiện chuyên dùng nên trong dự thảo Luật không quy định về niên hạn sử dụng đối với nhóm phương tiện này là phù hợp. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ nguyên như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về niên hạn xe cơ giới bao gồm cả xe ô tô, xe gắn máy theo năm sản xuất hoặc số ki-lo-met.

UBTVQH thấy rằng, đối với ô tô, tại dự thảo Luật đã quy định giao Chính phủ quy định về niên hạn sử dụng; đối với xe mô tô, xe gắn máy: trong dự thảo Luật không áp dụng quy định về niên hạn do các xe không đáp ứng yêu về kiểm định khí thải sẽ không được phép lưu hành thì sẽ được thu hồi, tiêu hủy để không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của Luật Môi trường 2020. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ nguyên như dự thảo Luật.

3.6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; cơ sở đăng kiểm; trách nhiệm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng (Điều 38, nay là Điều 42)

Điểm b, khoản 1, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cơ sở đăng kiểm từ chối đăng kiểm phương tiện khi chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng chưa thực hiện xong các quy định liên quan đến xử phạt vi phạm TTATGTĐB theo quy định; quy định cụ thể hơn về công tác đăng kiểm trong Luật, đồng thời làm rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật.

3.7. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 39, nay là Điều 48)

- Có ý kiến đề nghị xem xét luật hóa một số quy định tại Thông tư số

46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện GTĐB khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào tại Điều 51 và Điều 52 dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung một khoản thực hiện nghiêm hướng dẫn của biển báo phân làn và các quy định kiểm soát tải trọng tại các trạm kiểm tra trọng tải xe.

UBTVQH thấy rằng, việc quy định biển báo phân làn và các quy định kiểm soát tải trọng, người điều khiển phương tiện phải chấp hành các quy định về hệ thống báo hiệu đường bộ. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

3.8. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hàng nguy hiểm (Điều 42, nay là Điều 50)

- Một số ý kiến đề nghị luật hóa một số quy định tại Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa; cân nhắc quy định phải có giấy chứng nhận chuyên môn để tránh phát sinh thủ tục hành chính. Khoản 3, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định lắp đèn, tín hiệu cảnh báo để hạn chế tai nạn.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật.

3.9. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ (Điều 45, nay là Điều 47)

- Khoản 1, điểm b, có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “giá cước vận tải”; rà soát quy định của dự thảo Luật Đường bộ về xe bốn bánh có gắn động cơ. Khoản 2, có ý kiến đề nghị giao Bộ Giao thông vận tải tham mưu cho Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục cho phép hoạt động chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về thời gian, phạm vi hoạt động cho phép vận chuyển khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa, xe chở hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh gắn động cơ trên địa bàn của địa phương; ý kiến khác đề nghị giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định để bảo đảm tính khách quan, đồng thời quy định rõ thời điểm ban hành không quá 06 tháng kể từ khi Luật có hiệu lực thi hành.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật.

3.10. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe ô tô đưa đón học sinh (Điều 46, nay là Điều 45)

Khoản 1, điểm a, một số ý kiến đề nghị bổ sung thêm cụm từ “có lắp đặt camera”; đề nghị xem xét cơ sở pháp lý của quy định niên hạn xe đưa đón học sinh không quá 15 năm. Khoản 2, một số ý kiến đề nghị cân nhắc quy định bắt buộc phải có hai người trên xe ô tô có sức chứa trên 24 chỗ để đưa đón học sinh mầm non; đề nghị quy định màu sắc xe đưa đón học sinh; lái xe ít nhất 5 năm kinh nghiệm; cấm lái xe hút thuốc trong xe; đề nghị áp dụng đối với cả xe đưa đón học sinh tiểu học.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật cho phù hợp theo hướng các xe ô tô kinh doanh vận tải chở học sinh, trẻ em mầm non hoặc kết hợp với hoạt động đưa đón học sinh, trẻ em mầm non phải lắp thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; quy định niên hạn sử dụng không quá 20 năm cho phù hợp với thực tế. Khi đưa đón học sinh tiểu học, trẻ em mầm non phải bố trí tối thiểu 01 người quản lý trên mỗi xe ô tô để hướng dẫn, giám sát, duy trì trật tự và bảo đảm an toàn cho học sinh tiểu học, trẻ em mầm non trong suốt chuyến đi. Trường hợp xe trên 30 chỗ và chở trên 29 học sinh tiểu học và trẻ em mầm non phải bố trí tối thiểu 02 người quản lý trên mỗi xe ô tô. Lái xe ô tô đưa đón học sinh, trẻ em mầm non phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm lái xe vận tải hành khách.

3.11. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe quá khổ giới hạn của đường bộ, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ (Điều 47, nay là Điều 51)

Khoản 4, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định trường hợp vận chuyển bằng xe quá khổ giới hạn, quá xe quá tải trọng có ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình đường bộ hoặc buộc phải duy tu, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại do các phương tiện quá khổ giới hạn vi phạm quá tải gây ra; ý kiến khác đề nghị làm rõ cơ quan có thẩm quyền quy định không thể vận chuyển bằng các phương tiện khác, tránh gây khó khăn cho đơn vị vận tải.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý tại Điều 51 dự thảo Luật theo hướng: Trường hợp xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích vượt quá tải trọng, khổ giới hạn của công trình đường bộ thì chủ phương tiện vận chuyển chịu trách nhiệm khảo sát, thiết kế, gia cường công trình đường bộ; việc khảo sát, thiết kế, gia cường công trình đường bộ do đơn vị đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật về xây dựng thực hiện; chủ phương tiện vận chuyển có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí để khảo sát, thiết kế, gia cường công trình đường bộ và có trách nhiệm bồi thường khi xảy ra thiệt hại đối với công trình đường bộ. Việc cấp phép, lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích trên đường bộ được thực hiện trong trường hợp khi các phương án vận chuyển hàng hoá bằng đường sắt, đường thủy, đường biển hoặc phương thức vận tải khác không thể thực hiện được hoặc không an toàn, không hiệu quả, gây tổn kém,

lãng phí, thiệt hại.

3.12. Các nội dung khác của Chương III

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn, quản lý đối với các loại phương tiện tự chế như: xe công nông, xe ba gác, xe thương binh vì nhóm phương tiện này tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn; đề nghị giới hạn những loại xe này chỉ hoạt động ở vùng nông thôn, phục vụ sản xuất.

UBTVQH thấy rằng, Nghị quyết số 05/2008/NQ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ có nội dung: Bộ Giao thông vận tải: Hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện việc không cho phép lưu hành xe công nông tự chế theo quy định tại Chỉ thị số 46/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP của Chính phủ; không cấp phép mới cho lưu hành thêm các loại xe cơ giới ba bánh; đối với các loại xe cơ giới ba bánh hiện có đang lưu hành thì ban hành quy định cấm lưu hành (kể cả xe cơ giới ba bánh nhập khẩu) trong nội thành, nội thị và các quốc lộ (trừ xe xích lô phục vụ du lịch, xe thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường, xe làm phương tiện đi lại của thương binh, người tàn tật); quy định các khu vực khác và thời gian được phép lưu hành của xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương. Riêng xe tự chế dùng làm phương tiện đi lại của thương binh, người tàn tật (không chở thêm người và hàng hóa) được phép lưu hành đến ngày 31/12/2008. Các Bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ về việc sản xuất, lắp ráp, lưu hành xe ba bánh, xe cơ giới dùng cho người tàn tật tại công văn số 1192/TTg-CN ngày 21 tháng 12 năm 2007.

Như vậy, theo tinh thần của Nghị quyết trên thì các xe tự chế sẽ không được phép hoạt động. Đối với các xe thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường, xe làm phương tiện đi lại của thương binh, người tàn tật đều là xe cơ giới và tại dự thảo Luật đã giao cho Bộ trưởng Bộ Giao thông quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung các quy định cụ thể, đầy đủ về phương tiện giao thông thông minh, xe tự lái để bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc quản lý trong thực tiễn, nhất là các quy định về phân loại cấp độ, điều kiện sử dụng hệ thống tự lái, trách nhiệm của chủ phương tiện khi sử dụng hệ thống tự lái để xảy ra tai nạn giao thông; đồng thời, cần có nghiên cứu, đánh giá cụ thể hơn đối với phương tiện này vì hiện nay trên thế giới cũng chỉ đang thí điểm với xe tự lái.

UBTVQH thấy rằng, xu hướng tương lai phát triển phương tiện giao thông thông minh được trang bị hệ thống hỗ trợ người lái xe trong xử lý tình huống, tự động hóa nhiệm vụ lái xe, sau này có những con đường có những tuyến giao thông, có những khu vực có thiết bị để hướng dẫn cho các phương

tiện giao thông không cần người điều khiển tự xử lý các tình huống, đồng thời gửi các dữ liệu đó về trung tâm, tính toán cấp phép, điều kiện đảm bảo hoạt động cần có quy định đối với loại phương tiện giao thông thông minh. Tuy nhiên, do phương tiện giao thông thông minh là nội dung mới, chưa được kiểm nghiệm trong thực tiễn nên chưa thể quy định cụ thể trong dự thảo Luật về nội dung này, nên trong dự thảo Luật này chỉ quy định mang tính nguyên tắc và ủy quyền quy định cụ thể cho phù hợp, bảo đảm tính linh hoạt (khoản 5 và khoản 7 Điều 34, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 55). Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị quy định điều chỉnh đối xe điện hai bánh tự cân bằng, xe trượt Scooter, Va-li điện.

UBTVQH thấy rằng, nhóm phương tiện này không được coi là xe cơ giới theo quy định tại dự thảo Luật cũng như thông lệ quốc tế. Tham khảo việc sử dụng loại phương tiện này ở một số quốc gia thì phương tiện không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật khi tham gia giao thông như không có cảnh báo an toàn, không có đèn chiếu sáng, phanh và độ tuổi của người điều khiển rất đa dạng nên chỉ hoạt động trong phạm vi hạn chế (như khu vui chơi, công viên) không được tham gia giao thông vì vậy không đưa vào phạm vi điều chỉnh của Luật này là phù hợp. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- Đa số ý kiến đề nghị nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện để bổ sung vào dự thảo Luật quy định về đấu giá biển số xe ô tô; có ý kiến đề nghị nghiên cứu mở rộng đấu giá với cả biển số xe tải, xe khách và xe mô tô.

Về vấn đề này, UBTVQH đã giao Thường trực UBQPAN có văn bản đề nghị Chính phủ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 73/2022/QH15 về thí điểm đấu giá biển số xe ô tô (tính đến hết tháng 02/2024); làm rõ tính khả thi, tính hiệu quả và đánh giá tác động việc bổ sung vào trong dự thảo Luật TTATGTĐB. Tại phiên họp thứ 31 (tháng 3/2024), UBTVQH đề nghị nghiên cứu kỹ lưỡng việc luật hóa nội dung đấu giá biển số xe; trường hợp luật hóa, cần có báo cáo kết quả thực hiện và đánh giá tác động đối với nội dung này. Thực hiện kết luận của UBTVQH, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an báo cáo kết quả thực hiện công tác đấu giá biển số xe ô tô theo Nghị quyết số 73/2022/QH15 của Quốc hội.

UBTVQH cơ bản nhất trí với các báo cáo của Chính phủ và thấy rằng việc thực hiện Nghị quyết số 73/2022/QH15 trong thời gian vừa qua đã đem lại kết quả tích cực, chứng minh được tính hiệu quả, tính khả thi của chính sách mới này. Trong 05 tháng triển khai thực hiện đã tổ chức đấu giá trực tuyến thành công 15.185 biển số xe ô tô, với tổng số tiền đấu giá thành là 2.052.740.000.000 đồng và đã có 14.062 biển số xe ô tô trúng đấu giá được khách hàng nộp với số tiền 1.395.960.000.000 đồng; việc đấu giá biển số được dư luận xã hội rất quan tâm và đồng tình, ủng hộ. Việc luật hoá quy định của Nghị quyết số 73/2022/QH15 vào dự thảo Luật TTATGTĐB là rất cần thiết, kết hợp với việc cấp và quản lý biển số xe theo mã định danh của chủ xe đã góp phần cải cách

thủ tục hành chính, giảm số lượng giấy tờ khi đăng ký, công tác đăng ký xe, đáp ứng mục tiêu công dân số, Chính phủ số theo Đề án 06 của Chính phủ và khai thác, quản lý hiệu quả tài sản công. Việc mở rộng đấu giá biển số xe kinh doanh vận tải và xe mô tô là rất cần thiết. Nếu không kịp thời đưa vào dự thảo Luật này mà chờ hết thời gian thực hiện thí điểm, tiến hành tổng kết, báo cáo Quốc hội thì lúc đó phải tiến hành trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Luật mới được Quốc hội sẽ gây tốn kém, lãng phí cả về thời gian và ngân sách.

Đề luật hóa nội dung đấu giá biển số xe, theo đề xuất của đa số ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo thiết kế 02 phương án như sau:

Phương án 1: Bổ sung 01 điều vào dự thảo Luật TTATGTĐB (Điều 37 dự thảo Luật đã chỉnh lý), trên tinh thần kế thừa nội dung của Nghị quyết số 73/2022/QH15 về thí điểm đấu giá biển số xe có điều chỉnh để khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết trên.

Phương án 2: Bổ sung nội dung đấu giá biển số xe vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

UBTVQH đề nghị các vị ĐBQH cho chọn với Phương án 1, vì đưa vào quy định trong dự thảo Luật TTATGTĐB là phù hợp với ý kiến ĐBQH đã nêu, phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật TTATGTĐB là luật chuyên ngành, sẽ quy định đầy đủ, cụ thể các nội dung về đấu giá biển số xe và tạo nên sự thống nhất với các quy định khác về biển số xe như quản lý phương tiện GTĐB, cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe và biển số xe. UBTVQH trân trọng đề nghị các vị ĐBQH cho phép lựa chọn Phương án 1 nêu trên.

Trường hợp bổ sung quy định đấu giá biển số xe như trong dự thảo Luật, do mức tiền đặt trước khác so với quy định tại khoản 1 Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản⁹, nên cần sửa đổi khoản 1 Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản theo hướng “trừ tiền đặt trước đấu giá biển số xe thực hiện theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ”. Đề nghị bổ sung nội dung sửa đổi này vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đang được tiếp thu, chỉnh lý để trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 7.

4. Về người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Chương IV)

4.1. Điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Điều 49, nay là Điều 55)

- Một số ý kiến đề nghị cần nhắc quy định về “chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức” để tránh phiền hà, phát sinh thêm thủ tục, nên kết hợp khi đào tạo lái xe.

UBTVQH thấy rằng, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về GTĐB đã được quy định ổn định từ Luật GTĐB năm 2008. Số lượng xe máy chuyên dùng tham gia giao thông chiếm tỷ lệ ít hơn so với xe ô tô, mô tô, đặc thù của

⁹ Khoản 1 Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 quy định: “Khoản tiền đặt trước do tổ chức đấu giá tài sản và người có tài sản đấu giá thỏa thuận, nhưng tối thiểu là năm phần trăm và tối đa là hai mươi phần trăm giá khởi điểm của tài sản đấu giá”.

loại phương tiện này là tốc độ chậm, đoạn đường di chuyển ngắn chỉ từ công trường đến nơi sản xuất, thi công...do đó chỉ cần chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về GTĐB để tham gia giao thông trên đường. Tại khoản 2 Điều 55 Dự thảo Luật, cơ quan soạn thảo đã quy định giấy phép lái xe có thể thay thế chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về GTĐB khi phương tiện tham gia giao thông trên đường, tuy nhiên không phải người điều khiển xe máy chuyên dùng nào cũng có giấy phép lái xe khi tham gia giao thông hoặc có nhu cầu được đào tạo, cấp giấy phép lái xe do đó không thể quy định kết hợp đào tạo lái xe và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về GTĐB.

- Một số ý kiến cho rằng cần nghiên cứu yêu cầu mua bảo hiểm bắt buộc với phương tiện giao thông thông minh vì hiện nay các công ty bảo hiểm chưa có gói bảo hiểm này

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, chỉnh lý, bổ sung Điều 34 quy định về phân loại phương tiện GTĐB trong Dự thảo Luật, trong đó tại khoản 5 xác định phương tiện giao thông thông minh là xe cơ giới. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 55 thì khi tham gia giao thông, người lái xe phải mang theo bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (kể cả phương tiện giao thông thông minh).

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định các loại giấy tờ được trích xuất, xuất trình thông qua tài khoản định danh điện tử.

UBTVQH thấy rằng, việc đồng bộ dữ liệu các loại giấy tờ phải mang theo trên tài khoản định danh điện tử nhằm phục vụ cho công tác quản lý theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia, nhằm cung cấp các tiện ích phát triển, giảm tải thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tham gia giao thông. Trong thời gian tới, có thể cân nhắc việc sửa Luật xử lý vi phạm hành chính các văn bản pháp luật có liên quan cho đồng bộ với Luật này và Luật Căn cước.

- Có ý kiến đề nghị không bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự với xe mô tô, xe gắn máy

UBTVQH thấy rằng, việc mang theo bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người điều khiển xe mô tô đã được quy định ổn định tại Luật GTĐB năm 2008. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới là chính sách an sinh xã hội của nhà nước nhằm bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân trong các vụ tai nạn giao thông đồng thời giúp giảm thiểu gánh nặng tài chính cho chủ xe cơ giới trước những rủi ro, bất ngờ của tai nạn giao thông. Do đó, trong nhiều năm qua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (trong đó có xe mô tô, xe gắn máy) đã phát huy được tính thiết thực và lợi ích chung cho xã hội cần tiếp tục duy trì và thực hiện.

4.2. Giấy phép lái xe (Điều 50)

- Nhiều ý kiến đề nghị bổ sung quy định về điểm, trừ điểm giấy phép lái xe để nâng cao ý thức người lái xe; có ý kiến đề nghị làm rõ hình thức quản lý khi áp dụng biện pháp trừ điểm khi tích hợp giấy phép lái xe vào thẻ căn cước.

Về vấn đề này, UBND tỉnh đã giao Thường trực UBND tỉnh có văn bản đề nghị Chính phủ báo cáo, đề xuất về quy định điểm, trừ điểm giấy phép lái xe và đánh giá tác động, tính khả thi, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

UBND tỉnh nhất trí với báo cáo của Chính phủ và thấy rằng việc tiếp thu ý kiến của ĐBQH bổ sung quy định về điểm, trừ điểm giấy phép lái xe trong dự thảo Luật TTATGTĐB là cần thiết, bởi vì các lý do sau đây: Trong điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số, khoa học công nghệ ngày càng phát triển thì việc ứng dụng công nghệ số trong xử lý vi phạm giao thông là tất yếu, kể cả việc tính điểm, trừ điểm giấy phép lái xe như một số nước (Trung Quốc, Đức, Singapore, Nhật Bản) hiện nay đang thực hiện. Quy định điểm, trừ điểm giấy phép lái xe là một biện pháp quản lý nhà nước văn minh, hiện đại để quản lý quá trình chấp hành luật của lái xe thay vì quản lý từng hành vi đơn lẻ. Thay vì nhiều hành vi vi phạm phải áp dụng biện pháp xử phạt hành chính bổ sung là tước giấy phép lái xe như hiện nay thì chuyển sang áp dụng quy định trừ điểm giấy phép lái xe và yêu cầu người bị trừ hết điểm phải kiểm tra lại kiến thức trước khi phục hồi điểm là biện pháp mang tính nhân văn hơn, vừa quản lý chặt chẽ người được cấp giấy phép lái xe, vừa tạo điều kiện cho những người này có cơ hội điều khiển phương tiện khi người đó cố gắng, chấp hành tốt quy định của pháp luật về TTATGTĐB. Theo báo cáo của Chính phủ thì mỗi năm cơ quan chức năng tước có thời hạn trên 500 nghìn giấy phép lái xe. Khi bị tước, người lái xe không được phép điều khiển phương tiện, dẫn đến tác động không nhỏ đến các hoạt động đi lại, sản xuất kinh doanh, đời sống hàng ngày của người dân; việc tước giấy phép lái xe đang thực hiện thủ công, nhiều người vi phạm bỏ giấy phép không đến lấy, tồn đọng nhiều giấy phép lái xe tại cơ quan xử phạt, dẫn đến lãng phí, tăng chi phí, nguồn lực quản lý, nhưng vẫn chưa quản lý được quá trình chấp hành pháp luật của người lái xe. Giấy phép lái xe chưa bị trừ hết điểm, người lái xe tiếp tục được điều khiển phương tiện tham gia giao thông, không ảnh hưởng đến hoạt động tham gia giao thông, hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống của người dân đồng thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ứng dụng chuyển đổi số trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình hiện nay

- Việc bổ sung quy định về điểm, trừ điểm giấy phép lái xe góp phần quản lý tốt hơn đối với người được cấp giấy phép lái xe khi điều khiển phương tiện giao thông. Qua đó, quản lý người lái xe trong suốt quá trình từ khi đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, cho đến quá trình chấp hành pháp luật của người lái xe, việc tái phạm, từ đó sẽ tác động tới hành vi, nâng cao ý thức của người tham gia giao thông, giúp cơ quan quản lý giám sát toàn diện quá trình chấp hành sau vi phạm của người lái xe. Người lái xe vi phạm pháp luật về TTATGTĐB ở mức độ nghiêm trọng sẽ bị trừ điểm giấy phép lái xe và trong thời hạn 12 tháng, khi chưa bị trừ hết điểm thì được phục hồi đủ 12 điểm. Trường hợp bị trừ hết điểm, người được cấp giấy phép lái xe phải tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về TTATGTĐB (không phải kỳ thi sát hạch cấp giấy phép lái xe) và khi có kết quả đạt yêu cầu thì được phục hồi đủ 12 điểm.

- Đa số ý kiến UBTVQH cho rằng, quy định về điểm, trừ điểm giấy phép lái xe là một biện pháp quản lý nhà nước không phải là hình thức xử phạt vi phạm hành chính¹⁰. Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị để bảo đảm tính thống nhất với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, cần bổ sung quy định về trừ điểm giấy phép lái xe là biện pháp xử phạt bổ sung và sửa quy định về hình thức xử phạt bổ sung trong Luật Xử lý vi phạm hành chính.

UBTVQH đã chỉ đạo Thường trực UBQPAN đã phối hợp với Cơ quan soạn thảo xây dựng 01 điều (Điều 57) về điểm của Giấy phép lái xe như trong dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý theo hướng quy định các nguyên tắc về trừ điểm, khôi phục điểm. Đồng thời, giao Chính phủ ban hành quy định cụ thể thẩm quyền, căn cứ, trình tự, thủ tục thực hiện trừ điểm, phục hồi giấy phép lái xe; quy định cụ thể mức trừ điểm với các hành vi vi phạm không trùng lặp, chồng chéo với các hình thức xử phạt vi phạm hành chính; ứng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính và quản lý điểm của giấy phép lái xe. Tại phiên họp thứ 31 (tháng 3/2024), UBTVQH cơ bản nhất trí với quy định này trong dự thảo Luật. UBTVQH kính báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

Đối với ý kiến đề nghị làm rõ hình thức quản lý khi áp dụng biện pháp trừ điểm khi tích hợp giấy phép lái xe vào Thẻ căn cước, UBTVQH xin báo cáo làm rõ như sau: Khi tích hợp giấy phép lái xe vào Thẻ căn cước để đơn giản hóa thủ tục khi kiểm tra, xuất trình giấy phép lái xe; còn việc quản lý điểm, trừ điểm chỉ được thực hiện trên hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe và thông báo cho người có giấy phép lái xe bị trừ điểm.

- Khoản 3, điểm b, một số ý kiến đề nghị quy định rõ thời hạn giấy phép lái xe ô tô, nghiên cứu việc số hóa, hạn chế việc cấp đổi lại gây tốn kém, mất thời gian; đề nghị cân nhắc bỏ quy định về thời hạn giấy phép lái xe.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, bổ sung vào khoản 5 Điều 56 quy định thời hạn của Giấy phép lái xe trong Dự thảo Luật. Hiện nay, Giấy phép lái xe được chia thành loại không thời hạn và loại có thời hạn, đối với loại không thời hạn áp dụng đối với người điều khiển các xe mô tô; đối với loại có thời hạn áp dụng đối với người điều khiển các loại xe ô tô. Việc quy định thời hạn giấy phép lái xe đối với các loại phương tiện mà cần phải quy định thời hạn (các loại xe ô tô) là bắt buộc theo Công ước Viên 1968 và tương tự theo quy định của các quốc gia trên thế giới đang áp dụng.

- Khoản 5, điểm a, có ý kiến đề nghị quy định rõ giấy phép lái xe do Bộ Giao thông vận tải cấp, quản lý như luật hiện hành

UBTVQH thấy rằng, hệ thống giấy phép lái xe của Việt Nam hiện nay bao gồm giấy phép lái xe dân sự (do ngành giao thông vận tải cấp, quản lý), giấy phép lái xe Công an (do ngành Công an cấp, quản lý) và giấy phép lái xe quân

¹⁰ Về các quy định quản lý nhà nước của pháp luật khác có tính chất tương tự: Nghiên cứu các lĩnh vực quản lý nhà nước khác như y tế, dược, pháp luật cũng đã quy định biện pháp quản lý hành chính nhà nước tương tự: “Thu hồi chứng chỉ hành nghề” để tăng cường quản lý nhà nước đối với việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân.

sự (do Bộ Quốc phòng cấp, quản lý) mang đặc thù quản lý của từng bộ, ngành, đều được công nhận và có giá trị sử dụng như nhau. Do đó không thể quy định cụ thể cơ quan cấp giấy phép lái xe tại điểm a khoản 6 Điều 56. Việc quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước đã được cụ thể hoá tại Điều 86 của Dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị không thu tiền đối với trường hợp thu hồi, cấp lại giấy phép lái xe do cấp sai quy định. Một số ý kiến đề nghị trước khi giấy phép lái xe hết hạn 3 tháng, cơ quan quản lý cần thông báo cho người có giấy phép lái xe để đổi cho kịp thời.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật theo hướng bổ sung các nội dung này tại các văn bản dưới luật.

- Khoản 8, một số ý kiến đề nghị quy định cụ thể về hạng giấy phép lái xe trong Luật, không giao Chính phủ quy định chi tiết như trong dự thảo Luật do Chính phủ trình.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho quy định cụ thể hạng giấy phép lái xe ngay trong dự thảo Luật (Điều 56 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý) để đảm bảo tính minh bạch và giá trị pháp lý, vì cho rằng Luật hiện hành đã quy định hạng giấy phép lái xe, không nên giao Chính phủ quy định; đồng thời, bổ sung điều khoản chuyển tiếp quy định các loại giấy phép lái xe đã cấp theo Luật GTĐB năm 2008 còn thời hạn thì vẫn có hiệu lực, trường hợp cấp lại thì cấp theo quy định mới của Luật này, không làm xáo trộn và ảnh hưởng đến quyền lợi của người đã được cấp giấy phép lái xe như quy định tại Điều 86 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý.

UBTVQH đã chỉ đạo Thường trực UBQPAN đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải và Bộ Công an xây dựng quy định các hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 1 Điều 56 theo hướng kế thừa các quy định hiện hành của Luật GTĐB năm 2008, nghiên cứu bảo đảm phù hợp với quy định của Công ước viên 1968 về GTĐB, không gây nhiều tác động khi thay đổi về chính sách, phù hợp với yêu cầu thực tiễn do quá trình phát triển của phương tiện, người điều khiển phương tiện, xuất hiện nhiều loại phương tiện mới. Theo đó, quy định này trong dự thảo Luật bao gồm các nội dung sau:

+ Việc cấp giấy phép lái xe theo hạng mới sẽ được thực hiện đối với người cấp lần đầu và cho những giấy phép lái xe thuộc các trường hợp cấp đổi, cấp lại.

+ Bỏ hạng A4 và không quy định hạng giấy phép lái xe cho người điều khiển máy kéo vì căn cứ vào kiểu loại, công dụng của phương tiện, loại phương tiện này sẽ được xếp vào nhóm xe máy chuyên dùng.

+ Đưa hạng B1 và B2 về cùng hạng B do căn cứ để phân hạng giấy phép lái xe là từ công suất, kiểu loại, động cơ và số chỗ ngồi. Để tránh tác động xã hội tại điều khoản chuyển tiếp sẽ quy định đối với giấy phép lái xe cấp trước khi Luật này có hiệu lực thì hành sẽ được tiếp tục sử dụng theo thời hạn và giá trị ghi trên giấy phép lái xe. Việc chuyển đổi chỉ thực hiện đối với sát hạch, cấp

mới và các trường hợp cấp đổi, cấp lại, chuyển đổi thực hiện theo hướng có lợi cho người dân, không gây mất an toàn giao thông.

Tại phiên họp thứ 31 (tháng 3/2024), UBTVQH nhất trí với việc tiếp thu, chỉnh lý và quy định cụ thể các hạng giấy phép lái xe trong dự thảo Luật. UBTVQH trân trọng báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

4.3. Tuổi, sức khỏe của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Điều 51, nay là Điều 58)

- Khoản 1, có ý kiến đề nghị quy định độ tuổi tối đa không được điều khiển phương tiện giao thông; đề nghị quy định người đủ 16 tuổi được điều khiển xe gắn máy nhưng phải có chứng chỉ hoặc được đào tạo, hướng dẫn để bảo đảm an toàn; đề nghị bổ sung quy định độ tuổi tối thiểu là 13 tuổi được điều khiển xe đạp điện để hạn chế tai nạn khi học sinh sử dụng xe đạp điện đi học; đề nghị nghiên cứu độ tuổi 14-16 có thể thi và được cấp bằng điều khiển xe máy dưới 50cc. Tại phiên họp thứ 31 của UBTVQH (tháng 3/2024), có ý kiến đề nghị cấp giấy phép lái xe cho người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

UBTVQH thấy rằng, hiện nay dự thảo Luật chỉ quy định độ tuổi tối thiểu để điều khiển xe gắn máy, xe ô tô, mô tô... Việc quy định độ tuổi tối đa đối với người lần đầu đăng ký đào tạo lái xe cần thận trọng do liên quan đến quyền con người trong quy định trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam. Do đó, chỉ cần người lái xe đáp ứng điều kiện về thể chất, tinh thần, sức khỏe... theo quy định đều có thể điều khiển phương tiện tham gia giao thông tại Việt Nam.

Đối với việc quy định về người điều khiển xe đạp điện, xe gắn máy: Xe đạp điện là phương tiện có sử dụng động cơ điện, tốc độ cao hơn xe đạp thông thường, xe gắn máy có động cơ, tốc độ tối đa lên tới 50km/h nên cũng tiềm ẩn những nguy cơ mất an toàn nếu người điều khiển có thể trạng chưa phù hợp và kỹ năng chưa tốt. Dự thảo Luật được quy định trên cơ sở kế thừa Luật GTĐB năm 2008, tham khảo luật pháp quốc tế, quy định của Công ước Viên và các nước có liên quan đối với người điều khiển xe dưới 50cm³. Do đó độ tuổi điều khiển xe gắn máy là phù hợp với điều kiện Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Việc thi và cấp bằng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi để điều khiển xe gắn máy cần cân nhắc và đánh giá tác động về việc phát sinh thủ tục hành chính, gây lãng phí thời gian, tốn kém kinh phí cho xã hội. Do đó, tại khoản 3 Điều 7 Dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý có quy định “*Trường trung học phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông hướng dẫn kỹ năng lái xe gắn máy an toàn theo quy định cho học sinh từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi học tại cơ sở giáo dục đó*”.

- Khoản 3, một số ý kiến cho rằng việc khám sức khỏe định kỳ với lái xe là không khả thi, nên tập trung vào một số đối tượng cụ thể như lái xe vận tải, xe chở khách; đề nghị làm rõ định kỳ là bao lâu để bảo đảm tính khả thi; đề nghị chỉ khám sức khỏe định kỳ với người trên 65 tuổi.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, chỉnh lý vào khoản 2 Điều 58 Dự thảo Luật theo hướng chỉ quy định việc

khám sức khoẻ định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô. Thời gian khám sức khoẻ định kỳ sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn dưới luật.

4.4. Đào tạo lái xe (Điều 52, nay là Điều 59)

- Khoản 4, có ý kiến đề nghị thay đổi cụm từ “trên 10 chỗ ngồi” thành “10 chỗ ngồi trở lên” để phù hợp với các hạng, mức cấp giấy phép lái xe ô tô theo quy định hiện hành hiện nay, phù hợp với khoản 19 Điều 3.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các vị ĐBQH, UBND đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung vào dự thảo Luật các phân hạng giấy phép lái xe, do đó tại khoản 4 Điều 59 đã quy định rõ điều kiện nâng hạng theo phân hạng giấy phép lái xe.

- Khoản 7, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định học sinh từ 13-16 tuổi được hướng dẫn kỹ năng lái xe an toàn

UBND thấy rằng, kế thừa Luật GTĐB năm 2008, Dự thảo Luật chỉ quy định độ tuổi tối thiểu được điều khiển xe gắn máy là từ 16 tuổi trở lên (tương ứng lớp 10 THPT), đây là độ tuổi phù hợp để điều khiển xe máy điện, xe gắn máy và kê cả xe đạp điện vì lúc này các em mới đủ kỹ năng, nhận thức pháp luật và thể trạng phù hợp để sử dụng loại xe này. Đối với học sinh từ 13 đến 16 tuổi chỉ được điều khiển phương tiện thô sơ (xe đạp) ít nguy hiểm hơn khi tham gia giao thông, tuy nhiên để đảm bảo an toàn giao thông, dự thảo Luật đã bổ sung một điều về Giáo dục kiến thức pháp luật về TTATGTĐB (Điều 7) quy định về xây dựng, tích hợp lồng ghép kiến thức pháp luật về TTATGTĐB vào chương trình giảng dạy trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học.

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể thời gian đào tạo đối với từng hạng giấy phép lái xe, không nên giao cho Chính phủ quy định chi tiết như dự thảo Luật, vì thời gian đào tạo đối với từng loại, từng hạng giấy phép lái xe đang ổn định từ trước đến nay.

UBND thấy rằng, dự thảo Luật chỉ quy định nguyên tắc liên quan đến người học lái xe, điều kiện đào tạo lái xe, cơ sở đào tạo lái xe,... chi tiết về thời gian đào tạo từng hạng giấy phép lái xe phải quy định tại các văn bản hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành và hiện nay đang thực hiện như vậy vì thời lượng đào tạo, số lượng môn học có thể thay đổi trong một khoảng thời gian ngắn nhằm phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung hình thức học trực tuyến hoặc tự học qua ngân hàng câu hỏi đối với đào tạo lý thuyết lái xe để giảm chi phí; cân nhắc việc đào tạo thực hành xe máy, chỉ nên bắt buộc với ô tô.

UBND thấy rằng, hiện nay Thông tư về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe của Bộ Giao thông vận tải đã quy định người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 và ô tô hạng B1 được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được ôn luyện, kiểm tra. Đào tạo thực hành lái xe mô tô, ô tô thì vẫn phải đến cơ sở đào tạo để ôn

luyện, vì sa hình tập lái xe trong các cơ sở đào tạo được kẻ vẽ, lắp đặt theo quy chuẩn, kích cỡ của đường giao thông thực tế nên phải tập trung học tại các cơ sở đào tạo mới đảm bảo yêu cầu.

4.5. Sát hạch lái xe (Điều 53, nay là Điều 60)

- *Nhiều ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch, công tác đặc biệt là công tác quản lý sau sát hạch. Khoản 4, có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “được tập huấn cấp thẻ sát hạch viên” vì là sát hạch viên có đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì đã bao hàm cả tập huấn và cấp thẻ sát hạch viên.*

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào dự thảo Luật các nội dung liên quan đến việc quản lý người lái xe sau sát hạch cho phù hợp, trong đó nghiên cứu bổ sung các quy định liên quan đến cấp, cấp đổi, cấp lại, điều kiện nâng hạng giấy phép lái xe căn cứ vào quá trình chấp hành pháp luật về GTĐB, nghiên cứu đề xuất áp dụng trừ điểm giấy phép lái xe.

4.6. Cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe (Điều 54, nay là Điều 61)

- *Khoản 1, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định hình thức phù hợp đối với trường hợp xử phạt giữ bằng lái xe khi tích hợp vào thẻ căn cước cho phù hợp.*

UBTVQH thấy rằng, đối với các trường hợp cần tạm giữ giấy tờ khi đã tích hợp trên tài khoản định danh điện tử, Bộ Công an sẽ kiến nghị Chính phủ sửa Luật xử lý vi phạm hành chính cho đồng bộ và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện cho thuận lợi.

- *Khoản 2, điểm e, có ý kiến đề nghị bỏ khoản này vì đã được quy định tại khoản 4; đề nghị bổ sung 1 điểm như sau: “Giấy phép lái xe bị thu hồi do không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ quan y tế, đối với từng hạng giấy phép lái xe nhưng đủ điều kiện sức khỏe của hạng giấy phép lái xe khác theo quy định”.*

UBTVQH thấy rằng, điểm e khoản 2 quy định trường hợp đổi từ giấy phép lái xe do ngành Công an, Quân đội cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (giấy phép lái xe dân sự) sau khi người đã được cấp giấy phép lái xe trước đó nay thôi không làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh (nghỉ hưu, xuất ngũ, chuyên ngành...). Nội dung này cần Luật hóa để các Bộ, Ngành có cơ sở phối hợp thực hiện. Tại điểm a khoản 4 Điều 61 quy định “a) Người được cấp giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ quan y tế đối với từng hạng giấy phép lái xe;”. Do đó nếu như người lái xe không đủ điều kiện sức khỏe để điều khiển phương tiện hạng cao thì sẽ được cấp đổi giấy phép lái xe xuống hạng phù hợp với điều kiện sức khỏe.

- *Khoản 3, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định không cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe đối với người vi phạm TTATGTĐB chưa thực hiện xong nghĩa vụ*

chấp hành quyết định xử phạt vi phạm TTATGTĐB theo quy định.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBND đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý vào khoản 3 Điều 61 dự thảo Luật

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ giao Bộ Giao thông vận tải tổ chức cấp giấy phép lái xe, sát hạch, đào tạo, trung tâm đào tạo sát hạch lái xe.

UBND thấy rằng, nội dung quy định phân công quản lý nhà nước đã quy định cụ thể tại Điều 86 Dự thảo Luật.

4.7. Thời gian làm việc của người lái xe ô tô kinh doanh vận tải và vận tải nội bộ (Điều 56, nay là Điều 63)

- Khoản 2, điểm a, một số ý kiến đề nghị nâng thời gian nghỉ giữa hai lần lên 10 phút, đối với xe taxi, xe buýt, xe kinh doanh vận tải thời gian nghỉ giữa 2 lần ít nhất 15-20 phút; đề nghị nghiên cứu quy định thời gian nghỉ cho phù hợp theo thực tiễn giao thông trên cơ sở đánh giá về chuyên môn y tế; đề nghị làm rõ vận tải nội bộ; đề nghị quy định thời gian nghỉ của lái xe vận tải cần dài hơn, bổ sung chế tài nghiêm khắc với hành vi vi phạm; đề nghị nghiên cứu làm việc ban đêm thì thời gian nghỉ giữa giờ là 45 phút; đề nghị cân nhắc quy định rút ngắn thời gian làm việc đối với lái xe vận tải cho phù hợp với thực tiễn và tăng lợi thế cạnh tranh về logistic.

UBND thấy rằng, về khái niệm vận tải nội bộ đã được quy định tại dự thảo Luật Đường bộ. Về thời gian lái xe ban ngày và ban đêm, trên cơ sở kế thừa Luật GTĐB năm 2008, cơ quan soạn thảo giữ lại quy định thời gian lái xe là không quá 10 giờ trong 1 ngày và không lái xe liên tục quá 4 giờ, nhưng tăng thời gian dừng, nghỉ giữa 2 lần lái xe để đảm bảo sức khỏe người lái xe, góp phần bảo đảm TTATGTĐB.

- Một số ý kiến đề nghị áp dụng chung đối với lái xe nói chung, không chỉ đối với người làm kinh doanh, dịch vụ vận tải; bổ sung quy định về giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

UBND thấy rằng, về việc nghiên cứu quy định thời gian lái xe tối đa đối với người lái xe cá nhân, xe gia đình, không thuộc hoạt động vận tải thì cần nghiên cứu, đánh giá thêm vì liên quan đến cơ chế giám sát, phương tiện, thiết bị giám sát hành trình lắp trên xe, trong khi nhiều ý kiến hiện nay đang chưa đồng thuận với việc bắt buộc lắp thiết bị giám sát hành trình trên xe ô tô cá nhân vì cho rằng ảnh hưởng đến quyền bảo mật dữ liệu thông tin cá nhân. Liên quan đến cơ chế giám sát, xử lý bằng thiết bị giám sát hành trình lắp trên xe sẽ được quy định cụ thể tại các văn bản dưới luật.

4.8. Trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển hành khách (Điều 58)

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về người lái xe tham gia phối hợp trấn áp tội phạm trên xe ô tô; hợp nhất Điều 57 và Điều 58 thành 1 điều.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, bổ sung chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng gộp điều 57, 58 chuyển thành Điều 44, bổ sung quy định về trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe tại điểm đ khoản 2 Điều 44.

5. Về tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Chương V)

5.1. Tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 60, nay là Điều 64)

- Có ý kiến đề nghị tại điểm a khoản 4, sửa thành “chủ trì thực hiện các nội dung tuần tra, kiểm soát theo quy định tại khoản 1 điều này”.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa nội dung tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 64 dự thảo Luật để làm rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của CSGT khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát.

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của CSGT phối hợp với các lực lượng kiểm soát quân sự kiểm tra xe quân sự của Bộ Quốc phòng trong tuần tra, kiểm soát xe và người điều khiển xe cơ giới, xe chuyên dùng thuộc Bộ Quốc phòng khi tham gia giao thông.

UBTVQH thấy rằng, theo quy định tại Điều 5 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì “Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với công dân khác”. Đồng thời tại Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 74, Điều 76 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực GTĐB, đường sắt (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) thì lực lượng CSGT có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực GTĐB, khi làm nhiệm vụ nếu phát hiện các hành vi vi phạm hành chính phải ngăn chặn kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị giữ lại như khoản 4, khoản 5 Điều 64 dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định xác định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiểm soát, kiểm tra xe quân sự thuộc Bộ Quốc phòng.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, bổ sung vào khoản 8 Điều 64 dự thảo Luật.

- Có ý kiến cho rằng tại khoản 6 (nay là khoản 7), quy định “Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử phạt vi phạm pháp luật về TTATGTĐB của CSGT” là chưa phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

UBTVQH thấy rằng, tại Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi năm 2020 đã quy định về thẩm quyền của Chính phủ trong việc quy định về xử phạt vi phạm hành chính¹¹. Tại nội dung giao Bộ trưởng Bộ

¹¹ Chính phủ quy định các nội dung sau đây: hành vi vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể

Công an quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử phạt vi phạm pháp luật về TTATGTĐB không phải là Bộ Công an ban hành các quy định về thẩm quyền xử phạt, biện pháp xử lý hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả... mà chỉ quy định việc tổ chức công tác xử lý vi phạm hành chính, tổ chức công tác xác minh xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại như tại khoản 7 Điều 64 dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm của CSGT trong quá trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật đối với các xe vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, xe quá tải, quá khổ lưu hành trên đường bộ để khắc phục sự chồng chéo về nhiệm vụ kiểm soát, xử lý vi phạm giữa lực lượng CSGT và Thanh tra giao thông.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, bổ sung vào Điều 48, Điều 51, Điều 52, lực lượng CSGT tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật đối với các xe vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, xe quá tải, quá khổ khi lưu hành trên đường bộ để khắc phục sự chồng chéo nhiệm vụ giữa lực lượng CSGT và Thanh tra giao thông. Bổ sung khoản 2 Điều 70, nội dung quy định về Hệ thống kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung về tổ chức lực lượng trực tiếp tuần tra, kiểm soát trên tuyến giao thông của lực lượng Thanh tra giao thông.

UBTVQH thấy rằng, quy định chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính phù hợp với các quan điểm chỉ đạo của Đảng¹². Đồng thời, Chính phủ đã chỉ đạo đổi mới chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra giao thông phù hợp với vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải, không chồng chéo, trùng lặp với chức năng, nhiệm vụ của lực lượng CSGT¹³ để khắc phục tình trạng có quá nhiều lực lượng kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trên đường thì nên quy định theo hướng giao lực lượng CSGT chịu trách nhiệm chủ yếu trong công tác này.

Do đó, dự thảo Luật TTATGTĐB đã quy định hoạt động tuần tra, kiểm soát được giao cho lực lượng CSGT chịu trách nhiệm; Luật Đường bộ quy định Thanh tra giao thông thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện quy định

theo từng chức danh và thẩm quyền; lập biên bản đối với vi phạm hành chính, thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý Nhà nước...; quy định biểu mẫu sử dụng xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

¹² Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đã xác định nguyên tắc “một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính”; nhiệm vụ, giải pháp là “Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo để một tổ chức, một người có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức, một người chủ trì và chịu trách nhiệm chính”. Chỉ thị số 23/CT-TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGT trong tình hình mới. Tại điểm 2 mục 2 xác định (Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm): Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ phạm vi quản lý nhà nước giữa các bộ, ngành với chính quyền địa phương, giữa trách nhiệm tập thể với trách nhiệm cá nhân; thực hiện nghiêm công tác quản lý nhà nước, khắc phục tình trạng chồng chéo, buông lỏng quản lý. Tại điểm 5 mục III xác định: Kịp thời tổ chức bộ máy các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ bảo đảm TTATGT từ Trung ương đến địa phương theo hướng thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

¹³ Tại Nghị quyết số 123/NQ-CP ngày 31/8/2020 phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2020

về kết cấu hạ tầng đường bộ; vận tải đường bộ tại đơn vị vận tải, bến, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ. Như vậy các quy định này đảm bảo không trùng chéo nhiệm vụ giữa hai lực lượng. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội không bổ sung nội dung quy định tổ chức lực lượng trực tiếp tuần tra, kiểm soát trên tuyến giao thông của lực lượng Thanh tra giao thông vào Luật này.

5.2. Căn cứ dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát (Điều 61 nay là Điều 65)

- Có ý kiến đề nghị tại điểm a khoản 1 (nay là khoản 1), đề nghị quy định cụ thể để tránh việc lạm quyền, vi phạm quyền con người, quyền công dân.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa vào khoản 1 quy định CSGT được dừng phương tiện tham gia giao thông để kiểm tra, kiểm soát khi “*phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc có căn cứ xác định có hành vi vi phạm pháp luật về trật an, an toàn GTĐB hoặc vi phạm pháp luật khác*” để đảm bảo nguyên tắc mọi hành vi vi phạm pháp luật của phương tiện đang tham gia giao thông phải bị ngăn chặn kịp thời, trong dự thảo Luật không đề cập đến “*dừng phương tiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật*”. Thực tiễn hiện nay, lực lượng CSGT đang thực hiện theo các quy định này tại Luật GTĐB năm 2008 và Thông tư của Bộ Công an quy định về quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về GTĐB của CSGT.

- Có ý kiến đề nghị tại điểm b khoản 1 (nay là khoản 2), bổ sung nội dung sau: “*Điều khiển phương tiện tham gia giao thông chở hàng vượt quá khổ giới hạn, vượt quá trọng tải cho phép của cầu, đường*”.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa vào khoản 2 Điều 65 dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bỏ khoản 2 hoặc chuyển về Điều 65.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa vào khoản 4 Điều 55 để phù hợp với triển khai Đề án 06 ngày 06/01/2022 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, theo đó sẽ tích hợp các giấy tờ của người điều khiển phương tiện, phương tiện vào tài khoản định danh điện tử.

5.3. Phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 62 nay là Điều 66)

- Có ý kiến đề nghị tại khoản 2 (nay là khoản 6), bổ sung nội dung giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể quy trình thực hiện.

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); ngày 31/12/2021, Chính phủ đã ban hành

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa vào khoản 6 Điều 66 theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm không trùng

chéo, xung đột với Luật Xử lý vi phạm hành chính¹⁴.

- *Có ý kiến đề nghị tại khoản 4 (nay là khoản 7), làm rõ biện pháp nghiệp vụ khác.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa vào khoản 7 Điều 66 để phù hợp với các quy định của pháp luật khác như tố tụng hình sự, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

5.4. Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách; di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông (Điều 63 nay là Điều 67)

- *Có ý kiến đề nghị tại Điều 63 (nay là Điều 67), nghiên cứu quy định huy động người, phương tiện cho thống nhất quy định của luật trung mua, trưng dụng tài sản.*

UBTVQH thấy rằng, tại Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản đã có quy định các trường hợp được trưng mua, trưng dụng tài sản; điều kiện trưng mua, trưng dụng tài sản; thẩm quyền quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản¹⁵. Tuy nhiên, trên thực tế có những tình huống phát sinh, cấp bách ngoài dự kiến ngay tại hiện trường như cấp cứu người bị tai nạn giao thông, truy bắt tội phạm, người gây tai nạn giao thông bỏ chạy, do vậy cần thiết cho phép lực lượng CSGT được phép huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong một số trường hợp đặc biệt để đảm bảo khả năng hoàn thành nhiệm vụ... Qua rà soát hệ thống pháp luật hiện hành, một số Luật trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng đều quy định về thẩm quyền này và không trùng chéo với Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản¹⁶. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại như tại khoản 5

¹⁴ Nghị định số 135/2021/NĐ-CP quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính. Tại Nghị định đã quy định đầy đủ trình tự, thủ tục các bước tiếp nhận, lý tin báo, phản ánh, dữ liệu thu thập được từ phương tiện kỹ thuật của tổ chức, cá nhân để xử lý vi phạm hành chính.

¹⁵ Điều 5 quy định: “Việc trưng mua, trưng dụng tài sản chỉ được thực hiện khi Nhà nước có nhu cầu sử dụng tài sản mà các biện pháp huy động khác không thực hiện được, thuộc một trong các trường hợp sau đây: (1). Khi đất nước trong tình trạng chiến tranh hoặc trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng theo quy định của pháp luật về quốc phòng và pháp luật về tình trạng khẩn cấp; (2). Khi an ninh quốc gia có nguy cơ bị đe dọa theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia; (3). Khi mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia có khả năng bị xâm phạm hoặc cần được tăng cường bảo vệ theo quy định của pháp luật về quốc phòng và pháp luật về an ninh quốc gia; (4). Khi phải đối phó với nguy cơ hoặc đe dọa khắc phục thảm họa do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên diện rộng hoặc nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ gây hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

Điều 6. Hình thức và hiệu lực của quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản: (1). Quyết định trưng mua tài sản phải được thể hiện bằng văn bản. (2). Quyết định trưng dụng tài sản phải được thể hiện bằng văn bản; trường hợp đặc biệt không thể ra quyết định bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản được quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng phải có giấy xác nhận. (3). Quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký ban hành.

Điều 24. Thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản: (1). Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định trưng dụng tài sản quy định tại Điều 23 của Luật này. (2). Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này không được phân cấp thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản.

¹⁶ khoản 16 Điều 16 Luật Công an nhân dân; Điều 22 Luật Cảnh vệ; Điều 16 Luật Cảnh sát biển Việt Nam; Điều 18 Luật Biên phòng Việt Nam; Điều 16 Luật Cảnh sát cơ động.

Điều 64 và Điều 67 dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ người chủ phương tiện, thiết bị dân sự được người có thẩm quyền huy động trong trường hợp cấp bách thì phải chấp hành việc huy động này.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, bổ sung vào khoản 3 Điều 67 dự thảo Luật.

5.5. Trang bị, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ (Điều 64 nay là Điều 69)

- Có ý kiến đề nghị bỏ Khoản 1, vì đã được quy định trong pháp luật chuyên ngành.

UBTVQH thấy rằng, các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ trang bị cho lực lượng CSGT để thực hiện nhiệm vụ có tính chất đặc thù của công tác bảo đảm TTATGTĐB như: Hệ thống giám sát, thiết bị chỉ huy giao thông thông minh, hệ thống cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới... để phục vụ giám sát hoạt động giao thông, an ninh trật tự, phát hiện vi phạm giao thông. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ lại như tại khoản 1 Điều 69 dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị tại khoản 3 (nay là khoản 1 Điều 70), bổ sung quy định cụ thể hệ thống giám sát và thống nhất về quy chuẩn giữa các địa phương đang triển khai.

UBTVQH thấy rằng, để phục vụ công tác giám sát tình hình TTATGTĐB, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân nhiều tỉnh, thành phố đã đầu tư xây dựng Hệ thống giám sát GTĐB. Tại điểm d khoản 1 Điều 70 dự thảo Luật đã quy định giao: Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quy định xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm TTATGTĐB, thiết bị chỉ huy giao thông thông minh.

5.6. Ngăn chặn hành vi gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe, chống người thi hành công vụ (Điều 66 nay là Điều 72)

Một số ý kiến đề nghị quy định cụ thể để bảo đảm thẩm quyền cho người thi hành công vụ và quyền con người, quyền công dân.

UBTVQH thấy rằng, việc sử dụng vũ khí đã được quy định cụ thể trong Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; đồng thời trong Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ Luật Hình sự đã quy định cụ thể về “Phòng vệ chính đáng” để người thi hành công vụ áp dụng trong từng tình huống cụ thể. Chính phủ cũng đã hành Nghị định số 208/2013/NĐ-CP ngày 17/12/2013 quy định cụ thể các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi chống người thi hành công vụ. Do vậy nếu quy định cụ thể vào Luật này sẽ không đầy đủ, trùng chéo với các Luật khác. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như tại khoản 1 Điều 72 dự thảo Luật.

6. Về chỉ huy, điều khiển giao thông (Chương VI)

Chỉ huy, điều khiển giao thông đối với trường hợp sử dụng lòng đường, hè phố vào mục đích khác (Điều 69, nay là Điều 76)

- Có ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể các trường hợp ngăn đường, cung đường, thời gian ngăn đường vì các mục đích khác để không ảnh hưởng đến giao thông chung.

UBTVQH thấy rằng, để bảo đảm tính khái quát, ổn định của dự thảo Luật, tại khoản 1 đã quy định lòng đường, hè phố sử dụng vào mục đích khác khi tổ chức các sự kiện chính trị, hoạt động văn hóa, thể thao. Việc tổ chức thực hiện liên quan đến các trường hợp ngăn đường, cung đường, thời gian ngăn đường, căn cứ tình huống, quy mô, tính chất có phương án bảo đảm linh hoạt, phù hợp thực tế. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

- Đề nghị kế thừa Luật GTĐB năm 2008, quy định cụ thể hơn về cơ quan có thẩm quyền được cấp phép sử dụng lòng đường, lề đường vào việc khác.

UBTVQH thấy rằng, quy định tại Điều 76 dự thảo Luật về Chỉ huy, điều khiển giao thông đối với trường hợp sử dụng lòng đường, hè phố đã kế thừa có chọn lọc Luật GTĐB năm 2008 và phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật TTATGTĐB. Quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp phép sử dụng lòng đường, lề đường vào việc khác sẽ tiếp thu, điều chỉnh đầy đủ tại khoản 3 Điều 76 dự thảo Luật (Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc sử dụng lòng đường, hè phố vào mục đích khác). Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định về hè phố phải thống nhất với dự thảo Luật Đường bộ

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, rà soát quy định về hè phố trong Luật Đường bộ theo hướng bảo đảm thống nhất, chặt chẽ.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải, Sở giao thông vận tải về việc thông báo phân luồng giao thông nữa không

UBTVQH thấy rằng, việc tổ chức giao thông, phân luồng giao thông không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật TTATGTĐB, mà thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật Đường bộ.

Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho giữ nguyên như dự thảo Luật.

7. Về giải quyết tai nạn giao thông đường bộ (Chương VII)

7.1. Trách nhiệm của người điều khiển phương tiện, người liên quan và người có mặt tại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ (Điều 73, nay là Điều 79)

Có ý kiến đề nghị rà soát quy định về giải quyết ùn tắc giao thông quy định thống nhất với dự thảo Luật Đường bộ.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý quy định về giải quyết ùn tắc giao thông bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các luật có

liên quan, không bị chồng chéo.

7.2. Phát hiện, tiếp nhận, xử lý tin báo tai nạn giao thông đường bộ (Điều 74, nay là Điều 80)

- Khoản 3, có ý kiến đề nghị quy định như sau: “Cơ sở y tế cấp cứu ban đầu người bị tai nạn do tai nạn GTĐB có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan công an nơi gần nhất và thực hiện xét nghiệm nồng độ cồn trong máu cho những trường hợp quy định theo yêu cầu của cơ quan công an hoặc theo chỉ định của bác sĩ. Đối với cơ sở y tế không đủ điều kiện xét nghiệm, phải lấy mẫu máu bảo quản và chuyển mẫu máu theo đúng quy định đến cơ sở xét nghiệm”, đồng thời cần có cơ chế đảm bảo kinh phí thực hiện nội dung này cho các cơ sở y tế.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý dự thảo luật và thay cụm từ “cơ sở y tế” thành cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” như một số ĐBQH đã có ý kiến tham gia tại Tổ (khoản 1, 3 Điều 80; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 83 dự thảo Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý).

- Khoản 4, có ý kiến đề nghị bỏ khoản này vì không cần thiết và có thể gây chậm trễ trong xử lý tai nạn giao thông.

UBTVQH thấy rằng, doanh nghiệp bảo hiểm đến để phối hợp giải quyết, khắc phục hậu quả bảo đảm vấn đề an sinh xã hội theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ. Thực tế khi xảy ra vụ TNGT thì lái xe hoặc chủ xe đã thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm nhưng doanh nghiệp không đến để phối hợp, về sau khó giải quyết bồi thường bảo hiểm. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ quy định này như dự thảo Luật Chính phủ trình.

7.3. Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ (Điều 76, nay là Điều 82)

- Khoản 1, điểm b, một số ý kiến đề nghị thay cụm từ “điều tra quân sự” bằng cụm từ “điều tra hình sự quân đội” cho đúng thuật ngữ chuyên ngành.

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, chỉnh lý thay cụm từ “điều tra quân sự” bằng cụm từ “điều tra hình sự quân đội” cho đúng thuật ngữ chuyên ngành và quy định ở văn bản dưới luật (tại khoản 4 Điều 82 dự thảo Luật).

- Khoản 2, có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung “truy tìm người, phương tiện gây tai nạn”.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo bổ sung 01 điểm quy định về truy tìm phương tiện, người điều khiển phương tiện gây tai nạn (tại điểm e khoản 2 Điều 82 dự thảo Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý).

- Khoản 4, có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết tan nạn GTĐB, vì nội dung liên quan đến cả Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự.

UBTVQH thấy rằng, dự thảo Luật giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định

quy trình điều tra, giải quyết tai nạn GTĐB của lực lượng CSGT. Đây là những vụ tai nạn giao thông được giải quyết theo thủ tục hành chính, không phải theo pháp luật tố tụng hình sự. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ quy định này như dự thảo Luật Chính phủ trình.

- *Có ý kiến cho rằng, nếu giao Công an cấp tỉnh thẩm quyền giải quyết tai nạn giao thông trên quốc lộ thì không phù hợp với địa hình vùng núi đi lại khó khăn có thể gây chậm trễ trong giải quyết.*

UBTVQH thấy rằng, Điều 82 dự thảo Luật không quy định cụ thể phân cấp thẩm quyền điều tra, giải quyết tai nạn giao thông và tại khoản 4 Điều này đã giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông của lực lượng CSGT. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ nguyên như dự thảo Luật.

7.4. Một số nội dung khác của Chương VII

- *Tại các Điều 74, 75 và 76 (nay là Điều 80, 81 và 82), có ý kiến đề nghị cần nhắc quy định về “cơ quan gần nhất”, vì chưa đúng là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc; ngoài ra việc khám nghiệm hiện trường nếu có dấu hiệu tội phạm hình sự phải có sự tham gia giám sát của Viện kiểm sát nhân dân, nên đề nghị quy định cho phù hợp.*

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, bổ sung, chỉnh lý “Ủy ban nhân dân nơi gần nhất” tại điểm a, b khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 79; khoản 1 và 4 Điều 80; “cơ quan Công an nơi gần nhất” tại khoản 2 Điều 75 và khoản 3 Điều 80 dự thảo Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý).

- *Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định người liên quan đến vụ tai nạn phải chụp hình hiện trường khi xảy ra tai nạn;*

UBTVQH thấy rằng, nếu quy định người liên quan đến vụ tai nạn phải chụp hình hiện trường khi xảy ra tai nạn sẽ không khả thi, vì người liên quan đến vụ tai nạn có thể bị thương phải được đưa đi cấp cứu hoặc họ không biết chụp ảnh hiện trường có thể bị xóa hoặc tạo thêm dấu vết mới. Việc chụp ảnh hiện trường vụ tai nạn giao thông phải do người tiến hành (người chủ trì) khám nghiệm hiện trường thực hiện hoặc yêu cầu. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- *Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định xác định thiệt hại tài sản để làm cơ sở xem xét cấu thành tội phạm và bồi thường thiệt hại;*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý, bổ sung quy định về xác định hậu quả thiệt hại do vụ tai nạn giao thông gây ra. Trong đó có thiệt hại về “người” và “tài sản” đã được bổ sung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 82 dự thảo Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý.

- *Có ý kiến đề nghị rà soát cho thống nhất với các quy định của pháp luật về cứu hộ cứu nạn, điều tra giải quyết tai nạn giao thông;*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý quy

định về “*cứu nạn, cứu hộ*” bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan, không bị chồng chéo.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội như Hội chữ thập đỏ trong việc tham gia cấp cứu, hỗ trợ kịp thời giải quyết tai nạn giao thông.

UBTVQH thấy rằng, việc cấp cứu người bị nạn, hỗ trợ kịp thời giải quyết tai nạn giao thông là trách nhiệm chung của toàn xã hội, do cơ quan Công an chủ trì và các tổ chức, cá nhân khác phối hợp và đã được quy định tại khoản 1 Điều 81 trong dự thảo Luật. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- M rong ý kig dự thảo Luật. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho Quý kig dự tệt hại tai nạn GTĐB để hỗ trkig dự tệt hại tai nạn GTĐB để hồđề nghị Qcó cơ chự tệt hại tai nạn GTĐB để hồđề nghị Quốc hội cho phép không bổ sun. T cophiên hự tệt hại tai nạn GTĐB đểUBTVQH đã yêu cại làm rõ nguồn kinh phí, mục đích, nội dung và phạm vi chi của Quỹ Giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ; bổ sung đánh giá tác động đối với quy định kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy.

Về vấn đề này, UBTVQH đã giao Thường trực UBQPAN có văn bản đề nghị Chính phủ đề xuất cụ thể và đánh giá tác động đối với nội dung đề xuất. Chính phủ đã có văn bản đề xuất bổ sung một điều quy định về Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn GTĐB (như tại Điều 84 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý). UBTVQH cơ bản nhất trí với đề xuất tiếp thu ý kiến ĐBQH và đánh giá tác động của Chính phủ, đồng thời cho rằng:

Việc thành lập Quỹ này phù hợp với nhu cầu thực tiễn khi có rất nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước mong muốn được chia sẻ, giúp đỡ, góp phần giảm thiểu các thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra cho con người và xã hội. Nguồn kinh phí của Quỹ chủ yếu là nguồn tài chính xã hội hóa, huy động được tối đa nguồn lực và phát huy được sự chung tay chia sẻ của toàn xã hội hỗ trợ về tinh thần, vật chất cho những người không may bị nạn trong vụ tai nạn giao thông, thân nhân, gia đình của người bị tai nạn để họ nhanh chóng ổn định, trở lại cuộc sống thường ngày.

Mục đích và phạm vi chi của Quỹ này là để hỗ trợ kịp thời cho nạn nhân, gia đình nạn nhân do tai nạn GTĐB gây ra; hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia bảo đảm TTATGTĐB và tổ chức, cá nhân tham gia tuyên truyền giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ mà không được nhà nước bảo đảm kinh phí.

Trên cơ sở đề xuất của Chính phủ, UBTVQH đã chỉ đạo Thường trực UBQPAN đã phối hợp với Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung xây dựng Điều 84 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý quy định về Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn GTĐB, bảo đảm nguyên tắc rõ ràng: không vì mục đích lợi nhuận; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch; hỗ trợ cho các hoạt động bảo đảm TTATGTĐB mà

ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; không được chi trùng với ngân sách nhà nước. UBTVQH kính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

8. Quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

8.1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 79, nay là Điều 86)

- Khoản 2, có ý kiến đề nghị giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức để xây dựng nội dung, chương trình, phương pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định trách nhiệm Bộ Giáo dục đào tạo trong tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông cho học sinh, sinh viên. Có ý kiến đề nghị bổ sung một điều quy định về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực thi pháp luật

UBTVQH thấy rằng, tại khoản 5 và khoản 5 Điều 6 Dự thảo Luật hiện này đã quy định nội dung này. Do đó, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ quy định này như dự thảo Luật.

- Khoản 2, đề nghị quy định rõ cơ quan quản lý về TTATGTĐB là Bộ Công an và cơ quan công an ở các cấp

Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa, bổ sung khoản 2 Điều 79 (nay là Điều 86). UBTVQH thấy rằng, giao Bộ Công an là đầu mối tham mưu cho Chính phủ trong quản lý nhà nước về TTATGTĐB là phù hợp, các bộ, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về một hoặc một số nội dung trong TTATGTĐB. Giữa các Bộ có sự phân công hợp lý và sự phối hợp chặt chẽ trong quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương. Đối với Bộ Công an sẽ có quy định tại các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Công an về phân công, phân cấp trách nhiệm trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực này giữa các cơ quan thuộc Bộ và Công an cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Khoản 3, một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải trong việc xử lý và quản lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển thử nghiệm thí điểm phương tiện giao thông thông minh; điều kiện bảo đảm an toàn, trách nhiệm khi xảy ra tai nạn khi thử nghiệm phương tiện giao thông thông minh

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo Luật giao Bộ Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng do đó các nội dung liên quan đến việc xử lý và quản lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển thử nghiệm thí điểm phương tiện giao thông thông minh; điều kiện bảo đảm an toàn, trách nhiệm khi xảy ra tai nạn khi thử nghiệm phương tiện giao thông thông minh thuộc trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải.

- Khoản 3, đề nghị làm rõ vai trò, trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải trong đào tạo, sát hạch lái xe

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo Luật như sau: “Bộ Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định của Luật này”.

- Khoản 3, đề nghị chỉ giao một cho một cơ quan (Bộ Giao thông vận tải) chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính

UBTVQH thấy rằng, đối với từng nhiệm vụ quản lý nhà nước, trong các điều, khoản của dự thảo Luật đã thể hiện rõ nội dung này theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành, không có sự chồng chéo, không làm thay. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ quy định này như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung một khoản quy định về trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; cần thống nhất với mẫu giấy biên nhận thế chấp trên toàn quốc để các cơ quan có thẩm quyền tra cứu khi cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

UBTVQH thấy rằng, tại khoản 7 Điều 86 quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước đã quy định Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về TTATGTĐB. Do đó, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ quy định này như dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của các ngành, các cơ quan liên quan trong bảo đảm an toàn giao thông đối với học sinh, cơ chế trong việc giáo dục học sinh để bảo đảm có kiến thức về an toàn giao thông, tự bảo vệ thân mình và có ý thức tự giác chấp hành pháp luật

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu bổ sung một điều về Giáo dục kiến thức pháp luật về TTATGTĐB (Điều 7) trong đó, quy định giao “Bộ Giáo dục và đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về TTATGTĐB vào chương trình giảng dạy trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học”.

- Có ý kiến đề nghị quy định bắt buộc học sinh từ 16-18 tuổi phải được học tập, phổ biến pháp luật về TTATGTĐB trước khi tham gia giao thông

UBTVQH thấy rằng, nội dung này đã được thể hiện tại khoản 7 Điều 52 (nay là khoản 7 Điều 59) dự thảo Luật. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ quy định này như dự thảo Luật.

8.2. Một số nội dung khác của Chương VIII

- Một số ý kiến đề nghị rà soát các nội dung ủy quyền quy định chi tiết trong dự thảo Luật, đối với những nội dung đang thực hiện tốt, nội dung làm

hạn chế quyền con người, quyền công dân thì cần quy định cụ thể hoặc quy định mang tính nguyên tắc trong Luật.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu chỉnh lý dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị rà soát các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết, cần chỉ rõ bộ chủ quản, chịu trách nhiệm quản lý như hiện hành.

UBTVQH thấy rằng, có những nội dung cần giao Chính phủ quy định chi tiết vì liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều bộ, ngành, địa phương, nên trong nghị định của Chính phủ sẽ quy định cụ thể bộ, ngành chủ quản nào phải chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về nhiệm vụ hoặc nhóm nhiệm vụ cụ thể gì, tương tự như các nghị định hiện hành, không thể quy định chi tiết ngay trong Luật được. Vì vậy, UBTVQH đề nghị Quốc hội cho phép giữ quy định này như dự thảo Luật.

9. Về các nội dung khác của dự thảo Luật

- Điều 80 về Hiệu lực thi hành (nay là Điều 87 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý), có ý kiến đề nghị quy định cho thống nhất về thời gian có hiệu lực của luật này và Luật Đường bộ cũng như thời điểm hết hiệu lực của Luật GTĐB năm 2008, không tạo khoảng trống pháp luật.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu chỉnh lý vào Điều 87 dự thảo Luật TTATGTĐB để thống nhất với dự thảo Luật Đường bộ.

- Điều 81 về Quy định chuyển tiếp (nay là Điều 89 dự thảo Luật đã tiếp thu, chỉnh lý): Một số ý kiến đề nghị bổ sung báo cáo đánh giá tác động, cần nhắc quy định về việc đổi giấy phép lái xe của năm 2012 trở về trước.

UBTVQH thấy rằng, việc đổi giấy phép lái xe cấp trước ngày 01/7/2012 nhằm chuẩn hoá dữ liệu về giấy phép lái xe nhằm phục vụ cho công tác quản lý theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia, nhằm tích hợp thông tin trên ứng dụng định danh điện tử, cung cấp các tiện ích phát triển, giảm tải thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tham gia giao thông và cho cơ quan Nhà nước trong quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện. Nội dung này đã được cụ thể hoá tại khoản 4 Điều 55 Dự thảo Luật TTATGTĐB: “4. Trường hợp giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử”. Việc đổi giấy phép lái xe không chỉ nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ cho Chính phủ và người dân mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế khi Việt Nam tham gia các Công ước, Điều ước quốc tế. Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, sửa đổi theo hướng khuyến khích chuyển đổi giấy phép lái xe không thời hạn sang giấy phép lái xe mới theo lộ trình do Chính phủ quy định.

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về thành lập quỹ giảm thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra để có cơ chế, chính sách bền vững để tái

đầu tư vào việc bảo đảm cho trật tự, an toàn giao thông.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu chỉnh lý dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị lấy ý kiến rộng rãi đối với người dân đối với hai dự thảo luật (Luật Đường bộ và Luật TTATGTĐB) để có được sự đồng thuận.

UBTVQH thấy rằng, thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo Luật đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công an để lấy ý kiến rộng rãi của người dân.

- Có ý kiến đề nghị khi phát hiện vi phạm qua hệ thống giám sát phải thông báo ngay cho người vi phạm để kịp thời răn đe, nhắc nhở, không chờ đến khi đăng kiểm.

UBTVQH thấy rằng, thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính. Theo đó cơ quan chức năng, sau khi phát hiện được vi phạm, nếu không dừng được phương tiện xử lý ngay tại hiện trường thì sẽ phải gửi thông báo cho người vi phạm đề nghị chấp hành xử lý vi phạm của cơ quan chức năng.

- Có ý kiến cho rằng, theo Tờ trình thì dự thảo Luật đang quy định 17 thủ tục hành chính, trong đó có 12 thủ tục hành chính kế thừa các quy định của Luật GTĐB năm 2008 và 04 thủ tục hành chính luật hóa từ các văn bản dưới luật, đề nghị đánh giá rõ thêm.

UBTVQH thấy rằng, thủ tục hành chính ngoài được quy định tại Tờ trình ban hành kèm theo hồ sơ dự án Luật còn được quy định chi tiết tại Biểu mẫu đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung trong dự án Luật TTATGTĐB, trong đó mỗi thủ tục hành chính đều được đánh giá chi tiết về căn cứ pháp lý; tính hợp lý của từng bộ phận tạo thành thủ tục hành chính, gồm: Tên thủ tục hành chính, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết, phí, lệ phí thực hiện thủ tục, mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu, điều kiện, kết quả thực hiện, tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát đánh giá rõ thêm về các thủ tục hành chính trong đó đặc biệt là các thủ tục hành chính được luật hóa từ các văn bản dưới luật.

- Điều 29 và Điều 31 (nay là Điều 30 và Điều 33) quy định liên quan đến người già yếu, có ý kiến đề nghị sửa thành “người cao tuổi” cho thống nhất pháp luật chuyên ngành.

UBTVQH thấy rằng, thuật ngữ người già yếu có nội hàm là người già có sức khỏe yếu, khó khăn trong việc tham gia giao thông nên cần người khác hỗ trợ giúp đỡ, vì vậy UBTVQH đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật cho phù hợp với thực tiễn.

- Có ý kiến đề nghị tăng nặng chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông; bổ sung chế tài xử lý đối với các chủ phương tiện vi phạm GTĐB mà trốn tránh khi bị phát hiện vi phạm thông qua hệ thống camera giám sát khi chưa lập biên bản.

UBTVQH thấy rằng, về quy định chế tài xử lý vi phạm hành chính không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này mà thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Xử lý vi phạm hành chính và giao Chính phủ quy định cụ thể mức phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính. Về bổ sung chế tài xử lý đối với các chủ phương tiện vi phạm GTĐB mà trốn tránh khi bị phát hiện vi phạm thông qua hệ thống camera giám sát khi chưa lập biên bản, tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, bổ sung vào dự thảo Luật các quy định không đăng ký, đăng kiểm, cấp đổi lại giấy phép lái xe đối với các trường hợp không chấp hành xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan chức năng.

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính theo hướng bổ sung quy định cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền được áp dụng ngay biện pháp khắc phục hậu quả như buộc phải hạ tải đối với phần quá tải, dỡ phần quá khổ....

UBTVQH xin ghi nhận ý kiến của ĐBQH, thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật GTĐB năm 2008 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực GTĐB, đường sắt (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021) đã quy định cụ thể các trường hợp vi phạm quá tải, quá khổ phải bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc hạ tải phần quá tải và dỡ phần quá khổ.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trân trọng báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chính phủ;
- Các bộ: CA, GTVT, QP, TP;
- Lưu: HC, QPAN.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Quang Phương

Dự thảo xin ý kiến các Đoàn ĐBQH,
HĐDT, các Ủy ban của Quốc hội

LUẬT TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quy tắc, phương tiện, người điều khiển phương tiện, chỉ huy, điều khiển, tuân tra, kiểm soát, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ, trách nhiệm quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Trật tự, an toàn giao thông đường bộ* là trạng thái giao thông trật tự, an toàn, thông suốt, được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, nguyên tắc, quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

2. *Đường ưu tiên* là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông được các phương tiện tham gia giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên.

3. *Phần đường xe chạy* là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông đi lại.

4. *Làn đường* là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có đủ bề rộng cho xe chạy an toàn.

5. *Cải tạo xe* (sau đây gọi là cải tạo) là việc thay đổi kết cấu, hình dáng, bố trí, tổng thành, hệ thống, lắp đặt thêm hoặc tháo bỏ phụ tùng so với thiết kế hoặc hồ sơ kỹ thuật đã được phê duyệt của xe đã được đăng ký biển số dẫn đến thay đổi kiểu loại xe theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

6. *Người tham gia giao thông đường bộ* gồm: người điều khiển, người

được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi trên đường bộ; người đi bộ trên đường bộ.

7. *Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ* gồm: người điều khiển xe cơ giới (sau đây gọi là người lái xe), người điều khiển xe thô sơ, người điều khiển xe máy chuyên dùng.

8. *Người điều khiển giao thông đường bộ* (sau đây gọi là người điều khiển giao thông) gồm: Cảnh sát giao thông và người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông trên đường bộ.

9. *Ùn tắc giao thông đường bộ* (sau đây gọi là ùn tắc giao thông) là tình trạng phương tiện tham gia giao thông bị dôn ứ, di chuyển với tốc độ rất chậm hoặc không thể di chuyển được.

10. *Tai nạn giao thông đường bộ* (sau đây gọi là tai nạn giao thông) là va chạm liên quan đến người, phương tiện khi tham gia giao thông đường bộ, xảy ra bất ngờ, ngoài ý muốn của người tham gia giao thông, gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc tài sản.

11. *Thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông* là thiết bị kỹ thuật công nghệ có khả năng hỗ trợ phát hiện, phân tích, đánh giá các tình huống giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để chỉ huy, điều khiển, giải quyết các tình huống để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm giao thông đường bộ được thông suốt, trật tự, an toàn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; phòng ngừa tai nạn giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và ùn tắc giao thông; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân; tài sản của cơ quan, tổ chức.

3. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Người tham gia giao thông phải chấp hành các quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan, có trách nhiệm giữ an toàn cho mình và cho người khác.

5. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

6. Hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải công khai, minh bạch và thuận lợi cho người dân.

7. Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thống nhất trên cơ sở phân công, phân cấp, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và

sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Huy động, sử dụng các nguồn lực để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Bảo đảm ngân sách, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị hiện đại, các điều kiện bảo đảm và nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ của lực lượng trực tiếp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hiện đại hoá các trung tâm chỉ huy giao thông; bảo đảm kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đầu tư, xây dựng, chuyển giao hệ thống, phương tiện, thiết bị giám sát phục vụ công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phù hợp với quy định pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

4. Bảo đảm công bằng, bình đẳng, an toàn đối với người tham gia giao thông đường bộ; tạo thuận lợi đối với trẻ em, phụ nữ mang thai, người cao tuổi, người khuyết tật trong tham gia giao thông đường bộ; phổ biến, bồi dưỡng kiến thức về giao thông đường bộ cho trẻ em mầm non, học sinh để hình thành, nâng cao ý thức tự bảo vệ bản thân và tự giác chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có thành tích thì được khen thưởng, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù. Người bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục. Người bị thương, bị tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân, gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

6. Phát triển phương tiện giao thông đường bộ đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ, điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của người dân; nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp phương tiện giao thông đường bộ bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ đối với phương tiện giao thông trên thế giới; ưu tiên phát triển phương tiện vận tải công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân tham gia giao thông tại các đô thị lớn; ưu tiên chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh, thân thiện môi trường, hạ tầng cung cấp năng lượng sạch.

Điều 6. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thường xuyên, rộng rãi, phù hợp với các tầng lớp Nhân dân, người nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng.

5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hữu quan và chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

6. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hình thức tuyên truyền, phổ biến phù hợp với từng đối tượng tại địa phương.

7. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Thành viên trong gia đình có trách nhiệm tuyên truyền, nhắc nhở thành viên khác chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 7. Giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, người học trong các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình chính khóa phù hợp với từng ngành học, cấp học.

3. Trường trung học phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông hướng dẫn kỹ năng lái xe gắn máy an toàn cho học sinh từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi học tại cơ sở giáo dục đó.

4. Bộ Giáo dục và đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình giảng dạy trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học.

Điều 8. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu về đăng ký, quản lý xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;
- b) Cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;
- c) Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;
- d) Cơ sở dữ liệu về người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;
- đ) Cơ sở dữ liệu về bảo hiểm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;
- e) Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- g) Cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông đường bộ;
- h) Cơ sở dữ liệu về hành trình của phương tiện giao thông đường bộ, hình ảnh người lái xe theo quy định;
- i) Cơ sở dữ liệu về quản lý thời gian điều khiển phương tiện của người lái xe theo quy định;
- k) Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ là cơ sở dữ liệu dùng chung; được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu đường bộ và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này; quy định việc thu thập, quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

2. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.

3. Điều khiển xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe theo quy định; điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng.

4. Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối hoặc không chấp hành hướng dẫn, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, chỉ huy, điều khiển giao thông của người thi hành công vụ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

5. Tổ chức đua xe, đua xe, xúi giục, giúp sức, cổ vũ đua xe trái phép; điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ lạng lách, đánh võng, rú ga liên tục.

6. Dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi

đang điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

7. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.

8. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phương tiện tự chế và phương tiện khác chưa được cấp phép tham gia giao thông đường bộ.

9. Nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

10. Cải tạo các xe ô tô loại khác thành xe ô tô chở người.

11. Tự ý thay đổi kết cấu, hình dáng, bố trí, tổng thành, hệ thống của xe, lắp đặt thêm hoặc tháo bỏ phụ tùng không bảo đảm liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện khi tham gia giao thông so với thiết kế hoặc hồ sơ kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tự ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy của xe ô tô; thuê, mượn phụ tùng xe cơ giới chỉ để thực hiện việc kiểm định; tự ý cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

12. Tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, động cơ đã được đăng ký với cơ quan quản lý, nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định.

13. Chở hàng hóa vượt quá khối lượng toàn bộ, tải trọng trục, kích thước cho phép của xe hoặc vượt quá tải trọng, kích thước giới hạn cho phép của đường bộ khi chưa được cơ quan quản lý cấp phép hoặc không bảo đảm yêu cầu theo quy định của Luật này; chở hàng hóa trên xe có quy định phải chằng buộc nhưng không chằng buộc hoặc chằng buộc không đúng quy định; chở quá số người quy định.

14. Vận chuyển hàng hóa cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.

15. Đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; đe dọa, cưỡng ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn; chuyển tải, xuống khách hoặc các hành vi khác nhằm trốn tránh phát hiện xe chở quá tải, quá số người quy định.

16. Lắp đặt, sử dụng thiết bị âm thanh, ánh sáng trên xe cơ giới, xe máy chuyên dùng gây mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

17. Sản xuất, sử dụng, mua, bán trái phép biển số xe; điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng gắn biển số không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, gắn biển số không đúng vị trí; bẻ cong, che lấp biển số; làm thay đổi chữ, số, màu sắc, hình dạng, kích thước của biển số xe.

18. Làm gián đoạn hoạt động hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình, camera lắp trên xe theo quy định của Luật này.

19. Phá hoại, hủy hoại, làm hư hỏng thiết bị điều khiển, giám sát giao

thông đường bộ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông.

20. Đặt, để chướng ngại vật, vật cản khác trái phép trên đường bộ; rải vật sắc nhọn; đổ chất gây trơn trượt trên đường bộ; làm rơi vãi đất đá, hàng hóa, vật liệu, phế thải xây dựng trên đường bộ.

21. Cản trở người, phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ; ném gạch, đất, đá, cát hoặc vật thể khác vào người, phương tiện đang tham gia giao thông trên đường bộ.

22. Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, những nhiễu, xâm phạm lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

23. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ hoặc can thiệp, tác động vào quá trình xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

24. Không khai báo, khai báo gian dối hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không đúng sự thật để trốn tránh trách nhiệm khi bị phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

25. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn giao thông để trốn tránh trách nhiệm; khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn giao thông; lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

26. Điều khiển vật thể bay, tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ hoạt động trong phạm vi khổ giới hạn đường bộ gây cản trở hoặc nguy cơ mất an toàn cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ được cấp phép bay.

27. Hành vi khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ quy định tại Chương II Luật này.

Chương II

QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 10. Quy tắc chung

1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định, chấp hành báo hiệu đường bộ và các quy tắc giao thông đường bộ khác.

2. Người lái xe và người được chở trên xe ô tô phải thắt dây đai an toàn tại những chỗ có trang bị dây đai an toàn khi tham gia giao thông đường bộ.

3. Khi chở trẻ em dưới 10 tuổi và chiều cao dưới 1,35 mét trên xe ô tô mà không có người lớn ngồi cùng, người lái xe phải sử dụng, hướng dẫn sử dụng

thiết bị an toàn cho trẻ em phù hợp. Khi chở trẻ em dưới 06 tuổi bằng xe gắn máy, xe mô tô mà không có người lớn ngồi cùng phải có dây đai an toàn hoặc ghế dành riêng cho trẻ em.

4. Người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe có trách nhiệm hướng dẫn, yêu cầu, kiểm tra người trên xe thắt dây đai an toàn trong suốt quá trình xe chạy trên đường.

5. Người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại tại nơi có vạch kẻ đường hoặc báo hiệu khác dành cho người đi bộ hoặc tại nơi mà người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường.

Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ

1. Báo hiệu đường bộ, gồm: Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; đèn tín hiệu giao thông; biển báo hiệu đường bộ gồm: biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn, biển phụ; vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường; cọc tiêu, đỉnh phản quang, tiêu phản quang, cột Km, cọc H; thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ.

2. Người tham gia giao thông phải chấp hành báo hiệu đường bộ theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

- a) Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông;
- b) Tín hiệu đèn giao thông;
- c) Biển báo hiệu;
- d) Vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường;
- đ) Cọc tiêu, đỉnh phản quang, tiêu phản quang, cột Km, cọc H;
- e) Thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ.

3. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông được quy định như sau:

a) Tay bên phải giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở tất cả các hướng dừng lại;

b) Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi;

c) Tay bên phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông.

4. Tín hiệu đèn giao thông được quy định như sau:

Màu của đèn tín hiệu giao thông gồm: màu xanh, màu đỏ, màu vàng; có

hiển thị thời gian hoặc không hiển thị thời gian. Người tham gia giao thông phải chấp hành như sau:

a) Tín hiệu đèn màu xanh là được đi; trường hợp người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang đi ở lòng đường, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường;

b) Tín hiệu đèn màu vàng phải dừng lại trước vạch dừng; trường hợp tín hiệu đèn màu vàng nhấp nháy, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông được đi nhưng phải giảm tốc độ, quan sát hoặc dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường hoặc các phương tiện khác theo quy định;

c) Tín hiệu đèn màu đỏ là cấm đi.

5. Báo hiệu của biển báo hiệu đường bộ được quy định như sau:

a) Biển báo cấm để biểu thị các điều cấm;

b) Biển báo nguy hiểm để cảnh báo các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra;

c) Biển hiệu lệnh để báo các hiệu lệnh phải thi hành;

d) Biển chỉ dẫn để chỉ dẫn hướng đi hoặc các điều cần biết;

đ) Biển phụ để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn.

6. Vạch kẻ đường là vạch chỉ sự phân chia làn đường, vị trí hoặc hướng đi, vị trí dừng lại.

7. Cọc tiêu hoặc tường bảo vệ để hướng dẫn cho người tham gia giao thông biết phạm vi an toàn của nền đường và hướng đi của đường.

8. Rào chắn để ngăn, không cho người, phương tiện qua lại.

9. Đinh phản quang, tiêu phản quang để thông tin, cảnh báo về phần đường, làn đường.

10. Cột Km, cọc H để báo hiệu cho người tham gia giao thông đường bộ về các thông tin của đường bộ.

11. Thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ để hỗ trợ cảnh báo nguy hiểm cho người tham gia giao thông đường bộ.

12. Khi ở một vị trí vừa có biển báo hiệu đặt cố định vừa có biển báo hiệu tạm thời mà hai biển có ý nghĩa khác nhau, người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của biển báo hiệu tạm thời.

13. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, trừ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

14. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 12. Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng làn đường hoặc phần đường.

2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải bảo đảm tốc độ phù hợp điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố ảnh hưởng khác để bảo đảm an toàn.

3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau:

- a) Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;
- b) Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;
- c) Nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ, đường bộ giao nhau với đường sắt; đường hẹp, đường vòng, đường quanh co, đường đèo, dốc;
- d) Nơi cầu, cống hẹp, đập tràn, đường ngầm, hầm chui, hầm đường bộ;
- đ) Khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung đông người, khu vực đông dân cư, chợ, khu vực đang thi công trên đường bộ, hiện trường vụ tai nạn giao thông;
- e) Có vật nuôi đi trên đường hoặc chăn thả ở ven đường;
- g) Tránh xe đi ngược chiều hoặc khi cho xe đi phía sau vượt; khi có tín hiệu xin đường, tín hiệu khẩn cấp của xe đi cùng chiều phía trước;
- h) Điểm dừng, đỗ xe có khách đang lên, xuống xe;
- i) Gặp xe chở hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm; người đi bộ;
- k) Gặp xe ưu tiên;
- l) Điều kiện trời mưa, gió, sương, khói, bụi, mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, vật liệu rơi vãi ảnh hưởng tới an toàn giao thông đường bộ;
- m) Khu vực đang tổ chức kiểm soát giao thông đường bộ.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe đạp máy, xe đạp điện tham gia giao thông đường bộ.

Điều 13. Sử dụng làn đường

1. Phương tiện tham gia giao thông di chuyển với tốc độ thấp hơn phải đi về bên phải theo chiều đi của mình.

2. Trên đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường, người điều khiển phương tiện phải cho xe đi trong một làn đường và chỉ được chuyển làn đường ở những nơi cho phép; mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề; khi chuyển làn đường phải có tín hiệu báo trước; phải quan sát bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau và hai bên mới được chuyển làn.

3. Trên đường một chiều có vạch kẻ phân làn đường, xe thô sơ phải đi

trên làn đường bên phải trong cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên trái.

4. Trên làn đường dành riêng cho một loại phương tiện hoặc một nhóm loại phương tiện, người điều khiển loại phương tiện khác không được đi vào làn đường đó.

Điều 14. Vượt xe và nhường đường cho xe xin vượt

1. Vượt xe là tình huống giao thông trên đường mà mỗi chiều đường xe chạy chỉ có một làn đường dành cho xe cơ giới, xe đi phía sau di chuyển sang bên trái để lên trước xe phía trước.

Trên đường có từ hai làn đường dành cho xe cơ giới trở lên mỗi chiều được phân biệt bằng vạch kẻ đường, xe đi phía sau di chuyển lên trước xe phía trước thì áp dụng quy tắc sử dụng làn đường.

2. Khi vượt các xe phải vượt bên trái; trường hợp khi xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái hoặc khi xe chuyên dùng đang làm việc trên đường mà không thể vượt bên trái thì được vượt về bên phải.

3. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác, đã bật tín hiệu rẽ phải và tránh về bên phải.

4. Khi có xe xin vượt, người điều khiển phương tiện phía trước phải quan sát phần đường phía trước, nếu đủ điều kiện an toàn thì phải giảm tốc độ, bật tín hiệu rẽ phải báo hiệu cho người điều khiển xe phía sau biết được vượt và đi sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây cản trở đối với xe xin vượt.

Trường hợp có chướng ngại vật hoặc không đủ điều kiện an toàn thì người điều khiển phương tiện phía trước bật tín hiệu rẽ trái báo hiệu cho người điều khiển xe phía sau biết là chưa được vượt.

5. Xe xin vượt phải có báo hiệu nhấp nháy bằng đèn chiếu sáng phía trước hoặc còi (trừ xe thô sơ), khi vượt xe phải có tín hiệu báo hướng chuyển, tín hiệu báo hướng chuyển được sử dụng, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước và phía sau trong suốt quá trình vượt xe; trong đô thị và khu đông dân cư trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 5 giờ ngày hôm sau chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

6. Không được vượt xe khi không bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này; trên cầu hẹp có một làn đường; đường cong có tầm nhìn bị hạn chế; trên đường hai chiều tại khu vực đỉnh dốc có tầm nhìn bị hạn chế; nơi đường giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; khi điều kiện thời tiết hoặc đường không bảo đảm an toàn cho việc vượt; gây cản trở cho xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ; ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường; khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường; trong hầm đường bộ.

Điều 15. Chuyển hướng xe

1. Chuyển hướng xe là tình huống giao thông mà xe rẽ trái hoặc rẽ phải hoặc quay đầu xe.

2. Trước khi chuyển hướng, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải quan sát, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau, giảm tốc độ và bật tín hiệu báo hướng rẽ hoặc có tín hiệu bằng tay theo hướng rẽ đối với xe thô sơ. Tín hiệu báo hướng rẽ hoặc tín hiệu bằng tay phải sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng. Khi bảo đảm an toàn, không gây trở ngại cho người và phương tiện khác mới được chuyển hướng.

3. Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường đường cho người đi bộ, xe thô sơ, xe đi ngược chiều và chỉ chuyển hướng khi không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người, phương tiện khác.

4. Không quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, ngầm, tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất, trên đường cao tốc, trong hầm đường bộ, trên đường một chiều, trừ khi có hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc chỉ dẫn của biển báo hiệu tạm thời.

Điều 16. Lùi xe

1. Khi lùi xe, người điều khiển phương tiện phải quan sát hai bên và phía sau xe, có tín hiệu lùi và chỉ lùi xe khi bảo đảm an toàn.

2. Không được lùi xe ở đường một chiều, khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất, trong hầm đường bộ, trên đường cao tốc.

Điều 17. Tránh xe đi ngược chiều

1. Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình.

2. Các trường hợp nhường đường khi tránh nhau:

a) Nơi đường hẹp chỉ đủ cho một xe chạy và có chỗ tránh xe thì xe nào ở gần chỗ tránh hơn phải vào vị trí tránh, nhường đường cho xe đi ngược chiều;

b) Xe xuống dốc phải nhường đường cho xe lên dốc;

c) Xe có chướng ngại vật phía trước phải nhường đường cho xe không có chướng ngại vật phía trước.

Điều 18. Dừng xe, đỗ xe

1. Dừng xe là trạng thái đứng yên tạm thời của xe trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để cho người lên xe, xuống xe, xếp dỡ hàng hóa, kiểm tra kỹ thuật xe hoặc hoạt động khác. Khi dừng xe không được tắt máy và không được rời khỏi vị trí lái, trừ trường hợp rời khỏi vị trí lái để đóng, mở cửa xe, xếp dỡ hàng hóa, kiểm tra kỹ thuật xe nhưng phải sử dụng phanh đỗ xe hoặc thực hiện

biện pháp an toàn khác.

2. Đỗ xe là trạng thái đứng yên của xe không giới hạn thời gian. Khi đỗ xe, người điều khiển phương tiện chỉ được rời khỏi xe khi đã sử dụng phanh đỗ xe hoặc thực hiện biện pháp an toàn khác. Xe đỗ trên đoạn đường dốc phải đánh lái về phía lề đường, chèn bánh.

3. Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe trên đường phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết khi vào, ra vị trí dừng xe, đỗ xe;

b) Không làm ảnh hưởng đến người đi bộ và các phương tiện tham gia giao thông.

4. Người điều khiển phương tiện không được dừng xe, đỗ xe tại các vị trí sau đây:

a) Bên trái đường một chiều;

b) Trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc nơi có tầm nhìn bị che khuất;

c) Trên cầu, trừ những trường hợp tổ chức giao thông cho phép;

d) Gầm cầu vượt, trừ những nơi được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

đ) Song song cùng chiều với một xe khác đang dừng, đỗ trên đường;

e) Cách xe ô tô đang đỗ ngược chiều dưới 20 mét trên đường phố, dưới 40 mét trên đường có một làn xe cơ giới trên một chiều đường;

g) Trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường;

h) Nơi đường giao nhau và trong phạm vi 05 mét tính từ mép đường giao nhau;

i) Điểm đón trả khách theo quy định;

k) Trước cổng và trong phạm vi 05 mét hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ra vào;

l) Tại nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe cơ giới;

m) Trong phạm vi an toàn của đường sắt;

n) Che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông;

o) Trên đường dành riêng cho xe buýt, trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; trên lòng đường, hè phố trái quy định.

5. Trên đường bộ, người điều khiển phương tiện chỉ được dừng xe, đỗ xe ở nơi có lề đường rộng hoặc khu đất ở bên ngoài phần đường xe chạy; trường hợp lề đường hẹp hoặc không có lề đường thì phải dừng, đỗ xe sát mép đường phía bên phải theo chiều đi của mình.

6. Trên đường phố, người điều khiển phương tiện chỉ được dừng xe, đỗ xe

sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi của mình; bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,25 mét và không gây cản trở, nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông.

7. Trong trường hợp khẩn cấp, khi đỗ xe chiếm một phần đường xe chạy hoặc tại nơi không được phép đỗ, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển cảnh báo về phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết.

Điều 19. Mở cửa xe

1. Chỉ được mở cửa xe khi xe đã dừng, đỗ.
2. Trước khi mở cửa xe, người mở cửa phải quan sát phía trước, phía sau và bên phía mở cửa xe, khi thấy an toàn mới được mở cửa xe, ra khỏi xe; không để cửa xe mở nếu không bảo đảm an toàn.

Điều 20. Sử dụng đèn

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn phải bật đèn chiếu sáng phía trước.

2. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tắt đèn chiếu xa, bật đèn chiếu gần trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi gặp người đi bộ qua đường;
- b) Khi đi trên các đoạn đường qua khu dân cư có hệ thống chiếu sáng đang hoạt động;
- c) Khi gặp xe đi ngược chiều, trừ trường hợp dải phân cách có khả năng chống chói;
- d) Khi chuyển hướng xe tại nơi đường giao nhau.

3. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng khi thực hiện công việc trên đường bộ phải bật sáng đèn cảnh báo màu vàng.

Điều 21. Sử dụng tín hiệu còi

1. Chỉ được sử dụng tín hiệu còi của phương tiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Báo hiệu cho người đi bộ và người điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi xuất hiện tình huống có thể mất an toàn giao thông;
- b) Báo hiệu chuẩn bị vượt xe.

2. Không sử dụng còi liên tục; không sử dụng còi có âm lượng không đúng quy định; không sử dụng còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau trong khu đông dân cư và khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.

Điều 22. Nhường đường tại nơi đường giao nhau

Khi đến gần đường giao nhau, người điều khiển phương tiện phải quan

sát, cho xe giảm tốc độ và nhường đường theo quy định sau đây:

1. Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên với đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh với đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.

2. Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyên, phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải;

3. Tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyên, phải nhường đường cho xe đi bên trái.

Điều 23. Qua phà, qua cầu phao

1. Khi đến bến phà, cầu phao, các xe phải xếp hàng theo quy định, không làm cản trở giao thông.

2. Thứ tự ưu tiên qua phà, qua cầu phao:

- a) Xe ưu tiên;
- b) Xe chở thư báo;
- c) Xe chở thực phẩm tươi sống;
- d) Xe chở khách công cộng.

Trong trường hợp các xe cùng loại ưu tiên đến bến phà, cầu phao thì xe nào đến trước được qua trước.

3. Khi qua phà, phải chấp hành quy định sau đây:

a) Khi xe xuống phà, đang ở trên phà và khi lên bến, mọi người không được ở trên xe, trừ người lái xe, điều khiển xe máy chuyên dùng, người bệnh, người già yếu, phụ nữ mang thai, trẻ em và người khuyết tật;

b) Khi xuống phà, xe cơ giới xuống trước, xe thô sơ, người đi bộ xuống sau; khi lên bến, người đi bộ lên trước, các phương tiện giao thông lên sau theo hướng dẫn của người điều khiển giao thông.

4. Khi qua cầu phao, phải chấp hành quy định sau đây:

a) Xe cơ giới phải đi theo một hàng theo chiều đi chuyên, không gây cản trở người, phương tiện đi ngược chiều;

b) Xe thô sơ, người đi bộ phải đi sát về phía bên phải theo chiều đi của mình, không gây cản trở xe cơ giới;

c) Xe cơ giới, xe thô sơ, người đi bộ phải tuân thủ hướng dẫn của người điều khiển giao thông.

Điều 24. Giao thông tại đường ngang, cầu chung đường sắt

1. Khi có hiệu lệnh của nhân viên gác chắn, đèn đỏ sáng nhấp nháy, chuông kêu, chắn đường bộ đang dịch chuyển hoặc đã đóng, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch

dừng xe.

2. Khi tới đường ngang không có người gác, chắn đường bộ, chuông, đèn tín hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch dừng xe và quan sát hai phía, khi không có phương tiện giao thông đường sắt tới mới được đi qua.

3. Khi phương tiện tham gia giao thông bị hư hỏng, bị tai nạn hoặc hàng hóa rơi đổ trên đường ngang, cầu chung đường sắt mà không thể di chuyển ngay khỏi phạm vi an toàn đường sắt, người điều khiển phương tiện và người có mặt phải ngay lập tức báo hiệu để dừng tàu, thực hiện các biện pháp an toàn.

Điều 25. Giao thông trên đường cao tốc

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng trên đường cao tốc phải tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ sau đây:

a) Trước khi nhập vào làn đường của đường cao tốc phải có tín hiệu xin vào và phải nhường đường cho xe đang chạy trên đường, quan sát xe phía sau bảo đảm khoảng cách an toàn mới cho xe nhập vào làn đường sát bên phải, nếu có làn đường tăng tốc thì phải cho xe chạy trên làn đường đó trước khi nhập vào làn đường của đường cao tốc;

b) Khi chuẩn bị ra khỏi đường cao tốc phải quan sát biển báo hiệu chỉ dẫn, thực hiện chuyển dần sang làn đường sát bên phải, nếu có làn đường giảm tốc thì phải cho xe di chuyển trên làn đường đó trước khi rời khỏi đường cao tốc;

c) Không được cho xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp và phần lề đường;

d) Các quy tắc giao thông đường bộ khác quy định tại Luật này.

2. Chỉ được dừng xe, đỗ xe ở nơi quy định; trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe thì được dừng xe, đỗ xe ở làn dừng khẩn cấp cùng chiều xe chạy và phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp; trường hợp xe không thể di chuyển được vào làn dừng khẩn cấp, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển hoặc đèn cảnh báo về phía sau xe khoảng cách tối thiểu 150 mét, nhanh chóng báo cho cơ quan Cảnh sát giao thông hoặc cơ quan quản lý đường cao tốc.

3. Xe máy chuyên dùng có tốc độ thiết kế nhỏ hơn tốc độ tối thiểu quy định đối với đường cao tốc, xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, người đi bộ không được đi trên đường cao tốc, trừ người, phương tiện giao thông, thiết bị phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

Điều 26. Giao thông trong hầm đường bộ

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi điều khiển phương tiện trong hầm đường bộ phải tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ sau đây:

1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng phải bật đèn chiếu gần; xe thô sơ phải bật đèn hoặc có vật phát sáng báo hiệu.

2. Không dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ; trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe, người lái xe, người

điều khiển xe máy chuyên dùng phải đưa xe vào vị trí dừng, đỗ xe khẩn cấp, nếu không di chuyển được, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển cảnh báo về phía sau xe khoảng cách bảo đảm an toàn, nhanh chóng báo cho cơ quan Cảnh sát giao thông hoặc cơ quan quản lý hầm đường bộ.

3. Các quy tắc giao thông đường bộ khác quy định tại Luật này.

Điều 27. Quyền của xe ưu tiên

1. Xe ưu tiên gồm xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy; xe của lực lượng quân sự, công an và kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp; đoàn xe tang.

2. Xe ưu tiên được quyền đi trước xe khác khi qua đường giao nhau từ bất kỳ hướng nào tới theo thứ tự:

a) Xe chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy;

b) Xe của lực lượng quân sự, công an, kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường;

c) Xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu;

d) Xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;

đ) Đoàn xe tang.

3. Xe ưu tiên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này phải lắp đặt còi, đèn ưu tiên theo quy định. Màu của tín hiệu đèn ưu tiên được quy định như sau:

a) Xe chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đi làm nhiệm vụ, xe của lực lượng quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe cứu thương đang làm nhiệm vụ cấp cứu có đèn nhấp nháy màu đỏ;

b) Xe của lực lượng công an, kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, xe Cảnh sát giao thông dẫn đường có đèn nhấp nháy màu xanh và đỏ;

c) Xe hộ đê đi làm nhiệm vụ, xe đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật có đèn nhấp nháy màu xanh.

4. Xe ưu tiên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này không bị hạn chế tốc độ; được phép đi không phụ thuộc vào tín hiệu đèn giao thông, đi vào đường ngược chiều, các đường khác có thể đi được; riêng đối với đường cao tốc, chỉ được đi ngược chiều trên làn dừng xe khẩn cấp; phải tuân theo hiệu lệnh

của người điều khiển giao thông, biển báo hiệu tạm thời.

5. Khi có tín hiệu của xe ưu tiên, người tham gia giao thông phải giảm tốc độ, đi sát lề đường bên phải hoặc dừng lại để nhường đường, trạm thu phí phải ưu tiên cho xe ưu tiên qua trạm trong mọi tình huống, không được gây cản trở.

6. Chính phủ quy định cụ thể về quản lý, lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên và trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại và thu hồi giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.

7. Bộ trưởng Bộ Công an quy định các đoàn trong nước và khách nước ngoài đến Việt Nam có bố trí xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; quy định quy trình dẫn đường của Cảnh sát giao thông.

Điều 28. Trường hợp chở người trên xe ô tô chở hàng

1. Chỉ được chở người trên xe ô tô chở hàng trong các trường hợp sau đây:

a) Chở người đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hoặc thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp; chở cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang nhân dân đi làm nhiệm vụ; chở người bị nạn đi cấp cứu;

b) Chở người đi thực hành lái xe trên xe tập lái; chở người dự sát hạch lái xe trên đường trên xe sát hạch; chở người diễu hành theo đoàn khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

c) Đưa người ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc trong trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

2. Xe ô tô chở người trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông.

Điều 29. Xe kéo xe và xe kéo rơ moóc

1. Một xe ô tô chỉ được kéo theo một xe ô tô hoặc xe máy chuyên dùng khác khi xe được kéo không tự chạy được, trừ trường hợp quy định tại Điều 52 của Luật này và phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Xe được kéo phải có người điều khiển và hệ thống lái của xe đó phải còn hiệu lực;

b) Việc nối xe kéo với xe được kéo phải bảo đảm chắc chắn, an toàn; trường hợp hệ thống hãm của xe được kéo không còn hiệu lực thì xe kéo nhau phải nối bằng thanh nối cứng;

c) Phía trước của xe kéo và phía sau của xe được kéo phải có biển báo hiệu; có đèn cảnh báo nhấp nháy màu vàng.

2. Xe kéo rơ moóc chỉ được kéo theo rơ moóc phù hợp với thiết kế của xe; việc kết nối xe kéo với rơ moóc phải bảo đảm chắc chắn, an toàn.

3. Không được chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển; xe kéo rơ moóc, xe kéo sơ mi rơ moóc không được kéo thêm rơ moóc hoặc xe khác.

Điều 30. Người đi bộ; người khuyết tật, người già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai, trẻ em tham gia giao thông đường bộ

1. Người đi bộ phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Phải đi trên hè phố, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ; trường hợp đường không có hè phố, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ thì người đi bộ phải đi sát mép đường bên phải theo chiều đi của mình;

b) Chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn, báo hiệu đường bộ;

c) Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn, khi qua đường phải có tín hiệu bằng tay;

d) Không được vượt qua dải phân cách; đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông.

2. Người khuyết tật, già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai, trẻ em phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Người khuyết tật sử dụng xe lăn có hoặc không có động cơ phải đi trên vỉa hè, lề đường và nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ và xe thô sơ;

b) Người khiếm thị khi đi trên đường bộ phải có người dẫn dắt hoặc có công cụ để báo hiệu cho người khác nhận biết là người khiếm thị;

c) Người mất năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao thông phải có người dẫn dắt;

d) Trẻ em dưới 07 tuổi khi đi qua đường phải có người lớn dẫn dắt;

đ) Mọi người có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, trẻ em dưới 07 tuổi, phụ nữ mang thai khi đi qua đường.

Điều 31. Người điều khiển, người được chở, hàng hóa xếp trên xe thô sơ

1. Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện chỉ được chở một người, trừ trường hợp chở thêm một trẻ em dưới 07 tuổi thì được chở tối đa hai người.

2. Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật này; người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật này.

3. Người điều khiển, người được chở trên xe đạp máy, xe đạp điện phải đội mũ bảo hiểm bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và cài quai đúng quy

cách.

4. Người điều khiển xe thô sơ phải cho xe đi hàng một, nơi có phần đường dành cho xe thô sơ thì phải đi đúng phần đường quy định; khi tham gia giao thông trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau phải sử dụng đèn hoặc có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe.

5. Hàng hóa xếp trên xe thô sơ phải bảo đảm an toàn, không gây cản trở giao thông và che khuất tầm nhìn của người điều khiển. Không được xếp hàng lý, hàng hóa vượt quá phía trước và phía sau xe 1/3 chiều dài thân xe và 01 mét; vượt quá 0,4 mét mỗi bên bánh xe.

Điều 32. Người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, điều khiển xe vật nuôi kéo đi trên đường bộ

1. Người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, điều khiển xe vật nuôi kéo đi trên đường bộ phải cho vật nuôi đi sát mép đường bên phải; trường hợp cần cho vật nuôi đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn. Không được gây cản trở cho người và phương tiện tham gia giao thông.

2. Không được dẫn dắt vật nuôi đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.

3. Không được thả vật nuôi trên đường.

Điều 33. Người lái xe, người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy

1. Người lái xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:

- a) Chở người bệnh đi cấp cứu;
- b) Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;
- c) Trẻ em dưới 12 tuổi;
- d) Người già yếu hoặc người khuyết tật.

2. Người lái xe, người được chở trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và cài quai đúng quy cách.

3. Người lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Đi xe dàn hàng ngang;
- b) Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;
- c) Sử dụng ô, thiết bị âm thanh trừ thiết bị trợ thính;

d) Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

đ) Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt vật nuôi, mang, vác và chở vật cồng kềnh; chở người đứng trên xe, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe quá giới hạn quy định;

e) Ngồi về một bên điều khiển xe; đứng, nằm trên xe điều khiển xe; thay người lái xe khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe; sử dụng chân chống hoặc vật khác quét xuống đường khi xe đang chạy;

g) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

4. Người được chở trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi sau đây:

a) Mang, vác vật công kênh;

b) Sử dụng ô;

c) Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;

d) Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;

đ) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

5. Xe mô tô, xe gắn máy không được xếp hàng lý, hàng hóa quá bề rộng giá đèo hàng về mỗi bên 0,3 mét và vượt quá về phía sau giá đèo hàng 0,5 mét theo thiết kế của nhà sản xuất. Chiều cao xếp hàng hóa tính từ mặt đường xe chạy không quá 02 mét.

Chương III

PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 34. Phân loại phương tiện giao thông đường bộ

1. Phương tiện giao thông đường bộ (sau đây gọi là xe) gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ và xe máy chuyên dùng.

2. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm: xe ô tô; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô; xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe mô tô; xe gắn máy.

a) Xe ô tô là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, không chạy trên đường ray, dùng để chở người, hàng hóa, kéo rơ moóc, kéo sơ mi rơ moóc hoặc được kết cấu để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được nối với đường dây dẫn điện; xe ba bánh có khối lượng bản thân lớn hơn 400 kg. Xe ô tô bao gồm: xe ô tô chở người, xe ô tô chở hàng và xe ô tô chuyên dùng.

Xe ô tô chở người là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở người, hành lý, hàng hoá ký gửi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.

Xe ô tô chở hàng là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở

hàng hoá, trong ca bin có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi (kể cả người lái), có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.

Xe ô tô chuyên dùng là xe ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc;

b) Rơ moóc là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, được kéo bởi xe ô tô; phần chủ yếu của khối lượng toàn bộ rơ moóc không đặt lên xe kéo;

c) Sơ mi rơ moóc là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển; được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ; được kéo bởi xe ô tô đầu kéo và có một phần đáng kể khối lượng toàn bộ đặt lên ô tô đầu kéo;

d) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở người, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số người cho phép chở tối đa không quá 16 người (kể cả người lái);

đ) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở hàng, có phần động cơ và thùng hàng lắp trên cùng một khung xe, có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi (kể cả người lái), vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 60 km/h và khối lượng bản thân không lớn hơn 550 kg; trường hợp xe sử dụng động cơ điện thì có công suất động cơ lớn nhất không lớn hơn 15 kW;

e) Xe mô tô gồm: xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ trừ xe gắn máy; xe ba bánh có khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg;

g) Xe gắn máy là xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có vận tốc thiết kế không lớn hơn 50 km/h; nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không được lớn hơn 50 cm³; nếu động cơ dẫn động là động cơ điện thì công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 4 kW. Xe gắn máy không bao gồm xe đạp máy.

3. Phương tiện giao thông thô sơ đường bộ (sau đây gọi là xe thô sơ) gồm: xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện, xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật, xe súc vật kéo và các loại xe tương tự.

a) Xe đạp là xe thô sơ có ít nhất hai bánh và vận hành do sức người thông qua bàn đạp hoặc tay quay;

b) Xe đạp máy là xe đạp có trợ lực từ động cơ, có khối lượng bản thân không quá 25 kg, nguồn động lực từ động cơ bị ngắt khi người lái xe dừng đạp hoặc khi xe đạt tới tốc độ 25 km/h;

c) Xe đạp điện là xe đạp có trợ lực của động cơ điện, công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 250W.

4. Xe máy chuyên dùng gồm: xe máy thi công; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy kéo; rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi máy kéo; xe máy thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ.

5. Phương tiện giao thông thông minh là xe cơ giới cho phép tự động hóa một phần hoặc toàn bộ hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.

6. Xe tương tự các loại xe cơ giới, xe thô sơ được quản lý, sử dụng theo quy định đối với loại xe cơ giới, xe thô sơ đó. Chính phủ quy định cụ thể xe tương tự các loại xe cơ giới, xe thô sơ.

7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về phân loại phương tiện giao thông đường bộ.

Điều 35. Điều kiện phương tiện tham gia giao thông đường bộ

1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Được cấp chứng nhận đăng ký và gắn biển số theo quy định;
- b) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình. Xe ô tô chở người từ 09 chỗ trở lên (kể cả chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương phải lắp thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe.

3. Phương tiện giao thông thông minh bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động theo quy định.

4. Phương tiện gắn biển số nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này; quy định điều kiện hoạt động của xe thô sơ.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.

Điều 36. Biển số xe

1. Biển số xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 Luật này; được gắn vào phương tiện giao thông đường bộ của Luật này để phục vụ quản lý nhà nước.

2. Phân loại biển số xe

- a) Biển số xe nền màu xanh, chữ và số màu trắng cấp cho xe của cơ quan

Đảng, Quốc hội, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Biển số nền màu đỏ, chữ và số màu trắng cấp cho xe quân sự;

c) Biển số nền màu vàng, chữ và số màu đen cấp cho xe hoạt động kinh doanh vận tải;

d) Biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen cấp cho xe của các tổ chức, cá nhân trong nước, không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

đ) Biển số nền màu trắng, chữ màu đỏ, số màu đen, có sêri ký hiệu “NG” màu đỏ cấp cho xe của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và nhân viên nước ngoài mang chứng minh thư ngoại giao của cơ quan đó;

e) Biển số nền màu trắng, chữ màu đỏ, số màu đen, có sêri ký hiệu “QT” màu đỏ cấp cho xe của cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài mang chứng minh thư ngoại giao của tổ chức đó;

g) Biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen, có sêri ký hiệu “CV” cấp cho xe của các nhân viên hành chính kỹ thuật mang chứng minh thư công vụ của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, tổ chức quốc tế;

h) Biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen, có ký hiệu “NN” cấp cho xe của tổ chức, văn phòng đại diện, cá nhân nước ngoài, trừ các đối tượng quy định tại các điểm đ, e và g khoản này.

3. Biển số xe được quản lý theo mã định danh, trừ biển số xe quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Việc quản lý biển số xe theo mã định danh được quy định như sau:

a) Biển số xe được cấp và quản lý theo mã định danh của chủ xe là cá nhân, tổ chức; trường hợp tổ chức chưa có mã định danh điện tử thì quản lý theo mã số thuế hoặc quyết định thành lập;

b) Trường hợp xe hết niên hạn sử dụng, hư hỏng hoặc chuyển quyền sở hữu xe thì chủ xe được giữ lại số biển số xe trong thời hạn 5 năm để đăng ký cho xe khác thuộc sở hữu của mình; quá thời hạn nêu trên, số biển số xe đó bị cơ quan đăng ký xe thu hồi, nhập vào kho biển số để đăng ký, cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định;

c) Trường hợp chủ xe có thay đổi thông tin về trụ sở, nơi thường trú, tạm trú thì được giữ lại số biển số định danh.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy chuẩn kỹ thuật biển số xe; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy chuẩn kỹ thuật biển số xe do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 37. Đấu giá biển số xe

1. Biển số xe đưa ra đấu giá là số biển số xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy được quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 36 Luật này.

2. Giá khởi điểm của một biển số xe ô tô đưa ra đấu giá không thấp hơn

40 triệu; giá khởi điểm một biển số xe mô tô, xe gắn máy đưa ra đấu giá không thấp hơn 5 triệu. Căn cứ điều kiện kinh tế xã hội trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định cụ thể giá khởi điểm của loại biển số xe đưa ra đấu giá.

3. Tiền đặt trước không thấp hơn giá khởi điểm của loại biển số xe đưa ra đấu giá.

4. BƯỚC GIÁ BẰNG 10% GIÁ KHỞI ĐIỂM.

5. Đấu giá biển số xe được thực hiện theo hình thức đấu giá trực tuyến.

6. Trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá biển số xe thì được xác định là người trúng đấu giá biển số xe.

7. Người trúng đấu giá biển số xe có các quyền sau đây:

a) Được cấp quyết định xác nhận biển số xe trúng đấu giá sau khi nộp đủ số tiền trúng đấu giá;

b) Được đăng ký biển số xe trúng đấu giá gắn với phương tiện thuộc sở hữu của mình tại cơ quan công an nơi quản lý biển số xe trúng đấu giá hoặc nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức trúng đấu giá;

c) Được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trúng đấu giá;

d) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp quyết định xác nhận biển số xe trúng đấu giá, nếu người trúng đấu giá chết nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký xe để gắn biển số trúng đấu giá thì người thừa kế theo quy định của pháp luật về thừa kế được nhận số tiền người trúng đấu giá đã nộp sau khi trừ các khoản chi phí tổ chức đấu giá.

8. Người trúng đấu giá biển số xe có nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp đủ số tiền trúng đấu giá trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thông báo kết quả trúng đấu giá; tiền trúng đấu giá không bao gồm lệ phí đăng ký, cấp biển số xe. Sau thời hạn quy định, người trúng đấu giá biển số xe không nộp hoặc nộp không đủ tiền trúng đấu giá thì biển số xe trúng đấu giá được đấu giá lại hoặc chuyển vào hệ thống đăng ký, quản lý xe và người trúng đấu giá không được hoàn trả số tiền đặt trước;

b) Thực hiện thủ tục đăng ký xe để gắn biển số trúng đấu giá trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp quyết định xác nhận biển số xe trúng đấu giá; trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì thời hạn này được kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 06 tháng. Sau thời hạn quy định, người trúng đấu giá biển số xe không thực hiện thủ tục đăng ký xe để gắn biển số trúng đấu giá thì biển số xe trúng đấu giá được đấu giá lại và người trúng đấu giá không được hoàn trả số tiền trúng đấu giá đã nộp;

c) Không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế biển số xe trúng đấu giá, trừ trường hợp chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn biển số trúng đấu giá;

d) Người tham gia đấu giá không xác nhận biên bản đấu giá, người trúng

đấu giá không nộp đủ tiền trúng đấu giá thì không được nhận lại tiền đặt trước và không được tham gia đấu giá biển số xe trong thời hạn 12 tháng.

9. Đăng ký xe và biển số xe trúng đấu giá sau khi chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn biển số trúng đấu giá được quản lý, cấp, thu hồi theo quy định tại Điều 38 của Luật này.

10. Số tiền thu được từ đấu giá biển số xe sau khi trừ các khoản chi phí tổ chức đấu giá, chi phí quảng cáo, chi phí quản trị hệ thống đấu giá và chi phí khác được nộp vào ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

11. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định trình tự, thủ tục đấu giá biển số xe.

Điều 38. Cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe và biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ

1. Việc cấp mới chứng nhận đăng ký xe và biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Chứng nhận nguồn gốc xe theo quy định;
- b) Chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp;
- c) Chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Việc đổi chứng nhận đăng ký xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong trường hợp thay đổi chủ xe phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Chứng nhận đã được thu hồi đăng ký xe, biển số xe; trường hợp chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trúng đấu giá thì chỉ thu hồi đăng ký xe;

b) Các điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

3. Đổi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong các trường hợp sau:

- a) Chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bị mờ, hỏng;
- b) Cải tạo, thay đổi màu sơn; thay đổi tên, số định danh cá nhân, địa chỉ của chủ xe hoặc thay đổi mục đích sử dụng;
- c) Cơ quan đăng ký xe thay đổi cấu trúc biểu mẫu chứng nhận đăng ký, biển số xe.

4. Cấp lại chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, trong các trường hợp sau:

- a) Chứng nhận đăng ký, biển số xe bị mất;
- b) Chứng nhận đăng ký, biển số hết thời hạn sử dụng.

5. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp biển số và đăng ký tạm thời trong các trường hợp sau:

a) Đã có chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng để di chuyển từ nhà máy đến kho cảng hoặc từ kho cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký xe hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác;

b) Xe làm thủ tục thu hồi để tái xuất về nước hoặc chuyển quyền sở hữu; xe phục vụ các sự kiện do Đảng, Nhà nước tổ chức; xe đăng ký ở nước ngoài được cơ quan thẩm quyền cho phép bao gồm cả xe có tay lái bên phải (tay lái nghịch) vào Việt Nam quá cảnh, tạm nhập, tái xuất có thời hạn để tham gia dự hội nghị, hội chợ, triển lãm, thể dục, thể thao, du lịch; trừ trường hợp xe không phải cấp biển số tạm thời theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật này;

c) Xe chạy thử nghiệm thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 41 Luật này.

6. Các trường hợp thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, bao gồm:

a) Chuyển quyền sở hữu trong chứng nhận đăng ký, trừ trường hợp chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trúng đấu giá;

b) Hết thời hạn tạm nhập hoặc làm thủ tục nhập khẩu hoặc hết thời hạn đăng ký tại các khu kinh tế - thương mại đặc biệt, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế theo quy định;

c) Không còn đủ điều kiện an toàn tham gia giao thông, không còn nhu cầu tham gia giao thông; việc cấp, đăng ký, cấp biển số vi phạm quy định của pháp luật;

d) Xe cơ giới hết niên hạn sử dụng theo quy định.

7. Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 39. Niên hạn sử dụng của xe cơ giới

1. Niên hạn sử dụng của xe cơ giới được tính bắt đầu từ năm sản xuất xe đến hết ngày 31 tháng 12 của năm hết niên hạn sử dụng.

2. Niên hạn sử dụng của xe cải tạo được quy định sau:

a) Xe có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe không có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe trước khi cải tạo;

b) Xe không có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe sau khi cải tạo;

c) Xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 10 người trở lên (kể cả người lái), xe ô tô chở người chuyên dùng cải tạo thành xe ô tô chở hàng (kể cả xe ô tô chở hàng chuyên dùng); xe chở người bốn bánh có gắn động cơ cải tạo thành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thì được áp dụng niên hạn sử dụng niên hạn của xe sau cải tạo.

3. Các trường hợp xe cơ giới không áp dụng niên hạn sử dụng, bao gồm:

a) Xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc;

b) Xe cơ giới của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 40. Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp

1. Đối tượng phải bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, trừ xe để nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất, trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm thương mại;

b) Loại phụ tùng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu thuộc danh mục sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, trừ trường hợp để nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất, trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm thương mại.

2. Việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường bao gồm:

a) Kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và phụ tùng xe cơ giới, mức tiêu thụ năng lượng của xe cơ giới;

b) Công nhận và chỉ định cơ sở thử nghiệm, chứng nhận;

c) Kiểm tra, đánh giá, giám sát việc bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, bảo hành, bảo dưỡng, triệu hồi sản phẩm của cơ sở nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp.

3. Việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp do đăng kiểm viên thực hiện và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng nhận theo quy định. Đăng kiểm viên là người được cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng nhận, kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

4. Việc thừa nhận chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của nước ngoài đối với xe cơ giới, phụ tùng xe cơ giới được thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam là thành viên.

5. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới; chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm hàng hóa do mình nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và việc bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và triệu hồi sản phẩm theo quy định của Chính phủ.

6. Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp.

7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới; quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên.

8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý.

Điều 41. Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ

1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ phải được kiểm định theo quy định.

2. Việc kiểm định đối với xe mô tô, xe gắn máy chỉ thực hiện kiểm định khí thải. Việc kiểm định khí thải thực hiện theo quy định của pháp luật về môi trường được thực hiện tại các cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

3. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ sở đăng kiểm phương tiện hoặc chứng nhận về kiểm tra xuất xưởng của nhà sản xuất thì không phải kiểm định trong trường hợp di chuyển từ cửa khẩu, từ nơi sản xuất, lắp ráp tới kho, cảng, cửa hàng hoặc ngược lại.

4. Việc chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng do đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm thực hiện và được cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định theo quy định.

5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho trạm kiểm tra khí thải xe mô tô, xe

gắn máy; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông; quy định về giới hạn kích thước, giới hạn tải trọng đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ; quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự, thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý. **Điều 42. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng**

1. Cơ sở đăng kiểm là tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được tổ chức, hoạt động theo quy định Chính phủ.

Cơ sở đăng kiểm chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; từ chối kiểm định phương tiện khi chủ phương tiện chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính.

2. Trách nhiệm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

a) Chấp hành các quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định;

b) Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ;

c) Tổ chức, cá nhân đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe tiếp tục chịu trách nhiệm của chủ xe khi chưa thực hiện thu hồi đăng ký, biển số đối với trường hợp phải thu hồi theo quy định tại khoản 7 Điều 38 Luật này;

d) Tổ chức, cá nhân vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông thì chưa đăng ký, đăng kiểm phương tiện vi phạm; sau khi chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông thì được đăng ký, đăng kiểm phương tiện đó theo quy định;

đ) Chấp hành các quy định khác của pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ.

Điều 43. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị

1. Xe buýt, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải chạy đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng, đỗ đúng nơi quy định.

2. Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi đón, trả khách.

3. Xe chở hàng phải hoạt động đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe.

4. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải, vật liệu rời phải được che phủ kín, không để rơi, vãi trên đường phố và có thời gian hoạt động theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.

Điều 44. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe ô tô vận chuyển hành khách

1. Khi vận chuyển hành khách bằng xe ô tô phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Đón, trả hành khách đúng nơi quy định; hướng dẫn sử dụng trang thiết bị an toàn trên xe; có biện pháp giữ gìn vệ sinh trong xe;

b) Vận chuyển hành khách đúng lịch trình, lộ trình đã đăng ký, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Không chở hành khách trên nóc xe, trong khoang chở hành lý hoặc để hành khách đu, bám bên ngoài xe;

d) Không chở hàng nguy hiểm, hàng cấm, hàng lậu, động thực vật hoang dã, hàng có mùi hôi thối hoặc động vật, hàng hóa khác có ảnh hưởng đến sức khỏe của hành khách, môi trường;

đ) Không chở hành khách, hành lý, hàng hóa vượt quá trọng tải, số người theo quy định;

e) Không chở hàng hóa trong khoang chở hành khách.

2. Người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển hành khách có các trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trước khi cho xe khởi hành phải kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe, hướng dẫn cho hành khách về an toàn giao thông và thoát hiểm khi gặp sự cố;

c) Kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý, hàng hóa bảo đảm an toàn;

d) Giữ gìn trật tự, vệ sinh trong xe;

đ) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cơ quan Công an trong công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;

e) Thực hiện các quy tắc giao thông khác được quy định trong Luật này.

Điều 45. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe ô tô chở học sinh, trẻ em mầm non

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải chở học sinh, trẻ em mầm non phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 của Luật này; có niên hạn sử dụng không quá 20 năm; có màu sơn theo quy định của Chính phủ;

b) Xe ô tô chở học sinh tiểu học hoặc trẻ em mầm non phải có dây đai an toàn phù hợp với lứa tuổi hoặc sử dụng xe có ghế ngồi phù hợp với lứa tuổi học sinh.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải kết hợp với hoạt động đưa đón học sinh, trẻ em mầm non phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 10, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 của Luật này.

3. Khi đưa đón học sinh tiểu học, trẻ em mầm non phải bố trí tối thiểu 01 người quản lý trên mỗi xe ô tô để hướng dẫn, giám sát, duy trì trật tự và bảo đảm an toàn cho học sinh tiểu học, trẻ em mầm non trong suốt chuyến đi. Trường hợp xe trên 30 chỗ và chở trên 29 học sinh tiểu học và trẻ em mầm non phải bố trí tối thiểu 02 người quản lý trên mỗi xe ô tô.

4. Lái xe ô tô đưa đón học sinh, trẻ em mầm non phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm lái xe vận tải hành khách.

5. Cơ sở giáo dục, đào tạo phải xây dựng, tập huấn cho cho lái xe và người quản lý học sinh, trẻ em mầm non nắm vững và thực hiện đúng quy trình bảo đảm an toàn khi đưa đón học sinh, trẻ em mầm non; chịu trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi tổ chức đưa đón học sinh, trẻ em mầm non của đơn vị mình.

6. Xe đưa đón học sinh, trẻ em mầm non được ưu tiên trong tổ chức, phân luồng, điều tiết giao thông, bố trí nơi dừng, đỗ tại khu vực trường học và tại các điểm trên lộ trình đưa đón học sinh.

Điều 46. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ

1. Việc sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi tham gia giao thông;

b) Khi vận chuyển hàng hóa, lái xe phải mang giấy tờ theo quy định của

pháp luật;

c) Kiểm tra việc sắp xếp hàng hóa bảo đảm an toàn; không chở quá số người theo quy định, chở quá khối lượng hàng hoá cho phép hoặc vượt quá khổ giới hạn của xe;

d) Hàng vận chuyển trên xe phải được xếp đặt gọn gàng và chằng buộc chắc chắn, bảo đảm không gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông; không cản trở tầm nhìn của lái xe; không được che khuất đèn, biển số xe;

đ) Khi vận chuyển hàng rời, vật liệu xây dựng, phế thải không để rơi vãi xuống đường hoặc gây ra tiếng ồn, bụi bẩn trong suốt quá trình vận chuyển trên đường;

e) Khi xếp hàng hoá vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu đỏ tại điểm đầu và điểm cuối cùng của hàng hoá, khi xe hoạt động vào ban đêm hoặc khi trời tối phải đèn hoặc báo hiệu cho người tham gia giao thông nhận biết.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn địa phương.

Điều 47. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Được cấp chứng nhận đăng ký và gắn biển số; bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;

b) Niêm yết tên và số điện thoại của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải theo quy định; niêm yết giá cước vận tải đối với vận chuyển hành khách;

c) Bảo đảm đúng thời gian và phạm vi hoạt động.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.

Điều 48. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa

1. Khi vận chuyển hàng hoá bằng xe ô tô, người lái xe phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Mang đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi tham gia giao thông;

c) Kiểm tra việc sắp xếp hàng hóa bảo đảm an toàn; không chở quá khối lượng hàng hoá cho phép hoặc vượt quá khổ giới hạn của xe;

d) Hàng vận chuyển trên xe phải được xếp đặt, chằng buộc bảo đảm an toàn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

đ) Khi vận chuyển hàng rời, vật liệu xây dựng, phế thải phải che đậy kín, không để rơi vãi xuống đường hoặc gây ra tiếng ồn, bụi bẩn trong suốt quá trình vận chuyển trên đường và chiều cao tối đa của hàng phải thấp hơn mép trên thành thùng xe tối thiểu 10 cm;

e) Khi xếp hàng hoá vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu dễ nhận diện tại điểm đầu và điểm cuối cùng của hàng hoá, khi xe hoạt động vào ban đêm hoặc khi trời tối phải có đèn báo hiệu.

2. Lực lượng Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe chở hàng quá tải lưu hành trên đường bộ.

Điều 49. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với phương tiện vận chuyển động vật sống, thực phẩm tươi sống

1. Việc vận chuyển động vật sống phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Người lái xe phải mang đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật;

b) Phương tiện vận chuyển phải có kết cấu phù hợp với loại động vật chuyên chở;

c) Trong quá trình vận chuyển phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, vệ sinh dịch tễ, phòng dịch và bảo đảm vệ sinh môi trường.

2. Việc vận chuyển thực phẩm tươi sống phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Người lái xe phải mang đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật;

b) Trong quá trình vận chuyển phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, an toàn thực phẩm, vệ sinh dịch tễ, phòng dịch và bảo đảm vệ sinh môi trường.

Điều 50. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với phương tiện vận chuyển hàng hoá nguy hiểm

1. Hàng hoá nguy hiểm là hàng hoá có chứa các chất nguy hiểm khi chở trên đường có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia.

2. Việc vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải có giấy phép vận chuyển theo quy định của Chính phủ; trong trường hợp cần thiết, đơn vị vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải bố trí người áp tải để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Xe ô tô vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải dán nhãn, biểu trưng nhận diện hàng hoá nguy hiểm; lắp đèn, tín hiệu cảnh báo theo quy định của Chính phủ.

4. Người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải được

tập huấn về vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định.

5. Cơ quan cấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có trách nhiệm gửi thông báo ngay đến cơ quan Cảnh sát giao thông Bộ Công an và cơ quan Cảnh sát giao thông nơi có tuyến đường mà phương tiện đi qua để chỉ huy, điều khiển giao thông, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định.

6. Chính phủ quy định về danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

Điều 51. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe quá khổ, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ

1. Xe quá khổ bao gồm:

a) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có kích thước bao ngoài vượt quá kích thước giới hạn cho phép của xe theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe cơ giới;

b) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có kích thước bao ngoài quá khổ giới hạn của đường bộ;

c) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng khi chờ hàng có kích thước bao ngoài của xe và hàng vượt quá kích thước giới hạn của xe hoặc quá khổ giới hạn của đường bộ.

2. Xe quá tải trọng bao gồm:

a) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có khối lượng toàn bộ vượt quá khối lượng cho phép của xe hoặc của đường bộ;

b) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có khối lượng toàn bộ phân bổ lên trục xe, cụm trục xe vượt quá tải trọng của trục xe, cụm trục xe hoặc vượt quá tải trọng khai thác của đường bộ..

3. Việc cấp phép, lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Khi các phương án vận chuyển hàng hoá bằng đường sắt, đường thủy, đường biển hoặc phương thức vận tải khác không thể thực hiện được hoặc không an toàn, không hiệu quả, gây tổn kém, lãng phí, thiệt hại;

b) Lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích từ ga, cảng và các địa điểm nhập khẩu, chế tạo, sửa chữa, bảo trì đến nơi sử dụng phương tiện theo quy định và ngược lại hoặc giữa các địa điểm sử dụng phương tiện theo quy định;

4. Bảo vệ công trình đường bộ khi cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ được quy định như sau:

a) Trường hợp xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích vượt quá tải trọng, khổ giới hạn của công trình đường bộ thì chủ phương tiện vận

chuyên chịu trách nhiệm khảo sát, thiết kế, gia cường công trình đường bộ;

b) Việc khảo sát, thiết kế, gia cường công trình đường bộ do đơn vị đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật về xây dựng thực hiện;

c) Chủ phương tiện vận chuyên có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí để khảo sát, thiết kế, gia cường công trình đường bộ quy định tại điểm b khoản này;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b và c khoản này có trách nhiệm bồi thường khi xảy ra thiệt hại đối với công trình đường bộ;

đ) Trường hợp cần thiết cần phải có lực lượng hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông khác và thực hiện các biện pháp an toàn giao thông cần thiết theo quy định của Chính phủ;

e) Xe bánh xích được phép lưu thông trên đường bộ thì phải có biện pháp bảo vệ mặt đường.

5. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường; chấp thuận phương án khảo sát, thiết kế, gia cường công trình đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

6. Xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích chỉ được lưu hành trên đường bộ sau khi được cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Cơ quan cấp phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành có trách nhiệm gửi thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông Bộ Công an và cơ quan Cảnh sát giao thông nơi có tuyến đường mà phương tiện đi qua để chỉ huy, điều khiển giao thông, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định.

8. Lực lượng Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm tổ chức tuần tra, kiểm soát, điều khiển giao thông, xử lý vi phạm pháp luật đối với xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ.

9. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; trình tự, thủ tục cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích.

Điều 52. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe vận chuyên hàng siêu trường, siêu trọng

1. Hàng siêu trường, siêu trọng là hàng không thể chia nhỏ, tháo rời, khi vận chuyên trên đường bộ làm cho phương tiện hoặc tổ hợp phương tiện bị vượt quá giới hạn cho phép tham gia giao thông về kích thước, khối lượng theo quy định.

2. Xe vận chuyên hàng siêu trường, siêu trọng phải phù hợp với loại hàng và phải có giấy phép lưu hành xe do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền

cấp.

3. Xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng được phép ghép, nối thành tổ hợp nhiều xe gồm ô tô đầu kéo, ô tô kéo rơ moóc để kéo hoặc vừa kéo vừa đẩy các rơ moóc, sơ mi rơ moóc chuyên dùng, rơ moóc kiểu module tự hành có gắn động cơ, bao gồm cả trường hợp ghép nối thông qua hàng được chở.

4. Xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng phải chạy với tốc độ quy định trong giấy phép và phải có báo hiệu kích thước của hàng; trường hợp cần thiết, phải có người, phương tiện hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 51 của Luật này khi vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

5. Cơ quan cấp phép vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông Bộ Công an và cơ quan Cảnh sát giao thông nơi có tuyến đường mà phương tiện đi qua để chỉ huy, điều khiển giao thông, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định.

6. Lực lượng Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ.

7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về hàng siêu trường, siêu trọng; quy định việc vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; quy định việc cấp phép, lưu hành xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

Điều 53. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe cứu hộ giao thông đường bộ

1. Xe cứu hộ giao thông đường bộ là xe ô tô chuyên dùng có trang bị dụng cụ, thiết bị dùng để cứu hộ, hỗ trợ di chuyển hoặc chuyên chở các phương tiện giao thông bị hư hỏng, sự cố.

2. Xe cứu hộ giao thông đường bộ phải có dấu hiệu nhận diện, niêm yết thông tin trên xe, gắn thiết bị giám sát hành trình, camera và truyền dẫn dữ liệu theo quy định.

3. Xe cứu hộ giao thông đường bộ phải tuân thủ quy định về trọng tải của xe cứu hộ và trọng tải của xe được cứu hộ ghi trên Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Điều 54. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với trường hợp xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam; phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch

1. Xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam; phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

2. Cơ quan cấp phép cho xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước

ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch thông báo ngay cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

3. Việc lưu hành xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch được quy định như sau:

a) Chấp hành đúng quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Việt Nam; chỉ được lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam theo đúng quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Phải tham gia giao thông đúng trong phạm vi, tuyến đường đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép;

c) Xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải phải đi theo đoàn và có xe dẫn đường;

d) Tổ chức, cá nhân đưa xe tay lái bên phải vào Việt Nam có trách nhiệm bố trí xe dẫn đường, bảo đảm an toàn, giao thông khi phương tiện lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam;

đ) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương IV

NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 55. Điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

1. Người lái xe tham gia giao thông đường bộ phải đủ tuổi, sức khỏe theo quy định; có giấy phép lái xe còn hiệu lực phù hợp với loại xe đang điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ người lái xe gắn máy quy định tại khoản 4 Điều này. Khi tham gia giao thông, người lái xe phải mang theo các giấy tờ sau:

a) Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc giấy tờ xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực;

b) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển;

c) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, phương tiện giao thông thông minh theo quy định của pháp luật;

d) Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

2. Người điều khiển xe máy chuyên dùng phải đủ tuổi, sức khỏe theo quy định; có bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng phù hợp loại xe

máy chuyên dùng đang điều khiển; có giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. Khi tham gia giao thông, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải mang theo các loại giấy tờ sau:

- a) Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc Giấy biên nhận còn hiệu lực của tổ chức tín dụng;
- b) Bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng;
- c) Giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;
- d) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng theo quy định của pháp luật;
- đ) Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

4. Người lái xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ phải đủ điều kiện về độ tuổi, sức khỏe theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 58 Luật này.

5. Người tập lái xe ô tô, người dự sát hạch lái xe ô tô khi tham gia giao thông phải thực hành trên xe tập lái, xe sát hạch trên tuyến đường tập lái, tuyến đường sát hạch, có giáo viên dạy lái hoặc sát hạch viên bảo trợ tay lái. Giáo viên dạy lái, sát hạch viên phải mang theo các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 56. Giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe bao gồm các hạng sau đây:

- a) Hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh đến 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kw;
- b) Hạng A cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh trên 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kw và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;
- c) Hạng B1 cấp cho người lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;
- d) Hạng B cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B có kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;
- đ) Hạng C1 cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 có kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ

theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B;

e) Hạng C cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1;

g) Hạng D1 cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C;

h) Hạng D2 cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả ô tô buýt) trên 16 chỗ đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1;

i) Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả ô tô buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2;

k) Hạng BE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

l) Hạng C1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

m) Hạng CE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc;

n) Hạng D1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

o) Hạng D2E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

p) Hạng DE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nối toa.

2. Người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật được cấp giấy phép lái xe hạng A1.

Người khuyết tật điều khiển xe ô tô được cấp giấy phép lái xe hạng B để lái xe ô tô số tự động có cơ cấu phù hợp với tình trạng khuyết tật. 3. Người điều khiển xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải có giấy phép lái xe ô tô; hạng giấy phép lái xe được tính theo quy định đối với xe ô tô tải và ô tô chở người.

4. Trường hợp xe được thiết kế, cải tạo số chỗ ít hơn xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương thì hạng giấy phép lái xe được tính theo xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương.

5. Thời hạn của giấy phép lái xe:

a) Giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1 không thời hạn;

b) Giấy phép lái xe hạng B có thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp;

c) Giấy phép lái xe các hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

6. Giấy phép lái xe có giá trị sử dụng trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm:

a) Giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

b) Giấy phép lái xe quốc tế và giấy phép lái xe quốc gia phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia là thành viên của Công ước của Liên hợp quốc về Giao thông đường bộ năm 1968 (sau đây gọi là Công ước Viên) cấp;

c) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển của nước hoặc vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký cam kết công nhận giấy phép lái xe của nhau;

d) Giấy phép lái xe nước ngoài phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia được công nhận theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

7. Giấy phép lái xe không có hiệu lực trong các trường hợp:

a) Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng;

b) Giấy phép lái xe bị trừ hết điểm;

c) Giấy phép lái xe có Quyết định thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 61 của Luật này.

8. Giấy phép lái xe quốc tế

a) Giấy phép lái xe quốc tế là giấy phép lái xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các nước tham gia Công ước Viên cấp theo một mẫu thống nhất; có thời hạn không quá 03 năm kể từ ngày cấp và phải phù hợp với thời hạn còn hiệu lực của giấy phép lái xe quốc gia;

b) Người có giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước Viên cấp khi lái xe tham gia giao thông đường bộ trên lãnh thổ Việt Nam phải mang theo giấy phép lái xe quốc tế và giấy phép lái xe quốc gia được cấp phù hợp với hạng xe điều khiển, còn thời hạn sử dụng; phải tuân thủ pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Việt Nam;

c) Người có giấy phép lái xe quốc tế vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ Việt Nam mà bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe có thời hạn thì thời gian bị tước quyền sử dụng không quá thời gian người lái xe được phép cư trú tại lãnh thổ Việt Nam;

d) Người Việt Nam hoặc người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam có giấy phép lái xe do Việt Nam hoặc các nước là thành viên Điều ước Quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng, nếu có nhu cầu được cấp giấy phép lái xe quốc tế.

9. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết hình thức của giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế; quy định trình tự thủ tục cấp và sử dụng giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết về hình thức giấy phép lái xe, trình tự thủ tục cấp và sử dụng giấy phép lái xe của lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 57. Điểm của Giấy phép lái xe

1. Điểm giấy phép lái xe được dùng để quản lý việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của người lái xe trên hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe, gồm 12 điểm.

2. Người lái xe có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ bị trừ điểm giấy phép lái xe theo quy định của Chính phủ. Dữ liệu về điểm trừ đối với người vi phạm sẽ được cập nhật về hệ thống cơ sở dữ liệu ngay sau khi hình thức xử phạt có hiệu lực thi hành và thông báo cho người bị trừ điểm giấy phép lái xe biết.

3. Giấy phép lái xe được phục hồi đủ 12 điểm khi chưa bị trừ hết điểm và không bị trừ điểm trong thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm bị trừ điểm gần nhất.

4. Trường hợp giấy phép lái xe bị trừ hết điểm, người được cấp giấy phép lái xe phải tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ do lực lượng Cảnh sát giao thông tổ chức theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, có kết quả đạt yêu cầu thì được phục hồi đủ 12 điểm.

5. Giấy phép lái xe mới đổi, cấp lại, nâng hạng được giữ nguyên số điểm của giấy phép lái xe trước khi đổi, cấp lại, nâng hạng.

6. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thẩm quyền trừ điểm giấy phép lái xe.

7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 6 Điều này; quy định trình tự, thủ tục trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Điều 58. Tuổi, sức khỏe của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

1. Độ tuổi của người lái xe quy định như sau:

- a) Người đủ 16 tuổi trở lên được điều khiển xe gắn máy;
- b) Người đủ 18 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng A1, A, B1, B, C1, được điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;
- c) Người đủ 21 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng C, BE;
- d) Người đủ 24 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D1, D2, C1E,

CE;

đ) Người đủ 27 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D, D1E, D2E, DE;

e) Tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người trên 29 chỗ ngồi phù hợp với tuổi lao động được quy định trong Bộ luật Lao động.

2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải có sức khỏe phù hợp với từng loại phương tiện được phép điều khiển. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; xây dựng cơ sở dữ liệu về khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định độ tuổi của người lái xe trong lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 59. Đào tạo lái xe

1. Người có độ tuổi, sức khỏe đáp ứng quy định tại Điều 58 của Luật này để được cấp giấy phép lái xe phải được đào tạo theo nội dung lý thuyết và thực hành theo chương trình đào tạo quy định cho từng hạng giấy phép lái xe.

2. Người học lái xe phải được đào tạo tại các cơ sở đào tạo lái xe hoặc các hình thức đào tạo lái xe khác theo quy định để cấp mới hoặc nâng hạng giấy phép lái xe.

3. Việc đào tạo để nâng hạng giấy phép lái xe thực hiện cho những trường hợp sau đây:

a) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng B lên hạng C1 hoặc lên hạng C hoặc lên hạng D1 hoặc lên hạng D2;

b) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng C1 lên hạng C hoặc lên hạng D1 hoặc lên hạng D2;

c) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng C lên hạng D1 hoặc lên hạng D2 hoặc lên hạng D;

d) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng D1 lên hạng D2 hoặc lên hạng D;

đ) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng D2 lên hạng D;

e) Nâng hạng giấy phép lái xe từ các hạng B, C1, C, D1, D2, D lên các hạng giấy phép lái xe tương ứng BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE.

4. Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe phải có giấy phép lái xe đang còn hiệu lực và có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe; người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng D1, D2, D tối thiểu phải có trình độ từ trung học cơ sở.

5. Giấy phép lái xe hạng C, D1, D2, D và các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE phải được đào tạo bằng hình thức đào tạo nâng hạng theo các điều kiện

quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Cơ sở đào tạo lái xe phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định; có giáo trình, giáo án theo quy định; thực hiện đào tạo theo đúng hình thức, nội dung và chương trình quy định cho từng hạng giấy phép lái xe.

7. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức đào tạo lái xe khác quy định tại khoản 2 Điều này; quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá đề cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái; quy định tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe; quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép đào tạo lái xe.

8. Bộ trưởng Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo lái xe. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cơ sở đào tạo, tổ chức đào tạo lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 60. Sát hạch lái xe

1. Hoạt động sát hạch lái xe ô tô phải thực hiện tại các Trung tâm sát hạch lái xe; hoạt động sát hạch lái xe mô tô thực hiện tại các Trung tâm sát hạch lái xe hoặc tại sân tập lái đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, kỹ thuật theo quy định. Hoạt động sát hạch lái xe do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

2. Trung tâm sát hạch lái xe là đơn vị cung cấp dịch vụ sát hạch lái xe; phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; phải sử dụng thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin và phải chia sẻ ngay kết quả và dữ liệu giám sát quá trình sát hạch đến cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, cơ quan quản lý về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để giám sát.

3. Người đã hoàn thành chương trình đào tạo lái xe, đủ điều kiện được đăng ký để tham dự kỳ sát hạch lái xe.

4. Nội dung sát hạch lái xe phải phù hợp với hạng giấy phép lái xe và chương trình đào tạo.

5. Việc sát hạch lái xe do Sát hạch viên thực hiện. Sát hạch viên phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, được cấp thẻ Sát hạch viên theo quy định và phải chịu trách nhiệm về kết quả sát hạch của mình.

6. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá đề cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch cho Trung tâm sát hạch lái xe; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, quy trình sát hạch đề cấp giấy phép lái xe; điều kiện, tiêu chuẩn sát hạch viên, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên; tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát

hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 61. Cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe được cấp cho người tham dự kỳ sát hạch có kết quả đạt yêu cầu.

2. Người có giấy phép lái xe được đổi, cấp lại giấy phép lái xe trong các trường hợp sau:

a) Giấy phép lái xe bị mất;

b) Giấy phép lái xe bị hỏng không còn sử dụng được;

c) Theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe;

d) Thay đổi thông tin ghi trên giấy phép lái xe;

đ) Giấy phép lái xe nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng;

e) Giấy phép lái xe do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp mà người được cấp không còn làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Chưa cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe đối với người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi người đó chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính.

4. Giấy phép lái xe thu hồi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người được cấp giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ quan y tế đối với từng hạng giấy phép lái xe;

b) Giấy phép lái xe được cấp sai quy định;

c) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt theo quy định nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.

5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục về cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 62. Đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng

1. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ là giấy chứng nhận cấp cho người có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

2. Người có nhu cầu cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đăng ký với cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng đủ điều kiện để được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

3. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô, cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy

chuyên dùng đủ điều kiện thực hiện bồi dưỡng kiến thức về giao thông đường bộ phải theo đúng hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng; kiểm tra và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; việc kiểm tra và thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; điều kiện của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 63. Thời gian làm việc của người lái xe ô tô kinh doanh vận tải và vận tải nội bộ

1. Thời gian làm việc của người lái xe phải bảo đảm theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Thời gian lái xe của người lái xe ô tô không quá 10 giờ trong một ngày và không quá 48 giờ trong một tuần; lái xe liên tục không quá 04 giờ.

3. Thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe liên tục:

a) Từ 06 giờ đến 22 giờ trong ngày: Thời gian mỗi lần dừng nghỉ giữa hai lần lái xe liên tục tối thiểu 05 phút đối với lái xe taxi, xe buýt và 15 phút đối với lái xe vận tải nội bộ và các loại hình kinh doanh vận tải còn lại;

b) Từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau: Thời gian mỗi lần dừng nghỉ giữa hai lần lái xe liên tục tối thiểu 20 phút đối với lái xe vận tải nội bộ và các loại hình kinh doanh vận tải.

4. Đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị vận tải nội bộ và người lái xe ô tô kinh doanh vận tải và vận tải nội bộ chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều này.

Chương V

TUẦN TRA, KIỂM SOÁT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 64. Hoạt động tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Hoạt động tuần tra, kiểm soát bao gồm:

a) Bố trí lực lượng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát;

b) Kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ;

c) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác.

2. Hình thức tuần tra, kiểm soát bao gồm:

a) Tổ chức lực lượng trực tiếp tuần tra, kiểm soát trên tuyến giao thông đường bộ;

b) Kiểm soát thông qua hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông.

3. Lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát bao gồm:

a) Lực lượng Cảnh sát giao thông;

b) Lực lượng, đơn vị khác trong Công an nhân dân được huy động tham gia phối hợp với Cảnh sát giao thông thực hiện tuần tra, kiểm soát trong trường hợp cần thiết trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng được huy động theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với thực tế nhiệm vụ.

4. Nhiệm vụ của Cảnh sát giao thông khi thực hiện tuần tra, kiểm soát, bao gồm:

a) Quan sát, nắm tình hình người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ; tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ, an ninh, trật tự trên tuyến giao thông đường bộ;

b) Thực hiện các nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

c) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động người tham gia giao thông chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

d) Giúp đỡ, hỗ trợ người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi cần thiết;

đ) Điều khiển giao thông;

e) Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật;

g) Đấu tranh phòng, chống tội phạm hoạt động trên tuyến giao thông đường bộ, bảo đảm an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật; tham gia phòng, chống khủng bố, biểu tình gây rối, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, cứu nạn, cứu hộ;

h) Phát hiện những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong quản lý nhà nước về giao thông đường bộ, tổ chức giao thông đường bộ, nguyên nhân dẫn đến mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thông báo cơ quan chức năng hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền kiến nghị với cơ quan chức năng có biện pháp khắc phục;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Công an nhân dân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Quyền hạn của Cảnh sát giao thông khi thực hiện tuần tra kiểm soát, bao gồm:

a) Dừng phương tiện tham gia giao thông theo quy định tại Điều 65 của Luật này để kiểm tra việc chấp hành các quy định về quy tắc giao thông đường bộ; điều kiện của phương tiện tham gia giao thông đường bộ; điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật;

c) Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách; di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông theo quy định tại Điều 67, Điều 68 Luật này;

d) Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông, hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, hệ thống kiểm soát tải trọng, khổ giới hạn xe trên đường bộ, vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định tại Điều 69 và Điều 70 Luật này;

đ) Các quyền hạn khác theo quy định của Luật Công an nhân dân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Khi thực hiện nhiệm vụ, lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Chấp hành quy định của pháp luật và mệnh lệnh, kế hoạch tuần tra, kiểm soát của cấp có thẩm quyền;

b) Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;

d) Chịu trách nhiệm về quyết định, hành vi của mình theo quy định của pháp luật.

7. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết điểm a và điểm b khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này; quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông.

8. Xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên dùng quân sự và người điều khiển xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên dùng quân sự tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông và yêu cầu kiểm tra về điều lệnh nội vụ, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của lực lượng kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự.

Hoạt động kiểm tra điều lệnh nội vụ và việc chấp hành pháp luật của lực lượng kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự trên đường bộ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 65. Căn cứ dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát

Cảnh sát giao thông được dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát khi có một trong các căn cứ sau đây:

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc có căn cứ xác định có hành vi vi phạm pháp luật về trật an, an toàn giao thông đường bộ hoặc vi phạm pháp luật khác;
2. Thực hiện theo mệnh lệnh, kế hoạch tuần tra, kiểm soát của cấp có thẩm quyền để phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà buộc phải dừng phương tiện để kiểm soát mới phát hiện được;
3. Phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống tội phạm; phòng, chống thiên tai; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống dịch bệnh;
4. Có tin báo, tố giác, phản ánh, kiến nghị, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 66. Biện pháp phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hệ thống camera điều hành giao thông; hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm soát tải trọng xe cơ giới.
2. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông.
3. Khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, ghi nhận hình ảnh người lái xe, bảo đảm an toàn hành trình theo quy định; tiếp nhận dữ liệu thu thập từ công trình kiểm soát tải trọng xe.
4. Khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
5. Quan sát, kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu trực tiếp của người thực thi công vụ.
6. Tiếp nhận, xử lý tin báo, phản ánh, kiến nghị, dữ liệu thu thập được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật của tổ chức, cá nhân theo quy định của Chính phủ.
7. Biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 67. Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách

1. Khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, chỉ huy, điều khiển giao thông, giải quyết tai nạn giao thông, trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an

ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra, lực lượng Cảnh sát giao thông được huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện, thiết bị đó.

Trong trường hợp cấp bách theo quy định tại khoản này, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, giúp đỡ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông huy động người, phương tiện, thiết bị có trách nhiệm hoàn trả ngay sau khi trường hợp cấp bách chấm dứt. Trường hợp người, phương tiện, thiết bị được huy động làm nhiệm vụ bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách, đền bù; đơn vị có cán bộ, chiến sĩ huy động có trách nhiệm giải quyết việc đền bù theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được huy động có trách nhiệm chấp hành quyết định, yêu cầu của Cảnh sát giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 68. Di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông

1. Khi phát hiện phương tiện giao thông đường bộ vi phạm quy định dừng xe, đỗ xe trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông, nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông nhưng người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm hoặc có mặt nhưng không chấp hành yêu cầu của Cảnh sát giao thông thì cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông thực hiện việc di chuyển phương tiện vi phạm ra khỏi vị trí dừng, đỗ trên.

Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện thì đơn vị, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện việc di chuyển phương tiện đó.

2. Người điều khiển phương tiện hoặc chủ phương tiện giao thông đường bộ vi phạm phải trả chi phí cho việc di chuyển hoặc thuê di chuyển phương tiện đó.

3. Trong quá trình thực hiện việc di chuyển phương tiện theo quy định tại khoản 1 Điều này cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông, tổ chức, cá nhân được thuê thực hiện việc di chuyển phương tiện phải có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho phương tiện được di chuyển.

Điều 69. Trang bị, sử dụng phương tiện, thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ khi tuần tra, kiểm soát

1. Lực lượng Cảnh sát giao thông được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; phương tiện giao thông đường bộ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông;. Các lực lượng tham gia phối hợp với Cảnh sát giao thông thực hiện tuần tra, kiểm soát được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ phù hợp với nhiệm vụ

được giao.

2. Các lực lượng quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; sử dụng phương tiện giao thông đường bộ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an; sử dụng thiết bị lưu trữ dữ liệu do tổ chức, cá nhân cung cấp để phân tích, đánh giá, dự báo tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ, phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật.

3. Vũ khí, công cụ hỗ trợ trang bị được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông được quản lý theo quy định của Luật này, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 70. Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới

1. Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ được quy định như sau:

a) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là hệ thống thu thập tín hiệu, dữ liệu, âm thanh, hình ảnh về hành trình của phương tiện, tình trạng công trình giao thông và các dữ liệu liên quan khác được xây dựng, lắp đặt trên các tuyến giao thông đường bộ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để giám sát tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;

b) Việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải tuân thủ đúng quy trình, quy tắc, bảo đảm hoạt động liên tục và kết nối với Trung tâm chỉ huy giao thông;

c) Dữ liệu thu thập được từ Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được quản lý theo quy định của pháp luật; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức; được sử dụng để xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật khác và phục vụ công tác quản lý nhà nước.

2. Hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe dùng để ghi, lưu trữ, truyền phát thông tin dữ liệu về hành trình của phương tiện và hình ảnh của người lái xe, do lực lượng Cảnh sát giao thông quản lý, vận hành, sử dụng để phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông và xử lý hành vi vi phạm pháp luật, được kết nối, chia sẻ

với cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan liên quan.

3. Hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới được trang bị cho lực lượng Cảnh sát giao thông để phục vụ kiểm tra, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm quy định về tải trọng xe trên đường bộ.

4. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; quy định xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông; quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; quy định việc trang bị, lắp đặt, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới.

Điều 71. Quyền và trách nhiệm của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

1. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ có quyền sau đây:

a) Được điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định của Luật này;

b) Được thông báo về căn cứ dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm soát; nội dung và kết quả kiểm soát; hành vi vi phạm pháp luật và biện pháp xử lý;

c) Giải trình, khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật;

d) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người thực hiện tuần tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật về tố cáo;

đ) Phản ánh, tố giác, báo tin những trường hợp vi phạm pháp luật.

2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:

a) Chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Chấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát;

c) Hỗ trợ, hợp tác với lực lượng bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong quá trình phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác.

Điều 72. Ngăn chặn hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, chống người thi hành công vụ

1. Khi người tham gia thông không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, có hành vi chống người thi hành công vụ, lực lượng thi hành nhiệm vụ thực hiện các biện pháp sau đây:

a) Giải thích cho người vi phạm biết rõ về hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, có hành vi chống người thi hành công vụ; quyền và trách nhiệm của người vi phạm; thuyết phục, yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm, chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát;

b) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong trường hợp người vi phạm không chấp hành mệnh lệnh, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ tuân tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp người vi phạm có hành vi chống người thi hành công vụ thì tùy theo tình huống, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, người thi hành công vụ được sử dụng vũ lực, công cụ hỗ trợ hoặc vũ khí theo quy định của pháp luật để ngăn chặn hành vi vi phạm và phòng vệ chính đáng.

2. Trường hợp người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ không chấp hành tín hiệu, hiệu lệnh dừng phương tiện và bỏ chạy thì người thi hành công vụ được thực hiện quyền truy đuổi để ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm.

Chương VI

CHỈ HUY, ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 73. Chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ

1. Chỉ huy giao thông là tổng hợp các hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá các yếu tố có liên quan để đưa ra các giải pháp điều hành hoạt động giao thông đường bộ trật tự, an toàn, thông suốt, được thực hiện thông qua:

a) Người có thẩm quyền chỉ huy giao thông;

b) Trung tâm chỉ huy giao thông;

c) Thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông.

2. Điều khiển giao thông là hoạt động trực tiếp hướng dẫn giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn, thông suốt, được thực hiện thông qua:

a) Người điều khiển giao thông;

b) Đặt biển báo hiệu tạm thời, tín hiệu tạm thời;

c) Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống đèn tín hiệu giao thông, các báo hiệu đường bộ khác, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Điều 74. Trung tâm chỉ huy giao thông

1. Trung tâm chỉ huy giao thông là nơi thu thập, lưu trữ, phân tích, xử lý dữ liệu về tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ phục vụ chỉ huy, điều khiển giao thông, giải quyết tai nạn giao thông, tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác liên quan tới giao thông đường bộ; cung cấp thông tin về tình trạng giao thông cho người tham gia giao thông; nghiên cứu giải pháp bảo đảm giao thông đường bộ an toàn, thông suốt.

2. Trung tâm chỉ huy giao thông bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thiết bị công nghệ và cơ sở dữ liệu do lực lượng Cảnh sát giao thông quản lý, vận hành, khai thác.

3. Trung tâm chỉ huy giao thông, gồm: Trung tâm chỉ huy giao thông quốc gia, Trung tâm chỉ huy giao thông địa phương; được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành;

4. Trung tâm chỉ huy giao thông được kết nối với các hệ thống, cơ sở dữ liệu sau đây:

- a) Hệ thống đèn tín hiệu giao thông đường bộ;
- b) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- c) Hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe;
- d) Hệ thống camera giám sát trên tuyến giao thông, đô thị;
- đ) Thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông; thiết bị phục vụ công tác điều khiển giao thông, điều tra, kiểm soát và điều tra giải quyết tai nạn giao thông tại hiện trường;
- e) Trung tâm quản lý hệ thống giao thông thông minh;
- g) Công trình kiểm soát tải trọng xe cơ giới, hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới;
- h) Cơ sở dữ liệu khác theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật này.

5. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật về Trung tâm chỉ huy giao thông; quy định về xây dựng, quản lý, hoạt động của Trung tâm chỉ huy giao thông.

Điều 75. Giải quyết tình huống đột xuất gây mất trật tự, an toàn giao thông trên đường bộ

1. Tình huống đột xuất trên đường bộ gồm: ùn tắc giao thông; tai nạn giao thông; hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thiên tai, cháy, nổ gây mất an toàn giao thông; tình huống phức tạp về an ninh, trật tự trên đường bộ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện tình huống đột xuất trên đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này kịp thời báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất hoặc cơ quan quản lý đường bộ theo quy định; trường hợp phát hiện vụ tai nạn

giao thông phải báo ngay cho cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 80 của Luật này; khi xét thấy cần thiết có biện pháp cảnh báo ngay cho người tham gia giao thông biết.

3. Cơ quan Công an, cơ quan quản lý đường bộ khi phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin về tình huống đột xuất trên đường bộ, theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm:

a) Tổ chức ngay lực lượng đến nơi xảy ra tình huống đột xuất để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại nơi xảy ra tình huống;

b) Thực hiện các biện pháp được quy định tại khoản 2 Điều 73;

c) Khắc phục kịp thời các hư hỏng về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gây mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

d) Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ phải kịp thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết;

đ) Thực hiện các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với trường hợp sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

1. Lòng đường được sử dụng cho mục đích giao thông; vỉa hè được sử dụng cho người đi bộ. Trường hợp cần thiết sử dụng lòng đường, vỉa hè phục vụ các sự kiện chính trị, hoạt động văn hoá, thể thao và mục đích khác phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng lòng đường, hè phố theo quy định và thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trước khi thực hiện.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lòng đường, vỉa hè phục vụ các sự kiện chính trị, hoạt động văn hoá, thể thao và mục đích khác phải có phương án sử dụng lòng đường, vỉa hè và xin phép cơ quan có thẩm quyền; chỉ được sử dụng đúng mục đích khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép; chấp hành các yêu cầu của lực lượng Cảnh sát giao thông; không làm mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hoàn trả nguyên trạng lòng đường, vỉa hè sau khi kết thúc việc sử dụng.

3. Cơ quan Cảnh sát giao thông có trách nhiệm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; dẫn đoàn theo quy định;

b) Thông báo, thực hiện phương án phân luồng giao thông tạm thời;

c) Giải quyết các tình huống gây mất an ninh, trật tự; trường hợp sử dụng lòng đường, vỉa hè không đảm bảo yêu cầu về an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ thì tạm thời đình chỉ hoạt động, kiến nghị cơ quan cấp phép điều chỉnh giấy phép cho phù hợp.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 77. Giải quyết, khắc phục ùn tắc giao thông

1. Khi xảy tình huống đột xuất ùn tắc giao thông, Cảnh sát giao thông phải tiến hành các biện pháp giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Luật này.

2. Khi xuất hiện tình trạng ùn tắc giao thông phải tiến hành các biện pháp sau đây:

a) Cơ quan Cảnh sát giao thông có phương án chỉ huy, điều khiển giao thông; xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết, phòng ngừa tình trạng ùn tắc giao thông;

b) Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xác định nguyên nhân của tình trạng ùn tắc giao thông; có biện pháp giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Cảnh sát giao thông, cơ quan quản lý đường bộ thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giải quyết, khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông.

Điều 78. Kiến nghị về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với công trình đường bộ

1. Cơ quan Cảnh sát giao thông khi tiếp nhận thông tin về nguy cơ hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật này hoặc trực tiếp phát hiện nguy cơ mất an toàn đối với công trình giao thông đường bộ, các bất hợp lý về tổ chức giao thông, có trách nhiệm:

a) Xử lý, khắc phục trong phạm vi quản lý hoặc kiến nghị cơ quan quản lý công trình đường bộ xử lý, khắc phục kịp thời;

b) Trường hợp cần thiết, thực hiện các biện pháp chỉ huy, điều khiển giao thông quy định tại Điều 73 Luật này hoặc tạm thời đình chỉ hoạt động giao thông tuyến đường nếu thấy không bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Cơ quan quản lý công trình đường bộ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra và khắc phục các yếu tố có nguy cơ mất an toàn đối với giao thông đường bộ theo quy định, thông báo kết quả khắc phục cho cơ quan Cảnh sát giao thông, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị;

b) Chịu trách nhiệm nếu để xảy ra hậu quả do không xử lý, khắc phục các yếu tố gây mất an toàn giao thông theo quy định tại điểm a khoản này.

Chương VII

GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 79. Trách nhiệm của người điều khiển phương tiện, người liên quan và người có mặt tại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ

1. Người điều khiển phương tiện, người liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:

a) Dừng ngay phương tiện, cảnh báo nguy hiểm, giữ nguyên hiện trường, trợ giúp người bị nạn và báo tin cho cơ quan Công an, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;

b) Ở lại hiện trường vụ tai nạn giao thông cho đến khi người của cơ quan Công an đến, trừ trường hợp phải đi cấp cứu, đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc xét thấy bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe nhưng phải đến trình báo ngay cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;

c) Cung cấp thông tin xác định danh tính về bản thân, người liên quan đến vụ tai nạn giao thông và thông tin liên quan của vụ tai nạn giao thông cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm sau đây:

a) Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;

b) Báo tin ngay cho cơ quan Công an, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;

c) Tham gia bảo vệ hiện trường;

d) Tham gia bảo vệ tài sản của người bị nạn;

đ) Cung cấp thông tin liên quan về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Người được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu sử dụng phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông trong trường hợp không có phương tiện nào khác để đưa nạn nhân đi cấp cứu phải đánh dấu vị trí phương tiện, vị trí nạn nhân trên hiện trường không được làm thay đổi, mất dấu vết liên quan đến vụ tai nạn giao thông. Trường hợp có người chết phải giữ nguyên hiện trường và che đậy thi thể.

4. Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm chở người bị thương đi cấp cứu. Các xe ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao không bắt buộc thực hiện quy định tại khoản này.

Điều 80. Phát hiện, tiếp nhận, xử lý tin báo tai nạn giao thông đường bộ

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện vụ tai nạn giao thông phải báo ngay cho cơ quan Công an, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

2. Cơ quan Công an khi nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông phải tổ chức ngay lực lượng đến hiện trường thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 3 Điều 75 của Luật này và các biện pháp khác để giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định.

3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cứu ban đầu người bị tai nạn do tai nạn giao thông đường bộ có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần

nhất; thực hiện xét nghiệm nồng độ cồn, chất ma túy hoặc các chất kích thích khác trong máu của người điều khiển phương tiện theo đề nghị của cơ quan Công an hoặc theo chỉ định của bác sĩ. Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không đủ điều kiện xét nghiệm, phải lấy mẫu máu bảo quản và chuyển mẫu máu theo đúng quy định đến cơ sở xét nghiệm.

4. Ủy ban nhân dân nơi gần nhất khi nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông phải thông tin cho cơ quan công an có thẩm quyền để giải quyết.

5. Doanh nghiệp bảo hiểm khi nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông phải trực tiếp hoặc ủy quyền cho người đại diện của doanh nghiệp đến hiện trường phối hợp với đơn vị giải quyết vụ tai nạn giao thông.

6. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 81. Cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ

1. Cơ quan Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức lực lượng, công cụ, phương tiện nhanh chóng có mặt tại hiện trường để cứu nạn, cứu hộ. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vụ tai nạn giao thông, cơ quan Công an có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để huy động lực lượng, phương tiện giải quyết vụ tai nạn giao thông trong trường hợp cần thiết.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải bố trí, phân công người, phương tiện sẵn sàng và nhanh chóng có mặt tại hiện trường để sơ cứu, vận chuyển, cấp cứu nạn nhân sau khi tiếp nhận tin báo vụ tai nạn giao thông; hỗ trợ, cứu chữa nạn nhân bị tai nạn giao thông trong mọi trường hợp.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an bố trí phương tiện cứu hộ phương tiện bị tai nạn giao thông trong trường hợp cần thiết.

4. Trường hợp có người chết mà không rõ tung tích, không có thân nhân hoặc thân nhân không có khả năng chôn cất, sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông đồng ý cho chôn cất, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm tổ chức chôn cất.

5. Trường hợp tai nạn giao thông liên quan đến phương tiện giao thông chở hàng nguy hiểm cơ quan công an chủ trì giải quyết vụ việc phải thông báo ngay cho đơn vị chức năng về giải quyết hóa chất độc hại, vật liệu cháy nổ; phong tỏa hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông; tổ chức phân luồng giao thông, cấm người, phương tiện đi vào khu vực tai nạn.

Điều 82. Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ

1. Nguyên tắc điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ được quy định như sau:

a) Tất cả các vụ tai nạn giao thông xảy ra phải được điều tra, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, đúng quy định pháp luật;

b) Người gây tai nạn giao thông đường bộ tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

c) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm phối hợp giải quyết;

d) Không được lợi dụng, lạm dụng công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông để xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

đ) Đối với các vụ tai nạn giao thông liên quan đến người và phương tiện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho các cơ quan này.

2. Đối với tai nạn giao thông đường bộ có dấu hiệu tội phạm, việc điều tra giải quyết thực hiện theo quy định pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự. Đối với tai nạn giao thông đường bộ chưa xác định có dấu hiệu tội phạm, nội dung điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ bao gồm:

a) Kiểm tra nồng độ cồn, chất ma túy và các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng đối với người điều khiển phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông;

b) Khám nghiệm hiện trường, phương tiện, tử thi, công trình đường bộ liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông; thu thập thông tin, dữ liệu điện tử; xác định hậu quả thiệt hại về người và tài sản do vụ tai nạn giao thông gây ra;

c) Tạm giữ phương tiện, đồ vật, thông tin, tài liệu, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người điều khiển phương tiện;

d) Ghi lời khai của những người điều khiển phương tiện; người bị nạn; người làm chứng và những người có liên quan khác trong vụ tai nạn giao thông;

đ) Xem xét dấu vết trên thân thể người bị nạn; kiểm tra, xác minh điều kiện cần và đủ của phương tiện, người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông đường bộ; hành khách, hàng hóa vận chuyển và các loại giấy tờ khác có liên quan;

e) Truy tìm phương tiện, người điều khiển phương tiện gây tai nạn;

g) Giám định chuyên môn; dựng lại hiện trường;

h) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Kết luận vụ tai nạn giao thông phải xác định diễn biến, hậu quả thiệt hại, nguyên nhân, lỗi và điều kiện liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông; đề xuất xử lý vụ tai nạn giao thông và kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khắc phục những sơ hở, thiếu sót nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông.

Điều 83. Thống kê tai nạn giao thông đường bộ

1. Thông tin về tai nạn giao thông đường bộ phải được thống kê chính xác, đầy đủ, kịp thời; kết quả thống kê, tổng hợp về tai nạn giao thông đường bộ phục vụ nghiên cứu, đề ra các giải pháp phòng ngừa tai nạn giao thông đường bộ.

2. Cơ quan Cảnh sát giao thông chủ trì, phối hợp thống kê tai nạn giao thông đường bộ;

3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cung cấp thông tin thống kê người bị tai nạn giao thông đường bộ vào khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho cơ quan Cảnh sát giao thông.

4. Cơ quan khác có thẩm quyền điều tra, giải quyết tai nạn giao thông phải cung cấp thông tin, tài liệu, kết quả điều tra, giải quyết cho cơ quan Cảnh sát giao thông có thẩm quyền để phục vụ thống kê, tổng hợp về tai nạn giao thông đường bộ và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ.

5. Chính phủ quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành về số liệu thống kê tai nạn giao thông đường bộ.

Điều 84. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ

1. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, được hình thành ở Trung ương để huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ.

2. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây:

a) Hỗ trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước;

b) Từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ được ưu tiên chi các hoạt động sau đây:

a) Hỗ trợ nạn nhân, gia đình nạn nhân do tai nạn giao thông đường bộ gây ra;

b) Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; tổ chức, cá nhân tham gia tuyên truyền giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ mà không được nhà nước bảo đảm kinh phí.

4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ:

a) Không vì mục đích lợi nhuận;

b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Hỗ trợ cho các hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ

mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; không được chi trùng với ngân sách nhà nước.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này; quy định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ.

Chương VIII **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ,** **AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Điều 85. Nội dung quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

4. Quản lý phương tiện giao thông đường bộ.

5. Quản lý người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

6. Tuân tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

7. Chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ.

8. Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ.

9. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

10. Xây dựng lực lượng trực tiếp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện về công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

11. Thống kê, tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

12. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

13. Hợp tác quốc tế về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 86. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Bộ Công an là đầu mối giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý

nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; xây dựng lực lượng Cảnh sát giao thông chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Bộ Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định của Luật này.

4. Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về phương tiện giao thông đường bộ và người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ cho lực lượng quân đội làm nhiệm vụ quốc phòng.

5. Bộ Y tế thực hiện quản lý nhà nước về điều kiện sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị an toàn cho trẻ em phù hợp theo từng độ tuổi trên xe ô tô và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ bảo hiểm cho người đi xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp máy, xe đạp điện.

7. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

8. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại địa phương.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 87. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ khoản 3 Điều 10 của Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 88. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trên Giấy phép lái xe.

2. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nếu chưa thực hiện đổi, cấp lại có hiệu lực sử dụng như sau:

a) Giấy phép lái xe hạng A1 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện từ 04kw đến dưới 14kw;

b) Giấy phép lái xe hạng A2 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 175 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14kw trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a

khoản 2 Điều này;

c) Giấy phép lái xe hạng A3 được tiếp tục điều khiển xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và các xe tương tự;

d) Giấy phép lái xe hạng A4 được tiếp tục điều khiển máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg;

đ) Giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người không hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô số tự động chở người đến 9 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng số tự động có trọng tải dưới 3.500 kg;

e) Giấy phép lái xe hạng B1 cấp cho người không hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

g) Giấy phép lái xe hạng B2 cấp cho người hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

h) Giấy phép lái xe hạng C được tiếp tục điều khiển xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2 quy định tại điểm đ, e, g khoản 2 Điều này;

i) Giấy phép lái xe hạng D được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C quy định tại điểm đ, e, g, h khoản 2 Điều này;

k) Giấy phép lái xe hạng E được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D quy định tại điểm đ, e, g, h, i khoản 2 Điều này;

l) Giấy phép lái xe hạng FB2, FD được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2, D quy định tại điểm g, i khoản 2 Điều này khi kéo rơ moóc; Giấy phép lái xe hạng FC được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng C quy định tại điểm h khoản 2 Điều này khi kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; Giấy phép lái xe hạng FE được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng E quy định tại điểm k khoản 2 Điều này khi kéo rơ moóc hoặc xe ô tô chở khách nối toa.

3. Trường hợp người có giấy phép lái xe đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành khi đổi, cấp lại được thực hiện như sau:

a) Giấy phép lái xe hạng A1 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh đến 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến 14kw;

b) Giấy phép lái xe hạng A2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A;

c) Giấy phép lái xe hạng A3 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng

B1;

d) Giấy phép lái xe hạng A4 được đổi, cấp lại sang chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng;

đ) Giấy phép lái xe hạng B1 số tự động được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B với điều kiện hạn chế điều khiển xe ô tô số tự động;

e) Giấy phép lái xe hạng B1, B2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng C1 và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

g) Giấy phép lái xe hạng C giữ nguyên và đổi, cấp lại cùng hạng và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;

h) Giấy phép lái xe hạng D được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2 và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;

i) Giấy phép lái xe hạng E được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;

k) Giấy phép lái xe hạng FB2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng C1E và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

l) Giấy phép lái xe hạng FC được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng CE và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;

m) Giấy phép lái xe hạng FD được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2E và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;

n) Giấy phép lái xe hạng FE được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng DE và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên.

4. Khuyến khích đổi Giấy phép lái xe không thời hạn được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2012 sang giấy phép lái xe mới.

5. Chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng.

6. Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trong giấy chứng nhận đó./.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày.....tháng.....năm 2024

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

BẢN SO SÁNH

Dự kiến hướng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Xin ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bao gồm: Quy tắc giao thông đường bộ; phương tiện giao thông đường bộ; người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ; tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; giải quyết tai nạn giao thông đường bộ; quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về <u>trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bao gồm: Quy quy tắc giao thông đường bộ, phương tiện giao thông đường bộ, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ, tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ, trách nhiệm</u> quản lý nhà nước <u>về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</u>
Điều 2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân <u>liên Việt Nam, cơ quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ, tổ chức, cá nhân nước ngoài</u> trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Trật tự, an toàn giao thông đường bộ</i> là các quy tắc, nguyên tắc mà người tham gia giao thông phải chấp hành bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. 2. <i>Tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</i> là hoạt động quan sát, nắm tình hình người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ, phòng ngừa, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Lực lượng Cảnh sát giao thông chủ trì tuần tra, kiểm soát trên các tuyến giao thông đường bộ. 3. <i>Kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ</i> là hoạt động kiểm tra việc chấp hành các quy định về quy tắc giao thông đường bộ; điều kiện	Điều 3. Giải thích từ ngữ <u>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</u> 1. <i>Trật tự, an toàn giao thông đường bộ</i> là <u>các quy tắc, nguyên tắc mà người tham gia trạng thái</u> giao thông <u>phải chấp hành bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</u> 2. <u>Tuần tra, kiểm soát về</u> trật tự, an toàn, <u>thông suốt, được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, nguyên tắc, quy phạm pháp luật trong lĩnh vực</u> giao thông đường bộ <u>là hoạt động quan sát, nắm tình hình người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ, phòng ngừa, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Lực lượng Cảnh sát giao thông chủ trì tuần tra, kiểm soát trên các tuyến giao thông đường bộ.</u> 3. <u>Kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ</u> là hoạt động kiểm tra việc chấp hành các quy định về quy tắc giao thông đường bộ; điều kiện

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic, Pattern: Clear

Formatted: Font: Not Italic, Pattern: Clear

Formatted: Pattern: Clear

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</p> <p>4. <i>Đường ưu tiên</i> là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông được các phương tiện tham gia giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau.</p> <p>5. <i>Phần đường xe chạy</i> là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông đi lại.</p> <p>6. <i>Làn đường</i> là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có đủ bề rộng cho xe chạy an toàn.</p> <p>7. <i>Người tham gia giao thông đường bộ</i> gồm người điều khiển, người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, người đi bộ trên đường bộ.</p> <p>8. <i>Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</i> gồm người điều khiển xe cơ giới, xe thô sơ, xe máy chuyên dùng.</p> <p>9. <i>Người lái xe</i> là người điều khiển xe cơ giới.</p> <p>10. <i>Người điều khiển giao thông</i> là Cảnh sát giao thông, người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông trên đường bộ.</p> <p>11. <i>Phương tiện giao thông đường bộ</i> (sau đây gọi là xe) gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ và xe máy chuyên dùng.</p> <p>12. <i>Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ</i> (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm: xe ô tô; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô; xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe mô tô; xe gắn máy và các loại xe tương tự kể cả phương tiện giao thông thông minh.</p> <p>13. <i>Phương tiện giao thông thô sơ đường bộ</i> (sau đây gọi là xe thô sơ) gồm: xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện, xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật, xe súc vật kéo và các loại xe tương tự.</p> <p>14. <i>Xe máy chuyên dùng</i> gồm xe máy thi công; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy kéo; rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi máy kéo; xe máy thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.</p> <p>15. <i>Phương tiện giao thông thông minh</i> là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ cho phép tự động hóa nhiệm vụ lái xe và tự xử lý các tình huống, đồng thời xác định lộ trình khi tham gia giao thông.</p>	<p>của phương tiện tham gia giao thông đường bộ; điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</p> <p>4.2. <i>Đường ưu tiên</i> là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông được các phương tiện tham gia giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, <u>được cấm biển báo hiệu đường ưu tiên.</u></p> <p>5.3. <i>Phần đường xe chạy</i> là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông đi lại.</p> <p>6.4. <i>Làn đường</i> là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có đủ bề rộng cho xe chạy an toàn.</p> <p>7.5. <i>Cải tạo xe (sau đây gọi là cải tạo)</i> là việc thay đổi kết cấu, hình dáng, bố trí, tổng thành, hệ thống, lắp đặt thêm hoặc tháo bỏ phụ tùng so với thiết kế hoặc hồ sơ kỹ thuật đã được phê duyệt của xe đã được đăng ký biển số dẫn đến thay đổi kiểu loại xe theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>6. <i>Người tham gia giao thông đường bộ</i> gồm: người điều khiển, người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, <u>trên đường bộ</u>; người đi bộ trên đường bộ.</p> <p>8.7. <i>Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</i> gồm: người điều khiển xe cơ giới, <u>xe (sau đây gọi là người lái xe), người điều khiển xe</u> thô sơ, <u>người điều khiển</u> xe máy chuyên dùng.</p> <p>9. Người lái xe là người điều khiển xe cơ giới.</p> <p>8. 10. <i>Người điều khiển giao thông</i> là <u>đường bộ</u> (sau đây gọi là người điều khiển giao thông) gồm: Cảnh sát giao thông, <u>và</u> người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông trên đường bộ.</p> <p>9. Ùn tắc <u>11.</u> <i>Phương tiện giao thông đường bộ</i> (sau đây gọi là xe) <u>gồm ùn tắc giao thông</u> là tình trạng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ và xe máy chuyên dùng.</p> <p>12. <i>Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ</i> (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm: xe ô tô; rơ moóc tham gia giao thông bị dồn ứ, di chuyển với tốc độ rất chậm hoặc sơ mi rơ moóc không thể di chuyển được kéo bởi xe ô tô; xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe mô tô; xe gắn máy và các loại xe tương tự kể cả phương tiện.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Pattern: Clear (White)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Font: Not Italic, Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>16. Xe ô tô là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, không chạy trên đường ray; dùng để chở người, hàng hóa, kéo rơ moóc, kéo sơ mi rơ moóc, có thể có kết cấu để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt; xe ô tô bao gồm cả xe được nối với đường dây dẫn điện, xe ba bánh có khối lượng bản thân lớn hơn 400 kg. Xe ô tô không bao gồm các xe quy định tại khoản 33, khoản 34 Điều này.</p> <p>17. Xe ô tô chở người là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở người, hành lý, hàng hoá ký gửi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>18. Xe ô tô con là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái dưới 10 người.</p> <p>19. Xe ô tô khách là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái từ 10 người trở lên, trên xe không bố trí chỗ đứng cho hành khách.</p> <p>20. Xe ô tô khách thành phố là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái từ 17 người trở lên; trên xe có bố trí các ghế ngồi, chỗ đứng cho hành khách; có kết cấu và trang bị để vận chuyển hành khách trong đô thị và vùng lân cận, cho phép hành khách lên, xuống xe phù hợp với việc dừng, đỗ xe thường xuyên.</p> <p>21. Xe ô tô chở hàng (ô tô tải) là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở hàng hoá, trong ca bin có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>22. Xe ô tô chở hàng chuyên dùng (ô tô tải chuyên dùng) là xe ô tô chở hàng có kết cấu và trang bị đặc biệt để chuyên chở một loại hàng hoá nhất định, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>23. Ô tô chở người chuyên dùng là ô tô chở người có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng, công dụng đặc biệt.</p> <p>24. Xe ô tô chuyên dùng là xe ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>25. Rơ moóc là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, được kéo bởi xe ô tô; phần chủ yếu của khối lượng toàn bộ rơ moóc không đặt lên xe kéo.</p>	<p><u>10. <i>Tai nạn</i>, giao thông <i>thông minh</i>.</u></p> <p>13. <i>Phương tiện giao thông thô sơ đường bộ</i> (sau đây gọi là <i>xe thô sơ</i>) gồm: <i>xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện, xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật, xe súc vật kéo và các loại xe tương tự.</i></p> <p>14. <i>Xe máy chuyên dùng</i> gồm <i>xe máy thi công; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy kéo; rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi máy kéo; xe máy thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.</i></p> <p>15. <i>Phương tiện</i>(tai nạn giao thông) là va chạm liên quan đến người, phương tiện khi tham gia giao thông đường bộ, xảy ra bất ngờ, ngoài ý muốn của người tham gia giao thông, gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc tài sản.</p> <p><u>11. <i>Thiết bị thông minh là phương tiện hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông cơ giới đường bộ cho phép tự động hóa nhiệm vụ lái xe và tự xử lý các tình huống, đồng thời xác định lộ trình khi tham gia giao thông.</i></u></p> <p>16. <i>Xe ô tô là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, không chạy trên đường ray; dùng để chở người, hàng hóa, kéo rơ moóc, kéo sơ mi rơ moóc, có thể có kết cấu để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt; xe ô tô bao gồm cả xe được nối với đường dây dẫn điện, xe ba bánh có khối lượng bản thân lớn hơn 400 kg. Xe ô tô không bao gồm các xe quy định tại khoản 33, khoản 34 Điều này.</i></p> <p>17. <i>Xe ô tô chở người là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở người, hành lý, hàng hoá ký gửi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</i></p> <p>18. <i>Xe ô tô con là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái dưới 10 người.</i></p> <p>19. <i>Xe ô tô khách là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái từ 10 người trở lên, trên xe không bố trí chỗ đứng cho hành khách.</i></p> <p>20. <i>Xe ô tô khách thành phố là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái từ 17 người trở lên; trên xe có bố trí các ghế ngồi, chỗ đứng cho hành khách; có kết cấu và trang bị để vận chuyển hành khách trong đô thị và vùng lân cận, cho phép hành khách lên, xuống xe phù hợp với việc dừng, đỗ xe thường xuyên.</i></p> <p>21. <i>Xe ô tô chở hàng (ô tô tải) là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu</i></p>

- Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt
- Formatted: Font: 12 pt
- Formatted: Font: Italic, English (U.S.)
- Formatted: English (U.S.)
- Formatted: Font: Not Italic, English (U.S.)
- Formatted: Font: Not Italic
- Formatted: Pattern: Clear (White)
- Formatted: Pattern: Clear (White)
- Formatted: Font: Italic, Pattern: Clear (White)
- Formatted: Font: Not Italic

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>26. <i>Sơ mi rơ moóc</i> là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển; được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ; được kéo bởi xe ô tô đầu kéo và có một phần đáng kể khối lượng toàn bộ đặt lên ô tô đầu kéo.</p> <p>27. <i>Xe ô tô kéo rơ moóc</i> là xe ô tô được thiết kế, sản xuất chỉ để kéo rơ moóc.</p> <p>28. <i>Xe ô tô đầu kéo</i> là xe ô tô được thiết kế, sản xuất để kéo sơ mi rơ moóc; có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>29. <i>Xe đạp</i> là xe thô sơ có ít nhất hai bánh và vận hành do sức người thông qua bàn đạp hoặc tay quay.</p> <p>30. <i>Xe đạp máy</i> (kể cả xe đạp điện) là xe đạp, có trợ lực từ động cơ, có khối lượng bản thân không quá 25 kg, nguồn động lực từ động cơ bị ngắt khi người lái xe dừng đạp hoặc khi xe đạt tới tốc độ 25 km/h; đối với xe đạp sử dụng động cơ điện, công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 250W.</p> <p>31. <i>Xe gắn máy</i> là xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có vận tốc thiết kế không lớn hơn 50 km/h; nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không được lớn hơn 50 cm³; nếu động cơ dẫn động là động cơ điện thì công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 4 kW. Xe gắn máy không bao gồm xe đạp máy nêu tại khoản 30 Điều này.</p> <p>32. <i>Xe mô tô</i> là xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ và không bao gồm xe gắn máy nêu tại khoản 31 Điều này. Đối với xe ba bánh thì khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg.</p> <p>33. <i>Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ</i> là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở người, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số người cho phép chở tối đa không quá 16 người (kể cả người lái).</p> <p>34. <i>Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ</i> là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở hàng, có phần động cơ và thùng hàng lắp trên cùng một khung xe, có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 60 km/h và khối lượng bản thân không lớn hơn 550 kg; trường hợp xe sử dụng động cơ</p>	<p>dùng để chở hàng hoá, trong ca bin có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>22. <i>Xe ô tô chở hàng chuyên dùng</i> (ô tô tải chuyên dùng) là xe ô tô chở hàng có kết cấu và trang bị đặc biệt để chuyên chở một loại hàng hoá nhất định, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>23. <i>Ô tô chở người chuyên dùng</i> là ô tô chở người có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng, công dụng đặc biệt.</p> <p>24. <i>Xe ô tô chuyên dùng</i> là xe ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>25. <i>Rơ moóc</i> là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, được kéo bởi xe ô tô; phần chủ yếu của khối lượng toàn bộ rơ moóc không đặt lên xe kéo.</p> <p>26. <i>Sơ mi rơ moóc</i> là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển; được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ; được kéo bởi xe ô tô đầu kéo và có một phần đáng kể khối lượng toàn bộ đặt lên ô tô đầu kéo.</p> <p>27. <i>Xe ô tô kéo rơ moóc</i> là xe ô tô được thiết kế, sản xuất chỉ để kéo rơ moóc.</p> <p>28. <i>Xe ô tô đầu kéo</i> là xe ô tô được thiết kế, sản xuất để kéo sơ mi rơ moóc; có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>29. <i>Xe đạp</i> là xe thô sơ có ít nhất hai bánh và vận hành do sức người thông qua bàn đạp hoặc tay quay.</p> <p>30. <i>Xe đạp máy</i> (kể cả xe đạp điện) là xe đạp, có trợ lực từ động cơ, có khối lượng bản thân không quá 25 kg, nguồn động lực từ động cơ bị ngắt khi người lái xe dừng đạp hoặc khi xe đạt tới tốc độ 25 km/h; đối với xe đạp sử dụng động cơ điện, công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 250W.</p> <p>31. <i>Xe gắn máy</i> là xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có vận tốc thiết kế không lớn hơn 50 km/h; nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không được lớn hơn 50 cm³; nếu động cơ dẫn động là động cơ điện thì công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 4 kW. Xe gắn máy không bao gồm xe đạp máy nêu tại khoản 30 Điều này.</p> <p>32. <i>Xe mô tô</i> là xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ và không bao gồm xe gắn</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by
0.2 pt

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>điện thì có công suất động cơ lớn nhất không lớn hơn 15 kW.</p> <p>35. <i>Phụ tùng xe cơ giới</i> là các hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện dùng để sản xuất, lắp ráp xe cơ giới hoặc thay thế các bộ phận nguyên bản của xe cơ giới.</p> <p>36. <i>Xe ưu tiên</i> gồm xe chữa cháy, Xe cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy đi làm nhiệm vụ; xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp; đoàn xe tang.</p> <p>37. <i>Số biển số</i> là tập hợp các ký tự bao gồm chữ và số được kết cấu theo quy định, cấp cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>38. <i>Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh</i> là thiết bị kỹ thuật công nghệ có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các tình huống giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và độc lập ra quyết định chỉ huy, điều khiển giải quyết các tình huống để bảo đảm giao thông trật tự, an toàn.</p> <p>39. <i>Ùn tắc giao thông</i> là tình trạng phương tiện giao thông bị dồn ứ, di chuyển với tốc độ rất chậm hoặc không thể di chuyển được.</p> <p>40. <i>Tai nạn giao thông đường bộ</i> là sự việc xảy ra khi người, phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ hoặc ở các địa bàn giao thông khác nhưng do chủ quan, vi phạm các quy tắc an toàn giao thông đường bộ hoặc do gặp phải các tình huống, sự cố đột xuất không kịp phòng tránh, đã gây ra những thiệt hại nhất định cho tính mạng, sức khỏe con người hoặc tài sản.</p> <p>41. <i>Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ</i> là giấy chứng nhận do cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cấp cho người có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>42. <i>Cơ sở đăng kiểm</i> là tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định.</p> <p>43. <i>Cơ quan đăng ký xe</i> là cơ quan được giao thực hiện cấp, thu hồi</p>	<p>máy nêu tại khoản 31 Điều này. Đối với xe ba bánh thì khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg.</p> <p>33. Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở người, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số người cho phép chở tối đa không quá 16 người (kể cả người lái).</p> <p>34. Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở hàng, có phần động cơ và thùng hàng lắp trên cùng một khung xe, có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 60 km/h và khối lượng bản thân không lớn hơn 550 kg; trường hợp xe sử dụng động cơ điện thì có công suất động cơ lớn nhất không lớn hơn 15 kW.</p> <p>35. Phụ tùng xe cơ giới là các hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện dùng để sản xuất, lắp ráp xe cơ giới hoặc thay thế các bộ phận nguyên bản của xe cơ giới.</p> <p>36. Xe ưu tiên gồm xe chữa cháy, Xe cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy đi làm nhiệm vụ; xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; xe cứu thương đi làm nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp; đoàn xe tang.</p> <p>37. Số biển số là tập hợp các ký tự bao gồm chữ và số được kết cấu theo quy định, cấp cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>38. Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh là thiết bị kỹ thuật công nghệ có khả năng <u>hỗ trợ</u> phát hiện, phân tích, đánh giá các tình huống giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ <u>và độc lập ra quyết định để</u> chỉ huy, điều khiển, giải quyết các tình huống để bảo đảm <u>giao thông</u> trật tự, an toàn.</p> <p>39. Ùn tắc giao thông là tình trạng phương tiện giao thông bị dồn ứ, di chuyển với tốc độ rất chậm hoặc không thể di chuyển được.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by
0.2 pt

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHÍNH LÝ
<p>đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.</p> <p>44. Thiết bị an toàn cho trẻ em trên trên xe ô tô là thiết bị được thiết kế để giảm nguy cơ thương tích cho trẻ, hạn chế khả năng cơ thể trẻ bị dịch chuyển trong trường hợp phương tiện tham gia giao thông va chạm hoặc giảm tốc độ đột ngột.</p>	<p>40. Tai nạn giao thông đường bộ là sự việc xảy ra khi người, phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ hoặc ở các địa bàn giao thông khác nhưng do chủ quan, vi phạm các quy tắc an toàn giao thông đường bộ hoặc do gặp phải các tình huống, sự cố đột xuất không kịp phòng tránh, đã gây ra những thiệt hại nhất định cho tính mạng, sức khỏe con người hoặc tài sản.</p> <p>41. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ là giấy chứng nhận do cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cấp cho người có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>42. Cơ sở đăng kiểm là tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định.</p> <p>43. Cơ quan đăng lý xe là cơ quan được giao thực hiện cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.</p> <p>44. Thiết bị an toàn cho trẻ em trên trên xe ô tô là thiết bị được thiết kế để giảm nguy cơ thương tích cho trẻ, hạn chế khả năng cơ thể trẻ bị dịch chuyển trong trường hợp phương tiện tham gia giao thông va chạm hoặc giảm tốc độ đột ngột. <u>giao thông.</u></p>
<p>Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa tai nạn, vi phạm trật tự, an toàn giao thông và ùn tắc giao thông; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Người tham gia giao thông phải chấp hành các quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có trách nhiệm giữ an toàn cho mình và cho người khác. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thống nhất trên cơ sở phân công, phân cấp tối đa theo hướng giảm tải cho Trung ương, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. 	<p>Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ các quy định của <u>Hiến pháp</u>, pháp luật <u>Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</u> <u>Bảo đảm giao thông đường bộ được thông suốt, trật tự, an toàn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; phòng ngừa tai nạn giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa tai nạn, vi phạm trật tự, an toàn giao thông - đường bộ và ùn tắc giao thông; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân; tài sản của cơ quan, tổ chức và cá nhân.</u> Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân. 4. Người tham gia giao thông phải chấp hành các quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ <u>và quy định khác của pháp luật có liên quan</u>, có trách nhiệm giữ an toàn cho mình và cho người khác. 5. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời <u>và phải bị</u> xử lý nghiêm <u>minh</u> theo quy định của pháp luật.

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, Finnish

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p><u>5-6. Hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải công khai, minh bạch và thuận lợi cho người dân.</u></p> <p><u>7. Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thống nhất trên cơ sở phân công, phân cấp tối đa theo hướng giảm tải cho Trung ương, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân <u>có</u> liên quan.</u></p>
<p>Điều 5. Chính sách của Nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>1. Huy động, sử dụng các nguồn lực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Quan tâm đầu tư ngân sách, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và các điều kiện bảo đảm phục vụ cho các lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành, phối hợp của các lực lượng trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>2. Hiện đại hoá các trung tâm chỉ huy giao thông; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.</p> <p>3. Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khuyến khích tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phù hợp với các quy định pháp luật.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân, gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Phát triển phương tiện đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và nhu cầu vận tải; sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phương tiện giao thông bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ phương tiện trên thế giới; ưu tiên chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh, thân thiện môi trường, hạ tầng cung cấp năng lượng sạch.</p>	<p>Điều 5. Chính sách của Nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>1. Huy động, sử dụng các nguồn lực <u>đề</u> bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. <u>Quan tâm đầu tư Bảo đảm</u> ngân sách, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị <u>và hiện đại</u>, các điều kiện bảo đảm <u>phục vụ cho các và nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ của</u> lực lượng trực tiếp <u>làm nhiệm vụ</u> bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. <u>Nâng cao năng lực quản lý, điều hành, phối hợp của các lực lượng trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</u></p> <p>2. Hiện đại hoá các trung tâm chỉ huy giao thông; <u>bảo đảm</u> kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.</p> <p>3. Tạo điều kiện để <u>cơ quan</u>, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng và chuyển <u>giao</u> khoa học, công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; <u>khuyến khích, đầu tư, xây dựng, chuyển giao hệ thống, phương tiện, thiết bị giám sát phục vụ công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khuyến khích cơ quan</u>, tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phù hợp với <u>các quy định pháp luật quy định pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</u></p> <p><u>4. Tổ 4. Bảo đảm công bằng, bình đẳng, an toàn đối với người tham gia giao thông đường bộ; tạo thuận lợi đối với trẻ em, phụ nữ mang thai, người cao tuổi, người khuyết tật trong tham gia giao thông đường bộ; phổ biến, bồi dưỡng kiến thức về giao thông đường bộ cho trẻ em mầm non, học sinh để hình thành, nâng cao ý thức tự bảo vệ bản thân và tự giác chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ.</u></p> <p><u>5. Cơ quan, tổ chức</u>, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>sản thì được đền bù; <u>Người</u> bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người, <u>Người</u> bị thương, <u>bi</u> tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân, gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.</p> <p><u>5-6.</u> Phát triển phương tiện <u>giao thông đường bộ</u> đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ-<u>điều kiện kinh tế - xã hội</u> và nhu cầu vận tải<u>đi lại của người dân</u>; <u>sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu</u>nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp phương tiện giao thông <u>đường bộ</u> bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ <u>đối với</u> phương tiện <u>giao thông</u> trên thế giới; <u>ưu tiên phát triển phương tiện vận tải công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân tham gia giao thông tại các đô thị lớn</u>; ưu tiên chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh, thân thiện môi trường, hạ tầng cung cấp năng lượng sạch.</p>
<p>Điều 6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thường xuyên và rộng rãi.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ chịu trách nhiệm chính trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>3. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên các phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hình thức tuyên truyền, phổ biến phù hợp với từng đối tượng tại địa phương.</p> <p>5. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an có trách nhiệm tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình</p>	<p>Điều 6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thường xuyên và, rộng rãi, <u>phù hợp với các tầng lớp Nhân dân, người nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</u></p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ <u>chịu trách nhiệm chính trong công tác chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện</u> tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>3. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên các phương tiện thông tin, <u>truyền thông</u> đại chúng.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hình thức tuyên truyền, phổ biến phù hợp với từng đối tượng tại địa phương.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Heading 4 Char, Font: 14 pt

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>giảng dạy trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học.</p> <p>6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hữu quan và chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>7. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, người lao động khác thuộc thẩm quyền quản lý.</p> <p>8. Thành viên trong gia đình có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, nhắc nhở thành viên khác chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p>	<p>5. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an có trách nhiệm tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình giảng dạy trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học.</p> <p>65. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hữu quan và chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>6. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hình thức tuyên truyền, phổ biến phù hợp với từng đối tượng tại địa phương.</p> <p>7. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, người lao động khác thuộc thẩm quyền quản lý.</p> <p>8. Thành viên trong gia đình có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, nhắc nhở thành viên khác chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p>
	<p><u>Điều 7. Giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</u></p> <p><u>1. Giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, người học trong các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.</u></p> <p><u>2. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình chính khóa phù hợp với từng ngành học, cấp học.</u></p> <p><u>3. Trường trung học phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ trì, phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông hướng dẫn kỹ năng lái xe gắn máy an toàn cho học sinh từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi học tại cơ sở giáo dục đó.</u></p> <p><u>4. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình giảng dạy trong</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, Portuguese (Brazil)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>Điều 7. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gồm:</p> <p>a) Cơ sở dữ liệu đăng ký, quản lý xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;</p> <p>b) Cơ sở dữ liệu người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;</p> <p>c) Cơ sở dữ liệu đào tạo, sát hạch, giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;</p> <p>d) Cơ sở dữ liệu sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng;</p> <p>đ) Cơ sở dữ liệu bảo hiểm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;</p> <p>e) Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>g) Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ;</p> <p>h) Cơ sở dữ liệu hành trình của phương tiện giao thông đường bộ theo quy định;</p> <p>i) Cơ sở dữ liệu quản lý thời gian điều khiển phương tiện của người lái xe theo quy định.</p> <p>2. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được kết nối, chia sẻ dùng chung giữa các cơ quan quản lý nhà nước.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>	<p><u>nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học.</u></p> <p>Điều 7.8. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gồm:</p> <p>a) Cơ sở dữ liệu <u>về</u> đăng ký, quản lý xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; eo</p> <p>b) Cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;</p> <p>b) Cơ sở dữ liệu người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;</p> <p>c) Cơ sở dữ liệu <u>về</u> đào tạo, sát hạch, <u>cấp</u> giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;</p> <p>d) Cơ sở dữ liệu sức khỏe của người lái xe, về người điều khiển <u>xe cơ giới</u>, xe máy chuyên dùng;</p> <p><u>đ</u>) Cơ sở dữ liệu <u>về</u> bảo hiểm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;</p> <p>e) Cơ sở dữ liệu <u>về</u> xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>g) Cơ sở dữ liệu <u>về</u> tai nạn giao thông đường bộ;</p> <p>h) Cơ sở dữ liệu <u>về</u> hành trình của phương tiện giao thông đường bộ, <u>hình ảnh người lái xe</u> theo quy định;</p> <p>i) Cơ sở dữ liệu <u>về</u> quản lý thời gian điều khiển phương tiện của người lái xe theo quy định;</p> <p>k) Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>2. Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ <u>là cơ sở dữ liệu dùng chung</u>; được kết nối, chia sẻ dùng chung giữa với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu đường bộ và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan <u>quản lý nhà nước.</u></p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này; <u>quy định việc thu thập, quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</u></p>
<p>Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm</p> <p>1. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.</p> <p>2. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.</p>	<p>Điều 8.9. Các hành vi bị nghiêm cấm</p> <p>1. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông <u>đường bộ</u> mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.</p> <p>2. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Not Strikethrough

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
3. Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối hoặc không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	3. Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối hoặc không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ <u>Điều khiển xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe theo quy định; điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng.</u>
4. Đưa xe, cỗ vũ đưa xe, tổ chức đưa xe trái phép; điều khiển phương tiện giao thông lạng lách, đánh võng, rú ga liên tục.	4. Đưa xe <u>Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối hoặc không chấp hành hướng dẫn, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, chỉ huy, điều khiển giao thông của người thi hành công vụ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</u>
5. Dùng tay sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.	5. <u>Tổ chức đưa xe, đưa xe, xúi giục, giúp sức, cỗ vũ đưa xe, tổ chức đưa xe</u> trái phép; điều khiển phương tiện <u>tham gia</u> giao thông <u>đường bộ</u> lạng lách, đánh võng, rú ga liên tục.
6. Sử dụng còi có âm lượng không đúng quy định.	56. Dùng tay <u>cầm và</u> sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi <u>đang</u> điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.
7. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.	6. Sử dụng còi có âm lượng không đúng quy định.
8. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.	7. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.
9. Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.	8. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, <u>phương tiện tự chế và phương tiện khác chưa được cấp phép</u> tham gia giao thông đường bộ.
10. Cải tạo các xe ô tô loại khác thành xe ô tô chở người.	9. Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu <u>Nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp</u> xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
11. Tự ý thay đổi kết cấu, hình dáng, bố trí, tổng thành, hệ thống của xe không đúng với thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tự ý thay đổi chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy của xe ô tô; cải tạo, lắp đặt thêm hoặc tháo bỏ phụ tùng liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện khi tham gia giao thông so với thiết kế, thông số kỹ thuật của nhà sản xuất đã được phê duyệt; thay đổi phụ tùng xe cơ giới để tạm thời đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của xe khi đi đăng kiểm; tự ý cắt, hàn, tẩy xóa, đục lại số khung, số máy của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.	10. Cải tạo các xe ô tô loại khác thành xe ô tô chở người.
12. Tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, động cơ đã được đăng ký với cơ quan quản lý, nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định.	11. Tự ý thay đổi kết cấu, hình dáng, bố trí, tổng thành, hệ thống của xe không đúng với thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tự ý thay đổi chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy của xe ô tô; cải tạo, lắp đặt thêm hoặc tháo bỏ phụ tùng <u>không bảo đảm</u> liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện khi tham gia giao thông so với thiết kế, thông số hoặc hồ sơ kỹ thuật của nhà sản xuất đã được <u>cơ quan có thẩm quyền</u> phê duyệt; thay đổi <u>tự ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy của xe ô tô; thuê, mượn</u> phụ tùng xe cơ giới <u>chỉ</u> để <u>tạm thời đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của xe khi đi đăng</u> <u>thực hiện việc</u> kiểm
13. Chờ hàng vượt quá khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông, quá kích thước giới hạn cho phép của xe; chờ quá số người quy định; chờ hàng hóa trên xe có quy định phải chằng buộc nhưng không chằng buộc hoặc chằng buộc không đúng quy định.	
14. Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.	
15. Đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; đe dọa, cưỡng	

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>28. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ quy định tại Chương II Luật này.</p>	<p>20. Sản xuất, sử dụng, mua, bán trái phép biển số xe.</p> <p>21. Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe, dịch vụ sát hạch lái xe không đủ điều kiện theo quy định của Luật này.</p> <p>19. Phá hoại, hủy hoại, làm hư hỏng thiết bị điều khiển, giám sát giao thông đường bộ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông.</p> <p>20. Khai báo không đúng hoặc sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để được học, kiểm tra, sát hạch cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe.</p> <p>23. Đặt, để chướng ngại vật, vật cản khác trái phép trên đường bộ; rải đinh, vật sắc nhọn khác; đổ dầu nhớt, chất gây trơn trượt trên đường bộ; làm rơi vãi đất đá, hàng hóa, vật liệu, phế thải xây dựng trên đường bộ.</p> <p>24. Ném 21. Cản trở người, phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ; ném gạch, đất, đá, cát hoặc vật thể khác vào người, phương tiện đang tham gia giao thông trên đường bộ.</p> <p>25. Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, những nhiễu, xâm phạm lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</p> <p>23. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hoặc can thiệp, tác động vào quá trình xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>24. Không khai báo, khai 26. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để can thiệp, tác động vào quá trình xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>27. Khai báo gian dối hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không đúng sự thật để trốn tránh trách nhiệm khi bị phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>28. 25. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn giao thông để trốn tránh trách nhiệm; khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn giao thông; lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.</p> <p>26. Điều khiển vật thể bay, tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ hoạt động trong phạm vi khô giới hạn đường bộ gây cản trở</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.), Strikethrough

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p><u>hoặc nguy cơ mất an toàn cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ được cấp phép bay.</u></p> <p><u>27. Hành vi khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ quy định tại Chương II Luật này.</u></p>
<p style="text-align: center;">Chương II QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>	<p style="text-align: center;">Chương II QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>
<p>Điều 9. Quy tắc chung</p> <p>1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định, chấp hành báo hiệu đường bộ.</p> <p>2. Người lái xe và người được chở trên xe ô tô phải thắt dây đai an toàn tại những chỗ có trang bị dây đai an toàn khi tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>3. Trẻ em dưới 10 tuổi hoặc chiều cao dưới 1,35 mét được chở trên xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi không được ngồi cùng hàng ghế của người lái xe khi tham gia giao thông đường bộ; trẻ em dưới 4 tuổi phải được chở bằng thiết bị an toàn cho trẻ em trên xe ô tô (trừ xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật).</p> <p>4. Người lái xe; nhân viên phục vụ trên xe có trách nhiệm hướng dẫn, yêu cầu, kiểm tra người, hành khách trên xe thắt dây đai an toàn trong suốt quá trình xe chạy trên đường.</p> <p>5. Tại nơi có vạch kẻ đường hoặc báo hiệu khác dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ, dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường. Tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ hoặc không có báo hiệu qua đường nếu người điều khiển phương tiện quan sát thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật.</p>	<p>Điều 9,10. Quy tắc chung</p> <p>1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định, chấp hành báo hiệu đường bộ <u>và các quy tắc giao thông đường bộ khác.</u></p> <p>2. Người lái xe và người được chở trên xe ô tô phải thắt dây đai an toàn tại những chỗ có trang bị dây đai an toàn khi tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>3. <u>Trẻ khi chở trẻ em dưới 10 tuổi hoặc và</u> chiều cao dưới 1,35 mét <u>được</u> chở <u>chở</u> trên xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi mà không được có người lớn <u>ngồi cùng hàng ghế của, người lái xe khi tham gia giao thông đường bộ; trẻ em dưới 4 tuổi phải được chở bằng sử dụng, hướng dẫn sử dụng</u> thiết bị an toàn cho trẻ em trên xe ô tô (trừ xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật); phù hợp. Khi chở trẻ em dưới 06 <u>tuổi bằng xe gắn máy, xe mô tô mà không có người lớn ngồi cùng phải có dây đai an toàn hoặc ghế dành riêng cho trẻ em.</u></p> <p>4. Người lái xe; nhân viên phục vụ trên xe có trách nhiệm hướng dẫn, yêu cầu, kiểm tra người, hành khách trên xe thắt dây đai an toàn trong suốt quá trình xe chạy trên đường.</p> <p>5. <u>Tại</u> Người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ hoặc <u>dừng lại tại</u> nơi có vạch kẻ đường hoặc báo hiệu khác dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ, dừng lại <u>nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường. Tại hoặc tại</u> nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ hoặc không có báo hiệu qua đường nếu người điều khiển phương tiện quan sát thấy mà người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường <u>thì phải giảm</u> tốc độ, dừng lại <u>nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết</u> tật.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Bold

Formatted: Font: Bold

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Normal, Justified

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHÍNH LÝ
<p>Điều 10. Chấp hành báo hiệu đường bộ</p> <p>1. Báo hiệu đường bộ, gồm: Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; đèn tín hiệu giao thông; biển báo hiệu đường bộ gồm: biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn, biển phụ; vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường; cọc tiêu, đỉnh phản quang, tiêu phản quang, cột Km, cọc H, mốc lộ giới đất hành lang an toàn đường bộ và đất của đường bộ; thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ.</p> <p>2. Người tham gia giao thông phải chấp hành báo hiệu đường bộ theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; Tín hiệu đèn giao thông; Biển báo hiệu; Vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường; Cọc tiêu, đỉnh phản quang, tiêu phản quang, cột Km, cọc H và công trình đường bộ khác; Thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ. <p>3. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông</p> <ol style="list-style-type: none"> Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng dừng lại; Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi; Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông. <p>4. Hiệu lệnh của tín hiệu đèn giao thông</p> <p>Màu của đèn tín hiệu giao thông gồm: màu xanh, màu đỏ, màu vàng; có hiển thị thời gian hoặc không hiển thị thời gian. Người tham gia giao thông phải chấp hành như sau:</p>	<p>Điều 10.11. Chấp hành báo hiệu đường bộ</p> <p>1. Báo hiệu đường bộ, gồm: Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; đèn tín hiệu giao thông; biển báo hiệu đường bộ gồm: biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn, biển phụ; vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường; cọc tiêu, đỉnh phản quang, tiêu phản quang, cột Km, cọc H, mốc lộ giới đất hành lang an toàn đường bộ và đất của đường bộ; thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ.</p> <p>2. Người tham gia giao thông phải chấp hành báo hiệu đường bộ theo thứ tự sau<u>ưu tiên từ trên xuống dưới như sau</u>:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; Tín hiệu đèn giao thông; Biển báo hiệu; Vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường; Cọc tiêu, đỉnh phản quang, tiêu phản quang, cột Km, cọc H và công trình đường bộ khác; Thiết bị âm thanh báo hiệu đường bộ. <p>3. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông <u>được quy định như sau</u>:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tay <u>bên phải</u> giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở <u>tất cả</u> các hướng dừng lại; Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi; Tay <u>bên phải</u> giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông. <p>4. Hiệu lệnh của tín<u>Tín</u> hiệu đèn giao thông <u>được quy định như sau</u>:</p> <p>Màu của đèn tín hiệu giao thông gồm: màu xanh, màu đỏ, màu vàng; có hiển thị thời gian hoặc không hiển thị thời gian. Người tham gia giao thông phải chấp hành như sau:</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>8. Người tham gia giao thông phải chấp hành nghiêm chỉnh hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, kể cả trong trường hợp hiệu lệnh của người điều khiển giao thông khác với tín hiệu của đèn giao thông, biển báo hiệu hoặc vạch kẻ đường.</p> <p>9. Khi ở một vị trí vừa có biển báo hiệu đặt cố định vừa có biển báo hiệu tạm thời mà hai biển có ý nghĩa khác nhau, người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của biển báo hiệu tạm thời.</p> <p>10. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.</p>	<p><u>của nền đường;</u></p> <p>b) Khi vạch kẻ và hướng đi của đường sử dụng kết hợp với đèn tín hiệu, biển báo hiệu, người tham gia giao thông phải chấp hành theo hiệu lệnh của cả vạch kẻ đường và đèn tín hiệu, biển báo hiệu theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>7. Người tham gia giao thông phải chấp hành các quy định về khoảng cách, phân đường, làn đường, hướng đi theo hiệu lệnh của cọc tiêu, đỉnh. 8. Rào chắn để ngăn, không cho người, phương tiện qua lại.</p> <p><u>9. Định phản quang, tiêu phản quang, cột để thông tin, cảnh báo về phân đường, làn đường.</u></p> <p><u>10. Cột Km, cọc H, thiết để báo hiệu cho người tham gia giao thông đường bộ về các thông tin của đường bộ.</u></p> <p><u>11. Thi h b. Thi hiệu cho người tham gia và công trình an toàn là công trình an toàn tham gia giao thông đườn</u> giao thông đườn toà khác.</p> <p>8. Người tham gia giao thông phải chấp hành nghiêm chỉnh hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, kể cả trong trường hợp hiệu lệnh của người điều khiển giao thông khác với tín hiệu của đèn giao thông, biển báo hiệu hoặc vạch kẻ đường.</p> <p>9-12. Khi ở một vị trí vừa có biển báo hiệu đặt cố định vừa có biển báo hiệu tạm thời mà hai biển có ý nghĩa khác nhau, người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của biển báo hiệu tạm thời.</p> <p>10-13. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, <u>trừ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.</u></p> <p><u>14. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 3 Điều này.</u></p>
<p>Điều 11. Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe</p> <p>1. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng làn đường hoặc phân đường.</p> <p>2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải bảo đảm tốc độ phù hợp điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố ảnh hưởng khác để bảo đảm an toàn.</p> <p>3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giám sát tốc độ bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên</p>	<p>Điều 11-12. Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe</p> <p>1. Người lái xe, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ <u>xe máy chuyên dùng</u> phải chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng làn đường hoặc phân đường.</p> <p>2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải bảo đảm tốc độ phù hợp điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố ảnh hưởng khác để bảo đảm an toàn.</p> <p>3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải</p>

- Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt
- Formatted: Border: : (No border)
- Formatted: Border: : (No border)
- Formatted: Font Alignment: Auto, Pattern: Clear (White)
- Formatted: Border: : (No border)
- Formatted: Font: 12 pt, Vietnamese
- Formatted: Font: 12 pt, Vietnamese
- Formatted: Font: 12 pt
- Formatted: Normal, Pattern: Clear (White)
- Formatted: Not Strikethrough, Border: : (No border)
- Formatted: Font: Not Bold
- Formatted: Font: (Default) Times New Roman, English (U.S.)
- Formatted: Font: (Default) Times New Roman, English (U.S.)
- Formatted: English (U.S.)
- Formatted: Font: (Default) Times New Roman, English (U.S.)
- Formatted: Font: (Default) Times New Roman, English (U.S.)
- Formatted: Font: (Default) Times New Roman, Not Bold, English (U.S.)
- Formatted: Font: (Default) Times New Roman, Not Bold
- Formatted: Font: (Default) Times New Roman, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>đường;</p> <p>b) Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;</p> <p>c) Nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ, đường sắt; đường hẹp, đường vòng, đường quanh co, đường đèo, dốc;</p> <p>d) Nơi cầu, cống hẹp, đập tràn, đường ngầm, hầm chui;</p> <p>đ) Khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung đông người, khu vực đông dân cư, khu vực đang thi công trên đường bộ, hiện trường vụ tai nạn giao thông;</p> <p>e) Có vật nuôi đi trên đường hoặc chắn thả ở ven đường;</p> <p>g) Tránh xe đi ngược chiều hoặc khi cho xe đi phía sau vượt; khi có tín hiệu xin đường, tín hiệu khẩn cấp của xe đi cùng chiều phía trước;</p> <p>h) Điểm dừng, đỗ xe có khách đang lên, xuống xe;</p> <p>i) Gặp xe chờ hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm; đoàn người đi bộ;</p> <p>k) Gặp xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ;</p> <p>l) Điều kiện thời tiết bất lợi ảnh hưởng tới an toàn giao thông đường bộ; khói, bụi; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, vật liệu rơi vãi;</p> <p>m) Khu vực đang tổ chức kiểm soát giao thông đường bộ.</p>	<p><u>quan sát</u>, giảm tốc độ <u>hoặc dừng lại để</u> bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;</p> <p>b) Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;</p> <p>c) Nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ, đường <u>bộ giao nhau với đường</u> sắt; đường hẹp, đường vòng, đường quanh co, đường đèo, dốc;</p> <p>d) Nơi cầu, cống hẹp, đập tràn, đường ngầm, hầm chui, <u>hầm đường bộ</u>;</p> <p>đ) Khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung đông người, khu vực đông dân cư, <u>chợ</u>, khu vực đang thi công trên đường bộ, hiện trường vụ tai nạn giao thông;</p> <p>e) Có vật nuôi đi trên đường hoặc chắn thả ở ven đường;</p> <p>g) Tránh xe đi ngược chiều hoặc khi cho xe đi phía sau vượt; khi có tín hiệu xin đường, tín hiệu khẩn cấp của xe đi cùng chiều phía trước;</p> <p>h) Điểm dừng, đỗ xe có khách đang lên, xuống xe;</p> <p>i) Gặp xe chờ hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm; <u>đoàn</u> người đi bộ;</p> <p>k) Gặp xe ưu tiên <u>đang làm nhiệm vụ</u>;</p> <p>l) Điều kiện <u>thời tiết bất lợi ảnh hưởng tới an toàn giao thông đường bộ; trời mưa, gió, sương</u>, khói, bụi; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, vật liệu rơi vãi <u>ảnh hưởng tới an toàn giao thông đường bộ</u>;</p> <p>m) Khu vực đang tổ chức kiểm soát giao thông đường bộ.</p> <p><u>4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe đạp máy, xe đạp điện tham gia giao thông đường bộ.</u></p>
<p>Điều 12. Sử dụng làn đường</p> <p>1. Phương tiện tham gia giao thông di chuyển với tốc độ thấp hơn phải đi về bên phải theo chiều đi của mình.</p> <p>2. Trên đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường, người điều khiển phương tiện phải cho xe đi trong một làn đường và chỉ được chuyển làn đường ở những nơi cho phép; khi chuyển làn đường phải có tín hiệu báo trước; phải quan sát bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau mới được</p>	<p>Điều 12.13 13. Sử dụng làn đường</p> <p>1. Phương tiện tham gia giao thông di chuyển với tốc độ thấp hơn phải đi về bên phải theo chiều đi của mình.</p> <p>2. Trên đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường, người điều khiển phương tiện phải cho xe đi trong một làn đường và chỉ được chuyển làn đường ở những nơi cho phép; <u>mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề</u>; khi chuyển làn đường phải có tín hiệu báo trước; phải</p>

- Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt
- Formatted: English (U.S.)
- Formatted: Font: (Default) Times New Roman, English (U.S.)
- Formatted: Font: (Default) Times New Roman, English (U.S.)
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted
- Formatted: Font: Not Bold
- Formatted
- Formatted: No widow/orphan control
- Formatted: Vietnamese
- Formatted: No widow/orphan control, Tab stops: Not at 1.56 cm
- Formatted
- Formatted: Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>b) Trên cầu hẹp có một làn xe;</p> <p>c) Đường cong có tầm nhìn bị hạn chế; trên đường hai chiều tại khu vực đỉnh dốc có tầm nhìn bị hạn chế;</p> <p>d) Nơi đường giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt;</p> <p>đ) Khi điều kiện thời tiết hoặc đường không bảo đảm an toàn cho việc vượt;</p> <p>e) Gây cản trở cho xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ;</p> <p>g) Ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường;</p> <p>h) Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.</p>	<p>báo hướng chuyên, <u>tín hiệu báo hướng chuyên được sử dụng, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước và phía sau trong suốt quá trình vượt xe</u>; trong đô thị và khu đông dân cư trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 5 giờ ngày hôm sau chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.</p> <p><u>5.6. Không được vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a) Không<u>không</u> bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 23 Điều này;</p> <p>b) Trên<u>trên</u> cầu hẹp có một làn xe;</p> <p>e) Đường<u>đường</u>: <u>đường</u> cong có tầm nhìn bị hạn chế; trên đường hai chiều tại khu vực đỉnh dốc có tầm nhìn bị hạn chế;</p> <p>đ) Nơi<u>nơi</u> đường giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt;</p> <p>đ) Khi<u>khi</u> điều kiện thời tiết hoặc đường không bảo đảm an toàn cho việc vượt;</p> <p>e) Gây<u>gây</u> cản trở cho xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ;</p> <p>g) Ở<u>ở</u> phần đường dành cho người đi bộ qua đường;</p> <p>h) Khi<u>khi</u> có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường; <u>trong hầm đường bộ</u>.</p>
<p>Điều 14. Chuyển hướng xe</p> <p>1. Chuyển hướng xe là tình huống giao thông mà phương tiện rẽ trái hoặc rẽ phải hoặc quay đầu xe.</p> <p>2. Trước khi chuyển hướng, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải quan sát, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau, giảm tốc độ và bật tín hiệu báo hướng rẽ hoặc có tín hiệu bằng tay đối với xe thô sơ. Tín hiệu báo hướng rẽ hoặc tín hiệu bằng tay phải sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng.</p> <p>3. Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật, xe thô sơ, xe đi ngược chiều và chỉ chuyển hướng khi không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người, phương tiện khác.</p> <p>4. Không quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, ngầm, tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất, trên đường cao tốc, trong hầm đường bộ; trên đường một chiều, trừ khi có hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc</p>	<p>Điều 14.15. Chuyển hướng xe</p> <p>1. Chuyển hướng xe là tình huống giao thông mà phương tiện<u>xe</u> rẽ trái hoặc rẽ phải hoặc quay đầu xe.</p> <p>2. Trước khi chuyển hướng, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải quan sát, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau, giảm tốc độ và bật tín hiệu báo hướng rẽ hoặc có tín hiệu bằng tay <u>theo hướng rẽ</u> đối với xe thô sơ. Tín hiệu báo hướng rẽ hoặc tín hiệu bằng tay phải sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng. <u>Khi bảo đảm an toàn, không gây trở ngại cho người và phương tiện khác mới được chuyển hướng.</u></p> <p>3. Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người<u>khuyết tật, xe</u> thô sơ, xe đi ngược chiều và chỉ chuyển hướng khi không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người, phương tiện khác.</p> <p>4. Không quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, ngầm, tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>chỉ dẫn của biển báo hiệu tạm thời.</p>	<p>bị che khuất, trên đường cao tốc, trong hầm đường bộ; trên đường một chiều, trừ khi có hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc chỉ dẫn của biển báo hiệu tạm thời.</p>
<p>Điều 15. Lùi xe</p> <p>1. Khi lùi xe, người điều khiển phương tiện phải quan sát hai bên và phía sau xe, có tín hiệu lùi và chỉ lùi xe khi bảo đảm an toàn.</p> <p>2. Không được lùi xe ở đường một chiều, khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất, trong hầm đường bộ, đường cao tốc.</p>	<p>Điều 15-16. Lùi xe</p> <p>1. Khi lùi xe, người điều khiển phương tiện phải quan sát hai bên và phía sau xe, có tín hiệu lùi và chỉ lùi xe khi bảo đảm an toàn.</p> <p>2. Không được lùi xe ở đường một chiều, khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất, trong hầm đường bộ, <u>trên</u> đường cao tốc.</p>
<p>Điều 16. Tránh xe đi ngược chiều</p> <p>1. Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình.</p> <p>2. Các trường hợp nhường đường khi tránh nhau:</p> <p>a) Nơi đường hẹp chỉ đủ cho một xe chạy và có chỗ tránh xe thì xe nào ở gần chỗ tránh hơn phải vào vị trí tránh, nhường đường cho xe đi ngược chiều;</p> <p>b) Xe xuống dốc phải nhường đường cho xe lên dốc;</p> <p>c) Xe có chướng ngại vật phía trước phải nhường đường cho xe không có chướng ngại vật.</p>	<p>Điều 16-17. Tránh xe đi ngược chiều</p> <p>1. Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình.</p> <p>2. Các trường hợp nhường đường khi tránh nhau:</p> <p>a) Nơi đường hẹp chỉ đủ cho một xe chạy và có chỗ tránh xe thì xe nào ở gần chỗ tránh hơn phải vào vị trí tránh, nhường đường cho xe đi ngược chiều;</p> <p>b) Xe xuống dốc phải nhường đường cho xe lên dốc;</p> <p>c) Xe có chướng ngại vật phía trước phải nhường đường cho xe không có chướng ngại vật <u>phía trước</u>.</p>
<p>Điều 17. Dừng xe, đỗ xe</p> <p>1. Dừng xe là trạng thái đứng yên tạm thời của phương tiện giao thông trong một khoảng thời gian cần thiết theo quy định tại các vị trí được phép dừng.</p> <p>2. Đỗ xe là trạng thái đứng yên của phương tiện không giới hạn thời gian tại các địa điểm, khu vực đỗ xe theo quy định.</p> <p>3. Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe phải thực hiện các quy định sau đây:</p> <p>a) Dừng xe phải có tín hiệu, biển cảnh báo cho người điều khiển phương tiện khác biết trạng thái xe đang dừng;</p> <p>b) Đỗ xe đúng quy định về vị trí, khu vực, phải bảo đảm các quy định an toàn về đỗ xe.</p> <p>4. Trên đường bộ khi phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp người</p>	<p>Điều 17-18. Dừng xe, đỗ xe</p> <p>1. Dừng xe là trạng thái đứng yên tạm thời của <u>phương tiện giao thông xe</u> trong một khoảng thời gian cần thiết <u>theo quy định tại các vị trí được phép</u> để cho người lên xe, xuống xe, xếp dỡ hàng hóa, kiểm tra kỹ thuật xe hoặc hoạt động khác. Khi dừng xe không được tắt máy và không được rời khỏi vị trí lái, trừ trường hợp rời khỏi vị trí lái để đóng, mở cửa xe, xếp dỡ hàng hóa, kiểm tra kỹ thuật xe nhưng phải sử dụng phanh đỗ xe hoặc thực hiện biện pháp an toàn khác.</p> <p>2. Đỗ xe là trạng thái đứng yên của <u>phương tiện xe</u> không giới hạn thời gian <u>tại các địa điểm, khu vực đỗ xe theo quy định. Khi đỗ xe, người điều khiển phương tiện chỉ được rời khỏi xe khi đã sử dụng phanh đỗ xe hoặc thực hiện biện pháp an toàn khác. Xe đỗ trên đoạn đường dốc phải đánh lái về phía lề đường, chèn bánh.</u></p> <p>3. Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe <u>trên đường</u> phải</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted

Formatted

Formatted: English (U.S.)

Formatted

Formatted

Formatted

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>điều khiển phương tiện phải cố gắng dừng xe ở nơi có lề đường rộng hoặc khu đất ở bên ngoài phần đường xe chạy, trừ trường hợp bất khả kháng; trường hợp lề đường hẹp hoặc không có lề đường thì phải cố gắng dừng xe sát mép đường phía bên phải theo chiều đi của mình.</p> <p>5. Trên đường phố, tại khu vực được dừng xe, người điều khiển phương tiện phải dừng xe sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi của mình.</p>	<p>thực hiện các quy định sau đây:</p> <p>a) Dừng xe phải cóCó tín hiệu, biển cảnh báo cho người điều khiển phương tiện khác biết trạng thái xe đangkhi vào, ra vị trí dừng xe, đỗ xe;</p> <p>b) Đỗ xe đúng quy định về vị trí, khu vực, phải bảo đảm các quy định an toàn về đỗ xe.</p> <p>b) Không làm ảnh hưởng đến người đi bộ và các phương tiện tham gia giao thông.</p> <p>4. Trên đường bộ khi phảiNgười điều khiển phương tiện không được dừng xe trong, đỗ xe tại các vị trí sau đây:</p> <p>a) Bên trái đường một chiều;</p> <p>b) Trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc nơi có tầm nhìn bị che khuất;</p> <p>c) Trên cầu, trừ những trường hợp khẩn cấptổ chức giao thông cho phép;</p> <p>d) Gầm cầu vượt, trừ những nơi được cơ quan có thẩm quyền cho phép;</p> <p>đ) Song song cùng chiều với một xe khác đang dừng, đỗ trên đường;</p> <p>e) Cách xe ô tô đang đỗ ngược chiều dưới 20 mét trên đường phố, dưới 40 mét trên đường có một làn xe cơ giới trên một chiều đường;</p> <p>g) Trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường;</p> <p>h) Nơi đường giao nhau và trong phạm vi 05 mét tính từ mép đường giao nhau;</p> <p>i) Điểm đón trả khách theo quy định;</p> <p>k) Trước cổng và trong phạm vi 05 mét hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ra vào;</p> <p>l) Tại nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe cơ giới;</p> <p>m) Trong phạm vi an toàn của đường sắt;</p> <p>n) Che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông;</p> <p>o) Trên đường dành riêng cho xe buýt, trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; trên lòng đường, hè phố trái quy định.</p> <p>5. Trên đường bộ, người điều khiển phương tiện phải cố gắngchỉ được dừng xe, đỗ xe ở nơi có lề đường rộng hoặc khu đất ở bên ngoài phần đường xe chạy, trừ trường hợp bất khả kháng; trường hợp lề đường hẹp hoặc không có lề đường thì phải cố gắngdùng, đỗ xe sát mép đường</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted

Formatted

Formatted

Formatted

Formatted

Formatted

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>phía bên phải theo chiều đi của mình.</p> <p>5.6. Trên đường phố, tại khu vực được dừng xe, người điều khiển phương tiện phải chỉ được dừng xe, đỗ xe sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi của mình; bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,25 mét và không gây cản trở, nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông.</p> <p><u>7. Trong trường hợp khẩn cấp, khi đỗ xe chiếm một phần đường xe chạy hoặc tại nơi không được phép đỗ, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển cảnh báo về phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết.</u></p>
<p>Điều 18. Mở cửa xe</p> <p>1. Không được mở cửa xe hoặc không đóng cửa xe đúng quy định khi xe đang chạy.</p> <p>2. Trước khi mở cửa xe, người mở cửa phải quan sát phía trước, phía sau và bên phía mở cửa xe, khi thấy an toàn mới được mở cửa.</p>	<p>Điều 18-19. Mở cửa xe</p> <p>1. Không <u>Chỉ</u> được mở cửa xe hoặc không đóng cửa xe đúng quy định khi xe đang chạy đã <u>dừng, đỗ</u>.</p> <p>2. Trước khi mở cửa xe, người mở cửa phải quan sát phía trước, phía sau và bên phía mở cửa xe, khi thấy an toàn mới được mở cửa: xe, ra khỏi xe; không để cửa xe mở nếu không bảo đảm an toàn.</p>
<p>Điều 19. Sử dụng đèn</p> <p>1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trong thời gian từ 19 giờ ngày hôm trước đến 5 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn phải bật đèn chiếu sáng phía trước.</p> <p>2. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tắt đèn chiếu xa, bật đèn chiếu gần trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Khi gặp người đi bộ qua đường;</p> <p>b) Khi đi trên các đoạn đường qua khu dân cư có hệ thống chiếu sáng đang hoạt động;</p> <p>c) Khi gặp xe đi ngược chiều;</p> <p>d) Khi chuyên hướng xe tại nơi đường giao nhau.</p> <p>3. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng khi thực hiện công việc trên đường bộ phải bật sáng đèn cảnh báo màu vàng.</p>	<p>Điều 19-20. Sử dụng đèn</p> <p>1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trong thời gian từ 19-18 giờ ngày hôm trước đến 506 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn phải bật <u>đèn</u> chiếu sáng phía trước.</p> <p>2. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tắt đèn chiếu xa, bật đèn chiếu gần trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Khi gặp người đi bộ qua đường;</p> <p>b) Khi đi trên các đoạn đường qua khu dân cư có hệ thống chiếu sáng đang hoạt động;</p> <p>c) Khi gặp xe đi ngược chiều, <u>trừ trường hợp dài phân cách có khả năng chống chói;</u></p> <p>d) Khi chuyên hướng xe tại nơi đường giao nhau.</p> <p>3. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng khi thực hiện công việc trên đường bộ phải bật sáng đèn cảnh báo màu vàng.</p>
<p>Điều 20. Sử dụng tín hiệu còi</p> <p>1. Chỉ được sử dụng tín hiệu còi của phương tiện trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 20-21. Sử dụng tín hiệu còi</p> <p>1. Chỉ được sử dụng tín hiệu còi của phương tiện trong các trường hợp sau đây:</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.), Not Strikethrough

Formatted

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted

Formatted: Font: Not Bold, (none)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỶ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>a) Báo hiệu cho người đi bộ và người điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi xuất hiện tình huống có thể mất an toàn giao thông;</p> <p>b) Báo hiệu chuẩn bị vượt xe.</p> <p>2. Không sử dụng còi liên tục; không sử dụng còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, khu đông dân cư và khu vực cơ sở điều trị bệnh, trạm cấp cứu, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.</p>	<p>a) Báo hiệu cho người đi bộ và người điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi xuất hiện tình huống có thể mất an toàn giao thông;</p> <p>b) Báo hiệu chuẩn bị vượt xe.</p> <p>2. Không sử dụng còi liên tục; không sử dụng còi <u>có âm lượng không đúng quy định; không sử dụng còi</u> trong thời gian từ 22 giờ <u>ngày hôm trước</u> đến <u>505</u> giờ; <u>ngày hôm sau trong</u> khu đông dân cư và khu vực cơ sở <u>điều trị khám</u> bệnh, <u>trạm cấp cứu chữa bệnh</u>, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.</p>
<p>Điều 21. Nhường đường tại nơi đường giao nhau</p> <p>1. Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên với đường ưu tiên thì xe đi từ đường không ưu tiên phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên.</p> <p>2. Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xoay, phải nhường đường theo thứ tự sau đây:</p> <p>a) Xe đã đi vào nút giao;</p> <p>b) Xe ưu tiên;</p> <p>c) Xe đi trên đường ưu tiên;</p> <p>d) Xe đi đến từ bên phải;</p> <p>đ) Xe rẽ phải;</p> <p>e) Xe đi thẳng.</p> <p>3. Tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xoay, phải nhường đường cho xe đi bên trái.</p>	<p>Điều 21-22, Nhường đường tại nơi đường giao nhau</p> <p><u>Khi đến gần đường giao nhau, người điều khiển phương tiện phải quan sát, cho xe giảm tốc độ và nhường đường theo quy định sau đây:</u></p> <p>1. Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên với đường ưu tiên <u>hoặc giữa đường nhánh với đường chính</u> thì xe đi từ đường không ưu tiên <u>hoặc đường nhánh</u> phải <u>quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để</u> nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên <u>hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới</u>.</p> <p>2. Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xoay, phải nhường đường <u>theo thứ tự sau đây:</u></p> <p>a) Xe đã đi vào nút giao;</p> <p>b) Xe ưu tiên;</p> <p>c) Xe đi trên đường ưu tiên;</p> <p>đ) Xe cho xe đi đến từ bên phải;</p> <p>đ) Xe rẽ phải;</p> <p>e) Xe đi thẳng.</p> <p>3. Tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xoay, phải nhường đường cho xe đi bên trái.</p>
<p>Điều 22. Qua phà, qua cầu phao</p> <p>1. Khi đến bến phà, cầu phao, các xe phải xếp hàng theo quy định, không làm cản trở giao thông.</p> <p>2. Thứ tự ưu tiên qua phà, qua cầu phao:</p> <p>a) Xe ưu tiên;</p> <p>b) Xe chở thư báo;</p> <p>c) Xe chở thực phẩm tươi sống;</p>	<p>Điều 22-23, Qua phà, qua cầu phao</p> <p>1. Khi đến bến phà, cầu phao, các xe phải xếp hàng theo quy định, không làm cản trở giao thông.</p> <p>2. Thứ tự ưu tiên qua phà, qua cầu phao:</p> <p>a) Xe ưu tiên;</p> <p>b) Xe chở thư báo;</p> <p>c) Xe chở thực phẩm tươi sống;</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>d) Xe chờ khách công cộng.</p> <p>Trong trường hợp các xe cùng loại ưu tiên đến bến phà, cầu phao thì xe nào đến trước được qua trước.</p> <p>3. Khi qua phà, phải chấp hành quy định sau đây:</p> <p>a) Khi xe xuống phà, đang ở trên phà và khi lên bến, mọi người không được ở trên xe, trừ người lái xe, điều khiển xe máy chuyên dùng, người bệnh, người già yếu, phụ nữ mang thai và người khuyết tật;</p> <p>b) Khi xuống phà, xe cơ giới xuống trước, xe thô sơ, người đi bộ xuống sau; khi lên bến, người đi bộ lên trước, các phương tiện giao thông lên sau theo hướng dẫn của người điều khiển giao thông.</p> <p>4. Khi qua cầu phao, phải chấp hành quy định sau đây:</p> <p>a) Xe cơ giới phải đi theo một hàng theo chiều đi chuyên, không gây cản trở người, phương tiện đi ngược chiều;</p> <p>b) Xe thô sơ, người đi bộ phải đi sát về phía bên phải theo chiều đi của mình, không gây cản trở xe cơ giới;</p> <p>c) Xe cơ giới, xe thô sơ, người đi bộ phải tuân thủ hướng dẫn của người điều khiển giao thông.</p>	<p>d) Xe chờ khách công cộng.</p> <p>Trong trường hợp các xe cùng loại ưu tiên đến bến phà, cầu phao thì xe nào đến trước được qua trước.</p> <p>3. Khi qua phà, phải chấp hành quy định sau đây:</p> <p>a) Khi xe xuống phà, đang ở trên phà và khi lên bến, mọi người không được ở trên xe, trừ người lái xe, điều khiển xe máy chuyên dùng, người bệnh, người già yếu, phụ nữ mang thai, trẻ em và người khuyết tật;</p> <p>b) Khi xuống phà, xe cơ giới xuống trước, xe thô sơ, người đi bộ xuống sau; khi lên bến, người đi bộ lên trước, các phương tiện giao thông lên sau theo hướng dẫn của người điều khiển giao thông.</p> <p>4. Khi qua cầu phao, phải chấp hành quy định sau đây:</p> <p>a) Xe cơ giới phải đi theo một hàng theo chiều đi chuyên, không gây cản trở người, phương tiện đi ngược chiều;</p> <p>b) Xe thô sơ, người đi bộ phải đi sát về phía bên phải theo chiều đi của mình, không gây cản trở xe cơ giới;</p> <p>c) Xe cơ giới, xe thô sơ, người đi bộ phải tuân thủ hướng dẫn của người điều khiển giao thông.</p>
<p>Điều 23. Giao thông tại đường ngang, cầu chung đường sắt</p> <p>1. Khi có hiệu lệnh của nhân viên gác chắn, đèn đỏ sáng nhấp nháy, chuông kêu, chắn đường bộ đang dịch chuyển hoặc đã đóng, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch dừng xe.</p> <p>2. Khi tới đường ngang không có người gác, chắn đường bộ, chuông, đèn tín hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch dừng xe và quan sát hai phía, khi không có phương tiện giao thông đường sắt tới mới được đi qua.</p> <p>3. Khi phương tiện tham gia giao thông bị hư hỏng, bị tai nạn hoặc hàng hóa rơi đổ trên đường ngang, cầu chung đường sắt mà không thể di chuyển ngay khỏi phạm vi an toàn đường sắt, người điều khiển phương tiện và người có mặt phải ngay lập tức báo hiệu để dừng tàu, thực hiện các biện pháp an toàn.</p>	<p>Điều 23-24. Giao thông tại đường ngang, cầu chung đường sắt</p> <p>1. Khi có hiệu lệnh của nhân viên gác chắn, đèn đỏ sáng nhấp nháy, chuông kêu, chắn đường bộ đang dịch chuyển hoặc đã đóng, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch dừng xe.</p> <p>2. Khi tới đường ngang không có người gác, chắn đường bộ, chuông, đèn tín hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại về bên phải đường của mình, trước vạch dừng xe và quan sát hai phía, khi không có phương tiện giao thông đường sắt tới mới được đi qua.</p> <p>3. Khi phương tiện tham gia giao thông bị hư hỏng, bị tai nạn hoặc hàng hóa rơi đổ trên đường ngang, cầu chung đường sắt mà không thể di chuyển ngay khỏi phạm vi an toàn đường sắt, người điều khiển phương tiện và người có mặt phải ngay lập tức báo hiệu để dừng tàu, thực hiện các biện pháp an toàn.</p>
<p>Điều 24. Giao thông trên đường cao tốc</p> <p>1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng trên đường cao tốc phải tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ sau đây:</p>	<p>Điều 24-25. Giao thông trên đường cao tốc</p> <p>1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng trên đường cao tốc phải tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ sau đây:</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>a) Khi nhập vào làn đường của đường cao tốc phải có tín hiệu xin vào và phải nhường đường cho xe đang chạy trên đường, quan sát xe phía sau bảo đảm khoảng cách an toàn mới cho xe nhập vào làn đường sát bên phải, nếu có làn đường tăng tốc thì phải cho xe chạy trên làn đường đó trước khi nhập vào làn đường của đường cao tốc;</p> <p>b) Khi ra khỏi đường cao tốc phải quan sát biển báo hiệu chỉ dẫn, thực hiện chuyển dần sang làn đường sát bên phải, nếu có làn đường giảm tốc thì phải cho xe di chuyển trên làn đường đó trước khi rời khỏi đường cao tốc;</p> <p>c) Không được cho xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp và phần lề đường;</p> <p>d) Các quy tắc giao thông đường bộ khác quy định tại Luật này.</p> <p>2. Khi phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp, lái xe cố gắng điều khiển xe vào làn dừng khẩn cấp cùng chiều xe chạy, nếu không thể di chuyển được, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển hoặc đèn cảnh báo về phía sau xe khoảng cách tối thiểu 150 mét, nhanh chóng báo cho cơ quan Cảnh sát giao thông hoặc cơ quan quản lý đường cao tốc.</p> <p>3. Xe máy chuyên dùng có tốc độ thiết kế nhỏ hơn tốc độ tối thiểu quy định đối với đường cao tốc, xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, người đi bộ không được đi trên đường cao tốc, trừ người, phương tiện giao thông, thiết bị phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.</p>	<p>a) Khi Trước khi nhập vào làn đường của đường cao tốc phải có tín hiệu xin vào và phải nhường đường cho xe đang chạy trên đường, quan sát xe phía sau bảo đảm khoảng cách an toàn mới cho xe nhập vào làn đường sát bên phải, nếu có làn đường tăng tốc thì phải cho xe chạy trên làn đường đó trước khi nhập vào làn đường của đường cao tốc;</p> <p>b) Khi chuẩn bị ra khỏi đường cao tốc phải quan sát biển báo hiệu chỉ dẫn, thực hiện chuyển dần sang làn đường sát bên phải, nếu có làn đường giảm tốc thì phải cho xe di chuyển trên làn đường đó trước khi rời khỏi đường cao tốc;</p> <p>c) Không được cho xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp và phần lề đường;</p> <p>d) Các quy tắc giao thông đường bộ khác quy định tại Luật này.</p> <p>2. Khi phải Chi được dừng xe trong, đỗ xe ở nơi quy định; trường hợp khẩn cấp, lái xe gặp sự cố gắng điều khiển kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe vào, đỗ xe thì được dừng xe, đỗ xe ở làn dừng khẩn cấp cùng chiều xe chạy, nếu và phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp; trường hợp xe không thể di chuyển được vào làn dừng khẩn cấp, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển hoặc đèn cảnh báo về phía sau xe khoảng cách tối thiểu 150 mét, nhanh chóng báo cho cơ quan Cảnh sát giao thông hoặc cơ quan quản lý đường cao tốc.</p> <p>3. Xe máy chuyên dùng có tốc độ thiết kế nhỏ hơn tốc độ tối thiểu quy định đối với đường cao tốc, xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, người đi bộ không được đi trên đường cao tốc, trừ người, phương tiện giao thông, thiết bị phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.</p>
<p>Điều 25. Giao thông trong hầm đường bộ</p> <p>Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi điều phương tiện trong hầm đường bộ phải tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ sau đây:</p> <p>1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng phải bật đèn chiếu gần; xe thô sơ phải bật đèn hoặc có vật phát sáng báo hiệu.</p> <p>2. Không dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ; trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải đưa xe vào vị trí dừng, đỗ xe khẩn cấp, nếu không di chuyển được, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển báo hoặc đèn cảnh báo về phía trước và phía sau xe, nhanh chóng báo cho cơ quan Cảnh sát giao thông hoặc cơ quan</p>	<p>Điều 25-26. Giao thông trong hầm đường bộ</p> <p>Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi điều khiến phương tiện trong hầm đường bộ phải tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ sau đây:</p> <p>1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng phải bật đèn chiếu gần; xe thô sơ phải bật đèn hoặc có vật phát sáng báo hiệu.</p> <p>2. Không dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ; trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải đưa xe vào vị trí dừng, đỗ xe khẩn cấp, nếu không di chuyển được, phải có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp và đặt biển báo hoặc đèn cảnh báo về phía trước và phía sau xe khoảng cách bảo đảm an toàn, nhanh chóng báo cho cơ quan Cảnh sát</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>5. Chính phủ quy định cụ thể về tín hiệu của xe ưu tiên; quản lý, lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên và trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại và thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đoàn xe có xe Cảnh sát giao thông dẫn đường.</p>	<p>không bị hạn chế tốc độ; được phép đi không phụ thuộc vào tín hiệu đèn giao thông, đi vào đường ngược chiều, các đường khác có thể đi được; riêng đối với đường cao tốc, chỉ được đi ngược chiều trên làn dừng xe khẩn cấp; phải tuân theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.</p> <p>biển báo hiệu tam thời.</p> <p>45. Khi có tín hiệu của xe ưu tiên, người tham gia giao thông phải giảm tốc độ, đi sát lề đường bên phải hoặc dừng lại để nhường đường, trạm thu phí phải ưu tiên cho xe ưu tiên qua trạm trong mọi tình huống, không được gây cản trở.</p> <p>5-6. Chính phủ quy định cụ thể về tín hiệu của xe ưu tiên; quản lý, lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên và trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại và thu hồi Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.</p> <p>6-7. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các đoàn xe trong nước và khách nước ngoài đến Việt Nam có bố trí xe Cảnh sát giao thông dẫn đường; quy định quy trình dẫn đường của Cảnh sát giao thông.</p>
<p>Điều 27. Trường hợp chở người trên xe ô tô chở hàng</p> <p>1. Chỉ được chở người trên xe ô tô chở hàng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Chở người đi làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn, cứu hộ hoặc thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp; chở cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang nhân dân đi làm nhiệm vụ; chở người bị nạn đi cấp cứu;</p> <p>b) Chở người đi thực hành lái xe trên xe tập lái; chở người dự sát hạch lái xe trên đường trên xe sát hạch; chở người điều hành theo đoàn khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép;</p> <p>c) Giải tòa người ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc trong trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Xe ô tô chở người trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông.</p>	<p>Điều 27-28. Trường hợp chở người trên xe ô tô chở hàng</p> <p>1. Chỉ được chở người trên xe ô tô chở hàng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Chở người đi làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn, cứu hộ hoặc thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp; chở cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang nhân dân đi làm nhiệm vụ; chở người bị nạn đi cấp cứu;</p> <p>b) Chở người đi thực hành lái xe trên xe tập lái; chở người dự sát hạch lái xe trên đường trên xe sát hạch; chở người điều hành theo đoàn khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép;</p> <p>c) Giải tòaĐưa người ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc trong trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Xe ô tô chở người trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông.</p>
<p>Điều 28. Xe kéo xe và xe kéo rơ moóc</p> <p>1. Một xe ô tô chỉ được kéo theo một xe ô tô hoặc xe máy chuyên dùng khác khi xe này không tự chạy được và phải bảo đảm các quy định sau đây:</p> <p>a) Xe được kéo phải có người điều khiển và hệ thống lái của xe đó phải</p>	<p>Điều 28-29. Xe kéo xe và xe kéo rơ moóc</p> <p>1. Một xe ô tô chỉ được kéo theo một xe ô tô hoặc xe máy chuyên dùng khác khi xe nàyđược kéo không tự chạy được, trừ trường hợp quy định tại Điều 52 của Luật này và phải bảo đảm các quy định sau đây:</p> <p>a) Xe được kéo phải có người điều khiển và hệ thống lái của xe đó phải</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>còn hiệu lực;</p> <p>b) Việc nối xe kéo với xe được kéo phải bảo đảm chắc chắn, an toàn; trường hợp hệ thống hãm của xe được kéo không còn hiệu lực thì xe kéo nhau phải nối bằng thanh nối cứng;</p> <p>c) Phía trước của xe kéo và phía sau của xe được kéo phải có biển báo hiệu; có đèn cảnh báo nhấp nháy màu vàng.</p> <p>2. Xe kéo rơ moóc phải có hệ thống hãm liên động.</p> <p>3. Không được thực hiện các hành vi sau đây:</p> <p>a) Xe kéo rơ moóc, xe kéo sơ mi rơ moóc kéo thêm rơ moóc hoặc xe khác;</p> <p>b) Chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển.</p> <p>4. Khi xe kéo xe bằng xe chuyên dùng, xe kéo chỉ được kéo theo một xe, việc kết nối xe kéo và xe được kéo phải bảo đảm chắc chắn, an toàn, không được chở người trên xe được kéo.</p>	<p>còn hiệu lực;</p> <p>b) Việc nối xe kéo với xe được kéo phải bảo đảm chắc chắn, an toàn; trường hợp hệ thống hãm của xe được kéo không còn hiệu lực thì xe kéo nhau phải nối bằng thanh nối cứng;</p> <p>c) Phía trước của xe kéo và phía sau của xe được kéo phải có biển báo hiệu; có đèn cảnh báo nhấp nháy màu vàng.</p> <p>2. Xe kéo rơ moóc <u>chỉ được kéo theo rơ moóc phù hợp với thiết kế của xe; việc kết nối xe kéo với rơ moóc phải có hệ thống hãm liên động bảo đảm chắc chắn, an toàn.</u></p> <p>3. Không được <u>thực hiện các hành vi sau đây:</u></p> <p><u>a) Xe kéo chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển; xe kéo rơ moóc, xe kéo sơ mi rơ moóc không được kéo thêm rơ moóc hoặc xe khác;</u></p> <p><u>b) Chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển.</u></p> <p><u>4. Khi xe kéo xe bằng xe chuyên dùng, xe kéo chỉ được kéo theo một xe, việc kết nối xe kéo và xe được kéo phải bảo đảm chắc chắn, an toàn, không được chở người trên xe được kéo.</u></p>
<p>Điều 29. Người đi bộ, người khuyết tật, người già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai, trẻ em tham gia giao thông</p> <p>1. Người đi bộ</p> <p>a) Phải đi trên hè phố, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ; trường hợp đường không có hè phố, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ thì người đi bộ phải đi sát mép đường bên phải theo chiều đi của mình;</p> <p>b) Chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn, báo hiệu đường bộ;</p> <p>c) Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn, khi qua đường phải có tín hiệu bằng tay;</p> <p>d) Không được vượt qua dải phân cách, đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông.</p>	<p>Điều <u>29,30</u>. Người đi bộ; người khuyết tật, người già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai, trẻ em tham gia giao thông <u>đường bộ</u></p> <p>1. Người đi bộ <u>phải tuân thủ các quy định sau đây:</u></p> <p>a) Phải đi trên hè phố, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ; trường hợp đường không có hè phố, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ thì người đi bộ phải đi sát mép đường bên phải theo chiều đi của mình;</p> <p>b) Chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn, báo hiệu đường bộ;</p> <p>c) Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn, khi qua đường phải có tín hiệu bằng tay;</p> <p>d) Không được vượt qua dải phân cách; đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>2. Người khuyết tật, già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai, trẻ em</p> <p>a) Người khuyết tật sử dụng xe lăn có hoặc không có động cơ phải đi trên hè phố, lề đường và nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ và xe thô sơ;</p> <p>b) Người khiếm thị khi đi trên đường bộ phải có người dẫn dắt hoặc có công cụ để báo hiệu cho người khác nhận biết là người khiếm thị;</p> <p>c) Người mất năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao thông phải có người dẫn dắt;</p> <p>d) Trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường phải có người lớn dẫn dắt;</p> <p>đ) Mọi người có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, trẻ em dưới 7 tuổi, phụ nữ mang thai khi đi qua đường.</p>	<p>2. Người khuyết tật, già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, phụ nữ mang thai, trẻ em phải tuân thủ các quy định sau đây:</p> <p>a) Người khuyết tật sử dụng xe lăn có hoặc không có động cơ phải đi trên via hè-phố, lề đường và nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ và xe thô sơ;</p> <p>b) Người khiếm thị khi đi trên đường bộ phải có người dẫn dắt hoặc có công cụ để báo hiệu cho người khác nhận biết là người khiếm thị;</p> <p>c) Người mất năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao thông phải có người dẫn dắt;</p> <p>d) Trẻ em dưới 707 tuổi khi đi qua đường phải có người lớn dẫn dắt;</p> <p>đ) Mọi người có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, già yếu, người mất năng lực hành vi dân sự, trẻ em dưới 707 tuổi, phụ nữ mang thai khi đi qua đường.</p>
<p>Điều 30. Người điều khiển, người ngồi, hàng hóa xếp trên xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện và xe thô sơ khác</p> <p>1. Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện chỉ được chở một người, trừ trường hợp chở thêm một trẻ em dưới 7 tuổi thì được chở tối đa hai người.</p> <p>Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật này; người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật này.</p> <p>2. Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy, xe đạp điện phải đội mũ bảo hiểm bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và cài quai đúng quy cách.</p> <p>3. Người điều khiển xe thô sơ khác phải cho xe đi hàng một, nơi có phần đường dành cho xe thô sơ thì phải đi đúng phần đường quy định; khi đi vào ban đêm phải có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe.</p> <p>4. Hàng hóa xếp trên xe thô sơ phải bảo đảm an toàn, không gây cản trở giao thông và che khuất tầm nhìn của người điều khiển.</p>	<p>Điều 30.31. Người điều khiển, người ngồiđược chở, hàng hóa xếp trên xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện và xe thô sơ khác</p> <p>1. Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện chỉ được chở một người, trừ trường hợp chở thêm một trẻ em dưới 707 tuổi thì được chở tối đa hai người.</p> <p>2. Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 3 Điều 3433 Luật này; người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 4 Điều 3433 Luật này.</p> <p>2.3. Người điều khiển, người ngồiđược chở trên xe đạp máy, xe đạp điện phải đội mũ bảo hiểm bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và cài quai đúng quy cách.</p> <p>3.4. Người điều khiển xe thô sơ khác phải cho xe đi hàng một, nơi có phần đường dành cho xe thô sơ thì phải đi đúng phần đường quy định; khí đi vào ban đêm phải tham gia giao thông trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau phải sử dụng đèn hoặc có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe.</p> <p>4.5. Hàng hóa xếp trên xe thô sơ phải bảo đảm an toàn, không gây cản trở giao thông và che khuất tầm nhìn của người điều khiển. Không được xếp hàng lý, hàng hóa vượt quá phía trước và phía sau xe 1/3 chiều dài thân xe và 01 mét; vượt quá 0,4 mét mỗi bên bánh xe.</p>
<p>Điều 32. Người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, điều khiển xe vật nuôi</p>	<p>Điều 32. Người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, điều khiển xe vật nuôi</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Widow/Orphan control

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: No widow/orphan control

Formatted: Widow/Orphan control

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>kéo đi trên đường bộ</p> <p>1. Người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, điều khiển xe vật nuôi kéo đi trên đường bộ phải cho vật nuôi đi sát mép đường bên phải; trường hợp cần cho vật nuôi đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn. Không được gây cản trở cho người và phương tiện tham gia giao thông.</p> <p>2. Không được dẫn dắt vật nuôi đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.</p> <p>3. Không được thả vật nuôi trên đường.</p>	<p>kéo đi trên đường bộ</p> <p>1. Người điều khiển, dẫn dắt vật nuôi, điều khiển xe vật nuôi kéo đi trên đường bộ phải cho vật nuôi đi sát mép đường bên phải; trường hợp cần cho vật nuôi đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn. Không được gây cản trở cho người và phương tiện tham gia giao thông.</p> <p>2. Không được dẫn dắt vật nuôi đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.</p> <p>3. Không được thả vật nuôi trên đường.</p>
<p>Điều 31. Người lái xe, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy các loại xe tương tự xe mô tô</p> <p>1. Người lái xe mô tô hai bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:</p> <p>a) Chở người bệnh đi cấp cứu;</p> <p>b) Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;</p> <p>c) Trẻ em dưới 14 tuổi;</p> <p>d) Người già yếu hoặc người khuyết tật.</p> <p>2. Người lái xe, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và cài quai đúng quy cách.</p> <p>3. Người lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi sau đây:</p> <p>a) Đi xe dàn hàng ngang;</p> <p>b) Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;</p> <p>c) Sử dụng ô;</p> <p>d) Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh;</p> <p>đ) Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt vật nuôi, mang, vác và chở vật cồng kềnh; chở người đứng trên xe, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe quá giới hạn quy định;</p> <p>e) Ngồi về một bên điều khiển xe; đứng, nằm trên xe điều khiển xe; thay người lái xe khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều</p>	<p>Điều 31.33. Người lái xe, người <u>ngồi được chở</u> trên xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy các loại xe tương tự xe mô tô</p> <p>1. Người lái xe mô tô hai bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:</p> <p>a) Chở người bệnh đi cấp cứu;</p> <p>b) Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;</p> <p>c) Trẻ em dưới 14 <u>12</u> tuổi;</p> <p>d) Người già yếu hoặc người khuyết tật.</p> <p>2. Người lái xe, người <u>ngồi được chở</u> trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và cài quai đúng quy cách.</p> <p>3. Người lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi sau đây:</p> <p>a) Đi xe dàn hàng ngang;</p> <p>b) Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;</p> <p>c) Sử dụng ô, <u>thiết bị âm thanh trừ thiết bị trợ thính</u>;</p> <p>d) Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh;</p> <p>đ) Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt vật nuôi, mang, vác và chở vật cồng kềnh; chở người đứng trên xe, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe quá giới hạn quy định;</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Widow/Orphan control

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe; sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy;</p> <p>g) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.</p> <p>4. Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi sau đây:</p> <p>a) Mang, vác vật cồng kềnh;</p> <p>b) Sử dụng ô;</p> <p>c) Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;</p> <p>d) Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;</p> <p>đ) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.</p> <p>5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy.</p>	<p>e) Ngồi về một bên điều khiển xe; đứng, nằm trên xe điều khiển xe; thay người lái xe khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe; sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy;</p> <p>g) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u>.</p> <p>4. Người ngồi<u>được chõ</u> trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi sau đây:</p> <p>a) Mang, vác vật cồng kềnh;</p> <p>b) Sử dụng ô;</p> <p>c) Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;</p> <p>d) Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;</p> <p>đ) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u>.</p> <p>5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy. 5. Xe mô tô, xe gắn máy không được xếp hàng lý, hàng hóa quá bề rộng giá đèo hàng về mỗi bên 0,3 mét và vượt quá về phía sau giá đèo hàng 0,5 mét theo thiết kế của nhà sản xuất. Chiều cao xếp hàng hóa tính từ mặt đường xe chạy không quá 02 mét.</p>
<p align="center">Chương III</p> <p align="center">PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>	<p align="center">Chương III</p> <p align="center">PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>
	<p><u>Điều 34. Phân loại phương tiện giao thông đường bộ</u></p> <p><u>1. Phương tiện giao thông đường bộ (sau đây gọi là xe) gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ và xe máy chuyên dùng.</u></p> <p><u>2. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm: xe ô tô; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô; xe chõ hàng bốn bánh có gắn động cơ; xe chõ người bốn bánh có gắn động cơ; xe mô tô; xe gắn máy.</u></p> <p><u>a) Xe ô tô là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, không chạy trên đường ray, dùng để chõ người, hàng hóa, kéo rơ moóc, kéo sơ mi rơ moóc hoặc được kết cấu để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được nối với đường dây dẫn điện; xe ba bánh có khối lượng bản thân lớn hơn 400 kg. Xe ô tô bao gồm: xe ô tô chõ người, xe ô tô chõ hàng và xe ô tô</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Widow/Orphan control

Formatted: Font: Not Bold, Strikethrough

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHÍNH LÝ
	<p><u>chuyên dùng.</u></p> <p><u>Xe ô tô chở người là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở người, hành lý, hàng hoá ký gửi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</u></p> <p><u>Xe ô tô chở hàng là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở hàng hoá, trong ca bin có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi (kể cả người lái), có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</u></p> <p><u>Xe ô tô chuyên dùng là xe ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc;</u></p> <p><u>b) Rơ moóc là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, được kéo bởi xe ô tô; phần chủ yếu của khối lượng toàn bộ rơ moóc không đặt lên xe kéo;</u></p> <p><u>c) Sơ mi rơ moóc là xe cơ giới không có động cơ để di chuyển, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ; được kéo bởi xe ô tô đầu kéo và có một phần đáng kể khối lượng toàn bộ đặt lên ô tô đầu kéo;</u></p> <p><u>d) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở người, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số người cho phép chở tối đa không quá 16 người (kể cả người lái);</u></p> <p><u>đ) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở hàng, có phần động cơ và thùng hàng lắp trên cùng một khung xe, có tối đa hai hàng ghế và chở được tối đa 06 người ngồi (kể cả người lái), vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 60 km/h và khối lượng bản thân không lớn hơn 550 kg; trường hợp xe sử dụng động cơ điện thì có công suất động cơ lớn nhất không lớn hơn 15 kW;</u></p> <p><u>e) Xe mô tô gồm: xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ trừ xe gắn máy; xe ba bánh có khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg;</u></p> <p><u>g) Xe gắn máy là xe cơ giới có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ, có vận tốc thiết kế không lớn hơn 50 km/h; nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Italic

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p><u>tích làm việc hoặc dung tích tương đương không được lớn hơn 50 cm³; nếu động cơ dẫn động là động cơ điện thì công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 4 kW. Xe gắn máy không bao gồm xe đạp máy.</u></p> <p><u>3. Phương tiện giao thông thô sơ đường bộ (sau đây gọi là xe thô sơ) gồm: xe đạp, xe đạp máy, xe đạp điện, xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật, xe súc vật kéo và các loại xe tương tự.</u></p> <p><u>a) Xe đạp là xe thô sơ có ít nhất hai bánh và vận hành do sức người thông qua bàn đạp hoặc tay quay;</u></p> <p><u>b) Xe đạp máy là xe đạp có trợ lực từ động cơ, có khối lượng bản thân không quá 25 kg, nguồn động lực từ động cơ bị ngắt khi người lái xe dùng đạp hoặc khi xe đạt tới tốc độ 25 km/h;</u></p> <p><u>c) Xe đạp điện là xe đạp có trợ lực của động cơ điện, công suất lớn nhất của động cơ không lớn hơn 250W.</u></p> <p><u>4. Xe máy chuyên dùng gồm: xe máy thi công; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy kéo; rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi máy kéo; xe máy thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ.</u></p> <p><u>5. Phương tiện giao thông thông minh là xe cơ giới cho phép tự động hóa một phần hoặc toàn bộ hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.</u></p> <p><u>6. Xe tương tự các loại xe cơ giới, xe thô sơ được quản lý, sử dụng theo quy định đối với loại xe cơ giới, xe thô sơ đó. Chính phủ quy định cụ thể xe tương tự các loại xe cơ giới, xe thô sơ.</u></p> <p><u>7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về phân loại phương tiện giao thông đường bộ.</u></p>
<p>Điều 33. Điều kiện phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Được cấp chứng nhận đăng ký và gắn biển số theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 34 Luật này;</p> <p>b) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 và khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 36 Luật này;</p>	<p>Điều 33<u>35</u>. Điều kiện phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Được cấp chứng nhận đăng ký và gắn biển số theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 34 Luật này;</p> <p>b) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1, khoản 2,</p> <p><u>2. Điều 35 và khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 36 Luật này;</u></p> <p>c) Có. Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình;</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>c) Có thiết bị giám sát hành trình; thiết bị thu thập dữ liệu, hình ảnh người lái xe, dữ liệu, hình ảnh bảo đảm an toàn hành trình theo quy định.</p> <p>2. Phương tiện giao thông thông minh bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động theo quy định.</p> <p>3. Phương tiện gắn biển số nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể điều kiện, phạm vi hoạt động của xe thô sơ tại địa phương, các loại phương tiện giao thông khác phù hợp với địa bàn đặc thù giao thông của địa phương.</p>	<p><u>Xe ô tô chở người từ 09 chỗ trở lên (kể cả chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương phải lắp thiết bị thu thập dữ liệu, giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, dữ liệu, hình ảnh bảo đảm an toàn hành trình theo quy định.</u></p> <p><u>23.</u> Phương tiện giao thông thông minh bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động theo quy định.</p> <p><u>34.</u> Phương tiện gắn biển số nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết.</p> <p><u>45.</u> Chính phủ quy định chi tiết điểm c <u>khoản 1-2</u> và <u>khoản 2-3</u> Điều này: <u>quy định điều kiện hoạt động của xe thô sơ.</u></p> <p>5-6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể điều kiện, phạm vi hoạt động của xe thô sơ, <u>xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ</u> tại địa phương, các loại phương tiện giao thông khác phù hợp với địa bàn đặc thù giao thông của địa phương.</p>
	<p><u>Điều 36. Biển số xe</u></p> <p><u>1. Biển số xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 Luật này; được gắn vào phương tiện giao thông đường bộ của Luật này để phục vụ quản lý nhà nước.</u></p> <p><u>2. Phân loại biển số xe</u></p> <p><u>a) Biển số xe nền màu xanh, chữ và số màu trắng cấp cho xe của cơ quan Đảng, Quốc hội, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập;</u></p> <p><u>b) Biển số nền màu đỏ, chữ và số màu trắng cấp cho xe quân sự;</u></p> <p><u>c) Biển số nền màu vàng, chữ và số màu đen cấp cho xe hoạt động kinh doanh vận tải;</u></p> <p><u>d) Biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen cấp cho xe của các tổ chức, cá nhân trong nước, không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này;</u></p> <p><u>đ) Biển số nền màu trắng, chữ màu đỏ, số màu đen, có sêri ký hiệu “NG” màu đỏ cấp cho xe của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và nhân viên nước ngoài mang chứng minh thư ngoại giao của cơ quan đó;</u></p> <p><u>e) Biển số nền màu trắng, chữ màu đỏ, số màu đen, có sêri ký hiệu</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Pattern: Clear

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Font: Not Bold, Spanish (International Sort), Pattern: Clear (White)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p><u>“QT” màu đỏ cấp cho xe của cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài mang chứng minh thư ngoại giao của tổ chức đó;</u></p> <p><u>g) Biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen, có sêri ký hiệu “CV” cấp cho xe của các nhân viên hành chính kỹ thuật mang chứng minh thư công vụ của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, tổ chức quốc tế;</u></p> <p><u>h) Biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen, có ký hiệu “NN” cấp cho xe của tổ chức, văn phòng đại diện, cá nhân nước ngoài, trừ các đối tượng quy định tại các điểm đ, e và g khoản này.</u></p> <p><u>3. Biển số xe được quản lý theo mã định danh, trừ biển số xe quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Việc quản lý biển số xe theo mã định danh được quy định như sau:</u></p> <p><u>a) Biển số xe được cấp và quản lý theo mã định danh của chủ xe là cá nhân, tổ chức; trường hợp tổ chức chưa có mã định danh điện tử thì quản lý theo mã số thuế hoặc quyết định thành lập;</u></p> <p><u>b) Trường hợp xe hết niên hạn sử dụng, hư hỏng hoặc chuyển quyền sở hữu xe thì chủ xe được giữ lại số biển số xe trong thời hạn 5 năm để đăng ký cho xe khác thuộc sở hữu của mình; quá thời hạn nêu trên, số biển số xe đó bị cơ quan đăng ký xe thu hồi, nhập vào kho biển số để đăng ký, cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định;</u></p> <p><u>c) Trường hợp chủ xe có thay đổi thông tin về trụ sở, nơi thường trú, tạm trú thì được giữ lại số biển số định danh.</u></p> <p><u>4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy chuẩn kỹ thuật biển số xe; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy chuẩn kỹ thuật biển số xe do Bộ Quốc phòng quản lý.</u></p>
	<p><u>Điều 37. Đầu giá biển số xe</u></p> <p><u>1. Biển số xe đưa ra đầu giá là biển số xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy được quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 36 Luật này.</u></p> <p><u>2. Giá khởi điểm của một biển số xe ô tô đưa ra đầu giá không thấp hơn 40 triệu; giá khởi điểm một biển số xe mô tô, xe gắn máy đưa ra đầu giá không thấp hơn 5 triệu. Căn cứ điều kiện kinh tế xã hội trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định cụ thể giá khởi điểm của loại biển số xe đưa ra đầu giá.</u></p> <p><u>3. Tiền đặt trước không thấp hơn giá khởi điểm của loại biển số xe đưa ra đầu giá.</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, Portuguese (Brazil), Pattern: Clear

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHÍNH LÝ
	<p><u>4. Bước giá bằng 10% giá khởi điểm.</u></p> <p><u>5. Đấu giá biển số xe được thực hiện theo hình thức đấu giá trực tuyến.</u></p> <p><u>6. Trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá biển số xe thì được xác định là người trúng đấu giá biển số xe.</u></p> <p><u>7. Người trúng đấu giá biển số xe có các quyền sau đây:</u></p> <p>a) <u>Được cấp quyết định xác nhận biển số xe trúng đấu giá sau khi nộp đủ số tiền trúng đấu giá;</u></p> <p>b) <u>Được đăng ký biển số xe trúng đấu giá gắn với phương tiện thuộc sở hữu của mình tại cơ quan công an nơi quản lý biển số xe trúng đấu giá hoặc nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức trúng đấu giá;</u></p> <p>c) <u>Được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trúng đấu giá;</u></p> <p>d) <u>Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp quyết định xác nhận biển số xe trúng đấu giá, nếu người trúng đấu giá chết nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký xe để gắn biển số trúng đấu giá thì người thừa kế theo quy định của pháp luật về thừa kế được nhân số tiền người trúng đấu giá đã nộp sau khi trừ các khoản chi phí tổ chức đấu giá.</u></p> <p><u>8. Người trúng đấu giá biển số xe có nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p>a) <u>Nộp đủ số tiền trúng đấu giá trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thông báo kết quả trúng đấu giá; tiền trúng đấu giá không bao gồm lệ phí đăng ký, cấp biển số xe. Sau thời hạn quy định, người trúng đấu giá biển số xe không nộp hoặc nộp không đủ tiền trúng đấu giá thì biển số xe trúng đấu giá được đấu giá lại hoặc chuyển vào hệ thống đăng ký, quản lý xe và người trúng đấu giá không được hoàn trả số tiền đặt trước;</u></p> <p>b) <u>Thực hiện thủ tục đăng ký xe để gắn biển số trúng đấu giá trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp quyết định xác nhận biển số xe trúng đấu giá; trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì thời hạn này được kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 06 tháng. Sau thời hạn quy định, người trúng đấu giá biển số xe không thực hiện thủ tục đăng ký xe để gắn biển số trúng đấu giá thì biển số xe trúng đấu giá được đấu giá lại và người trúng đấu giá không được hoàn trả số tiền trúng đấu giá đã nộp;</u></p> <p>c) <u>Không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế biển số xe trúng đấu giá, trừ trường hợp chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn biển số trúng đấu giá;</u></p> <p>d) <u>Người tham gia đấu giá không xác nhận biên bản đấu giá, người</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p><u>trúng đấu giá không nộp đủ tiền trúng đấu giá thì không được nhận lại tiền đặt trước và không được tham gia đấu giá biển số xe trong thời hạn 12 tháng.</u></p> <p><u>9. Đăng ký xe và biển số xe trúng đấu giá sau khi chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn biển số trúng đấu giá được quản lý, cấp, thu hồi theo quy định tại Điều 38 của Luật này.</u></p> <p><u>10. Số tiền thu được từ đấu giá biển số xe sau khi trừ các khoản chi phí tổ chức đấu giá, chi phí quảng cáo, chi phí quản trị hệ thống đấu giá và chi phí khác được nộp vào ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. 11. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định trình tự, thủ tục đấu giá biển số xe.</u></p>
<p>Điều 34. Cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký và biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đủ các điều kiện sau được cấp mới chứng nhận đăng ký và biển số:</p> <p>a) Chứng nhận nguồn gốc xe theo quy định;</p> <p>b) Chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp;</p> <p>c) Chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.</p> <p>2. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng khi thay đổi chủ xe trong chứng nhận đăng ký phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Đã hoàn thành thủ tục thu hồi đăng ký, biển số;</p> <p>b) Quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp đổi trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Chứng nhận đăng ký, biển số bị mờ, hỏng;</p> <p>b) Cải tạo, thay đổi màu sơn, thay đổi thông tin của chủ xe (tên chủ xe, số định danh cá nhân, địa chỉ), thay đổi mục đích sử dụng;</p> <p>c) Cơ quan đăng ký xe thay đổi cấu trúc biểu mẫu chứng nhận đăng ký, biển số.</p> <p>4. Chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp lại trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Chứng nhận đăng ký, biển số bị mất;</p> <p>b) Chứng nhận đăng ký, biển số hết thời hạn sử dụng.</p> <p>5. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã có Phiếu kiểm tra chất lượng</p>	<p>Điều 34.38. Cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe và biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Việc cấp mới chứng nhận đăng ký xe và biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đều phải đảm bảo các điều kiện sau được cấp mới chứng nhận đăng ký và biển số:</p> <p>a) Chứng nhận nguồn gốc xe theo quy định;</p> <p>b) Chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp;</p> <p>c) Chứng nhận từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.</p> <p>2. Việc đổi chứng nhận đăng ký xe cơ giới, xe máy chuyên dùng khi trong trường hợp thay đổi chủ xe trong chứng nhận đăng ký phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Đã hoàn thành thủ tục <u>Chứng nhận đã được</u> thu hồi đăng ký <u>xe</u>, biển số <u>xe</u>; <u>trường hợp chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trúng đấu giá thì chỉ thu hồi đăng ký xe</u>;</p> <p>b) <u>Quy</u> Các điều kiện quy định tại các điểm b, và điểm c khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chứng <u>Đổi chứng</u> nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp đổi trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Chứng nhận đăng ký <u>xe</u>, biển số <u>xe</u> bị mờ, hỏng;</p> <p>b) Cải tạo, thay đổi màu sơn; thay đổi thông tin của chủ xe (tên chủ xe, số định danh cá nhân, địa chỉ), của chủ xe hoặc thay đổi mục đích sử dụng;</p> <p>c) Cơ quan đăng ký xe thay đổi cấu trúc biểu mẫu chứng nhận đăng ký, biển số <u>xe</u>.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.), Pattern: Clear (White)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Spanish (International Sort), Pattern: Clear

Formatted: Spanish (International Sort), Pattern: Clear

Formatted: Spanish (International Sort), Pattern: Clear

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: Spanish (International Sort)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp biển số và đăng ký tạm thời trong các trường hợp sau:	4. Chứng <u>Cấp lại chứng</u> nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp lại , trong các trường hợp sau:
a) Di chuyển từ nhà máy đến kho cảng hoặc từ kho cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký xe hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác;	a) Chứng nhận đăng ký, biển số xe bị mất;
b) Xe ô tô làm thủ tục thu hồi để tái xuất về nước hoặc chuyển quyền sở hữu;	b) Chứng nhận đăng ký, biển số hết thời hạn sử dụng.
c) Xe đăng ký ở nước ngoài được cơ quan thẩm quyền cho phép, xe ô tô có tay lái bên phải (tay lái nghịch) vào Việt Nam quá cảnh, tạm nhập, tái xuất có thời hạn để tham gia dự hội nghị, hội chợ, triển lãm, thể dục, thể thao, du lịch; trừ trường hợp xe không phải cấp biển số tạm thời theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật này;	5. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp biển số và đăng ký tạm thời trong các trường hợp sau:
d) Xe tạm nhập, tái xuất hoặc xe sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam;	a) Địa <u>Đã có chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng để di</u> chuyển từ nhà máy đến kho cảng hoặc từ kho cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký xe hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác;
đ) Xe phục vụ các sự kiện do Đảng, Nhà nước tổ chức.	b) Xe ô tô làm thủ tục thu hồi để tái xuất về nước hoặc chuyển quyền sở hữu;
6. Thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, trong các trường hợp sau:	e) Xe xe <u>phù tục thu hồi để tái xuất về nước hoặc chuyển</u> , đăng ký tục thu hồi để tái xuất về nước hoặc chuyển q <u>đ</u> bao gkỷ tu xe ô tô có tay lái bên phải để tái xuất về nưvào Việt Nam quá cảnh, tạm nhập, tái xuất có thời hạn để tham gia dự hội nghị, hội chợ, triển lãm, thể dục, thể thao, du lịch; trừ trường hợp xe không phải cấp biển số tạm thời theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7054 <u>Lu</u> tay lái
a) Chuyển quyền sở hữu trong chứng nhận đăng ký; hết thời hạn tạm nhập hoặc làm thủ tục nhập khẩu hoặc hết thời hạn đăng ký tại các khu kinh tế - thương mại đặc biệt, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế theo quy định;	d) Xe tạm nhập, tái xuất hoặc xe sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam; đ) Xe phục vụ các sự kiện do Đảng, Nhà nước tổ chức; c) Xe chạy thử nghiệm thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 41 Luật này.
b) Không còn đủ điều kiện an toàn tham gia giao thông, không còn nhu cầu tham gia giao thông, việc cấp, đăng ký biển số vi phạm quy định của pháp luật;	6. Thu <u>Các trường hợp thu</u> hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, trong các trường hợp sau <u>bao gồm</u> :
c) Xe cơ giới hết niên hạn sử dụng theo quy định.	a) Chuyển quyền sở hữu trong chứng nhận đăng ký; hết, trừ trường hợp chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trúng đấu giá;
7. Số biển số xe được cấp và quản lý theo mã định danh của chủ xe là cá nhân, tổ chức; trường hợp tổ chức chưa có mã định danh điện tử thì quản lý theo mã số thuế hoặc quyết định thành lập (sau đây gọi là biển số định danh).	b) Hết thời hạn tạm nhập hoặc làm thủ tục nhập khẩu hoặc hết thời hạn
a) Trường hợp xe hết niên hạn sử dụng, hư hỏng hoặc chuyển quyền sở hữu xe thì biển số định danh của chủ xe được giữ lại trong thời hạn 5 năm để đăng ký cho xe khác thuộc sở hữu của mình; quá thời hạn nêu trên chủ xe chưa đăng ký cho xe khác thì biển định danh đó bị cơ quan đăng ký xe thu hồi, nhập vào kho biển số để đăng ký, cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định;	
b) Trường hợp chủ xe có thay đổi thông tin về trụ sở, nơi thường trú,	

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Spanish (International Sort), Pattern: Clear

Formatted: Spanish (International Sort)

Formatted: English (U.S.), Pattern: Clear (White)

Formatted

Formatted: Default Paragraph Font, Font: 14 pt, Spanish (International Sort)

Formatted: Default Paragraph Font, Font: 14 pt, Spanish (International Sort)

Formatted: Default Paragraph Font, Font: 14 pt, Spanish (International Sort)

Formatted: Normal

Formatted: Default Paragraph Font, Font: 14 pt, Spanish (International Sort)

Formatted: Default Paragraph Font, Font: 14 pt, Spanish (International Sort)

Formatted: Default Paragraph Font, Font: 14 pt, Spanish (International Sort)

Formatted

Formatted

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>tạm trú thì được giữ lại số biển số định danh.</p> <p>8. Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn biển số xe; trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và hoạt động của phương tiện giao thông thông minh.</p> <p>9. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn biển số xe; trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và hoạt động của phương tiện giao thông thông minh do Bộ Quốc phòng quản lý.</p>	<p>đăng ký tại các khu kinh tế - thương mại đặc biệt, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế theo quy định;</p> <p>bc) Không còn đủ điều kiện an toàn tham gia giao thông, không còn nhu cầu tham gia giao thông; việc cấp, đăng ký, cấp biển số vi phạm quy định của pháp luật;</p> <p>ed) Xe cơ giới hết niên hạn sử dụng theo quy định.</p> <p>7. Số biển số xe được cấp và quản lý theo mã định danh của chủ xe là cá nhân, tổ chức; trường hợp tổ chức chưa có mã định danh điện tử thì quản lý theo mã số thuế hoặc quyết định thành lập (sau đây gọi là biển số định danh).</p> <p>a) Trường hợp xe hết niên hạn sử dụng, hư hỏng hoặc chuyển quyền sở hữu xe thì biển số định danh của chủ xe được giữ lại trong thời hạn 5 năm để đăng ký cho xe khác thuộc sở hữu của mình; quá thời hạn nêu trên chủ xe chưa đăng ký cho xe khác thì biển định danh đó bị cơ quan đăng ký xe thu hồi, nhập vào kho biển số để đăng ký, cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định;</p> <p>b) Trường hợp chủ xe có thay đổi thông tin về trụ sở, nơi thường trú, tạm trú thì được giữ lại số biển số định danh.</p> <p>8. Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn biển số xe; trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và hoạt động của phương tiện giao thông thông minh do Bộ Quốc phòng quản lý.</p> <p>9. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn biển số xe; trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và hoạt động của phương tiện giao thông thông minh do Bộ Quốc phòng quản lý.</p>
<p>Điều 37. Niên hạn sử dụng của xe cơ giới</p> <p>1. Niên hạn sử dụng của xe được tính bắt đầu từ năm sản xuất xe đến hết ngày 31 tháng 12 của năm hết niên hạn sử dụng.</p> <p>Không áp dụng niên hạn sử dụng đối với: xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô con, xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và phương tiện của Công an, Quân đội phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng.</p>	<p>Điều 37-39. Niên hạn sử dụng của xe cơ giới</p> <p>1. Niên hạn sử dụng của xe <u>cơ giới</u> được tính bắt đầu từ năm sản xuất xe đến hết ngày 31 tháng 12 của năm hết niên hạn sử dụng.</p> <p>Không áp dụng niên hạn sử dụng đối với: xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô con, xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và phương tiện của Công an, Quân đội phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: English (U.S.), Pattern: Clear (White)

Formatted: Font: Not Bold, Pattern: Clear

Formatted: Font: Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>2. Niên hạn sử dụng của xe cải tạo thực hiện theo quy định sau:</p> <p>a) Xe có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe không có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe trước khi cải tạo;</p> <p>b) Xe không có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe sau khi cải tạo;</p> <p>c) Xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 10 người trở lên (kể cả người lái), xe ô tô chở người chuyên dùng cải tạo thành xe ô tô chở hàng (kể cả xe ô tô chở hàng chuyên dùng); xe chở người bốn bánh có gắn động cơ cải tạo thành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thì được áp dụng niên hạn sử dụng niên hạn của xe sau cải tạo.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới.</p>	<p>2. Niên hạn sử dụng của xe cải tạo thực hiện theo<u>độc</u> quy định sau:</p> <p>a) Xe có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe không có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe trước khi cải tạo;</p> <p>b) Xe không có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe sau khi cải tạo;</p> <p>c) Xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 10 người trở lên (kể cả người lái), xe ô tô chở người chuyên dùng cải tạo thành xe ô tô chở hàng (kể cả xe ô tô chở hàng chuyên dùng); xe chở người bốn bánh có gắn động cơ cải tạo thành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thì được áp dụng niên hạn sử dụng niên hạn của xe sau cải tạo.</p> <p><u>3. Các trường hợp xe cơ giới không áp dụng niên hạn sử dụng, bao gồm:</u></p> <p><u>a) Xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc;</u></p> <p><u>b) Xe cơ giới của quân đội, công an phục vụ mục đích phòng, an ninh.</u></p> <p><u>4. Chính phủ quy định chi tiết niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới.Điều này.</u></p>
<p>Điều 35. Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp</p> <p>1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu phải được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (trừ xe và phụ tùng sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu; nhập khẩu không để tham gia giao thông đường bộ gồm: nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất, trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm thương mại).</p> <p>2. Việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm tổ chức thực hiện bao gồm: kiểm tra, thử nghiệm an toàn và khí thải của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và phụ tùng xe cơ giới, mức sử dụng năng lượng của xe cơ giới; công nhận và chỉ định cơ sở thử nghiệm, chứng nhận; kiểm tra, đánh giá, giám sát việc bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, triệu hồi sản phẩm của cơ sở nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp.</p> <p>3. Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp.</p>	<p>Điều 35.40 35.40. Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp</p> <p>1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu 1. <u>Đối tượng phải được chứng nhận bảo đảm</u> chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (, bao gồm:</p> <p><u>a) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, trừ xe để nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất, trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm thương mại;</u></p> <p><u>b) Loại phụ tùng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu; và nhập khẩu không thuộc danh mục sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, trừ trường hợp để tham gia giao thông đường bộ gồm:</u> nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất, trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm thương mại);</p> <p>2. Việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm tổ chức thực hiện bao gồm: <u>kiểm</u></p> <p><u>a) Kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng</u> an toàn <u>kỹ thuật</u> và <u>khí</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ giới trong nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp.</p> <p>5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các quy định liên quan đến sản xuất lắp ráp, nhập khẩu xe cơ giới, xe máy chuyên dùng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.</p>	<p>thải<u>bảo vệ môi trường</u> của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và phụ tùng xe cơ giới, mức sử dụng<u>tiêu thụ</u> năng lượng của xe cơ giới; eăng<u>b) Công</u> nhận và chỉ định cơ sở thử nghiệm, chứng nhận; kiểm<u>c) Kiểm</u> tra, đánh giá, giám sát việc bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, <u>bảo hành, bảo dưỡng</u>, triệu hồi sản phẩm của cơ sở nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp.</p> <p><u>33. Việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp do đăng kiểm viên thực hiện và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng nhận theo quy định. Đăng kiểm viên là người được cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng nhận, kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.</u></p> <p><u>4. Việc thừa nhận chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của nước ngoài đối với xe cơ giới, phụ tùng xe cơ giới được thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</u></p> <p><u>5. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới; chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm hàng hóa do mình nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và việc bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và triệu hồi sản phẩm theo quy định của Chính phủ.</u></p> <p><u>6. Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp.</u></p> <p><u>4.7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới; quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ giới trong nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên.</u></p> <p>5.8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an <u>ban hành các</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>quy định liên quan đến sản xuất lắp ráp, nhập khẩu về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp sử dụng vào mục đích quốc tế Bộ Quốc phòng, Bộ Công an <u>nhinh-quân lý</u>.</p>
<p>Điều 36. Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng tham gia giao thông công cộng phải được kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng nếu có giấy tờ về chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm phương tiện hoặc Phiếu (hoặc giấy chứng nhận) kiểm tra xuất xưởng của nhà sản xuất thì không phải kiểm định trong trường hợp di chuyển từ cửa khẩu, từ nơi sản xuất, lắp ráp tới kho, cảng, cửa hàng hoặc ngược lại.</p> <p>3. Xe mô tô, xe gắn máy phải kiểm định về khí thải; việc kiểm định khí thải được thực hiện tại các trạm kiểm định khí thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông.</p> <p>4. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được quy định tại khoản 1 Điều này do đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm thực hiện và được cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận đăng kiểm theo quy định. Đăng kiểm viên là người được cấp chứng chỉ để thực hiện công tác chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới; kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. Đăng kiểm viên gồm: Đăng kiểm viên thử nghiệm, Đăng kiểm viên chất lượng, Đăng kiểm viên kiểm định.</p> <p>5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm kiểm tra khí thải xe mô tô, xe gắn máy; quy định về trình tự, thủ tục đề cấp, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên; quy định trình tự, thủ tục đánh giá và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho trạm kiểm tra khí thải xe mô tô, xe gắn máy, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo, kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe cơ giới; quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với xe cơ giới thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu</p>	<p>Điều 36.41. Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng tham gia giao thông công cộng <u>đường bộ</u> phải được kiểm định <u>an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường</u> theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Xe cơ giới (trừ <u>Việc kiểm định đối với</u> xe mô tô, xe gắn máy); <u>chỉ thực hiện kiểm định khí thải. Việc kiểm định khí thải thực hiện theo quy định của pháp luật về môi trường được thực hiện tại các cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.</u></p> <p>3. <u>Xe cơ giới</u>, xe máy chuyên dùng <u>nếu có giấy tờ về</u> chứng nhận <u>về</u> an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ <u>quansở</u> đăng kiểm phương tiện hoặc <u>Phiếu (hoặc giấy chứng nhận) về</u> kiểm tra xuất xưởng của nhà sản xuất thì không phải kiểm định trong trường hợp di chuyển từ cửa khẩu, từ nơi sản xuất, lắp ráp tới kho, cảng, cửa hàng hoặc ngược lại.</p> <p>3. <u>Xe mô tô, xe gắn máy phải</u> 4. <u>Việc chứng nhận</u> kiểm định <u>về khí thải; việc kiểm định khí thải được thực hiện tại các trạm kiểm định khí thải đáp ứng quy chuẩn an toàn kỹ thuật quốc gia. Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với và bảo vệ môi trường của xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông.</u></p> <p>4. <u>Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được quy định tại khoản 1 Điều này</u> do đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm thực hiện và được cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận <u>đăng kiểm</u> định theo quy định. <u>Đăng kiểm viên là người được cấp chứng chỉ để thực hiện công tác chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới; kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. Đăng kiểm viên gồm: Đăng kiểm viên thử nghiệm, Đăng kiểm viên chất lượng, Đăng kiểm viên kiểm định.</u></p> <p>5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải <u>ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm kiểm tra khí thải xe mô tô, xe gắn máy</u>; quy định về trình tự, thủ tục <u>kiểm tra, đánh giá</u> để cấp <u>mới</u>, cấp lại, tạm đình chỉ <u>hoạt động</u>, thu hồi <u>giấy</u> chứng <u>nhận</u> đủ điều kiện hoạt động <u>kiểm định xe cơ giới</u></p>

- Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: Not Bold
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Bold, Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Finnish
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Vietnamese, Strikethrough
- Formatted: Font: Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>cầu tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các quy định liên quan đến xe cơ giới, xe máy chuyên dùng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.</p>	<p><u>của cơ sở</u> đăng kiểm <u>viên; quy định trình tự, thủ tục đánh giá và xe cơ giới, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho trạm kiểm tra khí thải xe mô tô, xe gắn máy;</u> chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; kiểm định, <u>miễn kiểm định lần đầu cho</u> xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe <u>mô tô, xe gắn máy; ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông; quy định về giới hạn kích thước, giới hạn tải trọng đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;</u> quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với xe cơ giới, <u>xe máy chuyên dùng</u> thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an <u>ban hành các</u> quy định <u>liên quan đến về trình tự, thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường</u> xe cơ giới, xe máy chuyên dùng <u>sử dụng vào mục đích quốc tế, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an</u> <u>ninh-quản lý.</u></p>
<p>Điều 38. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; cơ sở đăng kiểm; trách nhiệm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng</p> <p>1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; cơ sở đăng kiểm</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới; chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm hàng hóa do mình thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và phải bảo đảm tổ chức thực hiện việc bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và triệu hồi sản phẩm;</p> <p>b) Cơ sở đăng kiểm chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới.</p> <p>2. Trách nhiệm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều</p>	<p>Điều 38.42. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; cơ sở đăng kiểm; trách nhiệm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng</p> <p>1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp; cơ sở đăng kiểm</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp có 1. Cơ sở đăng kiểm là tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được tổ chức, hoạt động theo quy định Chính phủ.</p> <p><u>Cơ sở đăng kiểm chịu</u> trách nhiệm <u>tuân thủ các quy định pháp luật</u> về <u>kết quả</u> kiểm tra, <u>thử nghiệm, chứng nhận chất lượng kiểm định</u> an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, <u>phụ tùng xe cơ giới; chịu trách nhiệm; từ chối kiểm định phương tiện khi chủ phương tiện chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</u> về <u>chất lượng sản phẩm hàng hóa do mình thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp và phải bảo đảm tổ chức thực hiện giải quyết vụ việc bảo vệ phạm</u> hành, <u>bảo dưỡng xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp</u></p>

- Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt
- Formatted: Font: Finnish
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Finnish
- Formatted: Font: Finnish
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Finnish
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: Vietnamese
- Formatted: Font: Vietnamese, Pattern: Clear (White)
- Formatted: Font: Vietnamese, Pattern: Clear (White)
- Formatted: Font: Vietnamese, Pattern: Clear (White)
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: English (U.S.)
- Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)
- Formatted: Font: Portuguese (Brazil)
- Formatted: Font: Portuguese (Brazil)
- Formatted: Font: Portuguese (Brazil)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>khiến xe cơ giới, xe máy chuyên dùng</p> <p>a) Chấp hành các quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;</p> <p>b) Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe tiếp tục chịu trách nhiệm của chủ xe khi chưa thực hiện thu hồi đăng ký, biển số đối với trường hợp phải thu hồi theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Luật này;</p> <p>d) Chấp hành các quy định của pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ.</p>	<p>ráp và triệu hồi sản phẩm;</p> <p>b) Cơ sở đăng kiểm chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới chính.</p> <p>2. Trách nhiệm của chủ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng</p> <p>a) Chấp hành các quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; <u>theo quy định;</u></p> <p>b) Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe tiếp tục chịu trách nhiệm của chủ xe khi chưa thực hiện thu hồi đăng ký, biển số đối với trường hợp phải thu hồi theo quy định tại khoản 6 Điều <u>3438</u> Luật này;</p> <p>d) <u>Tổ chức, cá nhân vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông thì chưa đăng ký, đăng kiểm phương tiện vi phạm; sau khi chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông thì được đăng ký, đăng kiểm phương tiện đó theo quy định;</u></p> <p><u>đ)</u> Chấp hành các quy định <u>khác</u> của pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ.</p>
<p>Điều 43. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường bộ trong đô thị</p> <p>1. Xe buýt, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải chạy đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng, đỗ đúng nơi quy định.</p> <p>2. Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi đón, trả khách.</p> <p>3. Xe chở hàng phải hoạt động theo đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe.</p> <p>4. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải, vật liệu rời phải được</p>	<p>Điều 43. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông <u>đối với phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị</u></p> <p>1. Xe buýt, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải chạy đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng, đỗ đúng nơi quy định.</p> <p>2. Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định về <u>bảo đảm trật tự</u>, an toàn giao thông <u>đường bộ</u> khi đón, trả khách.</p> <p>3. Xe chở hàng phải hoạt động theo đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe.</p> <p>4. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải, vật liệu rời phải được</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Portuguese (Brazil)

Formatted: Finnish

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>che phủ kín không để rơi, vãi trên đường phố và có thời gian hoạt động theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng cho người khuyết tật trong đô thị.</p>	<p>che phủ kín, không để rơi, vãi trên đường phố và có thời gian hoạt động theo quy định của Ủy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng <u>có thiết bị hỗ trợ</u> cho người khuyết tật trong đô thị.</p>
<p>Điều 57. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hành khách bằng xe ô tô</p> <p>Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe vận chuyển hành khách phải thực hiện các quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đón, trả hành khách đúng nơi quy định; hướng dẫn sử dụng trang thiết bị an toàn trên xe; có biện pháp giữ gìn vệ sinh trong xe. Vận chuyển hành khách đúng lịch trình, lộ trình đã đăng ký, trừ trường hợp bất khả kháng. Không chở hành khách trên nóc xe, trong khoang chờ hành lý hoặc để hành khách đu, bám bên ngoài xe. Không chở hàng nguy hiểm, hàng cấm, hàng lậu, động thực vật hoang dã, hàng có mùi hôi thối hoặc động vật, hàng hóa khác có ảnh hưởng đến sức khỏe của hành khách, môi trường. Không chở hành khách, hành lý, hàng hóa vượt quá trọng tải, số người theo quy định. Không chở hàng hóa trong khoang chờ hành khách. 	<p>Điều 57.44 57.44. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong đối với xe ô tô vận chuyển hành khách</p> <p>1. Khi vận chuyển hành khách bằng xe ô tô</p> <p>Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe vận chuyển hành khách phải thực hiện tuân thủ các quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đón, trả hành khách đúng nơi quy định; hướng dẫn sử dụng trang thiết bị an toàn trên xe; có biện pháp giữ gìn vệ sinh trong xe. Vận chuyển hành khách đúng lịch trình, lộ trình đã đăng ký, trừ trường hợp bất khả kháng. Không chở hành khách trên nóc xe, trong khoang chờ hành lý hoặc để hành khách đu, bám bên ngoài xe. Không chở hàng nguy hiểm, hàng cấm, hàng lậu, động thực vật hoang dã, hàng có mùi hôi thối hoặc động vật, hàng hóa khác có ảnh hưởng đến sức khỏe của hành khách, môi trường. Không chở hành khách, hành lý, hàng hóa vượt quá trọng tải, số người theo quy định. Không chở hàng hóa trong khoang chờ hành khách. <p>2. Người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển hành khách có các trách nhiệm sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này; Trước khi cho xe khởi hành phải kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe, hướng dẫn cho hành khách về an toàn giao thông và thoát hiểm khi gặp sự cố; Kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý, hàng hóa bảo đảm an toàn; Giữ gìn trật tự, vệ sinh trong xe; Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cơ quan Công an trong công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; Thực hiện các quy tắc giao thông khác được quy định trong Luật này.

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Merged Cells

Formatted Table

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>Điều 58. Trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển hành khách</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trước khi cho xe khởi hành phải kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe, hướng dẫn cho hành khách về an toàn giao thông và thoát hiểm khi gặp sự cố, yêu cầu hành khách thắt dây đai an toàn. 2. Kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý, hàng hóa bảo đảm an toàn. 3. Giữ gìn trật tự, vệ sinh trong xe. 	<p>Điều 58. Trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển hành khách</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trước khi cho xe khởi hành phải kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe, hướng dẫn cho hành khách về an toàn giao thông và thoát hiểm khi gặp sự cố, yêu cầu hành khách thắt dây đai an toàn. 2. Kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý, hàng hóa bảo đảm an toàn. 3. Giữ gìn trật tự, vệ sinh trong xe.
<p>Điều 46. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe ô tô đưa đón học sinh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xe ô tô đưa đón học sinh phải đáp ứng các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định, có niên hạn sử dụng không quá 15 năm, có thiết bị đèn cảnh báo hoặc đăng ký màu sơn để nhận diện; b) Xe ô tô sử dụng để đưa đón học sinh tiểu học hoặc mầm non phải có dây đai an toàn phù hợp với lứa tuổi hoặc phải sử dụng xe có ghế ngồi phù hợp với lứa tuổi học 2. Khi đưa đón học sinh tiểu học và mầm non phải bố trí tối thiểu 01 người quản lý trên mỗi xe ô tô để hướng dẫn, giám sát, duy trì trật tự và bảo đảm an toàn cho học sinh trong suốt chuyến đi. Trường hợp sử dụng xe ô tô có sức chứa trên 24 chỗ để đưa đón học sinh mầm non, phải bố trí tối thiểu 02 người quản lý trên mỗi xe ô tô. 3. Cơ sở giáo dục, đào tạo phải xây dựng, tập huấn cho cho lái xe và người quản lý học sinh nắm vững và thực hiện đúng quy trình bảo đảm an toàn khi đưa đón học sinh. 4. Cơ sở giáo dục, đào tạo khi tổ chức hoạt động đưa, đón học sinh chịu trách nhiệm về việc đón, trả học sinh của đơn vị mình bảo đảm an toàn giao thông. 5. Xe đưa đón học sinh được ưu tiên trong tổ chức, phân luồng, điều tiết giao thông, bố trí nơi dừng, đỗ tại khu vực trường học và tại các điểm trên lộ trình đưa đón học sinh. 	<p>Điều 46.45. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe ô tô đưa đón học sinh, trẻ em mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xe ô tô đưa đón kinh doanh vận tải chở học sinh, trẻ em mầm non phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 và bảo vệ môi trường theo quy định, khoản 2 Điều 35 của Luật này; có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; có thiết bị đèn cảnh báo hoặc đăng ký màu sơn để nhận diện theo quy định của Chính phủ; b) Xe ô tô sử dụng để đưa đón học sinh tiểu học hoặc trẻ em mầm non phải có dây đai an toàn phù hợp với lứa tuổi hoặc phải sử dụng xe có ghế ngồi phù hợp với lứa tuổi học sinh. 2. Xe ô tô kinh doanh vận tải kết hợp với hoạt động đưa đón học sinh, trẻ em mầm non phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 10, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 của Luật này. 3. Khi đưa đón học sinh tiểu học và trẻ em mầm non phải bố trí tối thiểu 01 người quản lý trên mỗi xe ô tô để hướng dẫn, giám sát, duy trì trật tự và bảo đảm an toàn cho học sinh, tiểu học, trẻ em mầm non trong suốt chuyến đi. Trường hợp sử dụng xe ô tô có sức chứa trên 24 chỗ để đưa đón và chở trên 29 học sinh tiểu học và trẻ em mầm non, phải bố trí tối thiểu 02 người quản lý trên mỗi xe ô tô. 3.4. Lái xe ô tô đưa đón học sinh, trẻ em mầm non phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm lái xe vận tải hành khách. 5. Cơ sở giáo dục, đào tạo phải xây dựng, tập huấn cho cho lái xe và người quản lý học sinh, trẻ em mầm non nắm vững và thực hiện đúng quy trình bảo đảm an toàn khi đưa đón học sinh. 4. Cơ sở giáo dục, đào tạo khi tổ chức hoạt động đưa, đón học sinh, trẻ

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Bold

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p><u>em mầm non</u>; chịu trách nhiệm <u>về việc đón, trả học sinh của đơn vị mình</u> bảo đảm <u>trật tự</u>, an toàn giao thông <u>đường bộ khi tổ chức đưa đón học sinh, trẻ em mầm non của đơn vị mình</u>.</p> <p><u>5-6</u>. Xe đưa đón học sinh, <u>trẻ em mầm non</u> được ưu tiên trong tổ chức, phân luồng, điều tiết giao thông, bố trí nơi dừng, đỗ tại khu vực trường học và tại các điểm trên lộ trình đưa đón học sinh.</p>
<p>Điều 44. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự</p> <p>1. Xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải bảo đảm các quy định về quản lý và trật tự, an toàn giao thông.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn địa phương.</p>	<p>Điều 44.46. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe <u>thô sơ mô tô</u>, xe gắn máy, xe <u>mô tô hai bánh, thô sơ</u></p> <p>1. Việc sử dụng xe mô tô <u>ba bánh và các loại xe tương tự</u></p> <p><u>1. Xe thô sơ</u>, xe gắn máy, xe <u>mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự</u> <u>thô sơ</u> để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải <u>bảo đảm thực hiện</u> các quy định <u>về quản lý và trật tự, sau đây</u>:</p> <p><u>a) Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi tham gia giao thông;</u></p> <p><u>b) Khi vận chuyển hàng hóa, lái xe phải mang giấy tờ theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>c) Kiểm tra việc sắp xếp hàng hóa bảo đảm an toàn; không chở quá số người theo quy định, chở quá khối lượng hàng hoá cho phép hoặc vượt quá khổ giới hạn của xe;</u></p> <p><u>d) Hàng vận chuyển trên xe phải được xếp đặt gọn gàng và chằng buộc chắc chắn, bảo đảm không gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông; không cản trở tầm nhìn của lái xe; không được che khuất đèn, biển số xe;</u></p> <p><u>đ) Khi vận chuyển hàng rời, vật liệu xây dựng, phế thải không để rơi vãi xuống đường hoặc gây ra tiếng ồn, bụi bẩn trong suốt quá trình vận chuyển trên đường;</u></p> <p><u>e) Khi xếp hàng hoá vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu đỏ tại điểm đầu và điểm cuối cùng của hàng hoá, khi xe hoạt động vào ban đêm hoặc khi trời tối phải đèn hoặc báo hiệu cho người tham gia giao thông nhận biết.</u></p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về sử dụng xe <u>thô sơ mô tô</u>, xe gắn máy, xe <u>mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự</u> <u>thô sơ</u> để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn địa phương.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>Điều 45. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ</p> <p>1. Xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Đăng ký, gắn biển số, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;</p> <p>b) Lắp thiết bị giám sát hành trình, niêm yết tên và số điện thoại của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định;</p> <p>c) Bảo đảm đúng thời gian và phạm vi hoạt động.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về thời gian, phạm vi hoạt động, trình tự, thủ tục cho phép hoạt động vận chuyển khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chờ hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn địa phương.</p>	<p>Điều 45.47. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong đối với xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ</p> <p>1. Xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) ĐăngĐược cấp chứng nhận đăng ký, và gắn biển số, kiểm định; bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;</p> <p>b) Lắp thiết bị giám sát hành trình, niêm yếtNiêm yết tên và số điện thoại của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải theo quy định; niêm yết giá cước vận tải đối với vận chuyển hành khách;</p> <p>c) Bảo đảm đúng thời gian và phạm vi hoạt động.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về thời gian, phạm vi hoạt động, trình tự, thủ tục cho phép hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chờ hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàntại địa phương.</p>
<p>Điều 39. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô</p> <p>Lái xe vận chuyển hàng hoá bằng xe ô tô phải thực hiện các quy định sau đây:</p> <p>1. Hàng vận chuyển trên xe phải được xếp đặt gọn gàng và chằng buộc chắc chắn, bảo đảm không gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông; không cản trở tầm nhìn của lái xe, làm mất thăng bằng của xe hoặc làm khó điều khiển xe; không được che khuất đèn, biển số đăng ký của xe.</p> <p>2. Khi vận chuyển hàng rời, vật liệu xây dựng, phế thải phải che đậy kín, không để rơi vãi xuống đường hoặc gây ra tiếng ồn, bụi bẩn trong suốt quá trình vận chuyển trên đường và chiều cao tối đa của hàng phải thấp hơn mép trên thành thùng xe tối thiểu 10 cm.</p> <p>3. Khi xếp hàng hoá vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu đỏ tại điểm đầu và điểm cuối cùng của hàng hoá, khi xe hoạt động vào ban đêm hoặc khi trời tối phải có đèn đỏ báo hiệu.</p> <p>Điều 59. Trách nhiệm của người lái xe vận chuyển hàng hoá bằng xe ô tô</p>	<p>Điều 39.48. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô</p> <p>Lái xe1. Khi vận chuyển hàng hoá bằng xe ô tô, người lái xe phải thực hiện các quy định sau đây:</p> <p>1.a) Mang đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi tham gia giao thông;</p> <p>c) Kiểm tra việc sắp xếp hàng hóa bảo đảm an toàn; không chở quá khối lượng hàng hoá cho phép hoặc vượt quá khổ giới hạn của xe;</p> <p>d) Hàng vận chuyển trên xe phải được xếp đặt gọn gàng và, chằng buộc chắc chắn, bảo đảm không gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông; không cản trở tầm nhìn của lái xe, làm mất thăng bằng của xe hoặc làm khó điều khiển xe; không được che khuất đèn, biển số đăng ký của xebảo đảm an toàn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.</p> <p>2.d)đ) Khi vận chuyển hàng rời, vật liệu xây dựng, phế thải phải che đậy kín, không để rơi vãi xuống đường hoặc gây ra tiếng ồn, bụi bẩn trong suốt quá trình vận chuyển trên đường và chiều cao tối đa của hàng phải thấp hơn mép trên thành thùng xe tối thiểu 10 cm;</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: Spanish (International Sort)

Formatted: Font: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Bold, Finnish

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>1. Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi tham gia giao thông.</p> <p>2. Khi vận chuyển hàng hóa, lái xe phải mang giấy tờ theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Kiểm tra việc sắp xếp hàng hóa bảo đảm an toàn; không chở quá khối lượng hàng hoá cho phép hoặc vượt quá khổ giới hạn của xe.</p>	<p>3-e) Khi xếp hàng hoá vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu đỏ để nhân diện tại điểm đầu và điểm cuối cùng của hàng hoá, khi xe hoạt động vào ban đêm hoặc khi trời tối phải có đèn đỏ báo hiệu.</p> <p>Điều 59. Trách nhiệm của người lái xe vận chuyển hàng hoá bằng xe ô tô</p> <p>1. Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi tham gia. <u>Lực lượng Cảnh sát giao thông-</u></p> <p>2. Khi vận chuyển hàng hóa, lái xe phải mang giấy tờ theo quy định của chịu trách nhiệm tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật-</p> <p>3. Kiểm tra việc sắp xếp hàng hóa bảo đảm về trật tự, an toàn; không giao thông đường bộ đối với xe chở hàng quá khối lượng hàng hoá cho phép hoặc vượt quá khổ giới hạn của xe.tải lưu hành trên đường bộ.</p>
<p>Điều 41. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển động vật sống</p> <p>Phương tiện vận chuyển động vật sống phải bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>1. Có kết cấu phù hợp với loại động vật chuyên chở.</p> <p>2. Chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, vệ sinh dịch tễ, phòng dịch và bảo đảm vệ sinh môi trường.</p>	<p>Điều 41.49. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong đối với phương tiện vận chuyển động vật sống, thực phẩm tươi sống</p> <p>Phương tiện<u>1. Việc</u> vận chuyển động vật sống phải bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>1-Có a) Người lái xe phải mang đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật; <u>b) Phương tiện vận chuyển phải có</u> kết cấu phù hợp với loại động vật chuyên chở;</p> <p>2-Chấp c) Trong quá trình vận chuyển phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, vệ sinh dịch tễ, phòng dịch và bảo đảm vệ sinh môi trường.</p> <p><u>2. Việc vận chuyển thực phẩm tươi sống phải bảo đảm các yêu cầu sau:</u></p> <p><u>a) Người lái xe phải mang đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>b) Trong quá trình vận chuyển phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, an toàn thực phẩm, vệ sinh dịch tễ, phòng dịch và bảo đảm vệ sinh môi trường.</u></p>
<p>Điều 42. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hàng nguy hiểm</p> <p>1. Hàng nguy hiểm là hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm khi chở trên đường có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia.</p> <p>2. Việc vận chuyển hàng nguy hiểm phải có giấy phép do cơ quan nhà</p>	<p>Điều 42.50. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong đối với phương tiện vận chuyển hàng hoá nguy hiểm</p> <p>1. Hàng <u>hóa</u> nguy hiểm là hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm khi chở trên đường có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia.</p> <p>2. Việc vận chuyển hàng <u>hoá</u> nguy hiểm phải có giấy phép <u>do cơ quan</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Not Bold, Finnish

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: Finnish

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật; trong trường hợp cần thiết, đơn vị vận chuyển hàng nguy hiểm phải bố trí người áp tải để bảo đảm an toàn giao thông.</p> <p>3. Xe vận chuyển hàng nguy hiểm phải lắp thiết bị giám sát hành trình, camera bảo đảm giám sát người lái xe, phía trước và phía sau xe theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng nguy hiểm phải có chứng nhận chuyên môn về vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định.</p> <p>5. Chính phủ quy định về danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép.</p>	<p>nhà nước có thẩm quyền cấp vận chuyển theo quy định của pháp luật Chính phủ; trong trường hợp cần thiết, đơn vị vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải bố trí người áp tải để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>3. Xe ô tô vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải dán nhãn, biểu trưng nhân diện hàng hóa nguy hiểm; lắp thiết bị giám sát hành trình, camera bảo đảm giám sát người lái xe, phía trước và phía sau xe đèn, tín hiệu cảnh báo theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng nguy hiểm phải có chứng nhận chuyên môn được tập huấn về vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định.</p> <p>5.5. Cơ quan cấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có trách nhiệm gửi thông báo ngay đến cơ quan Cảnh sát giao thông Bộ Công an và cơ quan Cảnh sát giao thông nơi có tuyến đường mà phương tiện đi qua để chỉ huy, điều khiển giao thông, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định.</p> <p>6. Chính phủ quy định về danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.</p>
<p>Điều 47. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe quá khổ giới hạn của đường bộ, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ</p> <p>1. Xe quá khổ giới hạn của đường bộ là xe cơ giới có một trong các kích thước bao ngoài kể cả hàng hóa xếp trên xe (nếu có) vượt quá kích thước tối đa cho phép khi tham gia giao thông trên đường bộ.</p> <p>2. Xe quá tải trọng là xe cơ giới có khối lượng toàn bộ hoặc có khối lượng toàn bộ phân bổ lên trục xe vượt quá tải trọng khai thác của đường bộ.</p> <p>3. Việc sử dụng xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích để vận chuyển hàng hoá trên đường bộ được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Khi các phương án vận chuyển hàng hoá bằng đường sắt, đường thủy, đường biển hoặc phương thức vận tải khác không thể thực hiện được;</p>	<p>Điều 47.51. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe quá khổ giới hạn của đường bộ, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ</p> <p>1. Xe quá khổ giới hạn của đường bộ là xe bao gồm:</p> <p>a) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có một trong các kích thước bao ngoài kể cả hàng hóa xếp trên xe (nếu có) vượt quá kích thước tối đa giới hạn cho phép khi tham của xe theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giao thông trên đường bộ về xe cơ giới;</p> <p>b) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có kích thước bao ngoài quá khổ giới hạn của đường bộ;</p> <p>c) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng khi chở hàng có kích thước bao ngoài của xe và hàng vượt quá kích thước giới hạn của xe hoặc quá khổ giới hạn của đường bộ.</p> <p>2. Xe quá tải trọng là xe bao gồm:</p> <p>a) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có khối lượng toàn bộ hoặc vượt quá</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Finnish

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: single

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: single

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>b) Di chuyển xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng từ ga, cảng và các địa điểm nhập khẩu, chế tạo, sửa chữa, bảo trì đến nơi sử dụng phương tiện theo quy định và ngược lại hoặc giữa các địa điểm sử dụng phương tiện theo quy định;</p>	<p><u>khối lượng cho phép của xe hoặc của đường bộ;</u> <u>b) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có khối lượng toàn bộ phân bổ lên trục xe, cum trục xe vượt quá tải trọng của trục xe, cum trục xe hoặc vượt quá tải trọng khai thác của đường bộ;</u></p>
<p>c) Xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng trên đường bộ phải được đăng ký, đăng kiểm theo quy định của pháp luật;</p>	<p><u>3. Việc sử dụng cấp phép, lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích để vận chuyên hàng hoá trên đường bộ được thực hiện trong các trường hợp sau:</u></p>
<p>d) Khi xe bánh xích không thể vận chuyên trên đường bộ bằng phương tiện vận tải khác, thì được phép di chuyển trên đường bộ nhưng phải có biện pháp bảo vệ mặt đường.</p>	<p><u>a) Khi các phương án vận chuyên hàng hoá bằng đường sắt, đường thủy, đường biển hoặc phương thức vận tải khác không thể thực hiện được; hoặc không an toàn, không hiệu quả, gây tổn kém, lãng phí, thiệt hại;;</u></p>
<p>4. Bảo vệ công trình đường bộ khi cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu thông trên đường bộ</p>	<p><u>b) Di chuyển Lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích từ ga, cảng và các địa điểm nhập khẩu, chế tạo, sửa chữa, bảo trì đến nơi sử dụng phương tiện theo quy định và ngược lại hoặc giữa các địa điểm sử dụng phương tiện theo quy định;</u></p>
<p>a) Trường hợp vận chuyên bằng xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình đường bộ, chủ phương tiện vận chuyên có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí thuê tư vấn đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật về xây dựng để khảo sát, thiết kế, gia cố công trình đường bộ;</p>	<p><u>c) Xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng trên đường bộ phải được đăng ký, đăng kiểm theo quy định của pháp luật;</u> <u>d) Khi xe bánh xích không thể vận chuyên trên đường bộ bằng phương tiện vận tải khác, thì được phép di chuyển trên đường bộ nhưng phải có biện pháp bảo vệ mặt đường.</u></p>
<p>b) Trường hợp vận chuyên xe quá khổ giới hạn cần phải có lực lượng dẫn đường, hộ tống nhằm hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông khác và thực hiện các biện pháp an toàn giao thông cần thiết, chủ phương tiện có trách nhiệm bố trí và chi trả kinh phí dẫn đường, hỗ trợ;</p>	<p><u>4. Bảo vệ công trình đường bộ khi cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu thông hành trên đường bộ được quy định như sau:</u></p>
<p>c) Xe bánh xích được phép lưu thông trên đường bộ thì phải có biện pháp bảo vệ mặt đường.</p>	<p><u>a) Trường hợp vận chuyên bằng xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích vượt quá tải trọng, khổ giới hạn, xe quá tải trọng ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn của công trình đường bộ, thì chủ phương tiện vận chuyên có chi trả trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí để khảo sát, thiết kế, gia cố công trình đường bộ chi phí thuê tư vấn;</u></p>
<p>5. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường; chấp thuận phương án khảo sát, thiết kế, gia cố công trình đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.</p>	<p><u>b) Việc khảo sát, thiết kế, gia cố công trình đường bộ do đơn vị đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật về xây dựng thực hiện;</u> <u>c) Chủ phương tiện vận chuyên có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí để khảo sát, thiết kế, gia cố công trình đường bộ quy định tại điểm b khoản này;</u></p>
<p>6. Xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích chỉ được lưu hành trên đường bộ sau khi được cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	<p><u>d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b và c khoản này có trách nhiệm bồi thường khi xảy ra thiệt hại đối với công trình đường</u></p>
<p>7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; trình tự, thủ tục cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải</p>	

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: single

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: single

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: single

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích có khả năng gây hư hại công trình đường bộ, gây mất an toàn giao thông.</p>	<p>bộ;</p> <p><u>bđ</u>) Trường hợp vận chuyển xe quá khổ giới hạn cần thiết cần phải có lực lượng dẫn đường, hộ tống nhằm hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông khác và thực hiện các biện pháp an toàn giao thông cần thiết, chủ phương tiện có trách nhiệm bố trí và chi trả kinh phí dẫn đường, hỗ trợ theo quy định của Chính phủ;</p> <p><u>ee</u>) Xe bánh xích được phép lưu thông trên đường bộ thì phải có biện pháp bảo vệ mặt đường.</p> <p>5. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường; chấp thuận phương án khảo sát, thiết kế, gia cường công trình đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.</p> <p>6. Xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích chỉ được lưu hành trên đường bộ sau khi được cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>7. Cơ quan cấp phép lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành có trách nhiệm gửi thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông Bộ Công an và cơ quan Cảnh sát giao thông nơi có tuyến đường mà phương tiện đi qua để chỉ huy, điều khiển giao thông, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định.</p> <p>8. Lực lượng Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm tổ chức tuần tra, kiểm soát, điều khiển giao thông, xử lý vi phạm pháp luật đối với xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ.</p> <p>9. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; trình tự, thủ tục cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích có khả năng gây hư hại công trình đường bộ, gây mất an toàn giao thông.</p>
<p>Điều 40. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận chuyển hàng hoá siêu trường, siêu trọng</p> <p>1. Hàng hoá siêu trường, siêu trọng là hàng có kích thước hoặc trọng lượng vượt quá giới hạn quy định nhưng không thể tháo rời ra được.</p>	<p>Điều 40.52. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong đối với xe vận chuyển hàng hoá siêu trường, siêu trọng</p> <p>1. Hàng hoá siêu trường, siêu trọng là hàng có kích thước không thể chia nhỏ, tháo rời, khi vận chuyển trên đường bộ làm cho phương tiện hoặc</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Tab stops: 1 cm, Left

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Font: Bold, Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>2. Việc vận chuyển hàng hoá siêu trường, siêu trọng phải sử dụng xe vận chuyển phù hợp với loại hàng và phải có giấy phép sử dụng đường bộ do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp.</p> <p>3. Xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng được phép ghép, nối thành tổ hợp nhiều xe gồm ô tô đầu kéo, ô tô kéo rơ moóc để kéo hoặc vừa kéo vừa đẩy các rơ moóc, sơ mi rơ moóc chuyên dùng, bao gồm cả trường hợp ghép nối thông qua hàng được chở.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng hoá siêu trường, siêu trọng.</p>	<p>trọng lượng tổ hợp phương tiện bị vượt quá giới hạn <u>cho phép tham gia giao thông về kích thước, khối lượng theo</u> quy định nhưng không thể tháo rời ra được.</p> <p>2. Việc Xe vận chuyển hàng <u>hoá</u> siêu trường, siêu trọng phải sử dụng xe vận chuyên phù hợp với loại hàng và phải có giấy phép sử dụng đường bộ <u>lưu hành xe</u> do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp.</p> <p>3. Xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng được phép ghép, nối thành tổ hợp nhiều xe gồm ô tô đầu kéo, ô tô kéo rơ moóc để kéo hoặc vừa kéo vừa đẩy các rơ moóc, sơ mi rơ moóc chuyên dùng, <u>rơ moóc kiểu module tự hành có gắn động cơ</u>, bao gồm cả trường hợp ghép nối thông qua hàng được chở.</p> <p><u>4.4. Xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng phải chạy với tốc độ quy định trong giấy phép và phải có báo hiệu kích thước của hàng; trường hợp cần thiết, phải có người, phương tiện hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 51 của Luật này khi vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.</u></p> <p><u>5. Cơ quan cấp phép vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông Bộ Công an và cơ quan Cảnh sát giao thông nơi có tuyến đường mà phương tiện đi qua để chỉ huy, điều khiển giao thông, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định.</u></p> <p><u>6. Lực lượng Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ.</u></p> <p><u>7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng hoá siêu trường, siêu trọng, cụ thể về hàng siêu trường, siêu trọng; quy định việc vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; quy định việc cấp phép, lưu hành xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.</u></p>
<p>Điều 48. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe cứu hộ giao thông đường bộ</p> <p>1. Xe cứu hộ giao thông đường bộ là xe ô tô chuyên dùng có trang bị dụng cụ, thiết bị dùng để cứu hộ, hỗ trợ di chuyển hoặc chuyên chở các phương tiện giao thông bị hư hỏng, sự cố.</p> <p>2. Xe cứu hộ giao thông đường bộ phải có dấu hiệu nhận diện, niêm</p>	<p>Điều 48.53. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với xe cứu hộ giao thông đường bộ</p> <p>1. Xe cứu hộ giao thông đường bộ là xe ô tô chuyên dùng có trang bị dụng cụ, thiết bị dùng để cứu hộ, hỗ trợ di chuyển hoặc chuyên chở các phương tiện giao thông bị hư hỏng, sự cố.</p> <p>2. Xe cứu hộ giao thông đường bộ phải có dấu hiệu nhận diện, niêm yết</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Finnish

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>yết thông tin trên xe, gắn thiết bị giám sát hành trình, camera và truyền dẫn dữ liệu theo quy định.</p> <p>3. Xe cứu hộ giao thông đường bộ phải tuân thủ quy định về trọng tải của xe cứu hộ và trọng tải của xe được cứu hộ ghi trên Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.</p>	<p>thông tin trên xe, gắn thiết bị giám sát hành trình, camera và truyền dẫn dữ liệu theo quy định.</p> <p>3. Xe cứu hộ giao thông đường bộ phải tuân thủ quy định về trọng tải của xe cứu hộ và trọng tải của xe được cứu hộ ghi trên Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.</p>
<p>Điều 70. Chỉ huy, điều khiển giao thông đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, xe vận chuyển hàng nguy hiểm, xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng và xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam</p> <p>1. Cơ quan cấp phép vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm trên đường bộ, xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng có trách nhiệm gửi giấy phép đến cơ quan Cảnh sát giao thông ngay sau khi cấp phép. Cơ quan Cảnh sát giao thông khi nhận được thông báo về việc vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm, căn cứ vào quy mô, số lượng, khối lượng, tính chất nguy hiểm, thời gian, tuyến vận chuyển, lập kế hoạch để chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn theo quy định. Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm; yêu cầu thay đổi thời gian, tuyến đường, tốc độ phù hợp khi xét thấy không bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>2. Cơ quan cấp phép xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam phải thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông về cửa khẩu nhập cảnh, xuất cảnh, tuyến đường, thời gian, số lượng xe của đoàn, tổ chức cá nhân có trách nhiệm dẫn đường. Cơ quan Cảnh sát giao thông khi nhận được thông báo tổ chức phối hợp chỉ huy, điều khiển giao thông, kiểm tra, xử lý vi phạm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p>	<p>Điều 70. Chỉ huy, điều khiểnĐiều 54. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, xe vận chuyển hàng nguy hiểm, xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng và xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam: <u>phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch</u></p> <p>1. Cơ quan cấp phép vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm trên đường bộ, xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng có trách nhiệm gửi giấy phép đến cơ quan Cảnh sát giao thông ngay sau khi cấp phép. Cơ quan Cảnh sát giao thông khi nhận được thông báo về việc vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm, căn cứ vào quy mô, số lượng, khối lượng, tính chất nguy hiểm, thời gian, tuyến vận chuyển, lập kế hoạch để chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn theo quy định. Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng nguy hiểm; yêu cầu thay đổi thời gian, tuyến đường, tốc độ phù hợp khi xét thấy không bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p><u>1. Xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam; phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</u></p> <p>2. Cơ quan cấp phép <u>cho</u> xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam phải, <u>phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch</u> thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông về cửa khẩu quản lý xuất nhập cảnh, xuất cảnh.</p> <p><u>3. Việc lưu hành xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nước ngoài do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch được quy định như sau:</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: No underline

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>a) <u>Chấp hành đúng quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Việt Nam; chỉ được lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam theo đúng quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;</u></p> <p>b) <u>Phải tham gia giao thông đúng trong phạm vi, tuyến đường, thời gian, số lượng xe của</u> đã <u>được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép;</u></p> <p>c) <u>Xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải phải đi theo đoàn, tốp và có xe dẫn đường;</u></p> <p>d) <u>Tổ chức, cá nhân đưa xe tay lái bên phải vào Việt Nam có trách nhiệm bố trí xe dẫn đường. Cơ quan Cảnh sát, bảo đảm an toàn, giao thông khi nhận được thông báo tổ chức phương tiện lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam;</u></p> <p>đ) <u>Trường hợp chỉ huy, điều khiển giao thông, kiểm tra, xử lý vi phạm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.</u></p> <p><u>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</u></p>
<p style="text-align: center;">Chương IV NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>	<p style="text-align: center;">Chương IV NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>
<p>Điều 49. Điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Người lái xe tham gia giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ người lái xe gắn máy quy định tại khoản 3 Điều này. Khi tham gia giao thông, người lái xe phải mang theo các giấy tờ sau:</p> <p>a) Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc Giấy biên nhận còn hiệu lực của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển;</p> <p>c) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, phương tiện giao thông thông minh theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.</p>	<p>Điều 49-55. Điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Người lái xe tham gia giao thông đường bộ phải <u>đủ tuổi, sức khỏe theo quy định</u>; có giấy phép lái xe <u>còn hiệu lực</u> phù hợp với loại xe đang điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ người lái xe gắn máy quy định tại khoản <u>34</u> Điều này. Khi tham gia giao thông, người lái xe phải mang theo các giấy tờ sau:</p> <p>a) Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc <u>Giấy biên nhận giấy tờ xác nhận còn hiệu lực</u> của tổ chức tín dụng <u>còn hiệu lực</u>;</p> <p>b) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển;</p> <p>c) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, phương tiện giao thông thông minh theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>Trong các loại giấy tờ trên, trường hợp thông tin của các loại giấy tờ nào đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử, thẻ căn cước theo quy định thì không phải mang theo.</p> <p>2. Người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải có bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng phù hợp loại xe máy chuyên dùng đang điều khiển, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc giấy phép lái xe quy định tại Điều 50 của Luật này phù hợp loại xe máy chuyên dùng đang điều khiển. Khi tham gia giao thông, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải mang theo các loại giấy tờ sau:</p> <p>a) Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc Giấy biên nhận còn hiệu lực của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng;</p> <p>c) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc giấy phép lái xe;</p> <p>d) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trong các loại giấy tờ trên, trường hợp thông tin của các loại giấy tờ nào đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử, thẻ căn cước theo quy định thì không phải mang theo.</p> <p>3. Người lái xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ phải đủ điều kiện về độ tuổi, sức khỏe theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 51 Luật này.</p> <p>4. Người tập lái xe ô tô, người dự sát hạch lái xe ô tô khi tham gia giao thông phải thực hành trên xe tập lái, xe sát hạch trên tuyến đường tập lái, tuyến đường sát hạch, có giáo viên dạy lái hoặc sát hạch viên bảo trợ tay lái.</p>	<p>giới.</p> <p>Trong các loại giấy tờ trên, trường hợp thông tin của các loại giấy tờ nào đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử, thẻ căn cước theo quy định thì không phải mang theo.</p> <p>2. Người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải phải đủ tuổi, sức khỏe theo quy định; có bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng phù hợp loại xe máy chuyên dùng đang điều khiển; có giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc giấy phép lái xe quy định tại Điều 50 của Luật này phù hợp loại xe máy chuyên dùng đang điều khiển. Khi tham gia giao thông, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải mang theo các loại giấy tờ sau:</p> <p>a) Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc Giấy biên nhận còn hiệu lực của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng;</p> <p>c) Chứng Giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc giấy phép lái xe;</p> <p>d) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trong các loại 3. Trường hợp giấy tờ trên, trường hợp thông tin của các loại giấy tờ nào quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử, thẻ căn cước theo quy định thì không phải mang theo việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.</p> <p>3.4. Người lái xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ phải đủ điều kiện về độ tuổi, sức khỏe theo quy định tại điểm a khoản 1, và khoản 32 Điều 51-58 Luật này.</p> <p>4.5. Người tập lái xe ô tô, người dự sát hạch lái xe ô tô khi tham gia giao thông phải thực hành trên xe tập lái, xe sát hạch trên tuyến đường tập lái, tuyến đường sát hạch, có giáo viên dạy lái hoặc sát hạch viên bảo trợ tay lái. Giáo viên dạy lái, sát hạch viên phải mang theo các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Pattern: Clear (White)

Formatted: Pattern: Clear (White)

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>Điều 50. Giấy phép lái xe</p> <p>1. Giấy phép lái xe được cấp cho người điều khiển xe mô tô, xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, phương tiện giao thông thông minh tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>2. Người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật được cấp giấy phép lái xe mô tô; người khuyết tật điều khiển xe ô tô có cơ cấu điều khiển phù hợp với tình trạng khuyết tật được cấp giấy phép lái xe ô tô.</p> <p>3. Thời hạn của giấy phép lái xe:</p> <p>a) Giấy phép lái xe mô tô không thời hạn;</p> <p>b) Giấy phép lái xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, phương tiện giao thông thông minh có thời hạn.</p> <p>4. Trường hợp xe được thiết kế, cải tạo số chỗ ít hơn xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương thì hạng giấy phép lái xe được tính theo xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương.</p> <p>5. Giấy phép lái xe có giá trị sử dụng trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm:</p> <p>a) Giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;</p> <p>b) Giấy phép lái xe quốc tế và giấy phép lái xe quốc gia phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia là thành viên của Công ước của Liên hợp quốc về Giao thông đường bộ năm 1968 (sau đây gọi là Công ước Viên) cấp đối với người nước ngoài;</p> <p>c) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển của nước hoặc vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký cam kết công nhận giấy phép lái xe của nhau;</p> <p>d) Giấy phép lái xe nước ngoài phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia được công nhận theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>6. Giấy phép lái xe không có hiệu lực trong các trường hợp:</p> <p>a) Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng;</p> <p>b) Giấy phép lái xe có Quyết định thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật này.</p> <p>7. Giấy phép lái xe quốc tế</p>	<p>Đi Bộ 50.56, Gi Bộ trưởng Bộ G,</p> <p>1. Giấy phép lái xe được bao gồm các hạng sau đây:</p> <p>a) <u>Hang A1 cấp cho người điều khiển lái xe mô tô, xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gán dung tích xy lanh đến 125 cm3 hoặc có công suất động cơ, xe chở hàng bốn đien đến 11 kw;</u></p> <p>b) <u>Hang A cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có gán dung tích xy lanh trên 125 cm3 hoặc có công suất động cơ, phương tiện giao thông thông minh tham gia giao thông đường điện trên 11 kw và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hang A1;</u></p> <p>c) <u>Hang B1 cấp cho người lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hang A1;</u></p> <p>d) <u>Hang B cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hang B có kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;</u></p> <p>đ) <u>Hang C1 cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hang C1 có kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hang B;</u></p> <p>e) <u>Hang C cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hang C kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hang B, C1;</u></p> <p>g) <u>Hang D1 cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hang D1 kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hang B, C1, C;</u></p> <p>h) <u>Hang D2 cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả ô tô buýt) trên 16 chỗ đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hang D2 kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hang B, C1, C, D1;</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: 12 pt, English (U.S.)

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Font: 12 pt, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Normal, Widow/Orphan control, Pattern: Clear (White)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Pattern: Clear

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>a) Giấy phép lái xe quốc tế là giấy phép lái xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các nước tham gia Công ước Viên cấp theo một mẫu thống nhất; có thời hạn không quá 3 năm kể từ ngày cấp và phải phù hợp với thời hạn còn hiệu lực của giấy phép lái xe quốc gia;</p> <p>b) Người có giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước Viên cấp khi lái xe tham gia giao thông trên lãnh thổ Việt Nam phải mang theo giấy phép lái xe quốc tế và giấy phép lái xe quốc gia được cấp phù hợp với hạng xe điều khiển, còn thời hạn sử dụng; phải tuân thủ pháp luật giao thông đường bộ của Việt Nam;</p> <p>c) Người có giấy phép lái xe quốc tế vi phạm pháp luật giao thông đường bộ Việt Nam mà bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe có thời hạn thì thời gian bị tước quyền sử dụng không quá thời gian người lái xe được phép cư trú tại lãnh thổ Việt Nam;</p> <p>d) Người Việt Nam hoặc người nước ngoài có thể thường trú hoặc thể tạm trú tại Việt Nam có giấy phép lái xe do Việt Nam hoặc các nước là thành viên Điều ước Quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng, nếu có nhu cầu được cấp giấy phép lái xe quốc tế.</p> <p>8. Chính phủ quy định chi tiết về hạng giấy phép lái xe, thời hạn giấy phép lái xe quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.</p> <p>9. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết hình thức của giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế; quy định trình tự thủ tục cấp và sử dụng giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế.</p>	<p><u>i) Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả ô tô buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2;</u></p> <p><u>k) Hạng BE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;</u></p> <p><u>l) Hạng C1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;</u></p> <p><u>m) Hạng CE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc;</u></p> <p><u>n) Hạng D1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;</u></p> <p><u>o) Hạng D2E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;</u></p> <p><u>p) Hạng DE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nối toa.</u></p> <p><u>2. Người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật được cấp giấy phép lái xe mô tô; người khuyết tật điều khiển xe ô tô có cơ cấu điều khiển phù hợp với tình trạng khuyết tật được cấp giấy phép lái xe ô tô hạng A1.</u></p> <p><u>3. Thời hạn của Người khuyết tật điều khiển xe ô tô được cấp giấy phép lái xe:</u></p> <p><u>a) Giấy phép lái xe mô tô không thời hạn;</u></p> <p><u>b) Giấy phép hạng B để lái xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn số tự động có cơ cấu phù hợp với tình trạng khuyết tật.</u></p> <p><u>3. Người hợp với tỉ xe chủ hợp với tình trạng khuyết tật, phương tiện hợp với tình trạng khuyết tật, cấp xe chủ hợp với tình trạng khuyết tật, cấp có cơ cấu điều khiển phù hợp với tình trạng khuyết tật được cấp giấy quy định đối với xe ô tô tải và ô tô chở người.</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

- Formatted: English (U.S.)
- Formatted: Pattern: Clear
- Formatted: English (U.S.)
- Formatted: English (U.S.)
- Formatted: English (U.S.)
- Formatted: Font: 12 pt, English (U.S.)
- Formatted: Font: 12 pt, English (U.S.)
- Formatted: Font: 12 pt, English (U.S.)
- Formatted: Font: 12 pt
- Formatted: Normal, Widow/Orphan control, Pattern: Clear (White)
- Formatted: Font: 12 pt, Vietnamese
- Formatted: Font: 12 pt
- Formatted: Font: 12 pt, Vietnamese
- Formatted: Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>4. Trường hợp xe được thiết kế, cải tạo số chỗ ít hơn xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương thì hạng giấy phép lái xe được tính theo xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương.</p> <p>5. <u>Thời hạn của giấy phép lái xe:</u></p> <p>a) <u>Giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1 không thời hạn;</u></p> <p>b) <u>Giấy phép lái xe hạng B có thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp;</u></p> <p>c) <u>Giấy phép lái xe các hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.</u></p> <p>6. Giấy phép lái xe có giá trị sử dụng trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm:</p> <p>a) Giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;</p> <p>b) Giấy phép lái xe quốc tế và giấy phép lái xe quốc gia phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia là thành viên của Công ước của Liên hợp quốc về Giao thông đường bộ năm 1968 (sau đây gọi là Công ước Viên) cấp <u>đối với người nước ngoài;</u></p> <p>c) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển của nước hoặc vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký cam kết công nhận giấy phép lái xe của nhau;</p> <p>d) Giấy phép lái xe nước ngoài phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia được công nhận theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>67. Giấy phép lái xe không có hiệu lực trong các trường hợp:</p> <p>a) Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng;</p> <p>b) Giấy phép lái xe <u>bị trừ hết điểm;</u></p> <p>c) <u>Giấy phép lái xe</u> có Quyết định thu hồi theo quy định tại khoản 34 Điều 5461 của Luật này.</p> <p>78. Giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>a) Giấy phép lái xe quốc tế là giấy phép lái xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các nước tham gia Công ước Viên cấp theo một mẫu thống nhất; có thời hạn không quá 303 năm kể từ ngày cấp và phải phù hợp với thời hạn còn hiệu lực của giấy phép lái xe quốc gia;</p> <p>b) Người có giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước Viên cấp khi lái xe tham gia giao thông, <u>đường bộ</u> trên lãnh thổ Việt Nam phải mang theo giấy phép lái xe quốc tế và giấy phép lái xe quốc gia được cấp phù hợp với hạng xe điều khiển, còn thời hạn sử dụng;</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Pattern: Clear (White)

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>phải tuân thủ pháp luật <u>về trật tự, an toàn</u> giao thông đường bộ của Việt Nam;</p> <p>c) Người có giấy phép lái xe quốc tế vi phạm pháp luật <u>về trật tự, an toàn</u> giao thông đường bộ Việt Nam mà bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe có thời hạn thì thời gian bị tước quyền sử dụng không quá thời gian người lái xe được phép cư trú tại lãnh thổ Việt Nam;</p> <p>d) Người Việt Nam hoặc người nước ngoài có thể thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam có giấy phép lái xe do Việt Nam hoặc các nước là thành viên Điều ước Quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng, nếu có nhu cầu được cấp giấy phép lái xe quốc tế.</p> <p>8. Chính phủ quy định chi tiết về hạng giấy phép lái xe, thời hạn giấy phép lái xe quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.</p> <p>9. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết hình thức của giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế; quy định trình tự thủ tục cấp và sử dụng giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế. <u>Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết về hình thức giấy phép lái xe, trình tự thủ tục cấp và sử dụng giấy phép lái xe của lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</u></p>
	<p><u>Điều 57. Điểm của Giấy phép lái xe</u></p> <p><u>1. Điểm giấy phép lái xe được dùng để quản lý việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của người lái xe trên hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe, gồm 12 điểm.</u></p> <p><u>2. Người lái xe có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ bị trừ điểm giấy phép lái xe theo quy định của Chính phủ. Dữ liệu về điểm trừ đối với người vi phạm sẽ được cập nhật về hệ thống cơ sở dữ liệu ngay sau khi hình thức xử phạt có hiệu lực thi hành và thông báo cho người bị trừ điểm giấy phép lái xe biết.</u></p> <p><u>3. Giấy phép lái xe được phục hồi đủ 12 điểm khi chưa bị trừ hết điểm và không bị trừ điểm trong thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm bị trừ điểm gần nhất.</u></p> <p><u>4. Trường hợp giấy phép lái xe bị trừ hết điểm, người được cấp giấy phép lái xe phải tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ do lực lượng Cảnh sát giao thông tổ chức theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, có kết quả đạt yêu cầu thì được phục hồi đủ 12 điểm.</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Pattern: Clear

Formatted: Font: Not Bold, Underline

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>5. Giấy phép lái xe mới đổi, cấp lại, nâng hạng được giữ nguyên số điểm của giấy phép lái xe trước khi đổi, cấp lại, nâng hạng.</p> <p>6. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thẩm quyền trừ điểm giấy phép lái xe.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 6 Điều này; quy định trình tự, thủ tục trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.</p>
<p>Điều 51. Tuổi, sức khỏe của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Độ tuổi của người lái xe quy định như sau:</p> <p>a) Người đủ 16 tuổi trở lên được điều khiển xe gắn máy;</p> <p>b) Người đủ 18 tuổi trở lên được điều khiển xe mô tô, xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, phương tiện giao thông thông minh, xe máy chuyên dùng.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô; xây dựng cơ sở dữ liệu về khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng.</p>	<p>Điều 51-58. Tuổi, sức khỏe của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Độ tuổi của người lái xe quy định như sau:</p> <p>a) Người đủ 16 tuổi trở lên được điều khiển xe gắn máy;</p> <p>b) Người đủ 18 tuổi trở lên được <u>cấp giấy phép lái xe hạng A1, A, B1, B, C1, được điều khiển xe mô tô, xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, phương tiện giao thông thông minh, xe máy chuyên dùng, tham gia giao thông đường bộ;</u></p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>3-c) Người đủ 21 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng C, BE;</p> <p>d) Người đủ 24 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D1, D2, C1E, CE;</p> <p>đ) Người đủ 27 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D, D1E, D2E, DE;</p> <p>e) Tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người trên 29 chỗ ngồi phù hợp với tuổi lao động được quy định trong Bộ luật Lao động.</p> <p>2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải có sức khỏe phù hợp với từng loại phương tiện được phép điều khiển. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; xây dựng cơ sở dữ liệu về khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định độ tuổi của người lái xe trong lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</p>
<p>Điều 52. Đào tạo lái xe</p> <p>1. Người có độ tuổi, sức khỏe đáp ứng quy định tại Điều 51 của Luật này để được cấp giấy phép lái xe phải được đào tạo theo nội dung lý</p>	<p>Điều 52-59. Đào tạo lái xe</p> <p>1. Người có độ tuổi, sức khỏe đáp ứng quy định tại Điều 51-58 của Luật này để được cấp giấy phép lái xe phải được đào tạo theo nội dung lý</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Normal (Web), Char Char Char, Char Char, Char Char Char, Char Char, No widow/orphan control

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: 12 pt, Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: 12 pt, Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHÍNH LÝ
<p>thuyết và thực hành theo chương trình đào tạo quy định cho từng hạng giấy phép lái xe.</p> <p>2. Người học lái xe phải được đào tạo tại các cơ sở đào tạo lái xe hoặc các hình thức đào tạo theo quy định để cấp mới hoặc nâng hạng giấy phép lái xe.</p> <p>3. Cơ sở đào tạo lái xe phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định; có giáo trình, giáo án theo quy định; thực hiện đào tạo theo đúng hình thức, nội dung và chương trình quy định cho từng hạng giấy phép lái xe.</p> <p>4. Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe; người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe chờ người trên 10 chỗ ngồi phải có trình độ từ trung học cơ sở trở lên.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện của cơ sở đào tạo lái xe, các hình thức đào tạo lái xe khác; quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá đề cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái, giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe và giấy phép đào tạo lái xe; quy định đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo lái xe, quy định tiêu chuẩn xe tập lái, đội ngũ giáo viên. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cơ sở đào tạo, tổ chức đào tạo lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</p> <p>7. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định nội dung, chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, hướng dẫn kỹ năng lái xe gắn máy an toàn cho học sinh từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tham gia giao thông.</p>	<p>thuyết và thực hành theo chương trình đào tạo quy định cho từng hạng giấy phép lái xe.</p> <p>2. Người học lái xe phải được đào tạo tại các cơ sở đào tạo lái xe hoặc các hình thức đào tạo <u>lái xe khác</u> theo quy định để cấp mới hoặc nâng hạng giấy phép lái xe.</p> <p><u>3.3. Việc đào tạo để nâng hạng giấy phép lái xe thực hiện cho những trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng B lên hạng C1 hoặc lên hạng C hoặc lên hạng D1 hoặc lên hạng D2;</u></p> <p><u>b) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng C1 lên hạng C hoặc lên hạng D1 hoặc lên hạng D2;</u></p> <p><u>c) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng C lên hạng D1 hoặc lên hạng D2 hoặc lên hạng D;</u></p> <p><u>d) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng D1 lên hạng D2 hoặc lên hạng D;</u></p> <p><u>đ) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng D2 lên hạng D;</u></p> <p><u>e) Nâng hạng giấy phép lái xe từ các hạng B, C1, C, D1, D2, D lên các hạng giấy phép lái xe tương ứng BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE.</u></p> <p>4. Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe phải có <u>giấy phép lái xe đang còn hiệu lực và có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe; người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng D1, D2, D tối thiểu phải có trình độ từ trung học cơ sở.</u></p> <p><u>5. Giấy phép lái xe hạng C, D1, D2, D và các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE phải được đào tạo bằng hình thức đào tạo nâng hạng theo các điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.</u></p> <p>6. Cơ sở đào tạo lái xe phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định; có giáo trình, giáo án theo quy định; thực hiện đào tạo theo đúng hình thức, nội dung và chương trình quy định cho từng hạng giấy phép lái xe.</p> <p><u>4. Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe; người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe chờ người trên 10 chỗ ngồi phải có trình độ từ trung học cơ sở trở lên.</u></p> <p><u>5.7. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện của cơ sở đào tạo lái xe, các hình thức đào tạo lái xe khác quy định tại khoản 2 Điều này; quy</u></p>

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái; <u>quy định tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe; quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi</u> giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; <u>quy định việc cấp, cấp lại và thu hồi</u> giấy phép đào tạo lái xe; quy định đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe.</p> <p>6.8. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo lái xe, quy định tiêu chuẩn xe tập lái, đội ngũ giáo viên. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cơ sở đào tạo, tổ chức đào tạo lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</p> <p>7. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định nội dung, chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, hướng dẫn kỹ năng lái xe gắn máy an toàn cho học sinh từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tham gia giao thông.</p>
<p>Điều 53. Sát hạch lái xe</p> <p>1. Người đã hoàn thành chương trình đào tạo lái xe, đủ điều kiện được đăng ký để tham dự kỳ sát hạch tại Trung tâm sát hạch lái xe, trừ các hình thức sát hạch khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.</p> <p>2. Trung tâm sát hạch lái xe là đơn vị cung cấp dịch vụ sát hạch lái xe; phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; phải sử dụng thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin và chịu sự giám sát các nội dung sát hạch của cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.</p> <p>Hoạt động tổ chức sát hạch lái xe là dịch vụ công do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện; tổ chức sát hạch lái xe ô tô phải thực hiện tại các Trung tâm sát hạch lái xe; tổ chức sát hạch lái xe mô tô có thể thực hiện tại các sân tập lái đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, kỹ thuật theo quy định; trừ các hình thức sát hạch khác theo quy định.</p> <p>3. Nội dung sát hạch lái xe phải phù hợp với hạng giấy phép lái xe và chương trình đào tạo.</p> <p>4. Việc sát hạch lái xe do Sát hạch viên chịu trách nhiệm. Sát hạch viên phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, được tập huấn, cấp thẻ Sát hạch viên theo quy định và phải chịu trách nhiệm về kết quả sát hạch của mình.</p> <p>5. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch cho Trung tâm sát hạch lái</p>	<p>Điều 53-60. Sát hạch lái xe</p> <p>1. Người đã hoàn thành chương trình đào tạo lái xe, đủ điều kiện được đăng ký để tham dự kỳ <u>Hười đã</u> sát hã h lái xe ô tô phthành chương tái các Trung tâm sát hành chươn, trg tâm sát hành; hog tâm s sát hãm khác do B sát hành chương trình đào t lái xe mô tô thực hiện tại các <u>Trung tâm sát hạch lái xe hoặc tại sân tập lái đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, kỹ thuật theo quy đ mô</u> <u>Hoy đ mô tô thực hiện tại các Trung tâm sát hạch lái xe hoặc tại sân t</u></p> <p>2. Trung tâm sát hạch lái xe là đơn vị cung cấp dịch vụ sát hạch lái xe; phải đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; phải sử dụng thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin và <u>chịu sự phải chia sẻ ngay kết quả và dữ liệu</u> giám sát các nội dung quá trình sát hạch của đên cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, <u>cơ quan quản lý về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để giám sát.</u></p> <p>Hoạt động tổ chức sát hạch lái xe là dịch vụ công do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện; tổ chức sát hạch lái xe ô tô phải thực hiện tại các Trung tâm sát hạch lái xe; tổ chức sát hạch lái xe mô tô có thể thực hiện tại các sân tập lái đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, kỹ thuật theo quy định; trừ các hình thức sát hạch khác theo quy định.</p> <p>33. <u>Người đã hoàn thành chương trình đào tạo lái xe, đủ điều kiện được</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Strikethrough

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Normal, Widow/Orphan control

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>xe; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe; điều kiện, tiêu chuẩn sát hạch viên, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên; tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</p>	<p><u>đăng ký để tham dự kỳ sát hạch lái xe.</u></p> <p>4. Nội dung sát hạch lái xe phải phù hợp với hạng giấy phép lái xe và chương trình đào tạo.</p> <p>4.5. Việc sát hạch lái xe do Sát hạch viên chịu trách nhiệm thực hiện. Sát hạch viên phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, được tập huấn, cấp thẻ Sát hạch viên theo quy định và phải chịu trách nhiệm về kết quả sát hạch của mình.</p> <p>56. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch cho Trung tâm sát hạch lái xe; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.</p> <p>67. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe; điều kiện, tiêu chuẩn sát hạch viên, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên; tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</p>
<p>Điều 54. Cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe</p> <p>1. Giấy phép lái xe được cấp cho người tham dự kỳ sát hạch có kết quả đạt yêu cầu.</p> <p>2. Người có giấy phép lái xe được cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Giấy phép lái xe bị mất;</p> <p>b) Giấy phép lái xe bị hỏng không còn sử dụng được;</p> <p>c) Theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe;</p> <p>d) Thay đổi thông tin ghi trên giấy phép lái xe;</p> <p>đ) Giấy phép lái xe nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng;</p> <p>e) Giấy phép lái xe do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp mà người được cấp không còn làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</p> <p>3. Giấy phép lái xe thu hồi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Người được cấp giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ quan y tế đối với từng hạng giấy phép lái xe;</p> <p>b) Giấy phép lái xe được cấp sai quy định;</p>	<p>Điều 54-61. Cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe</p> <p>1. Giấy phép lái xe được cấp cho người tham dự kỳ sát hạch có kết quả đạt yêu cầu.</p> <p>2. Người có giấy phép lái xe được cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Giấy phép lái xe bị mất;</p> <p>b) Giấy phép lái xe bị hỏng không còn sử dụng được;</p> <p>c) Theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe;</p> <p>d) Thay đổi thông tin ghi trên giấy phép lái xe;</p> <p>đ) Giấy phép lái xe nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng;</p> <p>e) Giấy phép lái xe do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp mà người được cấp không còn làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</p> <p>3. <u>Chưa cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe đối với người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi người đó chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính.</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>c) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt theo quy định nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục về cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</p>	<p><u>4.</u> Giấy phép lái xe thu hồi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Người được cấp giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ quan y tế đối với từng hạng giấy phép lái xe;</p> <p>b) Giấy phép lái xe được cấp sai quy định;</p> <p>c) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt theo quy định nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.</p> <p><u>45.</u> Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục về cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.</p>
<p>Điều 55. Đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng</p> <p>1. Người có nhu cầu cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đăng ký với cơ sở đào tạo lái xe ô tô để được đào tạo bảo đảm nội dung, chương trình và kiểm tra cấp chứng chỉ theo quy định.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo; kiểm tra và thủ tục cấp, đổi, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.</p>	<p>Điều 55.62. Đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng</p> <p><u>1. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ là giấy chứng nhận cấp cho người có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.</u></p> <p><u>2. Người có nhu cầu cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đăng ký với cơ sở đào tạo lái xe ô tô để được đào tạo bảo đảm nội dung, chương trình và kiểm tra cấp chứng chỉ theo quy định hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng đủ điều kiện để được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</u></p> <p><u>2.3. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô, cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng đủ điều kiện thực hiện bồi dưỡng kiến thức về giao thông đường bộ phải theo đúng hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng; kiểm tra và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.</u></p> <p><u>4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hình thức, nội dung, chương trình đào tạo; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; việc kiểm tra và thủ tục cấp, đổi; cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho; điều kiện của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng; thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</u></p> <p><u>5. Thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font:

Formatted: Font:

Formatted: Font:

Formatted: Font:

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Normal, Widow/Orphan control

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>Điều 56. Thời gian làm việc của người lái xe ô tô kinh doanh vận tải và vận tải nội bộ</p> <p>1. Thời gian làm việc của người lái xe phải bảo đảm theo quy định của Bộ luật Lao động.</p> <p>2. Thời gian lái xe liên tục, thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe</p> <p>a) Từ 06 giờ đến 22 giờ: Thời gian lái xe liên tục không quá 240 phút; thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe tối thiểu 05 phút đối với lái xe taxi, xe buýt và 15 phút đối với lái xe vận tải nội bộ, các loại hình kinh doanh vận tải còn lại;</p> <p>b) Từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau: Thời gian lái xe liên tục không quá 180 phút; thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe tối thiểu 30 phút đối với lái xe vận tải nội bộ và các loại hình kinh doanh vận tải.</p> <p>3. Tổng thời gian lái xe trong một ngày không quá 480 phút.</p> <p>4. Đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị vận tải nội bộ và người lái xe chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.</p>	<p><u>luật về giao thông đường bộ, luật về giao thông đường bộ cho lái xe liên tục, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức</u></p> <p>Điều 56-63. Thời gian làm việc của người lái xe ô tô kinh doanh vận tải và vận tải nội bộ</p> <p>1. Thời gian làm việc của người lái xe phải bảo đảm theo quy định của Bộ luật Lao động.</p> <p>2. Thời gian lái xe của người lái xe ô tô không quá 10 giờ trong một ngày và không quá 48 giờ trong một tuần; lái xe liên tục, thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe không quá 04 giờ.</p> <p>3. Thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe liên tục:</p> <p>a) Từ 06 giờ đến 22 giờ: Thời gian lái xe liên tục không quá 240 phút; thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe liên tục tối thiểu 05 phút đối với lái xe taxi, xe buýt và 15 phút đối với lái xe vận tải nội bộ, và các loại hình kinh doanh vận tải còn lại;</p> <p>b) Từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau: Thời gian lái xe liên tục không quá 180 phút; thời gian dừng nghỉ giữa hai lần lái xe liên tục tối thiểu 30 phút đối với lái xe vận tải nội bộ và các loại hình kinh doanh vận tải.</p> <p>3. Tổng thời gian lái xe trong một ngày không quá 480 phút.</p> <p>4. Đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị vận tải nội bộ và người lái xe ô tô kinh doanh vận tải và vận tải nội bộ chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.</p>
<p style="text-align: center;">Chương V TUẦN TRA, KIỂM SOÁT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>	<p style="text-align: center;">Chương V TUẦN TRA, KIỂM SOÁT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>
<p>Điều 60. Tuần tra, kiểm soát</p> <p>1. Nội dung tuần tra, kiểm soát</p> <p>a) Quan sát, nắm tình hình người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ; tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ, an ninh, trật tự trên tuyến giao thông đường bộ;</p> <p>b) Dùng phương tiện tham gia giao thông, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và Điều 61 Luật này nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;</p>	<p>Điều 60. Tuần 64. Hoạt động tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>1. Nội dung Hoạt động tuần tra, kiểm soát bao gồm:</p> <p>a) Bố trí lực lượng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát;</p> <p>b) Kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>c) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác.</p> <p>2. Hình thức tuần tra, kiểm soát bao gồm:</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Tab stops: Not at 8 cm + 12.85 cm

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>c) Điều khiển giao thông theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật này;</p> <p>d) Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông theo quy định của Luật này;</p> <p>đ) Đấu tranh phòng, chống tội phạm hoạt động trên tuyến giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Phát hiện những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong quản lý nhà nước về giao thông đường bộ, tổ chức giao thông đường bộ, nguyên nhân dẫn đến mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thông báo cơ quan chức năng hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền kiến nghị với cơ quan chức năng có biện pháp khắc phục;</p> <p>g) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động người tham gia giao thông chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>h) Giúp đỡ, hỗ trợ người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi cần thiết;</p> <p>i) Tham gia phòng, chống khủng bố, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, cứu nạn, cứu hộ;</p> <p>k) Các nội dung công tác khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hình thức tuần tra, kiểm soát</p> <p>a) Kiểm soát thông qua hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh;</p> <p>b) Tổ chức lực lượng trực tiếp tuần tra, kiểm soát trên tuyến giao thông đường bộ.</p> <p>3. Lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát</p> <p>a) Lực lượng Cảnh sát giao thông;</p> <p>b) Lực lượng khác được Công an nhân dân huy động tham gia phối hợp với Cảnh sát giao thông thực hiện tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong trường hợp cần thiết.</p> <p>Việc phối hợp phải trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng được huy động theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với thực tế nhiệm vụ;</p> <p>c) Lực lượng kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện tuần tra, kiểm soát xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên dùng quân sự và người điều khiển xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên dùng quân sự tham gia giao thông.</p> <p>4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát giao thông khi thực hiện tuần tra,</p>	<p>a) <u>Tổ chức lực lượng trực tiếp tuần tra, kiểm soát trên tuyến giao thông đường bộ;</u></p> <p>b) <u>Kiểm soát thông qua hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông.</u></p> <p><u>3. Lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát bao gồm:</u></p> <p>a) <u>Lực lượng Cảnh sát giao thông;</u></p> <p>b) <u>Lực lượng, đơn vị khác trong Công an nhân dân được huy động tham gia phối hợp với Cảnh sát giao thông thực hiện tuần tra, kiểm soát trong trường hợp cần thiết trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng được huy động theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với thực tế nhiệm vụ.</u></p> <p><u>4. Nhiệm vụ của Cảnh sát giao thông khi thực hiện tuần tra, kiểm soát, bao gồm:</u></p> <p>a) Quan sát, nắm tình hình người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ; tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ, an ninh, trật tự trên tuyến giao thông đường bộ;</p> <p>b) <u>Dùng phương tiện tham gia giao thông, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo</u> <u>Thực hiện các nội dung</u> quy định tại <u>điểm b và điểm c khoản 31 Điều 3 và Điều 61 Luật này nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm;</u></p> <p>c) <u>Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động người tham gia giao thông chấp hành</u> pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>d) <u>Giúp đỡ, hỗ trợ người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác</u> khi cần thiết;</p> <p>eđ) Điều khiển giao thông theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật này;</p> <p>de) Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông theo quy định của Luật này <u>pháp luật;</u></p> <p>đg) Đấu tranh phòng, chống tội phạm hoạt động trên tuyến giao thông đường bộ, bảo đảm an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật; <u>tham gia phòng, chống khủng bố, biểu tình gây rối, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, cứu nạn, cứu hộ;</u></p> <p>eh) Phát hiện những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong quản lý nhà nước về giao thông đường bộ, tổ chức giao thông đường bộ, nguyên nhân dẫn đến mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thông báo cơ quan chức</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Pattern: Clear

Formatted: Pattern: Clear

Formatted: Font: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>kiểm soát</p> <p>a) Thực hiện các nội dung tuần tra, kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách; di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông theo quy định tại Điều 63 Luật này;</p> <p>c) Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh, vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định tại Điều 64 Luật này;</p> <p>d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công an nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Trách nhiệm của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát</p> <p>a) Tuân thủ quy định của pháp luật và mệnh lệnh, kế hoạch tuần tra, kiểm soát của cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;</p> <p>c) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;</p> <p>d) Chịu trách nhiệm về quyết định, hành vi của mình theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này; quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông.</p>	<p>năng hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền kiến nghị với cơ quan chức năng có biện pháp khắc phục;</p> <p><u>g) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động người tham gia</u> <u>i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Công an nhân dân và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u></p> <p><u>5. Quyền hạn của Cảnh sát giao thông khi thực hiện tuần tra kiểm soát, bao gồm:</u></p> <p><u>a) Dthực hiện tuần tra kiểm soát, bao gồm:nh của Luật tại Điều 65 của Luật này để kiểm tra việc ch Dthực h</u><u>pháp luật các quy đ iên</u><u>vác quy tuy đ iên tuần tra kiểm soát, bao gồm:nh của Luật tại Điều 65 của Luật này để kiểm tra việc luật có liên quan.ng báo cơ quan chức năng hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền kiến nghị v</u><u>try tuợ, an toàn giao thông đường bộ theo quy đ toàn giao thông đường bộ</u><u>gồm:nh của Luật tại Điều 65 của L</u></p> <p><u>h) Giúp đỡ, hỗ trợ người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi cần thiết;</u></p> <p><u>i) Tham gia phòng, chống khủng bố, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, cứu nạn, cứu hộ;</u></p> <p><u>k) Các nội dung công tác khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>2. Hình thức tuần tra, kiểm soát</u></p> <p><u>a) Kiểm soát thông qua hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý</u><u>b) Xử phạt vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh;</u></p> <p><u>b) Tổ chức lực lượng trực tiếp tuần tra, kiểm soát trên tuyến giao thông đường bộ.</u></p> <p><u>3. Lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát</u></p> <p><u>a) Lực lượng Cảnh sát giao thông;</u></p> <p><u>b) Lực lượng khác được Công an nhân dân huy động tham gia phối hợp với Cảnh sát giao thông thực hiện tuần tra, kiểm soát</u><u>hành chính</u> về trật tự, an toàn giao thông đường bộ <u>trong trường hợp cần thiết.</u></p> <p><u>Việc phối hợp phải trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng được huy động theo quy định của</u><u>và vi phạm pháp luật, quyết khác theo quy định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với thực tế nhiệm vụ</u><u>pháp luật;</u></p> <p><u>e) Lực lượng kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện tuần tra, kiểm soát xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Normal

Formatted: Pattern: Clear (White)

Formatted: Pattern: Clear (White)

Formatted: Pattern: Clear (White)

Formatted: Pattern: Clear (White)

Formatted: Pattern: Clear (White)

Formatted: English (U.S.), Pattern: Clear (White)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Body Text Indent

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>dùng quân sự và người điều khiển xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên dùng quân sự tham gia giao thông.</p> <p>4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát giao thông khi thực hiện tuần tra, kiểm soát</p> <p>a) Thực hiện các nội dung tuần tra, kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách; di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông theo quy định tại Điều 6367, Điều 68 Luật này;</p> <p>c) Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, Thiết <u>thiết</u> bị <u>thông minh hỗ trợ</u> chỉ huy giao thông thông minh, hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, hệ thống kiểm soát tải trọng, khổ giới hạn xe trên đường bộ, vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định tại Điều 6469 và Điều 70 Luật này;</p> <p>d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Công an nhân dân và quy định khác <u>khác</u> của pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Trách <u>6. Khi thực hiện</u> nhiệm vụ của vụ, lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát</p> <p>a) Tuân <u>phải tuân</u> thủ các nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) <u>Chấp hành</u> quy định của pháp luật và mệnh lệnh, kế hoạch tuần tra, kiểm soát của cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;</p> <p>c) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;</p> <p>d) Chịu trách nhiệm về quyết định, hành vi của mình theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.7. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết <u>điểm a và điểm b khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3</u> Điều này; quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông.</p> <p><u>8. Xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên dùng quân sự và người điều khiển xe cơ giới quân sự, xe máy chuyên dùng quân sự tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát về trật tự, an toàn</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font:

Formatted: Font:

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHÍNH LÝ
	<p><u>giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông và yêu cầu kiểm tra về điều lệnh nội vụ, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của lực lượng kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự. Hoạt động kiểm tra điều lệnh nội vụ và việc chấp hành pháp luật của lực lượng kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự trên đường bộ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.</u></p>
<p>Điều 61. Căn cứ dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát</p> <p>1. Cảnh sát giao thông được dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc có căn cứ xác định có hành vi vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Những hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà buộc phải dừng phương tiện để kiểm soát trực tiếp mới phát hiện được, gồm: Điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng; điều kiện của phương tiện tham gia giao thông đường bộ; điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận tải đường bộ;</p> <p>c) Phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự; phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống dịch bệnh;</p> <p>d) Có tin báo, tố giác, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật khác.</p> <p>2. Trường hợp thông tin giấy tờ của người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử, thẻ căn cước thì việc kiểm tra, kiểm soát được thực hiện thông qua xác thực các thông tin, giấy tờ đó trên tài khoản định danh điện tử.</p>	<p>Điều 61.65. Căn cứ dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát</p> <p>1. Cảnh sát giao thông được dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát thuộc khi có một trong các trường hợp căn cứ sau đây:</p> <p>a) 1. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc có căn cứ xác định có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ hoặc vi phạm pháp luật khác;</p> <p>b) Những 2. Thực hiện theo mệnh lệnh, kế hoạch tuần tra, kiểm soát của cấp có thẩm quyền để phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà buộc phải dừng phương tiện để kiểm soát, trực tiếp mới phát hiện được, gồm: Điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng; điều kiện của phương tiện tham gia giao thông đường bộ; điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vận tải đường bộ mới phát hiện được;</p> <p>e) 3. Phục vụ bảo đảm vệ an ninh, quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống tội phạm; phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống dịch bệnh;</p> <p>4. Có tin báo, tố giác, phản ánh, kiến nghị, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật khác.</p> <p>2. Trước, cá nhân về tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật khác. thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng; điều kiện của phương tiện tham gia giao thông trên tài khoản định danh điện tử.</p>
<p>Điều 62. Phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>Việc phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường</p>	<p>Điều 62. Phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>Việc 66. Biên pháp phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Portuguese (Brazil)

Formatted: Normal, Pattern: Clear (White)

Formatted: Font: Not Bold, Strikethrough

Formatted: Body Text Indent, Tab stops: Not at 1 cm

Formatted: Font: Bold, Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: Bold

Formatted: Font: Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Bold

Formatted: Font: Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>bộ thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh; cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hệ thống camera điều hành giao thông; thiết bị giám sát hành trình; thiết bị thu thập dữ liệu, hình ảnh người lái xe, dữ liệu, hình ảnh bảo đảm an toàn hành trình theo quy định. Tiếp nhận, xử lý tin báo, phản ánh, kiến nghị, dữ liệu thu thập được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật của tổ chức, cá nhân. Quan sát, kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu trực tiếp của người thực thi công vụ. Biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật. 	<p>giao thông đường bộ thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh; cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hệ thống camera điều hành giao thông; thiết bị giám sát hành trình; thiết bị thu thập dữ liệu, hình ảnh người lái xe, dữ liệu, hình ảnh bảo đảm an toàn hành trình theo quy định hệ thống camera điều hành giao thông; hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm soát tải trong xe cơ giới. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông. Khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, ghi nhận hình ảnh người lái xe, bảo đảm an toàn hành trình theo quy định; tiếp nhận dữ liệu thu thập từ công trình kiểm soát tải trong xe. Khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Quan sát, kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu trực tiếp của người thực thi công vụ. 6. Tiếp nhận, xử lý tin báo, phản ánh, kiến nghị, dữ liệu thu thập được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật của tổ chức, cá nhân theo quy định của Chính phủ. 7. Quan sát, kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu trực tiếp của người thực thi công vụ. Biuan sát, ngiên sát khác theo quy đm tra, kiểm soát,
<p>Điều 63. Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách; di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông</p> <ol style="list-style-type: none"> Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách <ol style="list-style-type: none"> Khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, chỉ huy, điều khiển giao thông, giải quyết tai nạn giao thông, trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra, lực lượng Cảnh sát giao thông được huy động người, phương tiện, thiết bị 	<p>Điều 63.67. Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách; di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông</p> <ol style="list-style-type: none"> Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách <ol style="list-style-type: none"> 1. Khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, chỉ huy, điều khiển giao thông, giải quyết tai nạn giao thông, trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra, lực lượng Cảnh sát giao thông được huy động người, phương tiện, thiết bị

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Bold

Formatted: Normal

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỶ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>dân sự và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện, thiết bị đó.</p> <p>Trong trường hợp cấp bách theo quy định tại điểm này, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, giúp đỡ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p> <p>b) Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông huy động người, phương tiện, thiết bị có trách nhiệm hoàn trả ngay sau khi trường hợp cấp bách chấm dứt. Trường hợp người, phương tiện, thiết bị được huy động làm nhiệm vụ bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách, đền bù; đơn vị có cán bộ, chiến sĩ huy động có trách nhiệm giải quyết việc đền bù theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông</p> <p>a) Khi phát hiện phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông, nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông nhưng người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm thì cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông đang thi hành công vụ thực hiện việc di chuyển phương tiện vi phạm ra khỏi vị trí dừng, đỗ trên.</p> <p>Trường hợp không đủ điều kiện thì đơn vị, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện việc di chuyển phương tiện đó; người điều khiển phương tiện phải trả chi phí cho việc thuê di chuyển phương tiện;</p> <p>b) Trong quá trình thực hiện việc di chuyển phương tiện theo quy định tại điểm a khoản này mà gây hư hỏng, đơn vị của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông, tổ chức, cá nhân được thuê thực hiện việc di chuyển phương tiện phải đền bù theo quy định của pháp luật.</p>	<p>dân sự và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện, thiết bị đó.</p> <p>Trong trường hợp cấp bách theo quy định tại <u>điểm khoản</u> này, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, giúp đỡ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p> <p><u>b)2.</u> Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông huy động người, phương tiện, thiết bị có trách nhiệm hoàn trả ngay sau khi trường hợp cấp bách chấm dứt. Trường hợp người, phương tiện, thiết bị được huy động làm nhiệm vụ bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách, đền bù; đơn vị có cán bộ, chiến sĩ huy động có trách nhiệm giải quyết việc đền bù theo quy định của pháp luật.</p> <p><u>2.3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được huy động có trách nhiệm chấp hành quyết định, yêu cầu của Cảnh sát giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều này.</u></p> <p><u>Điều 68. Di chuyển phương tiện vi phạm dừng, đỗ trên đường bộ, gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông.</u></p> <p><u>a)1.</u> Khi phát hiện phương tiện <u>giao thông đường bộ</u> vi phạm <u>quy định</u> dừng <u>xe</u>, đỗ <u>xe</u> trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông, nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông nhưng người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm <u>hoặc có mặt nhưng không chấp hành yêu cầu của Cảnh sát giao thông</u> thì cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông <u>đang thi hành công vụ</u> thực hiện việc di chuyển phương tiện vi phạm ra khỏi vị trí dừng, đỗ trên.</p> <p>Trường hợp không đủ điều kiện <u>thực hiện</u> thì đơn vị, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện việc di chuyển phương tiện đó; <u>người điều khiển phương tiện phải trả chi phí cho việc thuê di chuyển phương tiện;</u></p> <p><u>b)2.</u> Người điều khiển phương tiện hoặc chủ phương tiện <u>giao thông đường bộ</u> vi phạm <u>phải trả chi phí cho việc di chuyển hoặc thuê di chuyển phương tiện đó.</u></p> <p><u>3.</u> Trong quá trình thực hiện việc di chuyển phương tiện theo quy định tại <u>điểm a-khoản 1 Điều này</u> mà <u>gây hư hỏng, đơn vị của</u> cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát giao thông, tổ chức, cá nhân được thuê thực hiện việc di chuyển phương tiện phải <u>đền bù theo quy định của pháp luật có trách</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Bold

Formatted: Font: Vietnamese

Formatted: Font: Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Bold

Formatted: Font: Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Tab stops: Not at 1 cm

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>Điều 64. Trang bị, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh; vũ khí, công cụ hỗ trợ</p> <p>1. Lực lượng Cảnh sát giao thông được trang bị phương tiện giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại; vũ khí, công cụ hỗ trợ theo yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của khoa học công nghệ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>2. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh, thiết bị lưu trữ dữ liệu do tổ chức, cá nhân cung cấp để phân tích, đánh giá, dự báo tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ, phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh phải được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông</p> <p>a) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là hệ thống thu thập tín hiệu, dữ liệu, âm thanh, hình ảnh về tình trạng công trình giao thông, hành trình của phương tiện và các dữ liệu liên quan khác được xây dựng, lắp đặt trên các tuyến giao thông đường bộ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để giám sát tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông; phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;</p> <p>b) Việc quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông phải tuân thủ đúng quy trình, quy tắc, bảo đảm hoạt động liên tục và kết nối với Trung tâm chỉ huy giao thông;</p> <p>c) Dữ liệu thu thập được từ Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông phải được quản lý theo quy định của pháp luật; bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức; sử dụng để xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các vi phạm pháp luật khác;</p>	<p><u>nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho phương tiện được di chuyển.</u></p> <p>Điều 64.69. Trang bị, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh; vũ khí, công cụ hỗ trợ khi tuần tra, kiểm soát</p> <p>1. Lực lượng Cảnh sát giao thông được trang bị <u>phương tiện giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại; vũ khí, công cụ hỗ trợ theo yêu cầu thực tiễn và sự phát triển quy định của khoa học công nghệ để thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; phương tiện giao thông đường bộ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông.</u> Các lực lượng tham gia phối hợp với Cảnh sát giao thông thực hiện tuần tra, kiểm soát được trang bị <u>phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</u></p> <p>2. Cơ quan, đơn vị được giao <u>nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn.</u></p> <p>2. Các lực lượng quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng <u>vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; sử dụng phương tiện</u> giao thông đường bộ <u>sử dụng</u>, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, <u>Thiết bị thông minh hỗ trợ</u> chỉ huy giao thông <u>thông minh</u>, theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an; sử dụng thiết bị lưu trữ dữ liệu do tổ chức, cá nhân cung cấp để phân tích, đánh giá, dự báo tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ, phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><u>3. Vũ khí, công cụ hỗ trợ trang bị được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, Thiết bị thông minh hỗ trợ</u> chỉ huy giao thông <u>thông minh</u> phải được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng hệ Điều 70. Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới</p> <p>1. Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an</p>

- Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt
- Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)
- Formatted: Vietnamese
- Formatted: English (U.S.)
- Formatted: English (U.S.), Pattern: Clear (White)
- Formatted: English (U.S.), Pattern: Clear (White)
- Formatted: English (U.S.), Pattern: Clear (White)
- Formatted: English (U.S.), Pattern: Clear (White)
- Formatted: English (U.S.), Pattern: Clear (White)
- Formatted: Font: Not Bold
- Formatted: Vietnamese
- Formatted: English (U.S.)
- Formatted: Font: Bold
- Formatted: normal-h1, Font: Bold, Vietnamese

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>phục vụ công tác quản lý nhà nước;</p> <p>d) Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quy định xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh.</p> <p>4. Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ</p> <p>Lực lượng Cảnh sát giao thông được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.</p>	<p><u>toàn giao thông đường bộ được quy định như sau:</u></p> <p>a) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là hệ thống thu thập tín hiệu, dữ liệu, âm thanh, hình ảnh về <u>hành trình của phương tiện</u>, tình trạng công trình giao thông, hành trình của phương tiện và các dữ liệu liên quan khác được xây dựng, lắp đặt trên các tuyến giao thông đường bộ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để giám sát tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u>; phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và vi phạm pháp luật khác;</p> <p>b) Việc <u>xây dựng</u>, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u> phải tuân thủ đúng quy trình, quy tắc, bảo đảm hoạt động liên tục và kết nối với Trung tâm chỉ huy giao thông;</p> <p>c) Dữ liệu thu thập được từ Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u> phải được quản lý theo quy định của pháp luật; bảo <u>đảm các yêu cầu về bảo vệ</u> dữ liệu cá nhân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức; <u>được</u> sử dụng để xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các, vi phạm pháp luật khác và phục vụ công tác quản lý nhà nước;</p> <p><u>4)2. Hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe dùng để ghi, lưu trữ, truyền phát thông tin dữ liệu về hành trình của phương tiện và hình ảnh của người lái xe, do lực lượng Cảnh sát giao thông quản lý, vận hành, sử dụng để phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông và xử lý hành vi vi phạm pháp luật, được kết nối, chia sẻ với cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan liên quan.</u></p> <p><u>3. Hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới được trang bị cho lực lượng Cảnh sát giao thông để phục vụ kiểm tra, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm quy định về tải trọng xe trên đường bộ.</u></p> <p><u>4. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe;</u> quy định xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Vietnamese

Formatted: Expanded by 0.2 pt

Formatted: Expanded by 0.2 pt

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh.</p> <p>4. Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ</p> <p>Lực lượng Cảnh sát giao thông được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông; quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; quy định việc trang bị, lắp đặt, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tài trong xe cơ giới.</p>
<p>Điều 65. Quyền và trách nhiệm của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Khi dừng phương tiện theo yêu cầu của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ có quyền sau đây:</p> <p>a) Được thông báo về căn cứ dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm soát; nội dung và kết quả kiểm soát; hành vi vi phạm pháp luật và biện pháp xử lý (nếu có);</p> <p>b) Khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật về tố cáo;</p> <p>d) Phản ánh, tố giác, báo tin những trường hợp vi phạm pháp luật.</p> <p>2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>b) Chấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát.</p>	<p>Điều 65.71. Quyền và trách nhiệm của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p>1. Khi dừng phương tiện theo yêu cầu của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát, ngườiNgười điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ có quyền sau đây:</p> <p>aa) Được điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Được thông báo về căn cứ dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm soát; nội dung và kết quả kiểm soát; hành vi vi phạm pháp luật và biện pháp xử lý (nếu có);;</p> <p>b) Khiếu(c) Giải trình, khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật;</p> <p>ed) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của lực lượng người thực hiện tuần tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật về tố cáo;</p> <p>đđ) Phản ánh, tố giác, báo tin những trường hợp vi phạm pháp luật.</p> <p>2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>b) Chấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm soát;</p> <p>c) Hấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ, đư Hấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện tham gia giao thông đường bộ, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của lực lượng thực hiện tuần tra,</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Body Text Indent, Tab stops: Not at 1.69 cm + 8 cm

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold, Portuguese (Brazil)

Formatted: Normal

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>Điều 66. Ngăn chặn hành vi gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe, chống người thi hành công vụ</p> <p>1. Giải thích cho người vi phạm biết rõ về hành vi vi phạm pháp luật; thuyết phục, yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm; chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát; giải thích rõ quyền và trách nhiệm của họ.</p> <p>Trường hợp người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ không chấp hành tín hiệu, hiệu lệnh dừng phương tiện, bỏ chạy thì người thi hành công vụ được thực hiện quyền truy đuổi để xử lý vi phạm.</p> <p>2. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong trường hợp người vi phạm không chấp hành mệnh lệnh, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ tuần tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trường hợp người vi phạm có hành vi chống người thi hành công vụ thì tùy theo tình huống, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, người thi hành công vụ được sử dụng vũ lực, công cụ hỗ trợ hoặc vũ khí theo quy định của pháp luật để ngăn chặn hành vi vi phạm và phòng vệ chính đáng.</p>	<p><u>kiểm soát</u></p> <p>Điều 66-72. Ngăn chặn hành vi <u>gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, chống người thi hành công vụ</u></p> <p><u>1-1. Khi người tham gia thông không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, có hành vi chống người thi hành công vụ, lực lượng thi hành nhiệm vụ thực hiện các biện pháp sau đây:</u></p> <p><u>a) Giải thích cho người vi phạm biết rõ về hành vi <u>vi phạm pháp luật; không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, có hành vi chống người thi hành công vụ; quyền và trách nhiệm của người vi phạm</u>; thuyết phục, yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm; chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát; <u>giải thích rõ quyền và trách nhiệm của họ.</u></u></p> <p><u>Trường hợp người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ không chấp hành tín hiệu, hiệu lệnh dừng phương tiện, bỏ chạy thì người thi hành công vụ được thực hiện quyền truy đuổi để xử lý vi phạm.</u></p> <p><u>2-b) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong trường hợp người vi phạm không chấp hành mệnh lệnh, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ tuần tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>3-c) Trường hợp người vi phạm có hành vi chống người thi hành công vụ thì tùy theo tình huống, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, người thi hành công vụ được sử dụng vũ lực, công cụ hỗ trợ hoặc vũ khí theo quy định của pháp luật để ngăn chặn hành vi vi phạm và phòng vệ chính đáng.</u></p> <p><u>2. Trường hợp người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ không chấp hành tín hiệu, hiệu lệnh dừng phương tiện và bỏ chạy thì người thi hành công vụ được thực hiện quyền truy đuổi để ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm.</u></p>
<p style="text-align: center;">Chương VI CHỈ HUY, ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>	<p style="text-align: center;">Chương VI CHỈ HUY, ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>
<p>Điều 67. Chỉ huy, điều khiển giao thông</p> <p>1. Chỉ huy giao thông là hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá các yếu tố có liên quan đến giao thông đường bộ của cơ quan chức năng, người có thẩm quyền nhằm chỉ huy hoạt động giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn. Chỉ huy giao thông được thực hiện thông qua:</p>	<p>Điều 67-73. Chỉ huy, điều khiển giao thông <u>đường bộ</u></p> <p>1. Chỉ huy giao thông là <u>tổng hợp các</u> hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá các yếu tố có liên quan <u>đến giao thông đường bộ của cơ quan chức năng, người có thẩm quyền nhằm chỉ huy để đưa ra các giải pháp điều hành</u> hoạt động giao thông đường bộ <u>bảo đảm</u> trật tự, an toàn. <u>Chỉ</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>a) Hoạt động chỉ huy điều khiển giao thông của người điều khiển giao thông;</p> <p>b) Trung tâm chỉ huy giao thông;</p> <p>c) Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh.</p> <p>2. Trung tâm chỉ huy giao thông là nơi thu thập, lưu trữ, phân tích, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin tình hình giao thông phục vụ chỉ huy, điều hành giao thông, giải quyết tai nạn giao thông, tuân tra kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác liên quan tới giao thông đường bộ; cung cấp thông tin về tình trạng giao thông cho người tham gia giao thông; nghiên cứu giải pháp bảo đảm giao thông đường bộ an toàn, thông suốt;</p> <p>Trung tâm chỉ huy giao thông do lực lượng Cảnh sát giao thông quản lý, vận hành, khai thác; hoạt động thường xuyên, liên tục. Trung tâm chỉ huy giao thông quốc gia kết nối với Trung tâm chỉ huy giao thông địa phương và chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành. Trung tâm chỉ huy giao thông gồm các công trình xây dựng, các hệ thống thiết bị công nghệ:</p> <p>a) Hệ thống đèn tín hiệu giao thông đường bộ;</p> <p>b) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>c) Hệ thống cơ sở dữ liệu điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ;</p> <p>d) Hệ thống kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ dữ liệu thiết bị giám sát hành trình;</p> <p>đ) Cơ sở dữ liệu khác theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật này.</p> <p>3. Điều khiển giao thông là hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền điều khiển giao thông để chỉ huy hoạt động giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Điều khiển giao thông được thực hiện thông qua:</p> <p>a) Điều khiển hệ thống đèn tín hiệu giao thông và các báo hiệu đường bộ khác; điều khiển Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh;</p> <p>b) Đặt biển báo hiệu tạm thời, tín hiệu tạm thời, phân lại luồng, phân lại tuyến, nơi dừng xe, đỗ xe khi có tình huống đột xuất quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật này;</p>	<p>huy giao, thông suốt, được thực hiện thông qua:</p> <p>a) Hoạt độngNgười có thẩm quyền chỉ huy điều khiển giao thông của người điều khiển giao thông;</p> <p>b) Trung tâm chỉ huy giao thông;</p> <p>c) Thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông thông minh.</p> <p><u>2.2. Điều khiển giao thông là hoạt động trực tiếp hướng dẫn giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn, thông suốt, được thực hiện thông qua:</u></p> <p><u>a) Người điều khiển giao thông;</u></p> <p><u>b) Đặt biển báo hiệu tạm thời, tín hiệu tạm thời;</u></p> <p><u>c) Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống đèn tín hiệu giao thông, các báo hiệu đường bộ khác, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy giao thông.</u></p> <p><u>3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.</u></p> <p>Điều 74. Trung tâm chỉ huy giao thông</p> <p><u>1. Trung tâm chỉ huy giao thông là nơi thu thập, lưu trữ, phân tích, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin về tình hình <u>trật tự, an toàn</u> giao thông <u>đường bộ</u> phục vụ chỉ huy, điều hành<u>kiểm</u> giao thông, giải quyết tai nạn giao thông, tuân tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u>, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác liên quan tới giao thông đường bộ; cung cấp thông tin về tình trạng giao thông cho người tham gia giao thông; nghiên cứu giải pháp bảo đảm giao thông đường bộ an toàn, thông suốt; ;</u></p> <p><u>2. Trung tâm chỉ huy giao thông <u>bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thiết bị công nghệ và cơ sở dữ liệu</u> do lực lượng Cảnh sát giao thông quản lý, vận hành, khai thác; hoạt động thường xuyên, liên tục.</u></p> <p><u>3. Trung tâm chỉ huy giao thông, gồm:</u> Trung tâm chỉ huy giao thông quốc gia kết nối với, Trung tâm chỉ huy giao thông địa phương và; <u>được kết nối</u>, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành;</p> <p><u>4. Trung tâm chỉ huy giao thông <u>gồm các công trình xây dựng, được kết nối với</u> các hệ thống thiết bị công nghệ; <u>cơ sở dữ liệu sau đây:</u></u></p> <p>a) Hệ thống đèn tín hiệu giao thông đường bộ;</p> <p>b) Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>c) Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Pattern: Clear

Formatted: Font: Not Italic, Pattern: Clear

Formatted: Pattern: Clear

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>c) Bổ trí người điều khiển giao thông để hướng dẫn người và phương tiện tham gia giao thông.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật; quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác Trung tâm chỉ huy giao thông; quy định chi tiết về điều khiển giao thông.</p>	<p>thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe;</p> <p>d) Hệ thống camera giám sát trên tuyến giao thông, đô thị;</p> <p>đ) Thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông; thiết bị phục vụ công tác điều khiển giao thông, điều tra, kiểm soát và điều tra giải quyết tai nạn giao thông đường bộ tại hiện trường;</p> <p>đ) Hệ) Trung tâm quản lý hệ thống kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ dữ liệu giao thông thông minh;</p> <p>g) Công trình kiểm soát tải trọng xe cơ giới, hệ thống thiết bị giám sát hành trình kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới;</p> <p>đh) Cơ sở dữ liệu khác theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật này.</p> <p>3. Điều khiển giao thông là hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền điều khiển giao thông để chỉ huy hoạt động giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Điều khiển giao thông được thực hiện thông qua:</p> <p>a) Điều khiển hệ thống đèn tín hiệu giao thông và các báo hiệu đường bộ khác; điều khiển Thiết bị chỉ huy giao thông thông minh;</p> <p>b) Đặt biển báo hiệu tạm thời, tín hiệu tạm thời, phân lại luồng, phân lại tuyến, nơi dừng xe, đỗ xe khi có tình huống đột xuất quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật này;</p> <p>c) Bổ trí người điều khiển giao thông để hướng dẫn người và phương tiện tham gia giao thông.</p> <p>4.5. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật; về Trung tâm chỉ huy giao thông; quy định về xây dựng, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác hoạt động của Trung tâm chỉ huy giao thông; quy định chi tiết về điều khiển giao thông.</p>
<p>Điều 68. Giải quyết tình huống đột xuất gây mất an toàn giao thông trên đường bộ</p> <p>1]. Tình huống đột xuất trên đường bộ gồm: ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông; hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thiên tai, cháy, nổ gây mất an toàn giao thông; tình huống phức tạp về an ninh, trật tự trên đường bộ.</p> <p>2]. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện tình huống đột xuất trên đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này, kịp thời báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất hoặc cơ quan quản lý đường bộ theo quy định; trường hợp cần thiết có biện pháp báo ngay cho người tham gia giao</p>	<p>Điều 68.75. Giải quyết tình huống đột xuất gây mất trật tự, an toàn giao thông trên đường bộ</p> <p>1. Tình huống đột xuất trên đường bộ gồm: ùn tắc giao thông; tai nạn giao thông; hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thiên tai, cháy, nổ gây mất an toàn giao thông; tình huống phức tạp về an ninh, trật tự trên đường bộ.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện tình huống đột xuất trên đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này, kịp thời báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất hoặc cơ quan quản lý đường bộ theo quy định; trường hợp <u>phát hiện vụ tai nạn giao thông phải báo ngay cho cơ quan, tổ chức</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Tab stops: Not at 1.69 cm + 8 cm

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Tab stops: 7 cm, Left

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>thông biết.</p> <p>3. Cơ quan Công an khi phát hiện, tiếp nhận thông tin về tình huống đột xuất trên đường bộ, có trách nhiệm:</p> <p>a) Tổ chức ngay lực lượng đến nơi xảy ra tình huống đột xuất để chỉ huy, điều khiển giao thông theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 67 Luật này;</p> <p>b) Thông báo cho người tham gia giao thông;</p> <p>c) Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết;</p> <p>d) Thực hiện các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm khắc phục kịp thời các hư hỏng về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gây mất an toàn.</p> <p>5. Trường hợp xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật này.</p>	<p><u>quy định tại khoản 1 Điều 80 của Luật này; khi xét thấy</u> cần thiết có biện pháp <u>cảnh</u> báo ngay cho người tham gia giao thông biết.</p> <p>3. Cơ quan Công an, <u>cơ quan quản lý đường bộ</u> khi phát hiện, <u>hoặc</u> tiếp nhận thông tin về tình huống đột xuất trên đường bộ, <u>theo chức năng, nhiệm vụ</u> có trách nhiệm:</p> <p>a) Tổ chức ngay lực lượng đến nơi xảy ra tình huống đột xuất để <u>chỉ huy, điều khiển</u> bảo đảm trật tự, an toàn giao thông <u>theo đường bộ tại nơi xảy ra tình huống</u>;</p> <p>b) <u>Thực hiện các biện pháp được</u> quy định tại khoản <u>1, khoản 3</u> Điều <u>67 Luật này; 73</u>;</p> <p>b) Thông báo cho người tham gia giao thông;</p> <p>c) <u>Khắc phục kịp thời các hư hỏng về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gây mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ</u>;</p> <p>d) Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ <u>phải kịp thời</u> thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết;</p> <p>đ) Thực hiện các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm khắc phục kịp thời các hư hỏng về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gây mất an toàn.</p> <p>5. Trường hợp xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật này.</p>
<p>Điều 69. Chỉ huy, điều khiển giao thông đối với trường hợp sử dụng lòng đường, hè phố vào mục đích khác</p> <p>1. Lòng đường, hè phố được sử dụng cho mục đích giao thông. Trường hợp cần thiết được sử dụng phục vụ các sự kiện chính trị, hoạt động văn hoá, thể thao và mục đích khác, phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng lòng đường, hè phố vào mục đích khác theo quy định và thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trước khi thực hiện.</p> <p>2. Cơ quan Cảnh sát giao thông có trách nhiệm:</p> <p>a) Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; dẫn đoàn theo quy định;</p> <p>b) Thông báo phương án phân luồng giao thông tạm thời;</p> <p>c) Giải quyết các tình huống gây mất an ninh, trật tự.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.</p>	<p>Điều 69. Chỉ huy, điều khiển <u>76. Bảo đảm trật tự, an toàn</u> giao thông đối với trường hợp sử dụng lòng đường, <u>via</u> hè phố vào mục đích khác</p> <p>1. Lòng đường, hè phố được sử dụng cho mục đích giao thông; <u>via</u> hè phố được sử dụng cho người đi bộ. Trường hợp cần thiết được sử dụng <u>lòng đường, via</u> hè phố phục vụ các sự kiện chính trị, hoạt động văn hoá, thể thao và mục đích khác; phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng lòng đường, hè phố vào mục đích khác theo quy định và thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u> trước khi thực hiện.</p> <p><u>22. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lòng đường, via</u> hè phố phục vụ các sự kiện chính trị, hoạt động văn hoá, thể thao và mục đích khác <u>phải có phương án sử dụng lòng đường, via</u> hè phố và xin phép cơ quan có thẩm quyền; chỉ được sử dụng đúng mục đích khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép; chấp hành các yêu cầu của lực lượng Cảnh sát</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Not Strikethrough

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHÍNH LÝ
	<p><u>giao thông; không làm mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hoàn trả nguyên trạng lòng đường, vỉa hè sau khi kết thúc việc sử dụng.</u></p> <p>3. Cơ quan Cảnh sát giao thông có trách nhiệm:</p> <p>a) Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u>; dẫn đoàn theo quy định;</p> <p>b) Thông báo, <u>thực hiện</u> phương án phân luồng giao thông tạm thời;</p> <p>c) Giải quyết các tình huống gây mất an ninh, trật tự: <u>trường hợp sử dụng lòng đường, vỉa hè không đảm bảo yêu cầu về an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ thì tạm thời đình chỉ hoạt động, kiến nghị cơ quan cấp phép điều chỉnh giấy phép cho phù hợp.</u></p> <p><u>3.4.</u> Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.</p>
<p>Điều 72. Giải quyết ùn tắc giao thông</p> <p>Cơ quan Cảnh sát giao thông khi tiếp nhận thông tin về ùn tắc giao thông phải tiến hành các biện pháp giải quyết theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 67 Luật này và có trách nhiệm:</p> <p>1. Khảo sát, phân tích, đánh giá về tốc độ di chuyển, mật độ, lưu lượng phương tiện giao thông, bất hợp lý về tổ chức giao thông đường bộ để xác định quy luật, nguyên nhân, điều kiện xảy ra ùn tắc giao thông.</p> <p>2. Chỉ huy, điều khiển giao thông và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về biện pháp phòng ngừa, giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông.</p>	<p>Điều 72.77. Giải quyết, <u>khắc phục</u> ùn tắc giao thông</p> <p>Cơ quan Cảnh sát giao thông khi tiếp nhận thông tin về <u>1. Khi xảy tình huống đột xuất ùn tắc giao thông, Cảnh sát giao thông</u> phải tiến hành các biện pháp giải quyết theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 67 <u>75</u> Luật này và có trách nhiệm:</p> <p>1. Khảo sát, phân tích, đánh giá về tốc độ di chuyển, mật độ, lưu lượng</p> <p><u>2. Khi xuất hiện tình trạng ùn tắc giao thông phải tiến hành các biện pháp sau đây:</u></p> <p>a) Cơ quan Cảnh sát giao thông có phương tiện giao thông, bất hợp lý về tổ chức giao thông đường bộ để xác định quy luật, nguyên nhân, điều kiện xảy ra ùn tắc giao thông.</p> <p>2. Chỉn chỉ huy, điều khiển giao thông và; xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ-</p> <p>3. Kiến; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về biện pháp <u>giải quyết, phòng ngừa; tình trạng ùn tắc giao thông;</u></p> <p>b) Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xác định nguyên nhân của tình trạng ùn tắc giao thông; có biện pháp giải quyết <u>theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết;</u></p> <p>c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Cảnh sát giao thông, cơ quan quản lý đường bộ thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giải quyết, khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông.</p>
<p>Điều 71. Kiến nghị về an toàn giao thông đối với công trình đường</p>	<p>Điều 71.78. Kiến nghị về <u>trật tự, an toàn giao thông đường bộ</u> đối</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>hộ đang khai thác sử dụng</p> <p>1. Cơ quan Cảnh sát giao thông khi tiếp nhận thông tin về các yếu tố có nguy cơ mất an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác, vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật này hoặc thông qua thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, tổ chức khảo sát giao thông nếu phát hiện các yếu tố có nguy cơ mất an toàn đối với công trình giao thông đường bộ, các bất hợp lý về tổ chức giao thông, có trách nhiệm:</p> <p>a) Xử lý, khắc phục trong phạm vi quản lý hoặc kiến nghị cơ quan quản lý công trình đường bộ xử lý, khắc phục kịp thời;</p> <p>b) Trường hợp cần thiết, thực hiện theo khoản 1, khoản 3 Điều 67 Luật này hoặc tạm thời đình chỉ hoạt động giao thông tuyến đường nếu thấy không bảo đảm an toàn giao thông.</p> <p>2. Cơ quan quản lý công trình đường bộ đang khai thác, vận hành có trách nhiệm:</p> <p>a) Tiếp nhận, kiểm tra và có kế hoạch xử lý, khắc phục các yếu tố có nguy cơ mất an toàn đối với giao thông đường bộ theo quy định và thông báo kết quả xử lý, khắc phục cho cơ quan Cảnh sát giao thông, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm liên đới nếu để xảy ra hậu quả do hành vi không xử lý, khắc phục các yếu tố gây mất an toàn giao thông theo quy định tại điểm a khoản này.</p>	<p>với công trình đường bộ đang khai thác sử dụng</p> <p>1. Cơ quan Cảnh sát giao thông khi tiếp nhận thông tin về các yếu tố có nguy cơ mất an toàn như <u>hồng kết cấu hạ tầng</u> giao thông <u>đối với công trình</u> đường bộ <u>đang khai thác, vận hành</u> theo quy định tại khoản 1 Điều 6875 Luật này hoặc <u>thông qua thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, tổ chức khảo sát giao thông nếu</u> <u>trực tiếp</u> phát hiện các yếu tố có nguy cơ mất an toàn đối với công trình giao thông đường bộ, các bất hợp lý về tổ chức giao thông, có trách nhiệm:</p> <p>a) Xử lý, khắc phục trong phạm vi quản lý hoặc kiến nghị cơ quan quản lý công trình đường bộ xử lý, khắc phục kịp thời;</p> <p>b) Trường hợp cần thiết, thực hiện <u>theo khoản 1, khoản 3 các biện pháp chỉ huy, điều khiển giao thông quy định tại</u> Điều 6773 Luật này hoặc tạm thời đình chỉ hoạt động giao thông tuyến đường nếu thấy không bảo đảm <u>trật tự, an toàn giao thông đường bộ</u>.</p> <p>2. Cơ quan quản lý công trình đường bộ <u>đang khai thác, vận hành</u> có trách nhiệm:</p> <p>a) Tiếp nhận, kiểm tra và <u>có kế hoạch xử lý</u>, khắc phục các yếu tố có nguy cơ mất an toàn đối với giao thông đường bộ theo quy định <u>và</u>, thông báo kết quả <u>xử lý</u>, khắc phục cho cơ quan Cảnh sát giao thông, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm <u>liên đới</u> nếu để xảy ra hậu quả do <u>hành vi</u> không xử lý, khắc phục các yếu tố gây mất an toàn giao thông theo quy định tại điểm a khoản này.</p>
<p style="text-align: center;">Chương VII</p> <p style="text-align: center;">GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>	<p style="text-align: center;">Chương VII</p> <p style="text-align: center;">GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>
<p>Điều 73. Trách nhiệm của người điều khiển phương tiện, người liên quan và người có mặt tại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Người điều khiển phương tiện, người liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Dừng ngay phương tiện, cảnh báo nguy hiểm, giữ nguyên hiện trường, trợ giúp người bị nạn và báo tin cho cơ quan Công an, Y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;</p> <p>b) Ở lại hiện trường vụ tai nạn giao thông cho đến khi người của cơ</p>	<p>Điều 73.79. Trách nhiệm của người điều khiển phương tiện, người liên quan và người có mặt tại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Người điều khiển phương tiện, người liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Dừng ngay phương tiện, cảnh báo nguy hiểm, giữ nguyên hiện trường, trợ giúp người bị nạn và báo tin cho cơ quan Công an, <u>Y tế cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</u> hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;</p> <p>b) Ở lại hiện trường vụ tai nạn giao thông cho đến khi người của cơ</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Tab stops: Not at 8 cm + 12.85 cm

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>quan Công an đến, trừ trường hợp phải đi cấp cứu, đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc xét thấy bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe nhưng phải đến trình báo ngay cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;</p> <p>c) Cung cấp thông tin xác định danh tính về bản thân, người liên quan đến vụ tai nạn giao thông và thông tin liên quan của vụ tai nạn giao thông cho cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2) Người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Bảo vệ hiện trường;</p> <p>b) Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;</p> <p>c) Báo tin ngay cho cơ quan Công an, Y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;</p> <p>d) Bảo vệ tài sản của người bị nạn;</p> <p>đ) Cung cấp thông tin liên quan về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>3. Người quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu sử dụng phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông trong trường hợp không có phương tiện nào khác để đưa nạn nhân đi cấp cứu phải đánh dấu vị trí phương tiện, vị trí nạn nhân trên hiện trường không được làm thay đổi, mất dấu vết liên quan đến vụ tai nạn giao thông. Trường hợp có người chết phải giữ nguyên hiện trường và che đậy thi thể.</p> <p>4. Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm chở người bị thương đi cấp cứu. Các xe ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao không bắt buộc thực hiện quy định tại khoản này.</p>	<p>quan Công an đến, trừ trường hợp phải đi cấp cứu, đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc xét thấy bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe nhưng phải đến trình báo ngay cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;</p> <p>c) Cung cấp thông tin xác định danh tính về bản thân, người liên quan đến vụ tai nạn giao thông và thông tin liên quan của vụ tai nạn giao thông cho cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn <u>giao thông</u> có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Bảo vệ hiện trường;</p> <p>b) Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;</p> <p>eb) Báo tin ngay cho cơ quan Công an, <u>Y-tế cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</u> hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;</p> <p>c) Tham gia bảo vệ hiện trường;</p> <p>d) Bảo <u>Tham gia bảo</u> vệ tài sản của người bị nạn;</p> <p>đ) Cung cấp thông tin liên quan về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>3. Người <u>được</u> quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu sử dụng phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông trong trường hợp không có phương tiện nào khác để đưa nạn nhân đi cấp cứu phải đánh dấu vị trí phương tiện, vị trí nạn nhân trên hiện trường không được làm thay đổi, mất dấu vết liên quan đến vụ tai nạn giao thông. Trường hợp có người chết phải giữ nguyên hiện trường và che đậy thi thể.</p> <p>4. Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm chở người bị thương đi cấp cứu. Các xe ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao không bắt buộc thực hiện quy định tại khoản này.</p>
<p>Điều 74. Phát hiện, tiếp nhận, xử lý tin báo tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện vụ tai nạn giao thông phải báo ngay cho cơ quan Công an, Y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.</p> <p>2. Cơ quan Công an nơi gần nhất khi nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông phải tổ chức ngay lực lượng đến hiện trường giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định.</p> <p>3. Cơ sở y tế cấp cứu ban đầu người bị nạn do tai nạn giao thông</p>	<p>Điều 74.80. Phát hiện, tiếp nhận, xử lý tin báo tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện vụ tai nạn giao thông phải báo ngay cho cơ quan Công an, <u>Y-tế cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</u> hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.</p> <p>2. Cơ quan Công an <u>nơi gần nhất</u> khi nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông phải tổ chức ngay lực lượng đến hiện trường <u>thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 3 Điều 75 của Luật này và các biện pháp khác để</u> giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>đường bộ có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm khi nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông phải trực tiếp hoặc ủy quyền cho người đại diện của doanh nghiệp đến hiện trường phối hợp với đơn vị giải quyết vụ tai nạn giao thông.</p> <p>5. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2 Điều này.</p>	<p>3. Cơ sở y-tê<u>khám bệnh, chữa bệnh</u> cấp cứu ban đầu người bị <u>tai</u> nạn do tai nạn giao thông đường bộ có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất; <u>thực hiện xét nghiệm nồng độ cồn, chất ma túy hoặc các chất kích thích khác trong máu của người điều khiển phương tiện theo đề nghị của cơ quan Công an hoặc theo chỉ định của bác sĩ. Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không đủ điều kiện xét nghiệm, phải lấy mẫu máu bảo quản và chuyển mẫu máu theo đúng quy định đến cơ sở xét nghiệm.</u></p> <p><u>4.4. Ủy ban nhân dân nơi gần nhất khi nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông phải thông tin cho cơ quan công an có thẩm quyền để giải quyết.</u></p> <p><u>5.</u> Doanh nghiệp bảo hiểm khi nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông phải trực tiếp hoặc ủy quyền cho người đại diện của doanh nghiệp đến hiện trường phối hợp với đơn vị giải quyết vụ tai nạn giao thông.</p> <p><u>5.6.</u> Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2 Điều này.</p>
<p>Điều 75. Cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Cơ quan Công an chủ trì, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác phối hợp tổ chức lực lượng, công cụ, phương tiện nhanh chóng có mặt tại hiện trường để cứu nạn, cứu hộ. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vụ tai nạn giao thông, cơ quan Công an có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để huy động lực lượng, phương tiện giải quyết vụ tai nạn giao thông trong trường hợp cần thiết.</p> <p>2. Cơ sở Y tế phải bố trí, phân công người, phương tiện sẵn sàng và nhanh chóng có mặt tại hiện trường để sơ cứu, vận chuyển, cấp cứu nạn nhân sau khi tiếp nhận tin báo vụ tai nạn giao thông; hỗ trợ, cứu chữa nạn nhân bị tai nạn giao thông trong mọi trường hợp.</p> <p>3. Trường hợp có người chết mà không rõ tung tích, không có thân nhân hoặc thân nhân không có khả năng chôn cất, sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông đồng ý cho chôn cất, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm tổ chức chôn cất.</p> <p>4. Trường hợp tai nạn giao thông liên quan đến phương tiện giao thông chờ hàng nguy hiểm phải thông báo ngay cho đơn vị chức năng về giải quyết hóa chất độc hại, vật liệu cháy nổ; đồng thời phong tỏa hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông; tổ chức phân luồng giao thông, cấm người, phương tiện đi vào khu vực tai nạn.</p>	<p>Điều 75.81<u>75-81</u>. Cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Cơ quan Công an chủ trì, <u>phối hợp với</u> các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác phối hợp tổ chức lực lượng, công cụ, phương tiện nhanh chóng có mặt tại hiện trường để cứu nạn, cứu hộ. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vụ tai nạn giao thông, cơ quan Công an có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để huy động lực lượng, phương tiện giải quyết vụ tai nạn giao thông trong trường hợp cần thiết.</p> <p>2. Cơ sở Y-tê<u>khám bệnh, chữa bệnh</u> phải bố trí, phân công người, phương tiện sẵn sàng và nhanh chóng có mặt tại hiện trường để sơ cứu, vận chuyển, cấp cứu nạn nhân sau khi tiếp nhận tin báo vụ tai nạn giao thông; hỗ trợ, cứu chữa nạn nhân bị tai nạn giao thông trong mọi trường hợp.</p> <p>3. <u>Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an bố trí phương tiện cứu hộ phương tiện bị tai nạn giao thông trong trường hợp cần thiết.</u></p> <p>4. Trường hợp có người chết mà không rõ tung tích, không có thân nhân hoặc thân nhân không có khả năng chôn cất, sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông đồng ý cho chôn cất, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm tổ chức chôn cất.</p> <p><u>4.5.</u> Trường hợp tai nạn giao thông liên quan đến phương tiện giao</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Italian (Italy)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p>thông chở hàng nguy hiểm <u>cor quan công an chủ trì giải quyết vụ việc</u> phải thông báo ngay cho đơn vị chức năng về giải quyết hóa chất độc hại, vật liệu cháy nổ; đồng thời phong tỏa hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông; tổ chức phân luồng giao thông, cấm người, phương tiện đi vào khu vực tai nạn.</p>
<p>Điều 76. Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Nguyên tắc điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>a) Tất cả các vụ tai nạn giao thông xảy ra phải được điều tra, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, đúng quy định của pháp luật;</p> <p>b) Cơ quan Công an có thẩm quyền chịu trách nhiệm tổ chức điều tra, giải quyết tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật; trường hợp vụ tai nạn giao thông liên quan đến người, phương tiện do Quân đội quản lý có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho Cơ quan điều tra quân sự điều tra, giải quyết. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm phối hợp giải quyết;</p> <p>c) Không lợi dụng công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông để xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Đối với các vụ tai nạn giao thông liên quan đến người và phương tiện của các cơ quan ngoại giao có trụ sở tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.</p> <p>2. Nội dung điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>a) Kiểm tra nồng độ cồn, chất ma túy và các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người điều khiển phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông;</p> <p>b) Khám nghiệm hiện trường, phương tiện, tử thi, công trình đường bộ, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến vụ tai nạn giao thông;</p> <p>c) Tạm giữ phương tiện, đồ vật, thông tin, tài liệu, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người điều khiển phương tiện;</p> <p>d) Ghi lời khai của những người điều khiển phương tiện; người bị nạn; người làm chứng và những người có liên quan khác trong vụ tai nạn</p>	<p>Điều 76.82. Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Nguyên tắc điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ <u>được quy định như sau:</u></p> <p>a) Tất cả các vụ tai nạn giao thông xảy ra phải được điều tra, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, đúng quy định <u>của</u> pháp luật;</p> <p>b) Cơ quan Công an có thẩm quyền chịu trách nhiệm tổ chức điều tra, giải quyết<u>Người gây</u> tai nạn giao thông <u>đường bộ tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường</u> theo quy định của pháp luật; trường hợp vụ tai nạn giao thông liên quan đến người, phương tiện do Quân đội quản lý có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho Cơ quan điều tra quân sự điều tra, giải quyết.</p> <p>c) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm phối hợp giải quyết;</p> <p><u>ed)</u> Không <u>được lợi dụng, lạm dụng</u> công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông để xâm phạm lợi ích của <u>nhà</u> nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;</p> <p><u>đd)</u> Đối với các vụ tai nạn giao thông liên quan đến người và phương tiện của các<u> cơ quan đại diện</u> ngoại giao có trụ sở, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam<u> các cơ quan này.</u></p> <p>2. Nội<u>Đối với tai nạn giao thông đường bộ có dấu hiệu tội phạm, việc điều tra giải quyết thực hiện theo quy định pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự. Đối với tai nạn giao thông đường bộ chưa xác định có dấu hiệu tội phạm, nội</u> dung điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ <u>bao gồm:</u></p> <p>a) Kiểm tra nồng độ cồn, chất ma túy và các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng và<u> đối với</u> người điều khiển phương tiện liên</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHÍNH LÝ
<p>giao thông;</p> <p>đ) Xem xét dấu vết trên thân thẻ người bị nạn; kiểm tra, xác minh phương tiện, người điều khiển phương tiện; hành khách, hàng hóa vận chuyển và các loại giấy tờ khác có liên quan;</p> <p>e) Giám định chuyên môn; dựng lại hiện trường.</p> <p>3. Kết luận vụ tai nạn giao thông: Xác định diễn biến, nguyên nhân, lỗi và điều kiện liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông và đề xuất, kiến nghị.</p> <p>Đề xuất xử lý vụ tai nạn giao thông và kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khắc phục những sơ hở, thiếu sót nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông.</p>	<p>quan đến tai nạn giao thông;</p> <p>b) Khám nghiệm hiện trường, phương tiện, tử thi, công trình đường bộ; thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan <u>trực tiếp</u> đến vụ tai nạn giao thông; <u>thu thập thông tin, dữ liệu điện tử; xác định hậu quả thiệt hại về người và tài sản do vụ tai nạn giao thông gây ra;</u></p> <p>c) Tam giữ phương tiện, đồ vật, thông tin, tài liệu, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người điều khiển phương tiện;</p> <p>d) Ghi lời khai của những người điều khiển phương tiện; người bị nạn; người làm chứng và những người có liên quan khác trong vụ tai nạn giao thông;</p> <p>đ) Xem xét dấu vết trên thân thẻ người bị nạn; kiểm tra, xác minh <u>điều kiện cần và đủ của</u> phương tiện, người điều khiển phương tiện <u>khi tham gia giao thông đường bộ</u>; hành khách, hàng hóa vận chuyển và các loại giấy tờ khác có liên quan;</p> <p><u>ee) Truy tìm phương tiện, người điều khiển phương tiện gây tai nạn;</u></p> <p><u>g) Giám định chuyên môn; dựng lại hiện trường;</u></p> <p><u>h) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>3. Kết luận vụ tai nạn giao thông: Xác phải xác định diễn biến, <u>hậu quả thiệt hại</u>, nguyên nhân, lỗi và điều kiện liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông và; đề xuất, kiến nghị.</p> <p><u>Đề</u> xuất xử lý vụ tai nạn giao thông và kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khắc phục những sơ hở, thiếu sót nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u>.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông.</p>
<p>Điều 77. Thống kê tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Thông tin về tai nạn giao thông đường bộ phải được thống kê chính xác, đầy đủ, kịp thời.</p> <p>2. Các cơ quan có thẩm quyền điều tra, giải quyết tai nạn giao thông có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, kết quả điều tra, giải quyết cho cơ quan Cảnh sát giao thông có thẩm quyền để phục vụ thống kê, tổng hợp về tai nạn giao thông.</p> <p>3. Kết quả thống kê, tổng hợp về tai nạn giao thông phục vụ nghiên cứu, đề ra các giải pháp phòng ngừa tai nạn giao thông.</p> <p>4. Chính phủ quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, ban</p>	<p>Điều 77-83. Thống kê tai nạn giao thông đường bộ</p> <p>1. Thông tin về tai nạn giao thông đường bộ phải được thống kê chính xác, đầy đủ, kịp thời; <u>kết quả thống kê, tổng hợp về tai nạn giao thông đường bộ phục vụ nghiên cứu, đề ra các giải pháp phòng ngừa tai nạn giao thông đường bộ.</u></p> <p>2. Các<u>Cơ quan Cảnh sát giao thông chủ trì, phối hợp thống kê tai nạn giao thông đường bộ;</u></p> <p><u>3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cung cấp thông tin thống kê người bị tai nạn giao thông đường bộ vào khám bệnh, chữa bệnh tại cơ quansở khám bệnh, chữa bệnh cho cơ quan Cảnh sát giao thông.</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: English (U.S.)

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Italian (Italy)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
ngành về số liệu thống kê tai nạn giao thông đường bộ.	<p>4. Cơ quan khác có thẩm quyền điều tra, giải quyết tai nạn giao thông có trách nhiệm phải cung cấp thông tin, tài liệu, kết quả điều tra, giải quyết cho cơ quan Cảnh sát giao thông có thẩm quyền để phục vụ thống kê, tổng hợp về tai nạn giao thông- <u>đường bộ và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ.</u></p> <p>3. Kết quả thống kê, tổng hợp về tai nạn giao thông phục vụ nghiên cứu, đề ra các giải pháp phòng ngừa tai nạn giao thông.</p> <p>4.5. Chính phủ quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành về số liệu thống kê tai nạn giao thông đường bộ.</p>
	<p><u>Điều 84. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ</u></p> <p><u>1. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, được hình thành ở Trung ương để huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ.</u></p> <p><u>2. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây:</u></p> <p><u>a) Hỗ trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước;</u></p> <p><u>b) Từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>3. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ được ưu tiên chi các hoạt động sau đây:</u></p> <p><u>a) Hỗ trợ nạn nhân, gia đình nạn nhân do tai nạn giao thông đường bộ gây ra;</u></p> <p><u>b) Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; tổ chức, cá nhân tham gia tuyên truyền giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ mà không được nhà nước bảo đảm kinh phí.</u></p> <p><u>4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ:</u></p> <p><u>a) Không vì mục đích lợi nhuận;</u></p> <p><u>b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch;</u></p> <p><u>c) Hỗ trợ cho các hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; không được chi trùng với ngân sách nhà nước.</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p><u>5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này; quy định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ.</u></p>
<p align="center">Chương VIII QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>	<p align="center">Chương VIII QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</p>
<p>Điều 78. Nội dung quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <ol style="list-style-type: none"> Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Quản lý phương tiện giao thông đường bộ. Quản lý người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ. Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ. Tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện về công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Thống kê, tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Hợp tác quốc tế về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. 	<p>Điều 78.85. Nội dung quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <ol style="list-style-type: none"> Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Quản lý phương tiện giao thông đường bộ. Quản lý người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ. <u>Chỉ huy, điều khiển Tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn</u> giao thông đường bộ. <u>Chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ.</u> 8. Điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ. Tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. <u>Đào tạo, xây dựng lực lượng trực tiếp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện về công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</u> Thống kê, tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Hợp tác quốc tế về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>Điều 79. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; xây dựng lực lượng Cảnh sát giao thông chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.</p> <p>3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới theo quy định của Luật này.</p> <p>4. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về phương tiện và người điều khiển phương tiện cho lực lượng quân đội làm nhiệm vụ quốc phòng.</p> <p>5. Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý điều kiện về sức khỏe của người lái xe tham gia giao thông; cung cấp thông tin thống kê người bị tai nạn giao thông đường bộ cho Bộ Công an.</p> <p>6. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>7. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại địa phương.</p>	<p>Điều 79.86. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước <u>là đầu mối giúp</u> Chính phủ thực hiện <u>thống nhất</u> quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; xây dựng lực lượng Cảnh sát giao thông chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông <u>đường bộ</u>.</p> <p>3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, <u>xe máy chuyên dùng</u> theo quy định của Luật này.</p> <p>4. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phương tiện <u>giao thông đường bộ</u> và người điều khiển phương tiện <u>giao thông đường bộ</u> cho lực lượng quân đội làm nhiệm vụ quốc phòng.</p> <p>5. Bộ Y tế có trách nhiệm thực hiện quản lý <u>nhà nước về</u> điều kiện về sức khỏe của người lái xe, <u>người điều khiển xe máy chuyên dùng</u> tham gia giao thông; cung cấp thông tin thống kê người bị tai nạn giao thông đường bộ cho.</p> <p><u>6. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị an toàn cho trẻ em phù hợp theo từng độ tuổi trên xe ô tô và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ bảo hiểm cho người đi xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp máy, xe đạp điện.</u></p> <p>6.7. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>7.8. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại địa phương.</p>
<p style="text-align: center;">Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p style="text-align: center;">Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>
<p>Điều 80. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.</p>	<p>Điều 80.87. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày <u>-01</u> tháng <u>-01</u> năm <u>2024</u>.</p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Vietnamese

Formatted: Italian (Italy)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: English (U.S.)

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
<p>2. Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.</p>	<p>2. Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 hết hiệu lực kể từ ngày 2025, trừ khoản 3 Điều 10 của Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.</p>
<p>Điều 81. Quy định chuyển tiếp</p> <p>1. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên Giấy phép lái xe.</p> <p>2. Giấy phép lái xe không thời hạn được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2012 phải được đổi sang giấy phép lái xe mới theo lộ trình do Chính phủ quy định.</p> <p>3. Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng./</p>	<p>Điều 81-88. Quy định chuyển tiếp</p> <p>1. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị<u>được tiếp tục</u> sử dụng theo thời hạn ghi trên Giấy phép lái xe.</p> <p>2-2. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nếu chưa thực hiện đổi, cấp lại có hiệu lực sử dụng như sau:</p> <p><u>a) Giấy phép lái xe hạng A1 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện từ 04kw đến dưới 14kw;</u></p> <p><u>b) Giấy phép lái xe hạng A2 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 175 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14kw trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</u></p> <p><u>c) Giấy phép lái xe hạng A3 được tiếp tục điều khiển xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và các xe tương tự;</u></p> <p><u>d) Giấy phép lái xe hạng A4 được tiếp tục điều khiển máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg;</u></p> <p><u>đ) Giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người không hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô số tự động chở người đến 9 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng số tự động có trọng tải dưới 3.500 kg;</u></p> <p><u>e) Giấy phép lái xe hạng B1 cấp cho người không hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;</u></p> <p><u>g) Giấy phép lái xe hạng B2 cấp cho người hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;</u></p> <p><u>h) Giấy phép lái xe hạng C được tiếp tục điều khiển xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2 quy định tại điểm đ, e, g khoản 2 Điều này;</u></p> <p><u>i) Giấy phép lái xe hạng D được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người từ</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.), Strikethrough

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p><u>10 đến 30 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C quy định tại điểm đ, e, g, h khoản 2 Điều này;</u></p> <p><u>k) Giấy phép lái xe hạng E được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D quy định tại điểm đ, e, g, h, i khoản 2 Điều này;</u></p> <p><u>l) Giấy phép lái xe hạng FB2, FD được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2, D quy định tại điểm g, i khoản 2 Điều này khi kéo rơ moóc; Giấy phép lái xe hạng FC được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng C quy định tại điểm h khoản 2 Điều này khi kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; Giấy phép lái xe hạng FE được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng E quy định tại điểm k khoản 2 Điều này khi kéo rơ moóc hoặc xe ô tô chở khách nổi toa.</u></p> <p><u>3. Trường hợp người có giấy phép lái xe đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành khi đổi, cấp lại được thực hiện như sau:</u></p> <p><u>a) Giấy phép lái xe hạng A1 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh đến 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến 14kw;</u></p> <p><u>b) Giấy phép lái xe hạng A2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A;</u></p> <p><u>c) Giấy phép lái xe hạng A3 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B1;</u></p> <p><u>d) Giấy phép lái xe hạng A4 được đổi, cấp lại sang chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng;</u></p> <p><u>đ) Giấy phép lái xe hạng B1 số tự động được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B với điều kiện hạn chế điều khiển xe ô tô số tự động;</u></p> <p><u>e) Giấy phép lái xe hạng B1, B2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng C1 và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;</u></p> <p><u>g) Giấy phép lái xe hạng C giữ nguyên và đổi, cấp lại cùng hạng và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;</u></p> <p><u>h) Giấy phép lái xe hạng D được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2 và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;</u></p> <p><u>i) Giấy phép lái xe hạng E được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QH KỲ HỌP THỨ 6	DỰ THẢO LUẬT ĐÃ TIẾP THU, CHỈNH LÝ
	<p><u>D và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;</u></p> <p><u>k) Giấy phép lái xe hạng FB2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng C1E và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;</u></p> <p><u>l) Giấy phép lái xe hạng FC được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng CE và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;</u></p> <p><u>m) Giấy phép lái xe hạng FD được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2E và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên;</u></p> <p><u>n) Giấy phép lái xe hạng FE được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng DE và chứng chỉ điều khiển xe máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên.</u></p> <p><u>4. Khuyến khích đổi</u> Giấy phép lái xe không thời hạn được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2012 phải được đổi sang giấy phép lái xe mới theo lộ trình do Chính phủ quy định.</p> <p>3. Giấy chứng<u>5. Chứng</u> nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng ./.</p> <p><u>6. Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trong giấy chứng nhận đó./.</u></p>
	<p><u>Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày.....tháng.....năm 2024</u></p> <p style="text-align: center;"><u>CHỦ TỊCH QUỐC HỘI</u> <u>Vương Đình Huệ</u></p>

Formatted: Vietnamese, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: Not Bold, English (U.S.)